

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
NĂM 2020

Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng

Danh sách thành viên Đoàn đánh giá ngoài

STT	Họ và tên	Chức vụ - Đơn vị công tác	Trách nhiệm trong Đoàn đánh giá ngoài	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách	Chữ ký
1	Ths. Trần Việt Hùng	Công ty kiểm định và tư vấn giáo dục Việt Nam	Trưởng đoàn	Tiêu chí 3, 7	
2	TS. Chu Bá Chín	Phó hiệu trưởng trường CĐ Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh	Thư ký	Tiêu chí 2 và báo cáo tổng hợp	
3	Ths. Phan Thị Hoài Thu	Phó trưởng phòng KĐ và đối ngoại, Trường CĐ GTVT TW II	Thành viên	Tiêu chí 4,9	
4	ThS. Trần Thị Thạch	Giám đốc TT đào tạo LX, Trường CĐ Công nghiệp Quảng Nam	Thành viên	Tiêu chí 5, 6	
5	KS. Nguyễn Văn Trung	Trưởng phòng KT và đảm bảo CL, Trường CDN Đà Nẵng	Thành viên	Tiêu chí 1, 8	

THÔNG TIN VỀ CHUYÊN MÔN CỦA KIỂM ĐỊNH VIÊN

- Số lượng nhóm ngành, nghề đào tạo của cơ sở (đối với các ngành, nghề đang tổ chức đào tạo): 4 nhóm ngành, nghề đào tạo;

- Số lượng nhóm ngành, nghề đào tạo có kiểm định viên hoặc chuyên gia có chuyên môn phù hợp: 8 nhóm ngành, nghề đào tạo. Tỷ lệ: 100 %.

STT	Ngành, nghề đào tạo	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Họ và tên kiểm định viên	Chuyên ngành đào tạo của Kiểm định	Kinh nghiệm làm việc liên quan đến nhóm ngành nghề đào tạo (năm)
1	Điện công nghiệp (6520227)	65202 (Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông)	ThS. Trần Việt Hùng	ThS tự động hóa	35
2	Điện tử công nghiệp (6520225)				
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (6520205)				
4	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính (6480102)	64801 (Máy tính)	ThS. Trần Thị Thạch TS. Chu Bá Chín	ThS CNTT	19
5	Quản trị mạng máy tính (6480209)			Cử nhân tin học	27
6	Hàn (6520123)	65201 (Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật)	KS. Nguyễn Văn Trung	KS cơ khí chế tạo máy	37
7	Nguội sửa chữa máy công cụ (5520126)				
8	Công nghệ ô tô (6510216)				

MỤC LỤC

NỘI DUNG BÁO CÁO		Trang
Danh mục từ viết tắt		4
Phần I. TỔNG QUAN		6
1. Giới thiệu về Đoàn đánh giá ngoài		6
2. Tóm tắt quá trình khảo sát thực tế tại cơ sở GDNN của Đoàn đánh giá ngoài		6
3. Tóm tắt nhận xét của Đoàn đánh giá ngoài về báo cáo tự đánh giá		6
Phần II. ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG		7
1. Bảng điểm tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng		7
2. Đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng		22
Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý		22
Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo		50
Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động		75
Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình		102
Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		128
Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế		145
Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính		151
Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học		162
Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng		171
PHẦN III. TỔNG KẾT NHỮNG ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ		183
1. Điểm mạnh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp		183
2. Điểm cần cải thiện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp		184
3. Đề xuất, kiến nghị:		
- Đề xuất, kiến nghị với cơ sở giáo dục nghề nghiệp		185
- Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan khác		
PHỤ LỤC		
Phụ lục 1. Kết quả kiểm tra minh chứng sử dụng trong Báo cáo tự đánh giá và minh chứng bổ sung		187
Phụ lục 2. Thông tin cơ bản về cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đánh giá ngoài		239
Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài		240

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	KÝ HIỆU	NỘI DUNG VIẾT TẮT
1.	BLĐTHXH	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.	BGH	Ban giám hiệu
4.	CBVC	Cán bộ viên chức
5.	CNVC	Công nhân viên chức
6.	CB-CNV	Cán bộ - Công nhân viên
7.	BCH	Ban chấp hành
8.	UBND	Ủy ban nhân dân
9.	CĐ, TC	Cao đẳng, Trung cấp
10.	CNH, HĐH	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
11.	CSGDNN	Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp
12.	GDCT	Giáo dục chính trị
13.	HSSV	Học sinh, sinh viên
14.	MC	Mình chứng
15.	NĐ- CP	Nghị định - Chính phủ
16.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
17.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
18.	SCN	Sơ cấp nghề
19.	TSCĐ	Tài sản cố định
20.	THCS	Trung học cơ sở
21.	THPT	Trung học phổ thông
22.	THCN	Trung học chuyên nghiệp
23.	TCN	Trung cấp nghề
24.	CNTT	Công nghệ thông tin
25.	ODA	Vốn hỗ trợ phát triển không hoàn lại
26.	XHCN	Xã hội chủ nghĩa

27.	KT&KĐCL	Khảo thí và Kiểm định chất lượng
28.	NHCH	Ngân hàng câu hỏi
29.	MH, MĐ	Môn học, mô-đun
30.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
31.	PCCN	Phòng chống cháy nổ
32.	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
33.	NSNN	Ngân sách Nhà nước
34.	CTMT	Chương trình mục tiêu
35.	QLTC	Quản lý tài chính
36.	XKLĐ	Xuất khẩu lao động
37.	KHKĐ	Khoa học kiểm định
38.	CTNB	Chi tiêu nội bộ
39.	KTX	Ký túc xá
40.	VSMT	Vệ sinh môi trường

NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI

PHẦN I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Đoàn đánh giá ngoài

Thực hiện theo Quyết định số 99/QĐ-KĐGDVN ngày 14/12/2020 của Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam, Trưởng đoàn của Đoàn đánh giá ngoài chất lượng cơ sở GDNN đã phân công nhiệm vụ phụ trách các tiêu chí, tiêu chuẩn cho các thành viên trong đoàn.

2. Tóm tắt quá trình khảo sát thực tế tại cơ sở GDNN của Đoàn đánh giá

Căn cứ vào tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công, các thành viên trong Đoàn nghiên cứu báo cáo tự đánh giá của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng và viết báo cáo kết quả nghiên cứu báo cáo tự đánh giá gửi thư ký tổng hợp, Trưởng đoàn thông qua, gửi Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng và Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam.

Xây dựng kế hoạch khảo sát chính thức gửi Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng, Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam, các thành viên trong Đoàn để chuẩn bị cho đợt khảo sát chính thức.

Bản báo cáo đánh giá của Đoàn đã khái quát quá trình khảo sát chính thức tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng, nội dung đánh giá chi tiết theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, các kết quả đạt được và những khuyến nghị đối với Nhà trường cũng như cơ quan chủ quản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nhận xét của Đoàn đánh giá ngoài về báo cáo tự đánh giá

Trường đã xây dựng Báo cáo tự đánh giá cơ bản đúng mẫu quy định. Báo cáo đã mô tả đầy đủ các hoạt động của nhà trường theo tiêu chí, tiêu chuẩn, cung cấp tương đối đầy đủ các minh chứng, nhiều minh chứng khác tên với danh sách minh chứng trong báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.

Mô tả, phân tích một số tiêu chuẩn chưa đáp ứng đủ nội hàm.

Định dạng báo cáo có chỗ chưa đảm bảo: Còn phần chữ mờ nội dung tiêu chuẩn; tên các MC và một số nội dung trang báo cáo để chữ màu đỏ.

Báo cáo đã nêu bật được điểm mạnh, điểm yếu và nêu được kế hoạch phát huy điểm mạnh khắc phục điểm yếu để nâng cao chất lượng.

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

1. Bảng điểm tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định	<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>	
	Tổng điểm	100	<u>94 Điểm</u>	<u>84 Điểm</u>	
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	10 Điểm	8 Điểm	66,7%
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường	1	1 điểm	0 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.				
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	0 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	0 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1 điểm	1 điểm	
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	17 Điểm	14 Điểm	82%
	Tiêu chuẩn 2.1. Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của	1	1 điểm	1 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.				
	Tiêu chuẩn 2.2. Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.3. Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.4. Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	1 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.5. Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.6. Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.7. Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.8. Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả	1	1 điểm	1 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.				
	Tiêu chuẩn 2.9. Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.10. Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.11. Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.12. Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.13. Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.14. Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 2.15. Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1 điểm	0 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	Tiêu chuẩn 2.16. Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 2.17. Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	15 Điểm	13 Điểm	86,7%
	Tiêu chuẩn 3.1. Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.2. Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.3. Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.4. Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.5. Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	Tiêu chuẩn 3.6. Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.7. Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.8. Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.9. Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	<i>1 điểm</i>	<i>0 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.10. Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.11. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.12. Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.13. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 3.14. Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	duỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.				
	Tiêu chuẩn 3.15. Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1 điểm	0 điểm	
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	14 Điểm	13 Điểm	86,7%
	Tiêu chuẩn 4.1. Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.2. 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.3. Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.4. Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.5. Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.6. Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ	1	0 điểm	0 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.				
	Tiêu chuẩn 4.7. Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.8. Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.9. Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.10. Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.11. 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.12. Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.13. Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 4.14. Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp	1	1 điểm	1 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.				
	Tiêu chuẩn 4.15. Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	<i>13 Điểm</i>	<i>13 Điểm</i>	86,7%
	Tiêu chuẩn 5.1. Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 5.2. Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 5.3. Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 5.4. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.				
	Tiêu chuẩn 5.5. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.6. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.7. Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.8. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	0 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.9. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sự phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.10. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo,	1	1 điểm	1 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.				
	Tiêu chuẩn 5.11. Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.12. Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	0 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.13. Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.14. Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 5.15. Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1 điểm	1 điểm	
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	4 Điểm	3 Điểm	60%

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	Tiêu chuẩn 6.1. Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 6.2. Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 6.3. Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	0 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 6.4. Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 6.5. Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1 điểm	1 điểm	
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6	6 Điểm	6 Điểm	100%
	Tiêu chuẩn 7.1. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 7.2. Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1 điểm	1 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	Tiêu chuẩn 7.3. Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 7.4. Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 7.5. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 7.6. Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	9 Điểm	8 Điểm	88,9%
	Tiêu chuẩn 8.1. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 8.2. Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 8.3. Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	Tiêu chuẩn 8.4. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 8.5. Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1 điểm	0 điểm	
	Tiêu chuẩn 8.6. Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 8.7. Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 8.8. Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 8.9. Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1 điểm	1 điểm	
9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6 Điểm	6 Điểm	100%
	Tiêu chuẩn 9.1. Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 9.2. Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1 điểm	1 điểm	
	Tiêu chuẩn 9.3. Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các	1	1 điểm	1 điểm	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Cơ sở GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.				
	Tiêu chuẩn 9.4. Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và đánh giá chất lượng theo quy định.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 9.5. Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	
	Tiêu chuẩn 9.6. Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	

2. Đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU, SỨ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 1	10 (Mười) Điểm	8 (Tám) Điểm
<i>Tiêu chuẩn 1.1</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.2</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.3</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.4</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.5</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.6</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.7</i>	<i>0 (Không) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.8</i>	<i>0 (Không) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.9</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.10</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.11</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.12</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	83,3%	66,7%

2. Các điểm mạnh:

Mục tiêu, sứ mạng của Trường được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu nhân lực địa phương và được công bố công khai;

Cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với nhiệm vụ chức năng, được phân công, phân cấp quản lý rõ ràng, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo hoàn thành mục tiêu sứ mạng Nhà trường trong ngắn hạn và dài hạn;

Hệ thống văn bản làm công cụ quản lý đầy đủ, cập nhật, tạo môi trường, hành lang pháp lý cho toàn bộ hoạt động giáo dục, đào tạo trong Nhà trường;

Tổ chức Đảng, đoàn thể trong Nhà trường hoạt động hiệu quả góp phần tích cực trong thực hiện mục tiêu sứ mạng của Nhà Trường.

3. Các điểm cần cải thiện:

Trường cần tham mưu cho UBND Thành phố phê duyệt Hội đồng trường;

Cần hoàn thiện hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Có một số nghề: Nguội sửa chữa máy công cụ, Lắp ráp máy tính, Quản trị mạng máy tính, Hàn, qua các năm không tuyển sinh được nên đưa ra khỏi danh mục nghề đào tạo; Sớm hoàn thiện hệ thống tài liệu đảm bảo chất lượng.

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khảo sát hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 615/QĐ-BLĐTBXH, ngày 11/5/2007 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Trường có nhiệm vụ (chức năng):

- Đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ: Cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề theo quy định;

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động;

- Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật - công nghệ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật;

- Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề theo qui định của pháp luật về đào tạo bồi dưỡng giáo viên dạy nghề;

- Tổ chức nghiên cứu khoa học sư phạm dạy nghề;

- Đào tạo trung cấp chuyên nghiệp; liên kết với các trường Cao đẳng, đại học đào tạo Cao đẳng chính quy, đại học vừa làm vừa học theo chỉ tiêu của UBND Thành phố (BS 1.1.01 - Quyết định thành lập Trường số 615/QĐ-BLĐ TBXH ngày 11/5/2007; 1.1.01 - Đề án thành lập trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng; BS 1.1.02 - Quyết định số 132/QĐ-SCT về việc ban hành “Điều lệ Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng”).

Đến ngày 18/7/2017, Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải phòng. Mục tiêu sứ mạng của Trường được quy định tại “Quy định tạm thời về chức năng nhiệm vụ và hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng” (BS 1.1.03 - Quyết định số 1149/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 về việc “Đổi tên Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng”; 1.1.02 - Quyết định số 99/QĐ-TCĐNCN, ngày 03/4/2018 về việc ban hành Quy định tạm thời “Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng tạm thời” của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng; 1.1.03 - Thông báo tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và dịch vụ năm 2017, 2018, 2019; 1.2.03 - Kế hoạch, Phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu lao động qua đào tạo ở các công ty, doanh nghiệp

năm 2017, 2018, 2019; 2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017).

Mục tiêu của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng: Phấn đấu xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng thành trường trọng điểm chất lượng cao. Đào tạo lao động kỹ thuật công nghiệp đạt trình độ quốc tế, khu vực và quốc gia; có đủ kiến thức và kỹ năng để hoàn thành nhiệm vụ được giao; đáp ứng tốt nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trường đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp với 655 chỉ tiêu. Trong đó 265 chỉ tiêu đối với 8 nghề trình độ Cao đẳng: Công nghệ ô tô; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện công nghiệp; Hàn; Cắt gọt kim loại; Quản trị mạng máy tính; Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Điện tử công nghiệp. 180 chỉ tiêu đối với 6 nghề trình độ trung cấp nghề: Công nghệ ô tô; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện công nghiệp; Hàn; Cắt gọt kim loại; Nguội sửa chữa máy công cụ. 210 chỉ tiêu đối với 9 nghề sơ cấp: Công nghệ ô tô; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện công nghiệp; Hàn; Cắt gọt kim loại; Quản trị mạng máy tính; Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Điện tử công nghiệp và nguội sửa chữa máy công cụ.

Để hoàn thành mục tiêu trên, Trường xác định sứ mạng: “Sứ mạng của Trường Công nghiệp Hải Phòng tuân theo sứ mạng của thành phố Hải Phòng, ngành LĐ-TB&XH và ngành Công nghiệp Việt Nam. Cung cấp đầy đủ cho học sinh sinh viên những chương trình giáo dục nghề nghiệp giúp học phát triển năng lực thực hành, năng lực nhận thức về văn hóa, chính trị và chuyên môn. Học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ sức khỏe, kỹ năng sống và sở hữu đầy đủ kiến thức, kỹ năng của nghề nghiệp được đào tạo, đủ khả năng phục vụ về nghề nghiệp cho từng cá nhân, nhóm người, cộng đồng trong một thế giới và xã hội luôn thay đổi.

Đối chiếu ngành nghề, chỉ tiêu đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký giáo dục nghề nghiệp của Trường với chức năng nhiệm vụ được giao tại Quyết định thành lập trường và nhu cầu đào tạo tại Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011-2020 (BS 1.2.02 - Báo cáo dự báo nguồn nhân lực thành phố Hải Phòng năm 2017, 2018, 2019).

Đoàn nhận thấy mục tiêu và sứ mạng của Trường đã được xác định cụ thể, phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và được công bố công khai tại địa chỉ Website <http://www.hpvc.edu.vn>.

Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến: Cán bộ quản lý và nhà giáo (1.1.05 - Kế hoạch khảo sát, mẫu phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mục tiêu và sứ mạng của Trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2017, 2018, 2019).

TT	Nội dung	Số lượng				Tỷ lệ %			
		Thực hiện rất tốt	Thực hiện tốt	Thực hiện chưa tốt	Thực hiện không tốt	Thực hiện rất tốt	Thực hiện tốt	Thực hiện chưa tốt	Thực hiện không tốt
Năm 2019, số phiếu phát ra 60									
1	Mức độ phù hợp của mục tiêu và sứ mạng với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường về công tác tổ chức, quản lý và nguồn nhân lực	37	18	3	2	61,66	30	5	3,33
2	Mức độ phù hợp của mục tiêu và sứ mạng với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường về công tác tuyển sinh	16	39	5	-	26,66	65	8,33	-
3	Mức độ phù hợp của mục tiêu và sứ mạng với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường về công tác phát triển đào tạo	15	32	3	-	25	53,33	5	-
Năm 2018, số phiếu phát ra 62									
1	Mức độ phù hợp của mục tiêu và sứ mạng với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường về công tác tổ chức, quản lý và nguồn nhân lực	39	18	3	2	62,9	29	4,83	3,22
2	Mức độ phù hợp của mục tiêu và sứ mạng với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường về công tác tuyển sinh	16	41	0	5	25,8	66,12	0	8,06
3	Mức độ phù hợp của mục tiêu và sứ mạng với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường về công tác phát triển đào tạo	15	32	3	2	24,19	51,61	4,83	3,22

	vụ của nhà trường về công tác phát triển đào tạo								
Năm 2017, số phiếu phát ra:73									
1	Mức độ phù hợp của mục tiêu và sứ mạng với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường về công tác tổ chức, quản lý và nguồn nhân lực	40	28	3	2	54,79	38,35	4,10	2,73
2	Mức độ phù hợp của mục tiêu và sứ mạng với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường về công tác tuyển sinh	20	48	5	-	27,39	61,64	6,84	-
3	Mức độ phù hợp của mục tiêu và sứ mạng với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường về công tác phát triển đào tạo	18	50	0	5	24,65	68,49	0	6,84

Qua phỏng vấn, cán bộ quản lý, nhà giáo đều cho rằng “Mục tiêu, sứ mạng của Trường phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương”.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát tài liệu minh chứng, Đoàn nhận thấy Trường đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 8 nghề trình độ Cao đẳng và 6 nghề trình độ trung cấp và 9 nghề sơ cấp cụ thể như sau:

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô Tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ ô tô	6510216	20	Cao đẳng
		55102216	20	Trung cấp
		4510216	30	Sơ cấp
2	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	30	Cao đẳng
		5520205	30	Trung cấp
		4520205	30	Sơ cấp
3	Điện công nghiệp	6520227	70	Cao đẳng
		5520227	50	Trung cấp
		4520227	30	Sơ cấp
4	Hàn	6520123	30	Cao đẳng
		5520123	30	Trung cấp
		4520123	30	Sơ cấp
5	Cắt gọt kim loại	6520121	30	Cao đẳng
		5520121	30	Trung cấp
		4520121	30	Sơ cấp
6	Quản trị mạng máy tính	6480209	30	Cao đẳng
		4480209	15	Sơ cấp
7	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	25	Cao đẳng
		4480102	15	Sơ cấp
8	Điện tử công nghiệp	6520225	30	Cao đẳng
		4520225	15	Sơ cấp
9	Nguội sửa chữa máy công cụ	5520126	20	Trung cấp
		4520126	15	Sơ cấp

Các ngành nghề đào tạo mà Trường đã đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp nêu trên là căn cứ vào nhu cầu nhân lực theo Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2020 (Cao đẳng nghề 437.883; trung cấp nghề 242.675; sơ cấp nghề: 287.024) (BS 1.2.01 - Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011-2020).

Hàng năm Trung tâm xúc tiến việc làm của Trường đã tiến hành khảo sát thị trường lao động trên địa bàn thành phố Hải Phòng và đưa ra dự báo nguồn nhân lực của từng năm (BS 1.2.02 - Báo cáo dự báo nguồn nhân lực thành phố Hải Phòng năm 2017, 2018, 2019), cụ thể:

Số lao động trong các khu công nghiệp (KCN), khu kinh tế (KKT) tất cả ngành nghề:

- Năm 2017 là 99.000 người;
- Năm 2018: 115.000 người;
- Năm 2019: 135.000 người.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tiến hành khảo sát “Nhu cầu lao động qua đào tạo” thuộc các ngành nghề tại các doanh nghiệp thông qua: thông báo tuyển dụng; phiếu khảo sát tại các công ty, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ (1.1.03 - Thông báo tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và dịch vụ năm 2017, 2018, 2019; 1.2.03 - Kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu lao động qua đào tạo ở các công ty, doanh nghiệp năm 2017, 2018, 2019).

Ngoài các thông báo tuyển dụng được gửi đến Trường, Nhà trường còn tiến hành khảo sát tại các doanh nghiệp sau:

STT	Tên công ty/Doanh nghiệp	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh
1.	Công ty CPKT Công nghệ APEC	Cơ khí động lực
2.	Công ty TNHH Minh Quân	Sửa chữa & bảo trì thiết bị
3.	Công ty TNHH Thương mại KCT Vina	Thiết bị công nghiệp
4.	Công ty Cp đầu tư thương mại Hải Linh	Xây dựng các loại
5.	Công ty TNHH tự động hóa & chế tạo thiết bị	Tự động hóa - chế tạo máy - Gia công cơ khí
6.	Công ty TNHH Huyện Nam	May mặc
7.	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Đình Đô	Gia công cơ khí
8.	Công ty TNHH Xây dựng & Phát triển thương mại	Phá dỡ
9.	Công ty TNHH - HD Hải Phòng	Gia công cơ khí
10.	Công ty TNHH - Pio Tech	Gia công cơ khí
11.	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Minh Thành	Sửa chữa & Bảo trì động cơ
12.	Công ty TNHH Công nghiệp & Thương mại Tân Hoàng Phát	Sản xuất lắp ráp
13.	Công ty LS ViNa	Sản xuất cáp điện
14.	Công ty EBA	Thiết bị cơ khí

15.	Công ty LG Display Việt Nam	Sản xuất màn hình LCD
16.	Công ty Kyocera	Lắp ráp máy in
17.	Công ty TNHH- ELECTRONIC	Điện - Điện tử

Kết quả nhu cầu của mỗi nghề:

TT	Nghề tuyển dụng	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020
1.	Điện công nghiệp & Dân dụng	210	247	219
2.	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	155	159	165
3.	Điện tử công nghiệp	90	110	95
4.	Công nghệ ô tô	150	150	115
5.	Cắt gọt kim loại	45	36	47
6.	Hàn	60	50	65
7.	Quản trị mạng máy tính	50	65	63
8.	Sửa chữa & lắp ráp máy tính	48	40	52
9.	Nguội sửa chữa máy công cụ	11	8	7

Trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011-2020, dự báo nguồn nhân lực hàng năm và khảo sát tình hình nhu cầu lao động của địa phương, Hội đồng tuyển sinh họp phân tích đánh giá và xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho từng nghề (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDKHD-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017; 2.3.03 - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh 2018, 2019, 2020; 1.2.04 - Công văn số: 29/CDCN-ĐT ngày 22/01/2018, Công văn số: 29/CDCN-ĐT ngày 23/01/2019, Công văn số: 04/CDCN-ĐT ngày 6/01/2020 về việc “Đăng ký của trường về chỉ tiêu tuyển sinh năm 2017, 2018, 2019”).

Số lượng đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh qua các năm:

TT	Ngành, Nghề đào tạo	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020		
		C Đ	TC	SC	C Đ	TC	SC	C Đ	TC	SC	C Đ	TC	SC
1	Điện CN	70	50	30	70	50	30	70	50	30	70	50	30
2	Hàn	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
3	Điện tử CN	30		15	30		15	30		15	30		15

4	KT Máy lạnh & ĐHKK	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
5	Cắt gọt kim loại	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
6	Công nghệ ô tô	20	30	30	20	20	30	30	30	30	20	20	30
7	Nguội sửa chữa máy công cụ		20	15		20	15		20	15		20	15
8	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	25		15	25		15	25		15	25		15
9	Quản trị mạng máy tính	30		15	30		15	30		15	30		15

Căn cứ vào dữ liệu nêu trên, Đoàn khẳng định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường được xác định dựa vào nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương trong từng giai đoạn...nên luôn phù hợp với nhu cầu nhân lực của thành phố Hải Phòng.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khảo sát hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy:

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 615/QĐ-BLĐTBXH ngày 11/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và việc thành Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng và được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng từ ngày 18/07/2017 theo Quyết định 1149/ QĐ-BLĐTBXH ngày 11/07/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (1.3.01 - Quyết định số 615/QĐ-BLĐTBXH ngày 11/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và việc thành Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng; Quyết định 1149/ QĐ-BLĐTBXH ngày 11/07/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng thành Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Bộ máy tổ chức của Trường gồm 5 phòng, 5 khoa, 1 trung tâm xúc tiến việc làm:

+ 5 phòng: Phòng đào tạo, phòng tổ chức hành chính, phòng công tác HSSV, phòng tài vụ, phòng Quản trị đời sống, trung tâm đào tạo và xúc tiến việc làm.

+ 5 khoa : Khoa Cơ bản, Khoa Điện, Khoa Điện tử, Khoa Cơ khí, Khoa Công nghệ Ô tô.

Trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc theo quy định. Cụ thể, đã ban hành các quyết định:

Thành lập phòng tổ chức hành chính; thành lập khoa Điện tử, thành lập phòng Công tác Học sinh sinh viên; thành lập Khoa Cơ khí; thành lập phòng quản trị thiết bị; thành lập Khoa Công nghệ thông tin; thành lập phòng Tài vụ; thành lập khoa Cơ bản; thành lập Khoa Điện , Trung tâm đào tạo dịch vụ và xúc tiến việc làm (1.3.01 - Quyết định số 08/QĐ-CĐCN ngày 12/11/2007 V/v thành lập các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường).

Ban hành các quy chế, quy định như: Quy định tạm thời tổ chức, hoạt động Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019; Quy định Hợp đồng lao động làm việc tại trường; Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Quy chế về việc thực hiện quy chế dân chủ; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBGV; Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường CĐ Công nghiệp Hải phòng; Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng cơ sở và thực hiện quy chế dân chủ (1.3.04 - Quyết định số 30/QĐ-CĐCN ngày 30/01/2018 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng cơ sở và thực hiện quy chế dân chủ; 1.4.04 - Quyết định số 34/QĐ-CĐCN ngày 02/02/2018 về việc ban hành Quy định Hợp đồng lao động làm việc tại trường; 1.4.05 - Các Quyết định về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ 2017, 2019; 1.4.02 - Quyết định số 144/QĐ-CĐCN ngày 23/04/2019 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; 1.4.03 - Kế hoạch số 31/KH-CĐCN ngày 31/01/2018 về việc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; 1.4.01 - Quyết định số 132/QĐ-CĐCN ngày 10/9/2009 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN Công nghiệp Hải Phòng; 1.1.02 - Quyết định số 99/QĐ-CĐCN ngày 03/04/2018 về việc ban hành Quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng; 1.5.05 - Quyết định số 375/QĐ-CĐCN ngày 05/06/2018 về việc ban hành Quy định về trách nhiệm, quyền hạn, quan hệ công tác của Phó hiệu trưởng với các phòng, khoa, trung tâm trong trường; 3.1.01 - Quyết định số 01/QĐ-CĐCN ngày 01/10/2018 của Trường CĐ Công nghiệp Hải phòng về việc ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường CĐ Công nghiệp Hải phòng; 3.1.06 - Quyết định số 27/QĐ-CĐCN ngày 30/01/2018 về việc ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBGV..).

Khảo sát hồ sơ minh chứng nêu trên, Đoàn xác định Trường đã ban hành đủ văn bản quy định tạm thời về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Phòng vấn, nhà giáo, cán bộ quản lý khẳng định “Trường có ban hành đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức quản lý đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định”.

Tuy nhiên theo qui định tại Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH, Trường chưa ban hành Qui chế tổ chức hoạt động theo quyết nghị của Hội đồng trường (Đây là yếu tố khách quan do UBND thành phố Hải Phòng chưa phê duyệt đề nghị thành lập hội đồng Trường của Trường vì đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trong đó có các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của thành phố Hải Phòng chưa thực hiện xong).

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khảo sát hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy Trường đã thực hiện rà soát và ban hành lại các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của Trường. Hằng năm, đều có kế hoạch rà soát, ban hành các văn bản. Theo kế hoạch, năm 2017 rà soát 7 văn bản; năm 2018 rà soát 10 văn bản; năm 2019 rà soát 7 văn bản (BS 1.4.01 - Kế hoạch rà soát văn bản quy định về tổ chức và quản lý Trường: Quyết định số 15/KH-CĐCN ngày 06/02/2017, Quyết định số 24/KH-CĐCN ngày 30/02/2018, Quyết định số 18/KH-CĐCN ngày 15/4/2019; 1.4.06 - Kế hoạch rà soát Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019; 1.4.07 - Kế hoạch thực hiện rà soát quy chế dân chủ năm 2017, 2018, 2019; 1.4.12 - Báo cáo kết quả rà soát, điều chỉnh về công tác tổ chức và quản lý năm 2017, 2018, 2019).

Sau khi rà soát Trường đã ban hành lại các các văn bản, cụ thể:

Năm 2017:

Trong năm 2017 nhà trường đã rà soát 7 văn bản và ban hành mới 04 văn bản

Stt	Số QĐ	Nội dung QĐ	Ngày ban hành mới, bổ sung
1	415/QĐ-CĐCNHP	V/v ban hành quy trình quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ	25/9/2017
2	423/QĐ-CĐCNHP	V/v ban hành quy định quản lý sử dụng phòng, xưởng thực hành	28/9/2017
3	29/QĐ-CĐCNHP	V/v ban hành hướng dẫn quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường	20/02/2017
4	515/QĐ-CĐCN	V/v ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	08/11/2017

Năm 2018:

Trong năm 2018 nhà trường đã rà soát 10 văn bản và ban hành mới 05 văn bản.

Stt	Số QĐ	Ngày ban hành	Nội dung QĐ
1	34/QĐ-CĐCN	02/02/2018	V/v ban hành Quy định Hợp đồng lao động làm việc tại trường
2	99/QĐ/CĐ-CNCNHP	03/04/2018	V/v Ban hành Quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng
3	340/QĐ/CĐ-CNCNHP	16/08/2018	V/v Quy định phân công quản lý, sử dụng, ứng dụng phần mềm Quản lý đào tạo trong thực hiện chức năng nhiệm vụ
4	369/QĐ/CĐ-CNCNHP	28/08/2018	V/v ban hành Quy định về quản lý, vận hành, sử dụng và cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng (Website: hpic.edu.vn)
5	385/QĐ/CĐ-CNCNHP	07/9/2018	V/v ban hành Quy định Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng

Năm 2019:

Trong năm 2019 nhà trường đã rà soát 7 văn bản và ban hành mới 05 văn bản

Stt	Số QĐ	Nội dung QĐ	Ngày ban hành mới, bổ sung
1	144/QĐ/CĐ-CNCNHP	V/v Ban hành Quy định về chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	22/04/2019
2	136/QĐ/CĐ-CNCNHP	V/v Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2019	16/04/2019
3	374/QĐ/CĐCNHP	V/v sửa đổi Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	13/9/2019
4	84/QĐ/CĐCNCNHP	V/v quy định quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị tài sản công của trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	13/03/2019
5	235/QĐ-CĐCN	V/v ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	28/06/2019

Qua phỏng vấn, cán bộ quản lý cho rằng “Hàng năm, Nhà trường có tổ chức rà soát, điều chỉnh các văn bản quản lý”.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khảo sát hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy Trường đã thực hiện đào tạo 8 nghề trình độ Cao đẳng, 9 nghề trình độ trung cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDHD -TCGDNN như dưới đây:

Số TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ
1	Điện công nghiệp	6520227	70	Cao đẳng
		5520227	50	Trung cấp
2	Hàn	6520123	30	Cao đẳng
		5520123	30	Trung cấp
3	Cắt gọt kim loại	6520121	30	Cao đẳng
		5520121	30	Trung cấp
4	Công nghệ ô tô	6510216	20	Cao đẳng
		5510216	20	Trung cấp
5	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	30	Cao đẳng
		5520205	30	Trung cấp
6	Điện tử công nghiệp	6520225	30	Cao đẳng
		5520225	0	Trung cấp
7	Quản trị mạng	6480202	30	Cao đẳng
		5480202	0	Trung cấp
8	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	25	Cao đẳng
		5480102	0	Trung cấp
9	Nguội sửa chữa máy công cụ	5520126	20	Trung cấp

(1.1.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 414/2017/GCNDKHHĐ-TCDN ngày 28/12/2017).

Để đảm bảo thực hiện các nghề đào tạo nêu trên, Trường đã xây dựng bộ máy tổ chức gồm 5 phòng: Phòng đào tạo, phòng tổ chức hành chính, phòng công tác HSSV, phòng tài vụ, phòng Quản trị đời sống; 5 khoa: Khoa Cơ bản, Khoa Điện, Khoa Điện tử, Khoa Cơ khí, Khoa Công nghệ Ô tô; 1 trung tâm.

Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ trong “Quy chế tổ chức hoạt động tạm thời của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng” (1.1.02 - Quyết định số 99/QĐ-CĐCNHP ngày 03/4/2018 về việc ban hành Quy chế, tổ chức, hoạt động tạm thời Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng; 1.3.02 - Quyết định số 08/QĐ-CĐCN ngày 12/11/2007 V/v “Thành lập phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng”; 1.5.05 - Quyết định số 375/QĐ-CĐCN ngày 05/06/2018 về việc Ban hành Quy định về trách nhiệm, quyền hạn, quan hệ công tác của Phó hiệu trưởng với các phòng, khoa, trung tâm trong trường).

Trường còn có Bộ phận Thanh tra, kiểm định chất lượng và khảo thí; đã lập kế hoạch và tiến hành Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các phòng, khoa, tổ bộ môn, trung tâm trong trường.

Hàng năm các đơn vị phòng, khoa, bộ môn trực thuộc Trường đều hoàn thành nhiệm vụ, cụ thể như bảng xếp loại dưới đây

TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI CÁC ĐƠN VỊ TRONG TRƯỜNG

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NĂM HỌC 2017-2018	NĂM HỌC 2018-2019	NĂM HỌC 2019-2020
1.	Phòng Đào tạo	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến
2.	Phòng Tổ chức hành chính	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến
3.	Phòng Công tác HSSV	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến
4.	Phòng Tài vụ	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến
5.	Phòng Quản trị đời sống	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến
6.	Trung tâm Đào tạo và xúc tiến việc làm	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến
7.	Khoa Cơ bản	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến

8.	Khoa Điện	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến
9.	Khoa Điện tử	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến
10.	Khoa Cơ Khí	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến
11.	Khoa Công nghệ thông tin	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến

(1.5.06 - Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo của các đơn vị trong Trường năm 2017, 2018, 2019; 1.7.16 - Báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra năm 2017, 2018, 2019; 1.5.07 - Báo cáo tổng kết phong trào thi đua và phương hướng nhiệm vụ của các đơn vị năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 1.7.12 - Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ của các đơn vị năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; BS 1.5.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐCN ngày 6/7/2018, Quyết định số 298/QĐ-CĐCN ngày 19/7/2019, Quyết định số 298/QĐ-CĐCN ngày 02/10/2020 v/v Công nhận danh hiệu thi đua năm học: 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 1.6.05 - Các quyết định thành lập Hội đồng khoa học, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi tốt nghiệp).

Đối chiếu cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn với cơ cấu ngành nghề đào tạo nêu trên, Đoàn nhận thấy cơ cấu các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc đã được thành lập tại Trường là hoàn toàn phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Qua phỏng vấn, cán bộ quản lý khẳng định “Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường”.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH quy định về điều lệ trường Cao đẳng, Nhà trường đã có tờ trình số: 174/TTr-CĐCNHP ngày 6/4/2018 trình UBND thành phố Hải Phòng về thành lập Hội đồng trường nhưng đến nay vẫn chưa được phê duyệt.

Tuy nhiên để duy trì công tác tổ chức và hoạt động của nhà trường, Ban Giám hiệu Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng đã ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động tạm thời của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng và thành lập, duy trì hoạt động của các Hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, tổ môn theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

Việc thành lập các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm dịch vụ được thực hiện theo trình tự quy định, có đầy đủ các quyết định thành lập (1.3.02 - Các quyết định thành lập phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng). Trong đó ghi rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị (1.1.02 - Quyết định số 99/QĐ-CĐCNHP ngày 03/4/2018 về việc ban hành Quy chế, tổ chức, hoạt động tạm thời Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng). Hoạt động của các đơn vị được thể hiện trong các báo cáo, đánh giá hiệu quả công tác cuối năm (1.2.07 - Báo cáo tổng kết năm học, phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học tiếp theo của Trường năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 1.5.07 - Báo cáo tổng kết phong trào thi đua và phương hướng nhiệm vụ của các đơn vị năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020).

Để giúp việc cho Phó hiệu trưởng, nhà trường đã thành lập các hội đồng tư vấn như: Hội đồng khoa học, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi tốt nghiệp, Hội đồng Khoa (1.6.05 - Các quyết định thành lập Hội đồng khoa học, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi tốt nghiệp; BS 1.6.01 - Các quyết định thành lập Hội đồng Khoa: Quyết định số 332/QĐ-CĐCN ngày 5/8/2017 thành lập Hội đồng khoa Điện tử; Quyết định số 333/QĐ-CĐCN ngày 5/8/2017 thành lập Hội đồng khoa Cơ Bản; Quyết định số 335/QĐ-CĐCN ngày 5/8/2017 thành lập Hội đồng khoa Điện; Quyết định số 336/QĐ-CĐCN ngày 5/8/2017 thành lập Hội đồng khoa Điện tử; Quyết định số 337/QĐ-CĐCN ngày 5/8/2017 thành lập Hội đồng khoa Cơ khí).

Hội đồng Khoa, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ (Đã được mô tả tại tiêu chuẩn: 1.5) và hàng năm đều có báo cáo tổng kết hoạt động (1.6.06 - Các Quyết định tặng giấy khen cho cá nhân và tập thể năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 1.6.07 - Các Quyết định về việc công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, danh hiệu Lao động tiên tiến cho cá nhân và tập thể năm 2017 -2018, 2018-2019).

Các Hội đồng tư vấn, Hội đồng Khoa và các đơn vị trực thuộc hoạt động đúng theo qui định; tuy nhiên đến nay Hội đồng trường chưa được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua nghiên cứu các minh chứng, Đoàn thấy, Trường đã giao cho Phòng Đào tạo thực hiện chức năng, nhiệm vụ về đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng trường. Ở mỗi đơn vị của trường đều có thành viên phụ trách thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng của đơn vị (*1.1.02 - Quyết định số 99/QĐ-CĐCN ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành Quy chế Tổ chức, hoạt động tạm thời của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng; 1.7.06 - Quyết định số 33/QĐ- CĐCN ngày 30/01/2018 về việc thành lập tổ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chất lượng tại các đơn vị thuộc trường*). Tuy nhiên khi Đoàn tiếp cận minh chứng *1.7.18 - Hồ sơ về hệ thống bảo đảm chất lượng của nhà trường*, Nhà trường chưa có:

+ Sổ tay chất lượng;

+ Chính sách chất lượng;

+ Mục tiêu chất lượng;

+ Các quy trình (Trường có đưa danh mục 15 qui trình: Quy trình quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ; Quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường; Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị;...), tuy nhiên Trường chưa cung cấp đủ 15 quy trình;

+ Trường chưa Báo Cáo Hệ thống bảo đảm chất lượng hàng năm.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>0 (Không) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>

Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Bộ phận Khảo thí & Quản lý chất lượng trực thuộc Phòng Đào tạo của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng là bộ phận thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ là tổ chức triển khai thực hiện hoạt động về công tác đảm bảo chất lượng, công tác khảo thí và công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động đào tạo của nhà trường (*1.1.02 - Quyết định số 99/QĐ-CĐCN ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành Quy chế Tổ chức, hoạt động tạm thời của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng*).

Hàng năm, phòng Đào tạo phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đều có thực hiện báo cáo tổng kết (*1.8.08 - Báo cáo tổng kết năm học của phòng Đào tạo và Phương hướng nhiệm vụ của năm tiếp theo*). Kết thúc năm học, Nhà trường tổ chức hội nghị CBVC nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, căn cứ vào báo cáo tổng kết của các đơn vị, nhà trường dự thảo báo cáo tổng kết chung và đề ra phương hướng

nhiệm vụ năm học mới, lấy ý kiến các đơn vị và công bố trong toàn hội nghị (1.6.03 - Báo cáo tổng kết năm học, phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học tiếp theo của Trường năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020).

Tuy nhiên, hiện nay nhà trường đang tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng, thiết lập hạ tầng thông tin bảo đảm chất lượng và chưa có Báo Cáo Hệ thống bảo đảm chất lượng hàng năm.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
0 (Không) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đảng bộ Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng trực thuộc Đảng bộ Huyện An Dương, Ban chấp hành Đảng bộ gồm 07 đồng chí, gồm Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy và 05 ủy viên.

Đảng bộ trường hoạt động trong khuôn khổ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước. Năm 2015, Đảng bộ Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng tổ chức Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020; Năm 2020 tổ chức Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025, kết quả bầu cử Ban chấp hành Đảng bộ, các chức danh Bí thư, Phó Bí thư được Huyện ủy ra Quyết định chuẩn y (1.9.01 - Quyết định chuẩn y kết quả bầu cử Ban chấp hành Đảng bộ, các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng). Các chi bộ trực thuộc đã tổ chức Đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2017-2020, nhiệm kỳ 2020-2022 theo kế hoạch và được Đảng ủy trường chuẩn y kết quả đại hội, kết quả bầu Bí thư, Phó Bí thư, chi ủy viên theo nhiệm kỳ Đảng bộ Trường. Hiện tại, Đảng bộ có 44 đảng viên (43 đảng viên chính thức, 01 đảng viên dự bị), sinh hoạt tại 4 chi bộ gồm: Chi bộ Tổ chức-Hành chính 08 đảng viên, Chi bộ Đào tạo 12 đảng viên, Chi bộ Khoa Cơ khí 10 đảng viên, Chi bộ Khoa Điện-Điện tử 12 đảng viên (1.9.02 - Quyết định về việc chuẩn y kết quả bầu cử của các Chi bộ theo nhiệm kỳ 2017-2020, nhiệm kỳ 2020-2022).

Đảng bộ lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường được thể hiện thông qua các nghị quyết của Đảng bộ, các chi bộ trực thuộc. Từ nghị quyết, Đảng bộ và các chi bộ xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cho từng nhiệm kỳ, từng năm. Trong quá trình công tác, Đảng bộ luôn căn cứ vào điều kiện thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung cho nội dung công tác (1.9.03 - Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ năm 2017, 2018, 2019; 1.9.04 - Chương trình làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ năm 2017, 2018, 2019).

Đảng ủy Trường lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng, lãnh đạo công tác cán bộ, lãnh đạo công tác chuyên môn nghiệp vụ trong dạy và học, lãnh đạo Công đoàn và Đoàn Thanh niên trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, tổ chức nhiều phong trào thi đua nhằm góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường, Đảng bộ luôn chăm lo phát triển Đảng, hàng năm đều có quần chúng ưu tú là cán bộ viên chức được xét kết nạp Đảng (1.9.05 - Báo cáo công tác xây dựng Đảng năm 2017, 2018, 2019; 1.9.06 - Báo cáo tổng kết công tác xây dựng của các Chi bộ trực thuộc năm 2017, 2018, 2019).

Trong năm, Đảng bộ trường tổ chức nhiều hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ để tổng kết những kết quả thực hiện nhiệm vụ của những tháng trước và đề ra các phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo những tháng tiếp theo (1.9.07 - Biên bản Hội nghị Ban chấp hành Đảng ủy mở rộng năm 2017, 2018, 2019). Đảng bộ lãnh đạo nhà trường thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tập trung mọi nguồn lực, đẩy mạnh sự nghiệp đào tạo, phát triển nhà trường nhanh và bền vững nhằm sớm đưa trường trở thành trường chất lượng cao, thường xuyên kiểm tra giám sát các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo của Trường. Từ năm 2017 đến năm 2019, Nhà trường đã đạt nhiều kết quả cao trong công tác dạy và học (1.9.08 - Báo cáo đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng năm 2017,2018,2019, Phương hướng nhiệm vụ năm 2018, 2019, 2020; 1.9.09 - Báo cáo của Đảng bộ về công tác kiểm tra giám sát).

Ngoài ra, Đảng bộ trường đã làm tốt công tác phát triển đảng viên mới, trong 3 năm năm 2017, 2018, 2019 đã kết nạp được 05 đảng viên (1.9.10 - Hồ sơ đảng viên lưu VP Đảng ủy trường).

Đảng bộ trường triển khai thực hiện công tác xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, công tác thi đua, khen thưởng và tổng kết công tác xây dựng Đảng hàng năm (1.9.12 - Quyết định đánh giá chất lượng chi bộ và đảng viên năm 2017, 2018, 2019).

Hàng năm, căn cứ vào tình hình hoạt động của Đảng bộ trường, Huyện ủy An Dương, xếp loại Đảng bộ và công nhận Đảng bộ Trường là tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2017, 2018, 2019 (1.9.11 - Quyết định xếp loại tổ chức cơ sở đảng 2017, 2018, 2019 của Huyện ủy An Dương).

Qua phỏng vấn, cán bộ quản lý và nhà giáo cho rằng “Đảng bộ Nhà trường đã thể hiện được vai trò lãnh đạo và góp phần quyết định đối với sự phát triển của Nhà trường”.

Đoàn nhận thấy: Tổ chức Đảng trong nhà trường phát huy được vai trò lãnh đạo lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo qui định của hiến pháp và pháp luật.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.9:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khảo sát hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy các tổ chức đoàn thể tại Trường Cao đẳng công nghiệp Hải Phòng gồm có tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo đúng điều lệ và quy định của pháp luật.

- Công đoàn:

+ Công đoàn Trường hiện có 5 tổ công đoàn với 60 đoàn viên, trong đó có 29 nữ. Ban chấp hành công đoàn cơ sở đã được công nhận tại Quyết định số 21/QĐ-CDN ngày 03/05/2017 của Công đoàn ngành Công thương, gồm 7 người. Ban Nữ công của Trường cũng đã được công nhận tại Quyết định số 09/QĐ-CD ngày 9/5/2017 do BCH Công đoàn trường phê duyệt, gồm 03 người (*1.10.01 - Quyết định số 21/QĐ-CDN ngày 03/05/2017 về việc công nhận ban chấp hành công đoàn cơ sở*).

+ Theo kế hoạch hoạt động, Công đoàn trường có nhiều hoạt động thi đua sôi nổi có hiệu quả. Tổ chức tuyên truyền và hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn của thành phố và đất nước: Tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3; Tổ chức ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 cho các cháu thiếu nhi là con em cán bộ viên chức Trường; Tổ chức hội thao chào mừng các ngày lễ lớn như 30/4, 1/5, ngày 20/11; Ngày gia đình Việt Nam 28/6; Tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi là con em cán bộ viên chức Trường; Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ 20-10, tham gia nhiều hoạt động của Công đoàn ngành, Liên đoàn Lao động thành phố như thi nấu ăn, thi cán bộ công đoàn giỏi, giải bóng đá CBVC...

+ Triển khai các cuộc vận động: Triển khai thực hiện chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong đoàn viên công đoàn và người lao động.

+ Hoạt động chăm lo lợi ích của đoàn viên: Quan tâm đời sống tinh thần và vật chất đối với các thành viên công đoàn Trường, thăm hỏi, hiếu, hỷ, thăm hỏi ốm đau, tặng quà cho giáo viên đạt thành tích trong Hội giảng cấp Trường, khen thưởng cho con các đoàn viên công đoàn có thành tích cao trong học tập (*1.10.02 - Quyết định số 08/QĐ-CDN ngày 03/05/2017 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn Trường CD Công nghiệp Hải Phòng; 1.10.04 - Kế hoạch hoạt động của công đoàn năm 2017, 2018, 2019; 1.10.11 - Nghị quyết đại hội công đoàn; 1.10.12 - Biên bản họp giao ban hàng tháng; 1.10.05 - Báo cáo tổng kết công tác công đoàn năm 2017-2018, 2018-2019; 2019-2020*).

+ Theo Kế hoạch hoạt động (trong Báo cáo tổng kết công tác nữ công năm trước đề ra kế hoạch hoạt động năm sau), Ban nữ công của Công đoàn Trường cũng có nhiều hoạt động như: xây dựng phong trào “Giỏi việc trường - Đảm việc nhà”; thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ,..

+ Tổ chức hoạt động nhân các ngày lễ, kỷ niệm của Phụ nữ, của ngành như: ngày quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế Hạnh phúc (20/3), ngày Dân số thế giới (11/7), ngày Dân

số Việt Nam (26/12), ngày Gia đình Việt Nam (28/6), Tháng hành động vì trẻ em (01/6-30/6), Tết Trung thu, Ngày (20/10), tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới (Từ ngày 15/11-15/12), Ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực đối với Phụ nữ và trẻ em gái (15/11). Đối với nữ cán bộ viên chức, vận động nữ cán bộ viên chức đăng ký tham gia các lớp học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; vận động cán bộ viên chức nữ hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, v.v..... (1.10.08 - Báo cáo tổng kết hoạt động công tác nữ công năm 2017, 2018 và 2019).

+ Các năm 2016 - 2017, 2017-2018, 2018-2019, Công đoàn trường được Công đoàn ngành Công thương Hải phòng xếp loại “Công đoàn cơ sở vững mạnh”.

Năm 2018 được Giấy khen của Công đoàn ngành Công thương;

Năm 2019 được Bằng khen của Liên đoàn Lao động thành phố “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua” (1.10.10 - Các Quyết định khen thưởng Công đoàn, Đoàn thanh niên năm 2019-2020).

- Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

+ Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng gồm 11 người (4 giáo viên, 7 sinh viên) theo Quyết định số 102-QĐ/ĐTN ngày 15 tháng 05 năm 2017 về việc công nhận Ban chấp hành Đoàn trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng nhiệm kỳ 2017 - 2019.

+ Đoàn trường có 18 chi đoàn, tổng số đoàn viên tại trường là 315 (1.10.03 - Danh sách đoàn viên thanh niên nhà trường - Lưu văn phòng Đoàn trường).

+ Đoàn trường cũng là lực lượng nòng cốt cùng với công đoàn tham gia các hoạt động ngoại khoá cho HSSV như văn hóa văn nghệ, TDTT.... Công tác tập hợp thanh niên, giáo dục truyền thống có những chuyển biến tốt, tích cực trong những năm qua (1.10.06 - Các kế hoạch tổ chức hoạt động của Đoàn thanh niên năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

+ Nhiệm kỳ 2017 -2019, Đoàn thanh niên đã phát huy được sức mạnh của Thanh niên. Trong năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020, Đoàn Thanh niên đã tổ chức hiến máu tình nguyện, tổ chức đi tình nguyện, tổ chức được nhiều sân chơi cho HSSV như: Rung chuông vàng, thể dục thể thao, văn nghệ, tình nguyện...

+ Triển khai các chương trình đồng hành với thanh niên: “Đồng hành với thanh niên trong học tập”; “Học sinh 3 tốt”; “Học sinh 3 rèn luyện”; Chương trình “Đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp”; chương trình “đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần” (1.10.07 - Báo cáo tổng kết hoạt động năm của Đoàn thanh niên năm học 2017-2018, 2018-2019 và 2019-2020).

Hoạt động của các tổ chức xã hội, đoàn thể trong nhà trường trong những năm vừa qua đã phát huy được vai trò tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh. Qua các năm 2017; 2018; 2019 Đoàn TNCS HCM Trường đều được BCH Đoàn quận Lê Chân xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” (1.10.10 - Các Quyết định khen thưởng Công đoàn, Đoàn thanh niên năm 2019-2020).

Kết quả khảo sát các đoàn thể, tổ chức xã hội: Công đoàn Trường, Ban nữ công, Đoàn TNCSHCM.. của Trường hoạt động theo đúng điều lệ và quy định của pháp luật (1.1.05 - Kế hoạch khảo sát, mẫu phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mục tiêu và sứ mạng của Trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2017, 2018, 2019).

Qua phỏng vấn, cán bộ quản lý, nhà giáo, người học cho rằng “Các đoàn thể của Nhà trường hoạt động tích cực, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Trường”.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.10:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát các minh chứng Đoàn nhận thấy:

Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Nhà trường được nêu rõ trong “Quy định tổ chức, nội dung và hoạt động kiểm tra, giám sát trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng” (1.11.01 - Quyết định số 24/QĐ-CĐCN ngày 30/01/2018 kèm theo quy chế hoạt động Ban hành quy định về tổ chức, nội dung và hoạt động kiểm tra, giám sát trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng) có 35 điều, trong đó chương II: nội dung kiểm tra giám sát từ điều 9 đến điều 17. Cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị;
- Kiểm tra, giám sát hoạt động sư phạm của nhà giáo;
- Kiểm tra, giám sát thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật;
- Kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh, thi, kiểm tra, đánh giá;
- Kiểm tra, giám sát hoạt động liên kết đào tạo;
- Kiểm tra, giám sát công tác tổ chức cán bộ;
- Kiểm tra, giám sát công tác quản lý HSSV;
- Kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính, tài sản.

Điều 7 qui định tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát: Hiệu trưởng thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát hoặc giao cho các cá nhân trực tiếp thực hiện.

Việc kiểm tra giám sát được Hiệu trưởng ủy quyền Ban thanh tra nhân dân thực hiện theo các nội dung qui định trong công tác kiểm tra, giám sát. Ban thanh tra nhân dân hàng năm họp đánh giá công tác năm và lên kế hoạch kiểm tra giám sát hoạt động trong năm

(1.11.11 - Biên bản họp thanh tra nhân dân năm học 2017, 2018, 2019; 1.11.06 - Quyết định số 334/QĐ-CĐCN ngày 14/08/2018 việc thành lập Tổ thanh tra hoạt động đào tạo; 1.11.05 - Quyết định số 309/QĐ-CĐCN ngày 14/07/2017 về việc ban hành Quy định về hoạt động thanh tra đào tạo trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng; 1.11.08 - Kế hoạch thanh tra hoạt động đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 1.11.09 - Chương trình Kế hoạch cụ thể của Ban thanh tra nhân dân năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Qua các năm ban thanh tra nhân dân đã thực hiện kiểm tra giám sát các mặt:

- Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ năm học của trường;

- Việc sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách Nhà nước và các nguồn thu khác, chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản và công tác tự kiểm tra tài chính của Nhà trường;

- Việc thực hiện nội quy, quy chế của đơn vị, trường học;

- Việc thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, công nhân viên theo quy định của pháp luật;

- Việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; việc xử lý các vụ việc tham nhũng, lãng phí trong đơn vị (1.11.14 - Báo cáo kết quả hoạt động của ban thanh tra nhân dân và phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Bên cạnh đó Đảng bộ Trường có Ủy ban kiểm tra Đảng ủy ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng khóa XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020 (1.11.02 - Quyết định số 09-QĐ/ĐU ngày 08/6/2015 của Đảng ủy Trường CĐN Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng khóa XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020), UBKT Đảng ủy gồm 03 đồng chí (1.11.03 - Danh sách UBKT Đảng ủy), UBKT Đảng ủy có quy chế tổ chức hoạt động theo đúng Điều lệ quy định). Chủ nhiệm UBKT là Phó Bí thư Đảng ủy, PHT phụ trách nội chính đảm trách là điều kiện thuận lợi trong việc chỉ đạo công tác kiểm tra giám sát Ủy ban kiểm tra Đảng Ủy tham gia công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo (1.11.04 - Quy chế hoạt động của UBKT Đảng ủy).

Trên cơ sở các biên bản thanh kiểm tra; trong các cuộc họp giao ban lãnh đạo Nhà trường chỉ đạo, đưa ra các giải pháp khắc phục sửa chữa kịp thời những vấn đề còn vướng mắc trong chuyên môn, nghiệp vụ và trong công tác phối hợp (1.10.12 - Biên bản họp giao ban lãnh đạo hàng tháng).

Các hình thức thanh tra, kiểm tra luôn được đổi mới, cải tiến để mang lại hiệu quả cao hơn. Ban kiểm tra nề nếp do Phòng Tổ chức - Hành chính làm thường trực, tăng cường tần suất giám sát, ngoài thời gian giám sát vào đầu giờ học buổi sáng và buổi chiều, tăng cường giám sát vào thời điểm kết thúc giờ giải lao. Qua một thời gian áp dụng, việc giám sát đã phát huy tác dụng, làm giảm thiểu số vi phạm và đảm bảo nề nếp học tập (1.11.17 -

Kết quả rà soát phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát năm 2017, 2018 và 2019; 1.11.19 - Nội dung cải tiến phương pháp, công cụ dụng cụ kiểm tra giám sát năm 2017, 2018 và 2019).

Đối với hoạt động đào tạo: từ kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo của trường, trường đã có các văn bản chỉ đạo phát huy mặt mạnh, khắc phục hạn chế, chông chéo, vướng mắc trong quản lý đào tạo như: xây dựng văn hóa học đường; đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập HSSV thông qua sử dụng ngân hàng câu hỏi (1.11.18 - Biên bản họp giao ban lãnh đạo hàng tháng; 1.11.17 - Kết quả rà soát phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát năm 2017, 2018 và 2019; BS 2.11.01 - Các báo cáo tổng kết năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; báo cáo hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020).

Để đánh giá chất lượng hoạt động của Tổ thanh tra đào tạo, Ban thanh tra nhân dân, Đảng ủy. Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý và nhà giáo (1.11.20 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác kiểm tra, giám sát năm 2017, 2018, 2019).

Năm 2017-2018 (Số người khảo sát 73):

TT	Nội dung	Số lượng				Tỷ lệ %			
		Rất đảm bảo	Đảm bảo	Ít đảm bảo	Không đảm bảo	Rất đảm bảo	Đảm bảo	Ít đảm bảo	Không đảm bảo
1	Mức độ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của Nhà trường hàng năm	16	53	2	2	21,92	72,60	2,74	2,74
2	Hàng năm Nhà trường có rà soát, cải tiến các phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát hoạt động của trường	38	33	-	2	52,05	45,21	-	2,74
3	Mức độ hoạt động có hiệu quả, công tác kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy, sổ lên lớp, hồ sơ đầu vào của sinh viên, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ của Tổ Thanh tra đào tạo	15	53	3	2	20,55	72,60	4,11	2,74

Năm 2018-2019 (Số người khảo sát 62)

TT	Tiêu chí	Số lượng				Tỷ lệ %			
		Rất đảm bảo	Đảm bảo	Ít đảm bảo	Không đảm bảo	Rất đảm bảo	Đảm bảo	Ít đảm bảo	Không đảm bảo
1	Mức độ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của Nhà trường hàng năm	20	41	1		32,25	66,12	1,63	
2	Mức độ hoạt động có hiệu quả, công tác kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy, sổ lên lớp, hồ sơ đầu vào của sinh viên, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ của Tổ Thanh tra đào tạo	15	47			24,19	75,81		
3	Hàng năm Nhà trường có rà soát, cải tiến các phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát hoạt động của trường	30	31	-	1	48,39	50		1,61

Năm 2019-2020 (Số người khảo sát 60):

TT	Tiêu chí	Số lượng				Tỷ lệ %			
		Rất đảm bảo	Đảm bảo	Ít đảm bảo	Không đảm bảo	Rất đảm bảo	Đảm bảo	Ít đảm bảo	Không đảm bảo
1	Mức độ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của Nhà trường hàng năm	12	46	-	2	20	76,67	-	3,33

2	Mức độ hoạt động có hiệu quả, công tác kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy, sổ lên lớp, hồ sơ đầu vào của sinh viên, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ của Tổ Thanh tra đào tạo	20	40	-	-	3,33	66,67	-	-
3	Hàng năm Nhà trường có rà soát, cải tiến các phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát hoạt động của trường	10	48	-	2	16,67	80	-	3,33

Qua các các minh chứng, ý kiến của nhà giáo và cán bộ quản lý Trường, Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.11:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khảo sát hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng đã ban hành và thực hiện nhiều chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước, của địa phương và của Nhà trường đối với cán bộ viên chức như: Tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ; chi phụ cấp nặng nhọc độc hại; chi khen thưởng; phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất; chi trợ cấp cho cán bộ viên chức về hưu; chi tiền lễ 2/9, 30/4 - 01/5, 20/11; chi hỗ trợ khám sức khỏe cho cán bộ viên chức; chi hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với cán bộ viên chức; chi khen thưởng, học bổng cho HSSV, v.v.. Định mức chi tiêu cho từng chế độ được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành hàng năm của Trường (3.5.16 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019; 1.6.03 - Báo cáo tổng kết công tác thi đua năm học, Phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020); 1.12.05 - Báo cáo công khai tài chính năm 2017, 2018, 2019; 1.12.07 - Quyết định số 144/QĐ-CĐCNHP, ngày 22/4/2019 về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo GDNN Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng).

Theo báo cáo của Phòng tài vụ thì Trường đã chi tiền vượt giờ, chi khen thưởng, chi hỗ trợ đào tạo sau đại học cho cán bộ viên chức, chi học bổng cho HSSV năm 2017, 2018, 2019, như bảng dưới đây:

Đơn vị: đồng

TT	Các chế độ đã chi trả cho CBVC	Tổng số tiền đã chi		
		2017	2018	2019
1	Chi vượt giờ		200.000.000	63.000.000
2	Khen thưởng	35.000.000	78.000.000	158.000.000
3	Hỗ trợ đào tạo, BD chuyên môn nghiệp vụ cho CBVC	6.000.000	43.000.000	130.000.000

Các khoản chi học bổng	Năm 2017
Học bổng khuyến khích học tập	
Từ nguồn chi thường xuyên	302.000.000
Học bổng từ nguồn tài trợ tập đoàn LG	78.000.000

Các khoản chi học bổng	Năm 2018
Học bổng khuyến khích học tập	
Học bổng từ nguồn tài trợ tập đoàn LG	90.000.000

Các khoản chi học bổng	Năm 2019
Học bổng khuyến khích học tập	
Học bổng từ nguồn tài trợ tập đoàn LG	102.000.000

Số lượng HSSV được miễn giảm học phí từ năm 2017 đến 2019 theo nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015

Năm	Chế độ chính sách		Hệ tốt nghiệp THCS		Cộng
	Số SV	Thành tiền	Số SV	Thành tiền	
2017	17	78.411.000	127	557.173.000	635.584.000
2018	15	89.115.000	85	343.460.000	432.575.000
2019	11	68.710.000	119	530.320.000	599.303.000
Cộng	43	236.236.000	331	1.430.953.3000	1.667.189.000

Công tác chăm sóc sức khỏe cho Cán bộ, giáo viên và HSSV được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Định kỳ hàng năm Nhà trường sẽ cho HSSV khám sức khỏe để đảm bảo sức khỏe công tác và học tập, phòng ngừa bệnh tật (1.12.12 - Kế hoạch khám sức khỏe cho CBGV, NV, NLD năm 2017, 2018, 2019, 2020).

Năm 2015, Nhà trường đã tham gia tập huấn Dự án “Lồng ghép bình đẳng giới trong pháp luật và chính sách hướng tới việc làm bền vững ở Việt Nam” do Tổng cục dạy nghề tổ chức; Trường đã thành lập Hội đồng thẩm định nội dung lồng ghép bình đẳng giới quy định đối với cán bộ, giáo viên trường, trường tiến hành lồng ghép các quy định về giới trong quy định nâng lương trước hạn). Việc triển khai nội dung lồng ghép bình đẳng giới nhà trường đã thực hiện gắn kết công việc thực tiễn (1.12.01 - Quyết định số 22/QĐ-CĐCN ngày 22/01/2018 việc thành lập Hội đồng thẩm định nội dung lồng ghép bình đẳng giới; 1.12.02 - Báo cáo công tác triển khai lồng ghép bình đẳng giới năm 2017, 2018, 2019; 1.12.03 - Các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách, ưu đãi đối với đối tượng thụ hưởng năm 2017, 2018, 2019 và 2020; 1.12.06 - Báo cáo thực hiện chế độ chính sách, ưu đãi đối với nhà giáo trong các năm 2017, 2018, 2019; 1.12.10 - Các quyết định về việc miễn giảm học phí cho HSSV năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019 -2020; 8.2.01 - QĐ cấp học bổng theo DS).

Công tác bình đẳng giới được Nhà trường quan tâm, thể hiện qua quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ nữ, bồi dưỡng về năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức cho cán bộ, nhân viên nữ đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Tính đến thời điểm hiện tại, Nhà trường có 29 nữ; Trong đó có 02 người là cán bộ quản lý (1.12.13 - Báo cáo tổng kết công tác bình đẳng giới năm 2017, 2018, 2019).

Qua phỏng vấn, nhà giáo, cán bộ quản lý cho rằng “Nhà trường đã thực hiện tốt các chế độ chính sách của Nhà nước đối với CBVC và thực hiện tốt bình đẳng giới”

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.12:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 2	17 (Mười bảy) điểm	14 (Mười bốn) điểm
<i>Tiêu chuẩn 2.1</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.2</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.3</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.4</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.5</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.6</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.7</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.8</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.9</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.10</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.11</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.12</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.13</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.14</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.15</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.16</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.17</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	100%	82,2%

2. Các điểm mạnh:

Nhà trường đã đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và xây dựng chuẩn đầu ra cho tất cả các nghề trường đào tạo và công bố công khai theo quy định; Trường đã ban hành quy chế tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định phù hợp với điều kiện thực tế tuyển sinh của trường đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo; Đội ngũ nhà giáo của trường đều thực hiện tốt phương pháp đào tạo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Trường thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

3. Các điểm cần cải thiện:

Trường cần đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo để đáp ứng nhu cầu của người học.

Trường cần tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại doanh nghiệp và doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả học tập (các ngành/ngành đang đào tạo có ít nhất 1 đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá).

Trường cần có giải pháp sử dụng các kết quả kiểm tra, giám sát để thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học và kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo quy định.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Trường cập nhật và áp dụng các văn bản liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng trường cung cấp Đoàn xác nhận:

Trường có 01 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDKHH-TCGDNN ngày 26/12/2017, trong đó trường được phép đào tạo 08 nghề trình độ Cao đẳng, 06 nghề trình độ trung cấp và 09 nghề trình độ sơ cấp (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDKHH-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017; BS 2.1.01 - Danh sách thống kê các ngành nghề đào tạo hàng năm).

Năm 2017, trường căn cứ thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng, Trường đã xây dựng chuẩn đầu ra cho 08 nghề trình độ Cao đẳng, 06 nghề trình độ trung cấp tại Quyết định 335/QĐ-CĐCNHP ngày 14/8/2017 (2.1.02 - Danh sách chương trình đào tạo kèm theo chuẩn đầu ra; 2.1.03 - Các biên bản họp xây dựng chuẩn đầu ra; 2.1.04 - Quyết định ban hành chuẩn đầu ra).

Năm 2019, Trường căn cứ các Thông tư quy Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ

Cao đẳng cho từng nghề trường đào tạo. Nhà trường đã ban hành lại chuẩn đầu ra cho 08 nghề trình độ Cao đẳng, 06 nghề trình độ trung cấp tại Quyết định 98/QĐ-CĐCNHP ngày 26/3/2019 (BS 2.1.02 - Danh sách chương trình đào tạo kèm theo chuẩn đầu ra ban hành 2019; BS 2.1.03 - Các biên bản họp xây dựng lại chuẩn đầu ra năm 2019; BS 2.1.04 - Quyết định ban hành chuẩn đầu ra năm 2019).

Trường công bố chuẩn đầu ra trên trang điện tử của trường tại địa chỉ: <http://www.hpvc.edu.vn/?Page=chuandaora>.

Trường tổ chức khảo sát lấy ý học sinh, sinh viên đang theo học về chuẩn đầu ra và chương đào tạo bằng hình thức lấy phiếu (BS 2.1.05 - Phiếu khảo sát ý kiến của HSSV; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020). Kết quả:

Năm học 2017-2018 có 150 ý kiến HSSV, trong đó đánh giá mức phù hợp là 75%, rất phù hợp là trên 10% còn lại ý kiến khác;

Năm học 2018-2019 có 120 ý kiến HSSV, trong ý kiến đánh giá mức phù hợp là 82%, rất phù hợp là trên 7,5% còn lại ý kiến khác;

Năm học 2019-2020 có 88 ý kiến HSSV, trong ý kiến đánh giá mức phù hợp là 71,6%, rất phù hợp là trên 5,7% còn lại ý kiến khác.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng trường cung cấp, Đoàn xác nhận:

Năm 2017, trường ban hành Quy chế tuyển, quy chế này được căn cứ theo Thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 và Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã hội. Cấu trúc Quy chế tuyển sinh (bao gồm 04 chương, 12 điều), trong đó quy định rõ ngành, nghề đào tạo; thời gian đối tượng, hình thức tuyển sinh; chính sách ưu tiên tuyển sinh; các điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào (2.2.01 - Quy chế tuyển sinh của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Năm 2019, trường ban hành lại quy chế tuyển sinh có bổ sung các nội dung theo Thông tư 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019 của Bộ LĐTB&XH về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017. Trường đã tiến hành rà soát, cập nhật những quy định bổ sung về công tác tuyển sinh để thực hiện theo quy định. Cấu trúc Quy chế tuyển sinh (bao gồm 04 chương, 12 điều) và thực hiện cho

công tác tuyển sinh năm 2019 (2.2.02 - Quy chế tuyển sinh sửa đổi của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng trường cung cấp, Đoàn xác nhận:

Trường có văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và khảo sát tình hình nhu cầu lao động của địa phương. Trường có văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh được gửi Sở Lao động Thương binh và xã hội thành phố Hải Phòng, trong văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho từng nghề, từng cấp trình độ (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDKHH-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017; 2.3.01 - Văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh năm học 2017- 2018; 2018-2019; 2019-2020).

Trường thực hiện tuyển sinh:

- Hằng năm, trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, tổ chức quảng bá, tuyên truyền (2.3.03 - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh 2018, 2019,2020; BS 2.3.01 - Kế hoạch tuyển sinh các năm 2018, 2019, 2020; 2.3.02 - Thông báo tuyển sinh).

- Trường thu nhận hồ sơ, xác định điểm chuẩn cho từng năm và từng nghề, tổ chức xét tuyển, và ra quyết định thành lập biên chế lớp theo đúng quy trình đã được quy định (2.3.04 - Hồ sơ đăng ký học nghề của người học; BS 2.3.02 - Biên bản họp hội đồng tuyển sinh về xét tuyển HSSV các năm 2018, 2019, 2020; 2.3.05 - Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển và danh sách kèm theo 2018, 2019,2020; BS 2.3.03 - Mẫu giấy báo trúng tuyển và nhập học).

- Trường tổ chức nhập học và ra quyết định thành lập các lớp (2.3.06 - Danh sách học sinh nhập học và quyết định phân lớp các năm từ 2017-2020).

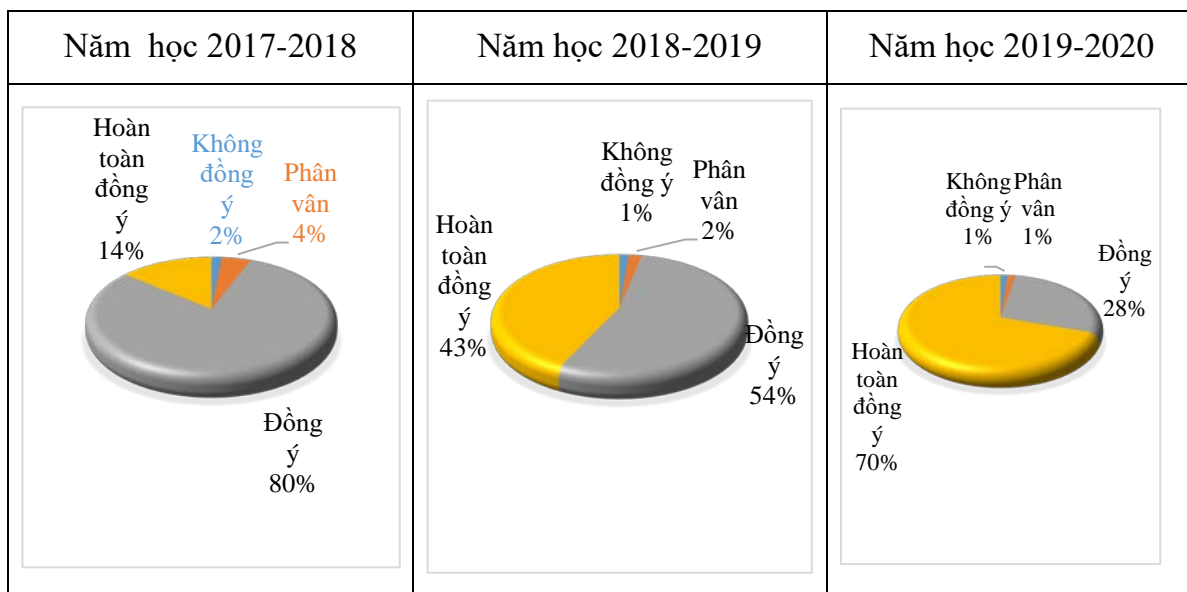
- Kết thúc các đợt tuyển sinh hàng năm, trường có báo cáo kết quả tuyển sinh với cơ quan quản lý nhà nước (Sở Lao động Thương binh và xã hội thành phố Hải Phòng) về kết quả tuyển sinh (BS 2.3.04 - Báo cáo kết quả tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, báo cáo kết quả tốt nghiệp và giải quyết việc làm, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, báo cáo số lượng các khóa học trình độ Cao đẳng, báo cáo đào tạo liên thông Cao đẳng năm 2018, 2019,2020).

Hàng năm trường tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh theo phương thức: Thành lập tổ thanh tra kiểm tra công tác tuyển sinh, tổ tiến hành kiểm tra lập biên bản và báo cáo.

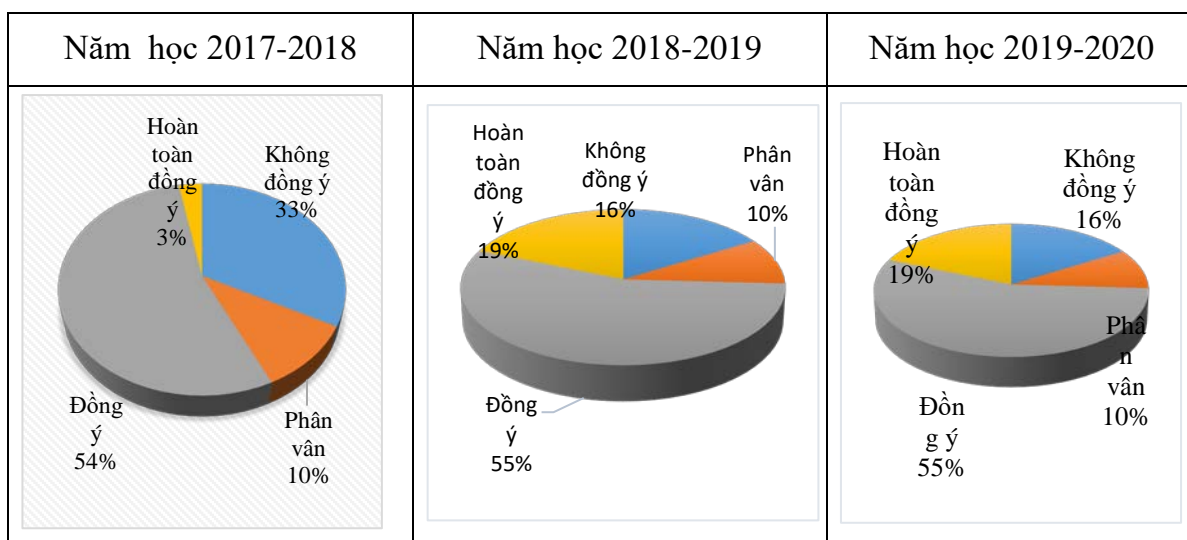
Kết quả kiểm tra tuyển sinh các năm 2018, 2019, 2020 cho thấy công tác tuyển sinh của trường được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan, không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh (BS 2.3.05 - Quyết định thành lập Đoàn thanh tra kiểm tra công tác tuyển sinh các năm 2018, 2019, 2020; 2.3.08 - Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh các năm từ 2017-2020; BS 2.3.06 - Báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh các năm 2018, 2019, 2020).

Trường tiến hành khảo sát HSSV, cán bộ quản lý, nhà giáo về thực hiện công tác tuyển sinh (BS 2.3.07- Các báo cáo khảo sát các bên liên quan các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020). Kết quả:

HSSV được hỏi về tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, tỷ lệ đồng ý từ đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm tỷ lệ từ 80% trở lên.



Nhà giáo, cán bộ quản lý được hỏi về tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, tỷ lệ từ đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm tỷ lệ từ 58% trở lên.



Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng trường cung cấp, Đoàn xác nhận:

Trường có các quy chế đào tạo: Năm 2017, trường ban hành quy chế đào tạo Cao đẳng, trung cấp và Quy chế đào tạo sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Năm 2018, trường ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ trong hệ thống GDNN; Năm 2019, trường rà soát ban hành lại quy chế đào tạo sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cập nhật thông tư 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015. Trong quy chế đào tạo Cao đẳng, trung cấp có quy định phương thức tổ chức đào tạo theo niên chế, phương thức tích lũy mô-đun, môn học và tích lũy tín chỉ (2.4.01 - Các Quy chế đào tạo của trường ban hành từ 2017 đến 2019).

Trường tổ chức đào tạo 100% các nghề có HSSV thuộc trình độ trung cấp và Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun, môn học (2.4.02 - Kế hoạch đào tạo các nghề trung cấp và Cao đẳng hàng năm).

Trường khảo sát HSSV, cán bộ quản lý, nhà giáo về đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học (BS 2.3.06 - Các báo cáo khảo sát các bên liên quan các năm học 207-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Đối chiếu với nội hàm tiêu chuẩn, trường chưa đảm bảo có ít nhất 30% ngành/ngành trình độ trung cấp hoặc Cao đẳng đang đào tạo được thực hiện 02 trong 03 phương thức tổ chức đào tạo (tích lũy mô-đun; tín chỉ; niên chế).

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng trường cung cấp, Đoàn xác nhận:

Trường được cấp phép đào tạo 8 nghề trình độ Cao đẳng, 06 nghề trình độ trung cấp và 09 nghề trình độ sơ cấp. Ngay sau khi tuyển sinh, làm thủ tục nhập học cho học sinh,

sinh viên. Trường có Quyết định thành lập các lớp cùng danh sách kèm theo (2.3.06 - *Danh sách học sinh nhập học và quyết định phân lớp các năm từ 2017-2020*).

Trường có đủ các chương trình đào tạo và được Hiệu trưởng ra quyết định ban hành (2.5.01 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết năm 2017; Chương trình đào tạo chỉnh sửa bổ sung năm 2019*).

Trường căn cứ chương trình đào tạo, biểu mẫu quy định chung của trường được xây dựng trên cơ sở Thông tư 23, căn cứ Quy chế đào tạo để xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học, trong đó chi tiết hóa ra từng học kỳ, cụ thể hóa thời gian học lý thuyết, thời gian thực hành, thời gian thực tập, thi học kỳ, thi tốt nghiệp, chi tiết đến từng mô-đun, môn học (2.5.02 - *Kế hoạch đào tạo các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020*; 2.5.03 - *Tiến độ đào tạo các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020*).

Trong quá trình thực hiện kế hoạch đào tạo năm học 2019-2020, do bị ảnh hưởng dịch Covid 19, trường cho HSSV nghỉ học để thực hiện giãn cách xã hội, Trường đã có thông báo điều chỉnh kế hoạch học sang hè kịp thời đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo (BS 2.5.01 - *Thông báo điều chỉnh kế hoạch, tiến độ đào tạo năm học 2019-2020*).

Trường tổ chức tự thanh tra thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo của các khoa thông qua các hình thức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất (BS 2.56.02 - *Báo cáo thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020*). Đánh giá chung các Khoa đều tổ chức giảng dạy đảm bảo kế hoạch và tiến độ đã được lập.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng trường cung cấp, Đoàn xác nhận:

Trường có kế hoạch đào tạo từng khóa kèm theo tiến độ năm học, kế hoạch nhà giáo được lãnh đạo phê duyệt. Các khoa, nhà giáo lập lịch giảng dạy cho môn học, mô-đun được phân công và tổ chức giảng dạy theo đúng nội dung chương trình đào tạo, kế hoạch, tiến độ đã được phê duyệt. Trong quá trình tổ chức giảng dạy, mọi sự thay đổi, điều chỉnh kế hoạch, tiến độ đào tạo đều được Hiệu trưởng phê duyệt (2.5.02 - *Kế hoạch đào tạo các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020*; 2.5.03 - *Tiến độ đào tạo các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020*; 2.6.01 - *Kế hoạch nhà giáo; Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo*).

Trường ban hành Quy định về hoạt động thanh tra đào tạo trong trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng, tại Điều 7 cơ cấu tổ thanh tra gồm: Phó hiệu trưởng là tổ trưởng, trưởng phòng Đào tạo là tổ phó, 01 thư ký và 01 thành viên. Trường thành lập tổ kiểm tra, thanh tra đào tạo để thực hiện nhiệm vụ thanh tra công tác đào tạo (BS 2.6.01 - Quy định về hoạt động thanh tra đào tạo trong trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng; BS 2.6.02 - Quy định về hoạt động thanh tra đào tạo trong trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Tổ thanh tra thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động tổ chức đào tạo của các khoa thông qua các hình thức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất. Đánh giá chung các Khoa đều tổ chức giảng dạy đảm bảo kế hoạch và tiến độ đã được lập (2.6.02 - Biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020; BS 2.5.02 - Báo cáo thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020).

Báo cáo thanh tra hoạt động đào tạo chỉ ra tồn tại hạn chế và có giải pháp khắc phục kịp thời.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng trường cung cấp, Đoàn xác nhận:

Nhà giáo giảng dạy có đủ hồ sơ theo quy định, hàng năm trường tổ chức kiểm tra (2.6.01 - Kế hoạch nhà giáo, sổ lên lớp, giáo án giảng dạy sổ tay nhà giáo): Năm học 2017-2018, kiểm tra hồ sơ giáo viên khoa Cơ khí, khoa Điện, khoa Cơ bản, khoa Điện tử và khoa Công nghệ thông tin. Các biên bản kiểm tra về nội dung hồ sơ nhà giáo, hồ sơ quản lý đào tạo khoa, tiến độ thực hiện đào tạo (BS 2.7.01 - Biên bản kiểm tra hồ sơ giáo viên các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020).

Trong quá trình đào tạo nhà trường đã có sự liên kết với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua việc cử HSSV đi thực tế, thực tập tại các doanh nghiệp, cử giáo viên hướng dẫn HSSV tại các cơ sở.

Năm 2018, có 2 hợp đồng với doanh nghiệp: Hợp đồng số 11201803 ngày 31/10/2018 với công ty TNHH công nghệ máy văn phòng Kyocera Việt Nam; Hợp đồng số 20181101/ETA-HBI ngày 01/11/2018 với công ty TNHH chế tạo máy EBA.

Năm 2020, có 1 hợp đồng với doanh nghiệp: Hợp đồng số 20200101/EBA-HBI ngày 01/01/2020 với công ty TNHH chế tạo máy EBA (2.7.03 - Các Hợp đồng/Biên bản

thỏa thuận về việc cho HSSV thực tập tại doanh nghiệp; BS 2.7.02 - Phiếu nhận xét sinh viên của đơn vị thực tập tại công ty TNHH chế tạo máy EBA).

Từ năm 2018 đến 2020 theo các hợp đồng, Trường đã đưa 81 HSSV đi thực tập doanh nghiệp, các đợt thực tập có 03 nhà giáo tham gia quản lý, các nhà giáo quản lý đoàn thực tập có báo cáo kết quả (BS 2.7.03 - Báo cáo của nhà giáo quản lý đoàn thực tập về việc quản lý sinh viên đi thực tập/ trải nghiệm năm 2018, năm 2020).

Sau các đợt thực tập của HSSV được các doanh nghiệp nhận xét đánh giá về kỹ năng nghề, thái độ làm việc (2.7.04 - Kế hoạch tổ chức cho HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp (Kèm theo hình ảnh); 2.7.05 - Quyết định cử đội ngũ nhà giáo đưa HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp kèm theo danh sách HSSV).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng trường cung cấp, Đoàn xác nhận:

Nhà giáo của trường thực hiện nhiệm vụ giảng dạy có phương pháp thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực. Kiểm tra một số hồ sơ, giáo án nhà giáo, Đoàn nhận thấy nhà giáo có sử dụng đa dạng các phương pháp đào tạo như: phân nhóm học tập, học tập thông qua các buổi hội thảo chuyên môn, phân nhóm cho HSSV nghiên cứu và báo cáo nội dung trên lớp. Nhà giáo có sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực lấy người học làm trung tâm, hình thức giao bài tập thực hành làm sản phẩm để khuyến khích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học (2.7.01 - Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo (Sổ lên lớp, sổ tay nhà giáo, giáo án, bài giảng)).

Kiểm tra minh chứng, Đoàn nhận thấy: Năm học 2017-2018, kiểm tra hồ sơ giáo viên khoa Cơ khí, khoa Điện, khoa Cơ bản, khoa Điện tử và khoa Công nghệ thông tin. Các biên bản kiểm tra về nội dung hồ sơ nhà giáo, hồ sơ quản lý đào tạo khoa, tiến độ thực hiện đào tạo (BS 2.7.01 - Biên bản kiểm tra hồ sơ giáo viên các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020).

Hàng năm, các Khoa tổ chức dự giờ định kỳ và đột xuất để kiểm tra, đánh giá chất lượng giảng dạy (BS 2.8.01 - Kế hoạch dự giờ giáo viên các năm học). Qua dự giờ có phiếu đánh giá (BS 2.8.02 - Biên bản và phiếu dự giờ đánh giá tiết giảng).

Minh chứng cho thấy, hàng năm Trường tổ chức Hội giảng cấp trường có kế hoạch, Quyết định thành Hội đồng giám khảo, ban thư ký, thông báo giờ giảng. Ban giám

khảo đánh giá bài giảng bằng phiếu, Hội đồng giám khảo họp có biên bản đánh giá trên cơ sở đó quyết định công nhận danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường. Các kỳ hội giảng có báo cáo tổng kết, báo cáo cho thấy phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm (2.8.01 - Hồ sơ bài giảng của nhà giáo tham gia hội giảng hàng năm; 2.8.02 - Phiếu đánh giá bài giảng của nhà giáo; BS 2.8.03 - Kế hoạch hội giảng cấp trường; BS 2.8.04 - Quyết định hội đồng giám khảo và ban thư ký hội giảng cấp trường; BS 2.8.05 - Biên bản họp hội đồng giám khảo và ban thư ký hội giảng cấp trường; BS 2.8.06 - Quyết định công nhận giáo viên giỏi cấp trường; BS 2.8.07 - Báo cáo tổng kết Hội giảng các năm học).

Dự giờ và kiểm tra hồ sơ 02 nhà giáo (1) Nhà giáo Lê Văn Năm với bài giảng “Bài 2. Dao tiện ren tam giác, mài dao tiện ren tam giác” lớp TC cắt 13B; (2) Nhà giáo Lê Thị Chiên với bài giảng “Bài 6. Điều khiển 3 động cơ hoạt động tuần hoàn theo nút ấn” lớp TCD12B. Các nhà giáo giảng dạy có đủ hồ sơ và phương pháp tổ chức giảng dạy hợp lý.

Hàng năm, trường khảo sát nhà giáo về phương pháp đào tạo và phương thức đào tạo với 9 câu hỏi (BS 2.8.08 - Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về phương pháp, phương thức đào tạo). Kết quả:

Năm học 2017-2018, có 53 nhà giáo cho ý kiến, trong đó 72% trả lời phương pháp đào tạo hiện nay phù hợp với việc thực hiện rèn luyện năng lực thực hành và trang bị kiến thức;

Năm học 2019-2020, có 64 nhà giáo cho ý kiến, trong đó 70% trả lời phương pháp đào tạo hiện nay phù hợp với việc thực hiện rèn luyện năng lực thực hành và trang bị kiến thức;

Năm học 2019-2020, có 68 nhà giáo cho ý kiến, trong đó 70% trả lời phương pháp đào tạo hiện nay phù hợp với việc thực hiện rèn luyện năng lực thực hành và trang bị kiến thức.

Hàng năm trường khảo sát HSSV về phương pháp đào tạo và phương thức đào tạo với 9 câu hỏi (BS 2.8.09 - Báo cáo kết quả khảo sát học sinh, sinh viên về phương pháp, phương thức đào tạo). Kết quả:

Năm học 2017-2018, có 120 HSSV cho ý kiến, trong đó 66,2% trả lời phương pháp đào tạo hiện nay phù hợp, 11% phân vân, 10,3% hoàn toàn không đồng ý với việc thực hiện rèn luyện năng lực thực hành và trang bị kiến thức. Với câu hỏi về phương thức đào tạo có 67% đồng ý, 11 hoàn toàn đồng ý, 11,4% phân vân, 10,5% không đồng ý.

Năm học 2018-2019, có 88 HSSV cho ý kiến, trong đó 75% trả lời phương pháp đào tạo hiện nay phù hợp, 9,3% phân vân, 10,6% hoàn toàn không đồng ý với việc thực hiện rèn luyện năng lực thực hành và trang bị kiến thức. Với câu hỏi về phương thức đào tạo có 67,8% đồng ý, 15,5 hoàn toàn đồng ý, 8,7% phân vân, 7,9% không đồng ý.

Năm học 2019-2020, có 80 HSSV cho ý kiến, trong đó 66,3% trả lời phương pháp đào tạo hiện nay phù hợp, 4,8% phân vân, 12,3% hoàn toàn không đồng ý với việc thực

hiện rèn luyện năng lực thực hành và trang bị kiến thức. Với câu hỏi về phương thức đào tạo có 66% đồng ý, 17,7 hoàn toàn đồng ý, 8,4% phân vân, 8,1% không đồng ý.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng, đoàn nhận thấy:

Minh chứng trường cung cấp cũng như trong báo cáo tự đánh giá cơ sở GDNN cho thấy trường có sử dụng phần mềm EDUMAN để quản lý đào tạo với các tính năng như: Tuyển sinh, xét tuyển, phân lớp; Quản lý HSSV; Quản lý chương trình đào tạo (2.9.01 - Hợp đồng mua phần mềm EDUMAN kèm theo biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng; BS 2.9.01 - Hướng dẫn sử dụng phần mềm EDUMAN).

Về việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học:

Trường có 8 nghề đào tạo, trong đó 8 nghề đào tạo trình độ Cao đẳng, 5 nghề có sinh viên đang học; 6 nghề đào tạo trung cấp, 4 nghề có học sinh đang học (BS 2.1.01 - Danh sách thống kê các ngành nghề đào tạo hàng năm).

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Ghi chú
I	Cao đẳng		
1	Cắt gọt kim loại	6520121	
2	Công nghệ ô tô	6510216	
3	Điện công nghiệp	6520227	
4	Điện tử công nghiệp	6520225	
5	Hàn	6520123	Không SV
6	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	
7	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	Không SV
8	Quản trị mạng máy tính	6480209	Không SV
<input type="checkbox"/> II	Trung cấp		
1	Cắt gọt kim loại	5520121	

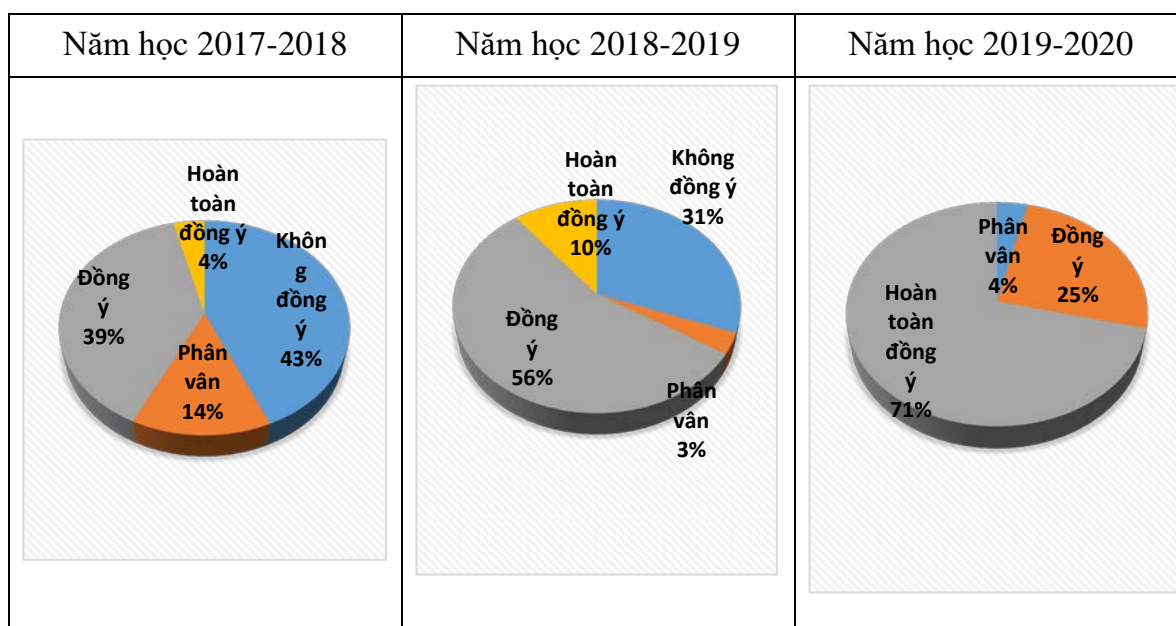
2	Công nghệ ô tô	5510216	
3	Điện công nghiệp	5520227	
4	Hàn	5520123	Không HS
5	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	
6	Nguội sửa chữa máy công cụ	5520126	Không HS

Minh chứng về hồ sơ giảng dạy (giáo án), kiểm tra các phần mềm mô phỏng thực tế tại các khoa, văn bản của trường về yêu cầu nhà giáo sử dụng các phần mềm mô phỏng. Đoàn tổng hợp cho thấy: tổng số môn học mô-đun chuyên ngành là 118, trong đó có 96 môn học, mô-đun ứng dụng phần mềm mô phỏng. Số phần mềm mô phỏng trường ứng dụng trong hoạt động dạy và học 40, trong đó có phần mềm mô phỏng ứng dụng cho nhiều môn học, mô-đun (BS 2.9.02 - Bảng tổng số môn học mô-đun chuyên ngành các nghề/ số môn học, mô-đun ứng dụng phần mềm mô phỏng + Hình ảnh giao diện các phần mềm mô phỏng; BS 2.9.03 - Công văn chỉ đạo các khoa về việc sử dụng các phần mềm mô phỏng trong dạy và học).

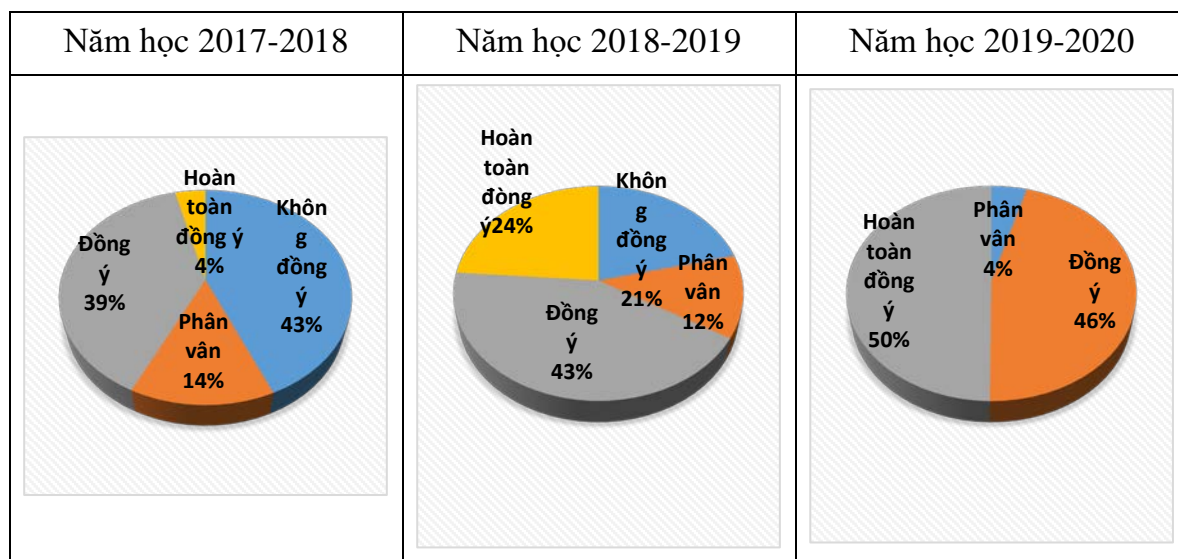
Như vậy số nghề có HSSV đang học có ứng dụng phần mềm mô phỏng là 5/5 nghề chiếm 100%; số môn học, mô-đun chuyên ngành ứng dụng phần mềm mô phỏng là 96 MH-MĐ/118 MH-MĐ, chiếm 81%. Đối chiếu với nội hàm tiêu chuẩn 2.9 trường đáp ứng 80% số nghề có ứng dụng phần mềm trong đó 50% môn học, mô-đun chuyên ngành có ứng dụng phần mềm.

Trường khảo sát người học, nhà giáo về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học (BS 2.3.07 - Các báo cáo khảo sát các bên liên quan các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020). Kết quả:

HSSV cho ý kiến về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học



Nhà giáo cho ý kiến về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học



Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.9:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng, đoàn nhận thấy:

Trường thành lập tổ thanh tra hoạt động đào tạo gồm 5 đồng chí, trong đó phó hiệu trưởng là tổ trưởng (BS 2.10.01 - Quyết định thành lập tổ thanh tra hoạt động đào tạo). Trường ban hành các kế hoạch thanh tra hoạt động đào tạo, năm học 2017-2018 ban hành kế hoạch số 351/KH ngày 22/8/2017; năm 2018-2019 ban hành kế hoạch số 340/KH ngày 16/8/2018; năm 2019-2020 ban hành kế hoạch số 317/KH ngày 08/8/2019 (BS 2.10.02 - Kế hoạch thanh tra hoạt động đào tạo các năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020).

Tổ kiểm tra tiến hành kiểm tra có lập các biên bản, minh chứng cho thấy mỗi năm học có 3 đợt kiểm tra (BS 2.10.03 - Biên bản kiểm tra thực hiện hoạt động dạy và học các năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020). Từ biên bản kiểm tra, trường có báo cáo kết quả, trong báo cáo chỉ ra ưu điểm, hạn chế và yêu cầu cá nhân, đơn vị khắc phục (BS 2.10.04 - Báo cáo kết quả của tổ thanh tra hoạt động đào tạo của năm học 2017-2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2018-2019; Báo cáo kết quả của tổ thanh tra hoạt động đào tạo của năm học 2018-2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2019-2020).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.10:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.11: Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng, đoàn nhận thấy:

Tổ thanh tra hoạt động đào tạo thực hiện nhiệm vụ và đã có báo cáo kết quả thanh tra hàng năm (BS 2.10.04 - Báo cáo kết quả của tổ thanh tra hoạt động đào tạo của năm học 2017-2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2018-2019; Báo cáo kết quả của tổ thanh tra hoạt động đào tạo của năm học 2018-2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2019-2020).

Kiểm tra minh chứng nhận thấy từ năm 2017 đến 2020 có 7 đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học được công nhận là đề tài, sáng kiến cơ sở. Tổng hợp các Quyết định công nhận đề tài sáng kiến cho kết quả:

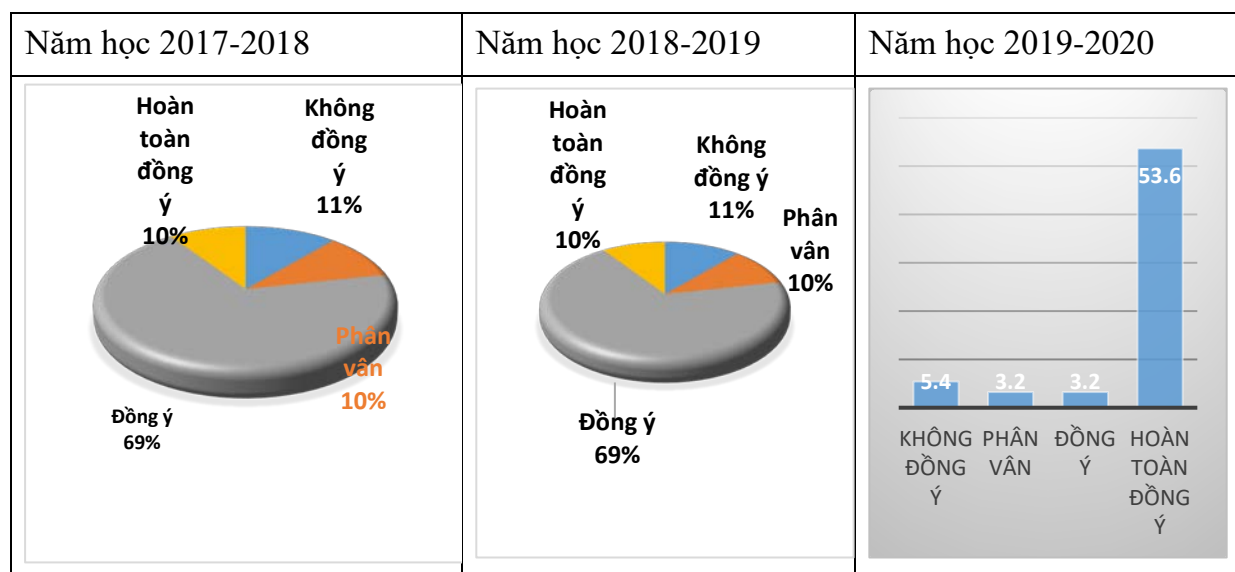
TT	Tên biện pháp, sáng kiến	Quyết định công nhận	Tác giả, nhóm tác giả	Lĩnh vực, kết quả ứng dụng
1	Mô hình dàn trải hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	627/QĐ-CĐCNHP-NCKH ngày 30/12/2018	Bùi Văn Hậu	Nghề Công nghệ ô tô; Nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK
2	Mô hình điều khiển động cơ bằng PLC-S7-300 Siemens	626/QĐ-CĐCNHP-NCKH ngày 30/12/2018	Nguyễn Tiến Thành	Nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử CN
3	Dàn trải hệ thống ĐHKK 2 khối 2 chiều	627a/QĐ-CĐCNHP-NCKH ngày 30/12/2018	Phạm Văn Bắc	Nghề Kỹ thuật máy lạnh □ và ĐHKK
4	Mô hình dàn trải máy tính đa năng	627b/QĐ-CĐCNHP-NCKH ngày 30/12/2018	Trần Trung Tấn	Nghề Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính
5	Xây dựng hệ thống chống lụt cục bộ CS 90m ³ /h	624/QĐ-CĐCNHP-NCKH ngày 30/12/2018	Nguyễn Văn Tiến	Nghề Điện công nghiệp
6	Máy tạo phôi hàn MĐ hàn ống	625/QĐ-CĐCNHP-NCKH ngày 30/12/2018	Nguyễn Văn Năm	Nghề Cắt gọt kim loại
7	Xây dựng hệ thống mạng không dây AP AC MESH	622/QĐ-CĐCNHP-NCKH ngày 30/12/2018	Đỗ Đức Tuân	Nghề Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính

(2.11.01 - Các đề xuất nâng cao chất lượng dạy và học từ năm học 2017-2018 đến 2019 - 2020 của nhà giáo, cán bộ quản lý).

Phòng vấn nhà giáo Đỗ Đức Tuấn, Phạm Văn Bắc cho thấy các sáng kiến nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học đã được áp dụng đem lại hiệu quả tốt, cải thiện chất lượng dạy và học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Từ kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo của trường, trường đã có các văn bản chỉ đạo phát huy mặt mạnh, khắc phục hạn chế, chông chéo, vướng mắc trong quản lý đào tạo như: xây dựng văn hóa học đường; đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập HSSV thông qua sử dụng ngân hàng câu hỏi; tổ chức thực hiện và duy trì 5S, chỉ đạo chuyên gia công nghệ sử dụng các thiết bị đầu tư từ chương trình mục tiêu, chỉ đạo giải pháp khắc phục hồ sơ đào tạo của trường, khoa, nhà giáo; triển khai ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo EDUMAN. Nội dung này thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; báo cáo hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020 (BS 2.11.01 - Các báo cáo tổng kết năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; báo cáo hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; Các kết luận cuộc họp giao ban lãnh đạo hàng tháng, các năm từ 2017 đến 2020).

Khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học để có giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo (BS 2.3.07 - Các báo cáo khảo sát các bên liên quan các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).



Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.11:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng, đoàn nhận thấy:

- Về Quy chế về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp:

+ Đào tạo sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng: Năm 2017, Trường ban hành Quy chế đào tạo sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng tại Quyết định số 318/QĐ-CĐCNHP ngày 20/7/2017 trên cơ sở Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 về đào tạo sơ cấp; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 về đào tạo thường xuyên. Năm 2019, khi Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 sửa đổi Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 về đào tạo sơ cấp, trường ban hành Quy chế số 34/QĐ-CĐCNHP ngày 12/3/2019 về đào tạo dưới 3 tháng.

+ Về đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ trong hệ thống GDNN: trường ban hành Quy chế số 70/QĐCĐCNHP ngày 16/3/2018 trên cơ sở Thông tư số 27/2017/TT_BLĐTBXH ngày 21/9/2017.

+ Về đào tạo Cao đẳng và trung cấp: Trường ban hành Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ trung cấp tại Quyết số 307/QĐ-CĐCNHP ngày 13/7/2017 trên cơ sở Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ LĐ - TB&XH, Trường đã ban hành quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập và đã cập nhật, sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ LĐ - TB&XH (2.4.01 - Các Quy chế đào tạo của trường ban hành từ 2017 đến 2019).

- Về Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện HSSV: Trường ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên tại Quyết định số 304/QĐ-CĐCN ngày 25/7/2019 theo Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ LĐTBXH (2.12.02 - Quy chế công tác HSSV của trường).

- Về Quy trình quản lý cấp văn bằng, chứng chỉ: Trường ban hành Quyết định số 72/QĐ-CĐCN ngày 07/3/2019 trên cơ sở Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bằng tốt nghiệp trung cấp, Cao đẳng (BS 2.12.01 - Quy trình quản lý cấp văn bằng, chứng chỉ của trường).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.12:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng, đoàn nhận thấy:

Trường có 8 nghề đào tạo, trong đó 8 nghề đào tạo trình độ Cao đẳng, 5 nghề có sinh viên đang học; 6 nghề đào tạo trung cấp, 4 nghề có học sinh đang học (BS 2.1.01 - Danh sách thống kê các ngành nghề đào tạo hàng năm).

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Ghi chú
I	Cao đẳng		
1	Cắt gọt kim loại	6520121	
2	Công nghệ ô tô	6510216	
3	Điện công nghiệp	6520227	
4	Điện tử công nghiệp	6520225	
5	Hàn	6520123	Không SV
6	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	
7	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	Không SV
8	Quản trị mạng máy tính	6480209	Không SV
II	Trung cấp		
1	Cắt gọt kim loại	5520121	
2	Công nghệ ô tô	5510216	
3	Điện công nghiệp	5520227	
4	Hàn	5520123	Không HS
	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	
6	Nguội sửa chữa máy công cụ	5520126	Không HS

Trường mô tả trong báo cáo tự đánh giá có minh chứng thể hiện doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả của HSSV, tuy nhiên trường không cung cấp được minh chứng này (2.13.01 - Quyết định thành lập Hội đồng thi, Ban giám khảo; 2.13.02 - Danh sách đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả học tập của người học).

Từ minh chứng trường cung cấp cho thấy: Năm 2018 và năm 2020 có 3 hợp đồng đưa HSSV 04 nghề (Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, nghề Công nghệ ô tô, nghề Cắt gọt kim loại) với 81 HSSV đi thực tập tại 02 doanh nghiệp (công ty TNHH công nghệ máy văn phòng Kyocera Việt Nam; Công ty TNHH chế tạo máy EBA) (2.7.03 - Các Hợp

đồng/Biên bản thỏa thuận về việc cho HSSV thực tập tại Doanh nghiệp; BS 2.7.02 - Phiếu nhận xét sinh viên của đơn vị thực tập tại công ty TNHH chế tạo máy EBA).

Học sinh, sinh viên đi thực tập được đại diện doanh nghiệp đánh giá kết quả học tập (BS 2.7.03 - Báo cáo của nhà giáo quản lý đoàn thực tập về việc quản lý sinh viên đi thực tập/ trải nghiệm năm 2018, năm 2020; 2.7.03 - Các Hợp đồng/Biên bản thỏa thuận về việc cho HSSV thực tập tại Doanh nghiệp; BS 2.7.02 - Phiếu nhận xét sinh viên của đơn vị thực tập tại công ty TNHH chế tạo máy EBA).

Như vậy với 5 nghề đào tạo có 4 nghề có đại diện doanh nghiệp đánh giá kết quả học tập, chiếm tỷ lệ 80%. Đoàn đã làm việc trực tiếp với điều phối viên (nhà giáo Đỗ Đức Tuân, phó trưởng phòng Đào tạo), thành viên hội đồng tự đánh giá phụ trách tiêu chí 2 (Nhà giáo Trần Cao Phi, trưởng phòng Đào tạo) không cung cấp được minh chứng liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định.

Đôi chiếu với nội hàm tiêu chuẩn yêu cầu 100% các ngành nghề đang đào tạo, khi đánh giá kết quả học tập đều có ít nhất 1 đại diện doanh nghiệp sử dụng lao động tham gia đánh giá.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.13:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>

Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng trường cung cấp, đoàn nhận thấy:

Minh chứng BS 2.11.01 là báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị viên chức hàng năm (BS 2.11.01 - Các báo cáo tổng kết năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; báo cáo hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020)

Trường tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun, môn học, do vậy trường khoa tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun ngay sau kết thúc chương trình môn học, mô-đun. Trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên khi tích lũy đủ số môn học, mô-đun. Việc xét công nhận tốt nghiệp được trường thực hiện như sau: (1) Thành lập hội đồng xét công nhận tốt nghiệp theo khóa (BS 2.14.01 - Các Quyết định thành lập hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho HSSV năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020); (2) Hội đồng xét kết quả rèn luyện tổ chức họp xét có biên bản từng cuộc họp (BS 2.14.02 - Các biên bản họp xét rèn luyện cho HSSV hàng năm+ danh sách năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020); (3) Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp tổ chức họp xét có biên bản từng cuộc họp (BS 2.14.03 - Các biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp kèm

theo danh sách xét công nhận tốt nghiệp năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020); (4) Trên cơ sở biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp, hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp từng khóa bằng các quyết định (BS 2.14.04 - Các Quyết định công nhận tốt nghiệp kèm theo danh sách HSSV tốt nghiệp năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020).

Về cấp văn bằng chứng chỉ, trường thực hiện theo Thông tư 10/2017/TT- BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, Cao đẳng. Trên cơ sở thông tư, trường ban hành Quy trình quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ của trường (BS 2.14.05 - Quy trình quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ).

Qua kiểm tra, Đoàn thầy trường có sổ cấp phát bằng, chứng chỉ, có ghi đủ thông tin, có ký nhận của người học nhận bằng (BS 2.14.06 - Sổ quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ 2017 đến 2020).

Hàng năm, trường báo cáo với Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng về quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ (BS 2.14.07 - Báo cáo về quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ).

Việc quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ được thực hiện đúng Thông tư 10/2017/TT- BLĐTBXH ngày 13/3/2017 và Quy trình quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ của trường ban hành đồng thời cập nhật thông tin văn bằng lên hệ thống quản lý của Tổng Cục GDNN (2.14.01 - Biên bản kết luận thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.14:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng trường cung cấp, đoàn nhận thấy:

Hàng năm trường có thông báo gửi các đơn vị trong trường yêu cầu các đơn vị về việc rà soát các văn bản quy định về tổ chức, quản lý và điều hành, thông báo yêu cầu các ý kiến (BS 2.15.01 - Các thông báo về việc rà soát các văn bản quy định về tổ chức, quản lý và điều hành).

Hiệu trưởng có chỉ đạo tại một số tháng trong năm về xem xét rà soát văn bản (BS 2.15.02 - Các kết luận họp giao ban tháng).

Minh chứng trường cung cấp cho thấy từ 2017 đến nay trường có ban hành, ban hành lại các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn

luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ:

Tên văn bản	Hình thức ban hành	Năm	Ghi chú
Quy chế đào tạo sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.	Quyết định số 318/QĐ-CĐ□NHP ngày 20/7/2017	2017- ban hành lần đầu	Cơ sở Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBOXH ngày 20/10/2015 về đào tạo sơ cấp; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBOXH ngày 20/10/2015 về đào tạo thường xuyên.
	Quyết định số 34/QĐ-CĐCNHP ngày 12/3/2019	2019- ban hành lại	Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBOXH ngày 26/12/2018 sửa đổi Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBOXH ngày 20/10/2015 về đào tạo sơ cấp, trường ban hành
Quy chế đào tạo liên □ thông giữa các cấp trình độ trong hệ thống GDNN	Quyết định số 70/QĐCĐCNHP ngày 16/3/2018	2017- ban hành lần đầu	Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBOXH ngày 21/9/2017.
Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ trung cấp	Quyết số 07/QĐ-CĐCNHP ngày 13/7/2017	2017- ban hành lần đầu	Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBOXH ngày 13/3/2017 của Bộ LĐ - TB&XH
Quy chế công tác học sinh, sinh viên	Quyết định số 304/QĐ-CĐCN ngày 25/7/2019		Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBOXH ngày 30/6/2017
Quy trình quản lý cấp văn bằng, chứng chỉ	Quyết định số 72/QĐ-CĐCN ngày 07/3/2019		Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBOXH ngày 13/3/2017

(2.4.01 - Các Quy chế đào tạo của trường ban hành từ 2017 đến 2019; 2.15.02 – Báo cáo kết quả công tác rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ; 2.12.01- Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập kèm theo quy chế sửa đổi theo Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBOXH; 2.12.02 - Quy chế công tác HSSV của trường; 2.12.03 - Quy định quản lý văn bằng chứng chỉ của trường kèm theo quy định sửa đổi, cập nhật theo Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBOXH; BS 2.12.01- Quy trình quản lý cấp văn bằng, chứng chỉ của trường).

Hàng năm trong báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị viên chức có đánh giá về công tác rà soát các văn bản quy định nội bộ của trường (BS 2.11.01 - Các báo cáo tổng kết năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; báo cáo hội nghị cán bộ, viên chức năm

học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; Các kết luận cuộc họp giao ban lãnh đạo hàng tháng, các năm từ 2017 đến 2020).

Từ minh chứng cho thấy, trường có chỉ đạo thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ nhưng thực tế và minh chứng chưa thể hiện được nội hàm tiêu chuẩn như chưa có kế hoạch, báo cáo hàng năm về việc thực hiện rà soát các qui định trên.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.15:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng tương cung cấp, đoàn nhận thấy:

Trường ban hành Quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong hệ thống GDNN. Quy chế được dựa trên Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội (2.16.01 - Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ tay nghề của Trường).

Trường có ban hành chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng các nghề trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDKHH-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017; 2.16.02 - Chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp).

Trường đã tổ chức tuyển sinh đào tạo liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng theo đúng qui định (BS 2.16.01 - Quyết định số 413/QĐ-CĐCN ngày 22/10/2019 về việc học liên thông trình độ trung cấp lên trình độ Cao đẳng).

Năm học 2018-2019, trường xét tuyển 02 học sinh có bằng trung cấp điện công nghiệp học liên thông lên Cao đẳng điện công nghiệp. Trước khi thực hiện đào tạo liên thông, trường có Quyết định công nhận kết quả các môn học mô-đun đã học ở chương trình trung cấp cho 02 sinh viên (BS 2.16.03 - Quyết định trúng tuyển sinh viên học liên thông Cao đẳng điện công nghiệp; Quyết định công nhận bảo lưu kết quả các môn học mô-đun đã học của chương trình trung cấp cho 02 sinh viên).

Do số lượng SV nhập học ít, Trường đã tổ chức đào tạo liên thông cho 02 sinh viên ghép cùng lớp Cao đẳng điện 11B từ ngày 22/10/2019, sinh viên chỉ tham gia học những nội dung mô-đun, môn học nào chưa học (BS 2.16.02 - Kế hoạch đào tạo lớp Cao đẳng điện công nghiệp 11B).

Năm 2020, 02 sinh viên học liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng hoàn thành nội dung chương trình đào tạo được xét công nhận tốt nghiệp (BS 2.16.04 - Quyết định công nhận tốt nghiệp Cao đẳng, Cao đẳng liên thông khóa 2017-2020). Trường đã báo cáo kết quả tốt nghiệp khóa 2017-2020 về Sở Lao động thương binh và xã hội thành phố Hải Phòng (phòng GDNN) (BS 2.3.04 - Báo cáo kết quả tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, báo cáo kết quả tốt nghiệp và giải quyết việc làm, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, báo cáo số lượng các khóa học trình độ Cao đẳng, báo cáo đào tạo liên thông Cao đẳng năm 2018, 2019, 2020; BS 2.11.01 - Các báo cáo tổng kết năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; báo cáo hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; Các kết luận cuộc họp giao ban lãnh đạo hàng tháng, các năm từ 2017 đến 2020).

Trường tiến hành khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý và HSSV về việc nhà trường có văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định (BS 2.3.07 - Các báo cáo khảo sát các bên liên quan các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020). Kết quả:

Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020																														
Kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý																																
<table border="1"> <tr><th>Loại ý kiến</th><th>Tỷ lệ (%)</th></tr> <tr><td>Không đồng ý</td><td>1.3</td></tr> <tr><td>Phân vân</td><td>4.2</td></tr> <tr><td>Đồng ý</td><td>5.7</td></tr> <tr><td>Hoàn toàn đồng ý</td><td>88.9</td></tr> </table>	Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)	Không đồng ý	1.3	Phân vân	4.2	Đồng ý	5.7	Hoàn toàn đồng ý	88.9	<table border="1"> <tr><th>Loại ý kiến</th><th>Tỷ lệ (%)</th></tr> <tr><td>Không đồng ý</td><td>1.3</td></tr> <tr><td>Phân vân</td><td>4.2</td></tr> <tr><td>Đồng ý</td><td>5.7</td></tr> <tr><td>Hoàn toàn đồng ý</td><td>88.9</td></tr> </table>	Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)	Không đồng ý	1.3	Phân vân	4.2	Đồng ý	5.7	Hoàn toàn đồng ý	88.9	<table border="1"> <tr><th>Loại ý kiến</th><th>Tỷ lệ (%)</th></tr> <tr><td>Không đồng ý</td><td>0.8</td></tr> <tr><td>Phân vân</td><td>3.5</td></tr> <tr><td>Đồng ý</td><td>4.6</td></tr> <tr><td>Hoàn toàn đồng ý</td><td>91.1</td></tr> </table>	Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)	Không đồng ý	0.8	Phân vân	3.5	Đồng ý	4.6	Hoàn toàn đồng ý	91.1
Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)																															
Không đồng ý	1.3																															
Phân vân	4.2																															
Đồng ý	5.7																															
Hoàn toàn đồng ý	88.9																															
Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)																															
Không đồng ý	1.3																															
Phân vân	4.2																															
Đồng ý	5.7																															
Hoàn toàn đồng ý	88.9																															
Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)																															
Không đồng ý	0.8																															
Phân vân	3.5																															
Đồng ý	4.6																															
Hoàn toàn đồng ý	91.1																															
Kết quả khảo sát học sinh, sinh viên																																
<table border="1"> <tr><th>Loại ý kiến</th><th>Tỷ lệ (%)</th></tr> <tr><td>Không đồng ý</td><td>0.6</td></tr> <tr><td>Phân vân</td><td>1.8</td></tr> <tr><td>Đồng ý</td><td>21.3</td></tr> <tr><td>Hoàn toàn đồng ý</td><td>76.4</td></tr> </table>	Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)	Không đồng ý	0.6	Phân vân	1.8	Đồng ý	21.3	Hoàn toàn đồng ý	76.4	<table border="1"> <tr><th>Loại ý kiến</th><th>Tỷ lệ (%)</th></tr> <tr><td>Không đồng ý</td><td>0.0</td></tr> <tr><td>Phân vân</td><td>0.0</td></tr> <tr><td>Đồng ý</td><td>10.0</td></tr> <tr><td>Hoàn toàn đồng ý</td><td>90.0</td></tr> </table>	Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)	Không đồng ý	0.0	Phân vân	0.0	Đồng ý	10.0	Hoàn toàn đồng ý	90.0	<table border="1"> <tr><th>Loại ý kiến</th><th>Tỷ lệ (%)</th></tr> <tr><td>Không đồng ý</td><td>0.0</td></tr> <tr><td>Phân vân</td><td>0.0</td></tr> <tr><td>Đồng ý</td><td>5.0</td></tr> <tr><td>Hoàn toàn đồng ý</td><td>95.0</td></tr> </table>	Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)	Không đồng ý	0.0	Phân vân	0.0	Đồng ý	5.0	Hoàn toàn đồng ý	95.0
Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)																															
Không đồng ý	0.6																															
Phân vân	1.8																															
Đồng ý	21.3																															
Hoàn toàn đồng ý	76.4																															
Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)																															
Không đồng ý	0.0																															
Phân vân	0.0																															
Đồng ý	10.0																															
Hoàn toàn đồng ý	90.0																															
Loại ý kiến	Tỷ lệ (%)																															
Không đồng ý	0.0																															
Phân vân	0.0																															
Đồng ý	5.0																															
Hoàn toàn đồng ý	95.0																															

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.16:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng trường cung cấp cho thấy:

Trường đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng dữ liệu các hoạt động đào tạo làm cơ sở cho các phòng, khoa quản lý, khai thác, sử dụng thống nhất (2.17.01 - Quy định về quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo).

Trường có phần mềm quản lý đào tạo EDUMAN trong đó chứa cơ sở dữ liệu các hoạt động đào tạo gồm: Tuyển sinh, xét tuyển, phân lớp; quản lý HSSV; quản lý điểm; quản lý chương trình; quản lý giảng dạy; quản lý văn bằng tốt nghiệp (2.9.01 - Hợp đồng mua phần mềm EDUMAN kèm theo biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng; BS 2.9.01 - Hướng dẫn sử dụng phần mềm EDUMAN).

Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo được lưu trữ các phòng, khoa, như: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ; khảo sát HSSV sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; cơ sở dữ liệu về nghiên cứu khoa học; thiết bị; thư viện (BS 2.17.01 - Thông tin mô tả các hệ thống cơ sở dữ liệu của Trường theo từng nội dung; 2.17.02 - Hồ sơ quản lý đào tạo).

Qua khảo sát thực tế tại các đơn vị trực thuộc Trường cho thấy mỗi đơn vị đều có bộ phận/cá nhân phụ trách thực hiện quản lý, lưu trữ các dữ liệu các hoạt động/quy trình do đơn vị mình phụ trách. Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo được lưu dưới dạng số hóa hoặc lưu trên giấy được Nhà trường quản lý, khai thác như sau:

- Dữ liệu về chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo: Do phòng Đào tạo quản lý, gồm
 - + Hồ sơ xây dựng lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo: Lưu dưới dạng bản cứng tại Phòng Đào tạo;
 - + Chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình sau khi ban hành: Lưu dưới hai dạng là bản cứng và số hóa, ngoài ra chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo còn được công khai trên website của Trường;
- Dữ liệu về tuyển sinh: Do bộ phận tuyển sinh (thuộc Phòng đào tạo) quản lý, gồm:
 - + Hồ sơ tuyển sinh: Lưu dưới dạng bản cứng tại phòng Đào tạo;
 - + Thông tin người học: Lưu dưới dạng bản mềm, được cập nhật thường xuyên bởi Phòng Công tác HSSV; Các đơn vị đào tạo được chia sẻ khai thác và sử dụng dữ liệu HSSV.

- Dữ liệu về thi, kiểm tra kết thúc mô-đun/môn học (Đánh giá kết quả học tập của HSSV): Phòng đào tạo quản lý.
- + Đề thi kết thúc mô-đun, môn học: Lưu dưới dạng bản cứng và bản mềm do phòng đào tạo và các khoa quản lý.
- + Phiếu điểm: Được số hoá và lưu bản cứng và phần mềm EDUMAN tại phòng đào tạo. Bản số hóa được chia sẻ với đơn vị đào tạo để đối chiếu, kiểm tra khi cần thiết.
- + Điểm thi kết thúc mô-đun, môn học: Số hoá tại phòng Đào tạo quản lý; Điểm thi được liên thông, chia sẻ (thông qua phần mềm Eduman) với Phòng Công tác HSSV, Phòng Tài vụ để đánh giá kết quả học tập, xét học bổng, tốt nghiệp.
- Dữ liệu về đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV: Do phòng Công tác Học sinh sinh viên quản lý.
- + Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV: Lưu bản cứng tại Phòng Công tác HSSV;
- + Kết quả rèn luyện của HSSV: Bản mềm, liên thông chia sẻ với Phòng Đào tạo để thực hiện xét học bổng, tốt nghiệp.
- Dữ liệu về thi, xét công nhận tốt nghiệp: Do Phòng Đào tạo quản lý.
- + Các quyết định, danh sách liên quan đến công tác thi tốt nghiệp: Bản cứng tại Phòng Đào tạo;
- + Đề thi tốt nghiệp, phiếu điểm, các biên bản liên quan đến công tác coi chấm thi tốt nghiệp: Bản cứng và số hoá tại phòng Đào tạo;
- + Kết quả thi tốt nghiệp: Số hoá tại Phòng Đào tạo và các đơn vị đào tạo để kiểm tra, đối chiếu và làm các thủ tục khi cần thiết.
- Dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ: Do Phòng Đào tạo quản lý.
- + Hệ thống hồ sơ, sổ sách: Bản cứng lưu tại Phòng Đào tạo và được bảo mật theo quy định;
- + Thông tin văn bằng, chứng chỉ: Số hoá và cập nhật trên trang thông tin Văn bằng chứng chỉ của Tổng cục GDNN.
- Dữ liệu về quản lý, sử dụng CSVC, thiết bị: Do Phòng Quản trị đời sống quản lý.
- + Hồ sơ quản lý CSVC, thiết bị: Hồ sơ nhập/xuất và cơ sở dữ liệu số hoá lưu tại Phòng Quản trị đời sống.
- + Sổ sách quản lý: Lưu bản cứng tại Phòng Tài vụ và các đơn vị trực thuộc Trường.
- Dữ liệu về tài chính: Do Phòng Tài vụ quản lý.
- + Hồ sơ, sổ sách về tài chính kế toán: Lưu trữ bản cứng và số hóa dữ liệu trên phần mềm kế toán;
- + Cơ sở dữ liệu công khai tài chính: Số hoá và chia sẻ trên website trường.
- Dữ liệu về thư viện: Do bộ phận thư viện (Phòng Đào tạo) quản lý.
- + Thư viện truyền thống: bản cứng tài liệu và sách lưu tại thư viện trường.
- + Thư viện điện tử: Tài liệu được số hoá được quản lý bởi phần mềm thư viện số lưu tại máy chủ thư viện trường, chia sẻ trên hệ thống mạng nội bộ và mạng Internet.

- Dữ liệu về khảo sát (Người học; CB, VC, NLD; Doanh nghiệp; Cựu HSSV): Do Phòng Đào tạo quản lý.

+ Kế hoạch, báo cáo, Phiếu khảo sát: Lưu giữ bản cứng.

- Dữ liệu về quản lý cán bộ, nhà giáo, viên chức, người lao động: Do phòng Tổ chức hành chính quản lý.

+ Hồ sơ quản lý cán bộ, nhà giáo, viên chức, người lao động được lưu bản cứng tại Phòng Tổ chức hành chính;

+ Bản mềm: được số hoá để phục vụ công tác quản lý và được bảo mật theo quy định.

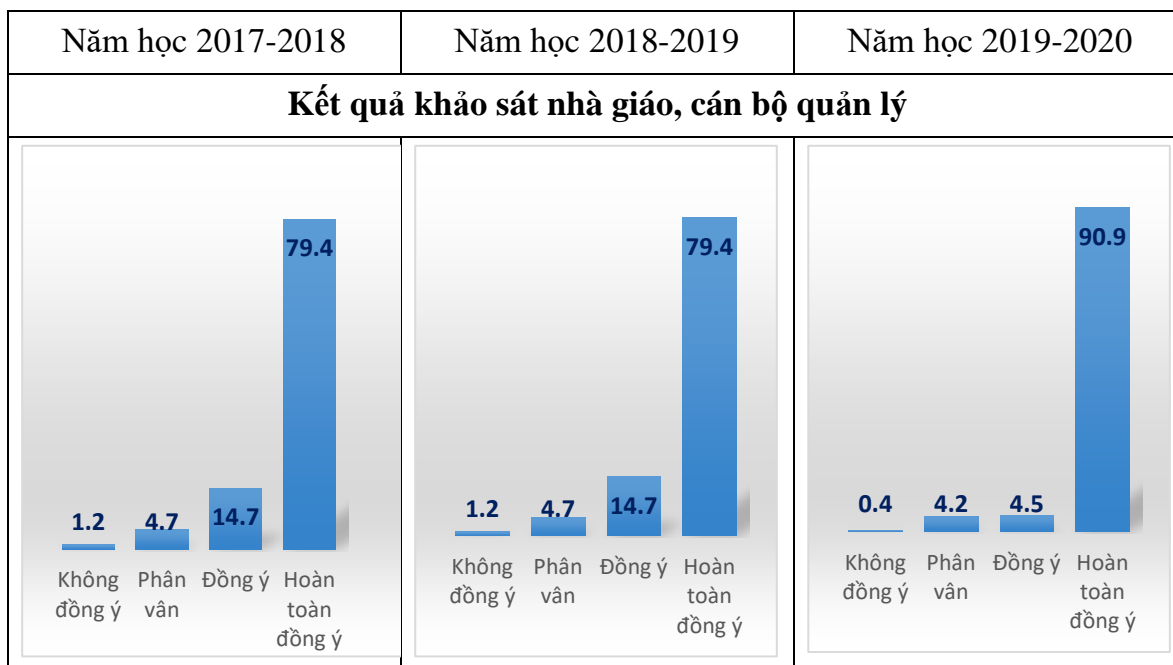
- Dữ liệu về hoạt động nghiên cứu khoa học: Do phòng Đào tạo quản lý.

+ Hồ sơ quản lý hoạt động khoa học: Lưu trữ bản cứng và bản mềm tại phòng Đào tạo;

+ Sản phẩm nghiên cứu khoa học: Lưu bản mềm tại Phòng Đào tạo và Thư viện trường.

Trường có báo cáo tổng kết các năm học có nội dung đánh giá việc sử dụng, tổ chức, quản lý có hiệu quả cơ sở dữ liệu (2.9.03 - Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường; 2.17.04 - Ý kiến đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý).

Trường tiến hành khảo sát các bên liên quan về cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu trường (BS 2.3.07 - Các báo cáo khảo sát các bên liên quan các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020). Kết quả khảo sát như sau:



Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.17:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 3	15 (Mười lăm) Điểm	13 (Mười ba) Điểm
<i>Tiêu chuẩn 3.1</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.2</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.3</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.4</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.5</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.6</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.7</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.8</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.9</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.10</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.11</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.12</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.13</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.14</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.15</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	100%	86,7%

2. Các điểm mạnh:

Trường có 100% nhà giáo, cán bộ quản lý kiêm nhiệm giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH.

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo đạt trên 60% trở lên; Tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học đạt 52,8%, cao hơn so với mức quy định 30% đối với các trường Cao đẳng.

3. Các điểm cần cải thiện:

Số lượng nhà giáo được thực tập tại đơn vị sử dụng lao động trong 3 năm 2017, 2018, 2019 chưa đảm bảo theo quy định.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Trường cần căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2017 về việc quy định tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp để bổ sung vào quy chế nội dung quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

Trường cần sắp xếp kế hoạch đào tạo linh hoạt để hàng năm tạo điều kiện cho 100% nhà giáo giảng dạy các môn học, mô-đun chuyên môn nghề được thực tập 4 tuần tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Quy định về công tác tuyển dụng và sử dụng viên chức trong 3 năm 2017, 2018, 2019:

Báo cáo của trường chưa mô tả về nội dung này. Minh chứng trường dẫn trong báo cáo là minh chứng 3.1.02 - *Quyết định số 346/QĐ-CĐCN ngày 18/8/2017 của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức năm năm 2017; Quyết định số 25/QĐ-CĐCN ngày 30/01/2018 của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức năm năm 2018; Quyết định số 61/QĐ-CĐCN ngày 25/02/2019 của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức năm năm 2019.*

Để có cơ sở đánh giá, Đoàn đã phỏng vấn ông Cao Anh Tuấn - Phó Hiệu trưởng phụ trách trường, ông Tuấn cho Đoàn biết: Thành phố Hải Phòng có chủ trương sáp nhập một số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố trong đó có việc quy hoạch sắp xếp sáp nhập các trường Cao đẳng, trung cấp. Vì vậy nhà trường không được tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức và người lao động trong ba năm vừa qua. Ông Tuấn cung cấp cho Đoàn văn bản tham chiếu là “Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 27/2/2018, Kế hoạch thực hiện chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 09/01/2018 của Ban thường vụ Thành ủy về thực hiện nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”. Trong văn bản này tại mục II.2. Về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập: 2.2. “Giao sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng các đề án, phương án sau:

(1) Đề án sắp xếp các trường Cao đẳng nghề công lập, trường trung cấp nghề công lập thành 01 trường Cao đẳng nghề công lập. Thời gian hoàn thành trong năm 2018”.

Thực hiện kế hoạch trên, sở Nội vụ thành phố có văn bản số 434/SNV-TCBC&TCPCP ngày 02/03/2018 về việc chi trả lương đối với lao động hợp đồng bằng nguồn thu sự nghiệp. Văn bản nêu: “đề nghị UBND thành phố giao số người làm việc ổn định cho trường Cao đẳng Công nghiệp là 74 người. Tuy nhiên từ năm 2017 giao số người làm việc theo số có mặt để thực hiện sắp xếp, cụ thể: năm 2017 giao trường Cao đẳng Công nghiệp là 57 người... Trường phải hợp đồng thêm để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên

môn (bằng nguồn thu tự chủ), cụ thể trường Cao đẳng Công nghiệp có 36 lao động hợp đồng...”. Vì vậy theo hướng dẫn của sở Nội vụ thành phố, nhà trường vẫn xây dựng Quy chế tuyển dụng viên chức hàng năm do sở Nội vụ thành phố vẫn giao chỉ tiêu biên chế cho trường. Đoàn đã nghiên cứu minh chứng (3.1.02 - Quyết định số 346/QĐ-CĐCN ngày 18/8/2017 của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức năm năm 2017; Quyết định số 25/QĐ-CĐCN ngày 30/01/2018 của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức năm 2018; Quyết định số 61/QĐ-CĐCN ngày 25/02/2019 của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức năm 2019) cho thấy: trong các quy định tuyển dụng viên chức các năm 2017, 2018, 2019 tại mục I - Cơ sở pháp lý trường đều có ghi: “Căn cứ luật viên chức 2010; Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng và sử dụng viên chức; Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; căn cứ Quyết định số 802/2017 của UBND thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều chỉnh Quy hoạch quản lý tổ chức bộ máy, viên chức và người lao động hợp đồng tại đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo quyết định số 2819/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND thành phố Hải Phòng: quản lý và theo đề nghị của các đơn vị trực thuộc về nhu cầu công việc, vị trí việc làm; Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số nội dung về tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố ban hành kèm theo quyết định số 1324/2016/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2016 của UBND thành phố Hải Phòng”.

Đoàn đánh giá: Trường có quy định về việc tuyển dụng viên chức căn cứ vào các văn bản của nhà nước và của Thành phố Hải Phòng.

Về Quy định sử dụng viên chức, ông Vũ Văn Toàn - Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Tổ chức Hành chính cung cấp cho Đoàn văn bản là Đề án vị trí việc làm. Về nội dung này, ông Toàn trao đổi: do chủ trương sáp nhập nên thành phố chưa phê duyệt đề án vị trí việc làm của trường, tuy nhiên nhà trường vẫn xây dựng đề án tạm thời để làm cơ sở bố trí, sắp xếp cán bộ viên chức, lao động hợp đồng; đồng thời cũng là căn cứ để nhà trường xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, sử dụng nguồn kinh phí tự chủ để thực hiện các hợp đồng mời giáo viên thỉnh giảng, lao động hợp đồng có thời hạn. Đoàn đã bổ sung minh chứng này vào báo cáo đánh giá của Đoàn (BS 3.1.01 - Đề án vị trí việc làm).

Công tác quy hoạch cán bộ quản lý:

Báo cáo của trường nêu: “Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch giai đoạn 2016-2020; 2021-2025 chưa được thành phố Hải Phòng phê duyệt do chủ trương sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, tuy nhiên nhà trường vẫn xây dựng văn bản theo quy định về quy hoạch cán bộ cấp trường và cấp phòng khoa làm cơ sở cho công tác rà soát, đánh giá cán bộ hàng năm” (3.1.03 - Các văn bản thực hiện công tác quy hoạch cán bộ năm 2017, 2018, 2019). Đoàn đã nghiên cứu minh chứng 3.1.03, bao gồm cả hồ sơ quy hoạch cán bộ của trường trong đó có Hướng dẫn số 90/HD-ĐU ngày 22/11/2018 hướng dẫn về công tác quy hoạch

cán bộ lãnh đạo, quản lý các tổ chức đảng, đơn vị trực thuộc trường. Văn bản này được xây dựng căn cứ hướng dẫn tại công văn số 548-CV/BTCTU, ngày 15/7/2016 của Ban Tổ chức Thành ủy về việc quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý. Nội dung văn bản (10 trang) quy định chi tiết các nội dung:

I. Yêu cầu chung về công tác quy hoạch cán bộ;

II. Nội dung, phương pháp, các bước tiến hành xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý;

III. Quản lý và thực hiện quy hoạch;

IV. Tổ chức thực hiện.

Trường đã căn cứ vào văn bản hướng dẫn quy hoạch của Thành phố Hải Phòng để xây dựng văn bản quy hoạch cán bộ của trường.

Minh chứng (3.1.01 - Quyết định số 01/QĐ-CĐCN ngày 01/01/2018 của Trường CĐCN Hải Phòng về việc ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường CĐCN Hải Phòng) trường đưa vào báo cáo không thuộc nội hàm tiêu chuẩn này.

Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Báo cáo của trường mô tả: “...Nhằm quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức Trường đã xây dựng Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBVC” (3.1.06 - Quyết định số 27/QĐ-CĐCN, ngày 30/01/2018 về việc Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBVC). Đoàn đã nghiên cứu minh chứng 3.1.06: Quyết định số 27/QĐ-CĐCN ngày 30/01/2018 ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng. Trong Quyết định trường có ghi: “Căn cứ nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; căn cứ nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của chính phủ về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo; căn cứ thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của bộ Nội vụ hướng dẫn, ký hợp đồng làm việc và đền bù kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; thông tư 19/2014/TT-BNV ngày 04/12/2014 của Bộ Nội vụ quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức”. Quy chế (15 trang) gồm 6 chương 23 điều quy định chi tiết các nội dung về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức:

Chương I. Quy định chung, từ điều 1 đến điều 7;

Chương II. Trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, điều 8, 9;

Chương III. Điều kiện được đi đào tạo, bồi dưỡng, điều 10, 11, 12, 13;

Chương IV. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng, quản lý viên chức, điều 14, 15, 16;

Chương V. Xử lý vi phạm và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng, điều 17, 18, 19, 20, 21;

Chương VI. Điều khoản thi hành, điều 22, 23.

Trường đã căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của nhà nước, của Bộ nội vụ để xây dựng văn bản và công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ viên chức nhà trường.

Đoàn khuyến nghị: trường cần căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2017 về việc quy định tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp để bổ sung vào quy chế nội dung quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

Quy định về công tác đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động: Báo cáo của trường dẫn nhiều văn bản tham chiếu là căn cứ để trường áp dụng xây dựng văn bản quy định về việc đánh giá, phân loại cán bộ viên chức, người lao động: Luật cán bộ, công chức do Quốc Hội ban hành Luật số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008; Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức (cụ thể tại Điều 4, Nghị định 56/2015/NĐ-CP); Nghị định 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, Luật Viên chức do Quốc Hội ban hành Luật số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 08/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác đánh giá, phân loại cán bộ viên chức hàng năm; Quyết định số 2962/2016/QĐ-UBND, ngày 28/11/2016 ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng của thành phố Hải Phòng.

Các minh chứng trong báo cáo của trường gồm: (3.1.04 - Hướng dẫn đánh giá phân loại viên chức, người lao động năm 2017, 2018, 2019; Hướng dẫn thực hiện công tác thi đua khen thưởng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; Công văn hướng dẫn đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Đoàn đã xem xét các minh chứng trường cung cấp. Tuy nhiên nội dung các minh chứng này chỉ là các văn bản hướng dẫn công tác bình xét, xếp loại lao động, xếp loại thi đua hàng năm. Đoàn đã trao đổi với ông Vũ Văn Toàn - phó Trưởng phòng phụ trách phòng Tổ chức - Hành chính, ông Toàn cho Đoàn biết: tháng 7 năm 2017 sau khi trường được đổi tên từ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng thành trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng, nhà trường đã ban hành lại các văn bản để đảm bảo cho các hoạt động của trường, trong đó có Quy chế đánh giá, xếp loại lao động, xếp loại thi đua. Đoàn đã đề nghị trường bổ sung minh chứng (BS 3.1.02 - Quy chế đánh giá, xếp loại lao động, xếp loại thi đua). Trường đã bổ sung minh chứng phù hợp.

Đoàn nhận định: Trường đã căn cứ vào các văn bản của nhà nước, của thành phố Hải Phòng để xây dựng văn bản quy định về công tác đánh giá, phân loại và bình xét thi đua đối với đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Đoàn thống nhất đánh giá: Trường có đầy đủ các văn bản quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động được xây dựng căn cứ vào các văn bản của nhà nước, của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, thành phố Hải Phòng.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác tuyển dụng và sử dụng viên chức trong 3 năm 2017, 2018, 2019:

Do trong 3 năm 2017, 2018, 2019, trường không tuyển dụng viên chức nên Đoàn không đánh giá nội dung này.

Về việc bố trí cán bộ viên chức, lao động hợp đồng đang làm việc tại trường: Qua nghiên cứu đề án việc làm và khảo sát thực tế, Đoàn tổng hợp một số số liệu như sau: Tính đến thời điểm 1/12/2020, tổng số cán bộ viên chức của trường là 60 người; số cán bộ quản lý, viên chức làm việc ở các phòng chức năng là 16 người (trường có 5 phòng chức năng: Phòng Đào tạo; phòng Tổ chức hành chính; phòng Tài vụ; phòng Công tác học sinh sinh viên; phòng Quản trị đời sống); 01 trung tâm: Trung tâm Đào tạo, Dịch vụ và xúc tiến việc làm số lượng 01 người; tổng số nhà giáo 51 người (bao gồm cả nhà giáo kiêm nhiệm cán bộ quản lý và một số viên chức làm việc tại các phòng chức năng).

Căn cứ vào nội dung mô tả vị trí việc làm, trường còn cần bổ sung một số vị trí việc làm tại các phòng chức năng phù hợp chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị. Đối với đội ngũ nhà giáo tại thời điểm hiện tại, do số lượng tuyển sinh của trường hàng năm không nhiều (quy mô tuyển sinh theo giấy phép đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp là 400 - 500HSSV/năm, số lượng tuyển thực tế thấp hơn số đăng ký) vì vậy đội ngũ nhà giáo cơ bản đủ số lượng, đáp ứng được yêu cầu quy mô đào tạo.

Công tác quy hoạch:

Báo cáo tự đánh giá của trường chưa mô tả, phân tích cụ thể nội dung này mà chỉ cung cấp các minh chứng: (3.2.01 - Các văn bản thực hiện công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2018 - 2023; 3.2.02 - Văn bản công nhận kết quả quy hoạch, các số liệu quy hoạch cán bộ 3 năm 2017, 2018, 2019). Qua nghiên cứu minh chứng 3.2.01, Đoàn nhận thấy: thực chất minh chứng này là bộ hồ sơ quy hoạch cán bộ quản lý của trường năm 2017, 2018, 2019 gồm các văn bản: Biên bản họp tập thể lãnh đạo về công tác quy hoạch cán bộ; Danh sách giới thiệu quy hoạch các chức danh; danh sách quy hoạch cán bộ trường quản lý; kết quả kiểm phiếu; Quyết định phê duyệt danh sách rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ.

Các số liệu quy hoạch cán bộ chủ chốt của trường 3 năm 2017, 2018, 2019 thể hiện trong danh sách trình UBND thành phố Hải Phòng như sau:

Năm 2017:

Quy hoạch Hiệu trưởng: 03 người;

Quy hoạch phó Hiệu trưởng: 04 người;
Quy hoạch kế toán trưởng: 01 người;
Quy hoạch cán bộ cấp phòng, khoa: 19 người.

Năm 2018:

Quy hoạch Hiệu trưởng: 02 người;
Quy hoạch phó Hiệu trưởng: 03 người;
Quy hoạch kế toán trưởng: 01 người;
Quy hoạch cán bộ cấp phòng, khoa: 19 người.

Năm 2019:

Quy hoạch Hiệu trưởng: 02 người;
Quy hoạch phó Hiệu trưởng: 05 người;
Quy hoạch kế toán trưởng: 01 người;
Quy hoạch cán bộ cấp phòng, khoa: 18 người.

Đối chiếu với quy định tại Hướng dẫn số 90/HD-ĐU ngày 22/11/2018 về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các tổ chức đảng, đơn vị trực thuộc trường, về các nội dung: tiêu chuẩn cán bộ quy hoạch, quy trình thực hiện thể hiện trên hồ sơ quy hoạch. Đoàn đánh giá trường triển khai thực hiện công tác quy hoạch cán bộ theo đúng quy định đã ban hành.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Nội dung này trường không đề cập trong báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 3.2, vì vậy báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn không có minh chứng để chứng minh nội hàm này. Để có cơ sở đánh giá, Đoàn đã phỏng vấn ông Vũ Văn Toàn phó Trưởng phòng - phụ trách phòng Tổ chức - Hành chính. Ông Toàn cho Đoàn biết: hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng căn cứ vào yêu cầu thực tế của trường, của các cá nhân. Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch và triển khai thực hiện trong năm (3.14.02 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ viên chức 2017, 2018, 2019). Đoàn tổng hợp danh sách cán bộ viên chức của trường được đào tạo, bồi dưỡng như sau (căn cứ vào xác nhận của cơ sở đào tạo và chứng chỉ, bằng cấp của cán bộ viên chức được cử đi học lưu tại phòng Tổ chức - Hành chính): năm 2017: 16 người; năm 2018: 44 người; năm 2019: 51 người. Các lĩnh vực được đào tạo bồi dưỡng là: Chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, Tin học, Lý luận chính trị, An ninh Quốc phòng, kỹ năng quản lý ...

Đoàn đánh giá: Hàng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ viên chức và triển khai thực hiện theo kế hoạch.

Việc đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động:

Báo cáo của trường mô tả: “Công tác đánh giá, phân loại CBVC cũng được thực hiện hàng năm theo đúng quy định, quy trình, hướng dẫn và được tổng hợp để báo cáo cấp trên. Bên cạnh hướng dẫn của cơ quan cấp trên, mỗi năm học Trường đều công khai tiêu chí đánh giá, phân loại CBVC trong quy chế hoạt động năm học. Bên cạnh đó, công tác bình bầu danh hiệu thi đua hàng tháng, năm cũng được các bộ phận và Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường tổ chức đúng quy định, dân chủ, công bằng và công khai” (3.2.03 - Báo cáo về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.2.04 - Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại

viên chức năm 2017, 2018, 2019; 3.2.05 - Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 của tập thể và cá nhân).

Ngoài các minh chứng trường đã cung cấp, Đoàn đề nghị trường bổ sung các minh chứng trường thực hiện theo quy trình đánh giá, xếp loại viên chức: Các bản kiểm điểm cá nhân; các biên bản họp xếp loại lao động, xếp loại thi đua của trường và của các đơn vị. Trường đã bổ sung các tài liệu trên vào hệ thống minh chứng của tiêu chuẩn 3.2: (BS 3.2.01 - Hồ sơ đánh giá, phân loại cán bộ viên chức năm 2017, 2018, 2019).

Đoàn nhận thấy: Trường đã thực hiện đánh giá, xếp loại lao động theo Quy chế đã ban hành, phù hợp với các đối tượng: cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động. Đối với nhà giáo, trường thực hiện đánh giá theo thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH từ năm 2018.

Báo cáo của trường cũng mô tả: “Hàng năm nhà trường triển khai khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động nhằm thu nhận thông tin khách quan giúp nhà Trường có căn cứ điều chỉnh trong công tác quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động góp phần nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ của nhà Trường” (3.2.10 - Báo cáo kết quả khảo sát quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động năm 2017, 2018, 2019). Căn cứ nội dung mô tả của trường, Đoàn đề nghị trường bổ sung minh chứng là các phiếu khảo sát hoặc biên bản họp của trường, của các đơn vị có nội dung trên. Trường đã bổ sung các tài liệu này vào hệ thống minh chứng của tiêu chuẩn 3.2 (3.2.10).

Đoàn đánh giá trường đã thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hàng năm.

Thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động:

Báo cáo của trường chỉ mô tả, phân tích việc thực hiện một số chế độ chính sách đối với nhà giáo: chi trả phụ cấp thâm niên, phụ cấp đứng lớp và cung cấp minh chứng: (3.2.06 - Báo cáo thực hiện chế độ chính sách, ưu đãi đối với nhà giáo trong các năm 2017, 2018, 2019 kèm theo danh sách hưởng ưu đãi giáo viên, phụ cấp TNNG năm 2017, 2018, 2019). Nội dung mô tả và số liệu các nhà giáo được hưởng các chế độ chính sách trong minh chứng 3.2.06 chưa bao quát đầy đủ nội hàm tiêu chuẩn. Để tìm hiểu thông tin có cơ sở đánh giá tiêu chuẩn, Đoàn phỏng vấn ông Cao Anh Tuấn phó Hiệu trưởng phụ trách trường về nội dung này, ông Toàn trao đổi: mặc dù trong những năm gần đây nhà trường gặp rất nhiều khó khăn do chủ trương sáp nhập các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp của thành phố được triển khai thực hiện chậm làm ảnh hưởng đến các hoạt động của trường. Để động viên tư tưởng cán bộ viên chức yên tâm công tác, nhà trường đã chú trọng quan tâm, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức trong biên chế và lao động hợp đồng chờ biên chế. Ngoài việc thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước như: chi trả lương, các khoản theo lương, phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp đứng lớp,... nhà trường còn thực hiện chế độ hỗ trợ cho cán bộ viên chức đi học tập, bồi dưỡng nâng cao

trình độ, chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ viên chức, chi hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường (1.3.05 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019). Trong quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019 tại các chương II, III có quy định chi tiết việc thanh toán theo chính sách, chế độ đối với cán bộ viên chức, người lao động.

Đoàn đề nghị Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh phụ trách kế toán cung cấp các số liệu tài chính liên quan đến việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Cụ thể số liệu trong báo cáo quyết toán tài chính của trường 3 năm 2017, 2018, 2019 như sau: (số liệu thanh toán các khoản chi lương và các khoản đóng góp theo lương; thanh toán các khoản chi khác cho cá nhân theo quy chế chi tiêu nội bộ; chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ và các chế độ khác).

Năm 2017: 7.997.407.047 đồng (thực hiện theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC);

Năm 2018: 7.217.478.964 đồng (thực hiện theo thông tư số 107/2017/TT-BTC);

Năm 2019: 6.944.658.765 đồng (thực hiện theo thông tư số 107/2017/TT-BTC).

Báo cáo của trường mô tả: “Hàng năm, Ban thanh tra nhân dân tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức” (3.2.07 - Biên bản thanh kiểm tra có nội dung thể hiện việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm 2017, 2018, 2019).

Qua báo cáo tổng kết năm của Trường và báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân cho thấy Trường đã thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với đội ngũ CBVC của Trường, không có khiếu nại, tố cáo hoặc các sai phạm trong thực hiện chế độ chính sách (3.2.08 - Báo cáo kết quả hoạt động của ban thanh tra nhân dân và phương hướng nhiệm vụ năm 2017, 2018, 2019; 3.2.09 - Báo cáo việc thực hiện chính sách, ưu đãi đối với nhà giáo năm 2017, 2018, 2019).

Đoàn đã phỏng vấn 25 nhà giáo được đoàn chọn mẫu tại buổi phỏng vấn đại diện nhà giáo ngày 21/12/2020 trong chương trình khảo sát chính thức tại trường. Các nhà giáo Nguyễn Thị Yến khoa Cơ bản; Phạm Thị Thanh - khoa Điện; Nguyễn Văn Năm - khoa Cơ khí cho đoàn biết: “Nhà trường trả lương cho cán bộ viên chức; phụ cấp nhà giáo, thanh toán dạy thêm giờ đúng chế độ và đầy đủ, đảm bảo thời gian. Mặc dù hiện nay nhà trường có khó khăn về tài chính nhưng từ năm 2018 trường đã hỗ trợ cho cán bộ viên chức, người lao động có thu nhập tăng thêm hàng tháng với mức bình quân 800.000đ/tháng/người; Cán bộ nhà giáo được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ được hỗ trợ học phí, công tác phí cho từng loại đối tượng quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Ngoài ra các chế độ khen thưởng, lễ, tết, ngày truyền thống nhà trường, ngày nhà giáo Việt Nam... nhà trường đều quan tâm chi trả động viên cho CB-NG-CNV theo quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ”.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đã thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo đúng các quy định của nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm.

Qua nghiên cứu các minh chứng, phỏng vấn các đối tượng liên quan đối với các nội dung thuộc nội hàm tiêu chuẩn, Đoàn nhận định: Trường đã tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng,

quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Báo cáo của trường đã mô tả chi tiết nội hàm tiêu chuẩn và dẫn ra các số liệu cụ thể (báo cáo của trường tính số liệu đến tháng 12/2019, tuy nhiên tại thời điểm đánh giá, Đoàn đề nghị nhà trường tổng hợp lại số liệu đến 01/12/2020 vì đã có một số nhà giáo chuyển công tác). Tính đến 01/12/2020 nhà trường có 51 nhà giáo, trong 51 nhà giáo có 10 nhà giáo dạy các môn học chung và văn hóa cơ sở; 41 nhà giáo dạy các mô-đun/môn học cơ sở, chuyên ngành trình độ Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; Giảng viên thỉnh giảng là 02 người.

Số liệu nhà giáo căn cứ quy định tại thông tư 08/2017/TT-BLĐT BXH được nhà trường phân tích trong báo cáo như sau:

- 10/10 nhà giáo dạy môn chung và văn hóa cơ sở đảm bảo yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục; năng lực dạy học, năng lực giáo dục; năng lực hoạt động chính trị, xã hội; năng lực phát triển nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông.

- Đối với 41/41 nhà giáo giảng dạy các mô-đun/môn học cơ sở, chuyên ngành đối chiếu với Thông tư 08/2017/TTBLĐT BXH Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, số liệu cụ thể như sau:

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 28/51 người; Đại học 23/51 người (100% nhà giáo có trình độ đại học và trên đại học);

+ Trình độ ngoại ngữ: 51/51 đạt chuẩn (gồm các chứng chỉ B, C, B1 của Hội đồng Anh, cử nhân ngoại ngữ);

+ Trình độ tin học: 51/51 người (Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, Chứng chỉ tin học B, C, đại học, thạc sĩ chuyên ngành tin học);

+ Nghiệp vụ sư phạm: 51/51 nhà giáo đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm (Chứng chỉ SPDN, tốt nghiệp ĐHSPKT, Chứng chỉ NVSP bậc 2);

+ Kỹ năng nghề: 41/41 nhà giáo đạt kỹ năng nghề theo quy định (bậc thợ 4/6, 5/7, 6/7, 7/7; chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, chứng chỉ nhà giáo dạy thực hành

trình độ Cao đẳng; Chứng chỉ kỹ năng nghề Malaysia; Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề; bằng Đại học Sư phạm kỹ thuật).

- 100% nhà giáo của trường đều đáp ứng được các yêu cầu về: Học tập, bồi dưỡng nâng cao, phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học, nghiên cứu khoa học; đảm bảo bảo tiêu chí năng lực phát triển nghề nghiệp theo Thông tư 08/2017/TTBLĐTBXH Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (3.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo năm 2017, 2018, 2019; 3.3.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo; 3.2.03 - Báo cáo về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.3.07 - Kế hoạch, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo, Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm 2017, 2018, 2019).

- 02 nhà giáo thỉnh giảng tham gia giảng dạy các môn học chuyên môn nghề Công nghệ ô tô có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu tại Thông tư 08/2017/TTBLĐTBXH (3.3.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo).

Căn cứ số liệu trường cung cấp, đoàn đã trực tiếp xem xét các văn bằng chứng chỉ của nhà giáo trong hồ sơ nhà giáo. Đoàn xác nhận các số liệu trường cung cấp chính xác so với đối chiếu thực tế của Đoàn.

Đoàn không sử dụng các minh chứng sau đây trong báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3 vì không phù hợp nội hàm tiêu chuẩn (3.3.04 - Danh sách các môn học mô-đun được phân công giảng dạy cho giáo viên, giảng viên; 3.3.05 - Hồ sơ về việc kiểm tra công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đào tạo của các khoa và thực hiện nhiệm vụ của giảng viên năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 3.3.06 - Kết luận về việc kiểm tra công tác thực hiện nhiệm vụ của các khoa chuyên môn và giảng viên).

Đối chiếu với quy định về tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH. Đoàn nhận định, việc trường đảm bảo tiêu chuẩn nhà giáo là điểm mạnh của trường.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Báo cáo của trường mô tả: “Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và NLD được quy định rõ tại chương III trong Quyết định số 99/QĐ-CĐCNHP ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng” (1.1.02 - Quyết định

số 99/QĐ-CĐCNHP ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng). Trong Quy định về nhiệm vụ và hoạt động của các đơn vị trực thuộc trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 99/QĐ-CĐCNHP tại chương III - Nhiệm vụ và quyền của giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động:

Điều 7. Nhiệm vụ của giảng viên, cán bộ viên chức, người lao động;

Điều 8. Quyền của giảng viên, cán bộ viên chức, người lao động.

Để có cơ sở đối chiếu, đánh giá Đoàn đề nghị trường bổ sung minh chứng văn bản phân công nhiệm vụ của các đơn vị hàng năm. Trường đã bổ sung minh chứng phù hợp (BS 3.4.01 - Văn bản phân công nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường).

Đối chiếu các văn bản quy định nhiệm vụ, quyền hạn của nhà giáo, cán bộ, viên chức, người lao động; các văn bản phân công nhiệm vụ của các đơn vị và kết quả đánh giá xếp loại lao động, xếp loại thi đua của cán bộ viên chức, người lao động 3 năm 2017, 2018, 2019 (Đoàn chỉ tổng hợp kết quả xếp loại lao động trong báo cáo đánh giá của Đoàn):

Năm 2017: 77/77 người xếp loại lao động từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

Năm 2018: 71/71 người xếp loại lao động từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

Năm 2019: 61/61 người xếp loại lao động từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Đoàn nhận định: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và trong 3 năm liên tục trường không có cá nhân vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Đoàn xác nhận các minh chứng sau đây của trường phù hợp với nội hàm tiêu chuẩn: (3.4.02 - Báo cáo kết quả đánh giá phân loại cán bộ công chức, viên chức người lao động năm 2017, 2018, 2019; 3.4.03 - Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động năm 2017, 2018, 2019; 3.4.04 - Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động năm 2017, 2018, 2019; 3.4.05 - Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại viên chức năm 2017, 2018, 2019; 1.6.07 - Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 của tập thể và cá nhân; 3.4.07 - Báo cáo về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.4.08 - Quyết định xếp loại chất lượng chi bộ, chất lượng đảng viên năm 2017,2018,2019; 1.12.09 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2017, 2018,2019 của Nhà trường).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát các minh chứng cho thấy, số liệu trong 02 minh chứng (3.5.05 - Bảng thống kê số lượng giáo viên quy đổi số lượng HSSV quy đổi năm 2017, 2018, 2019; 3.5.06 - Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm 2017, 2018, 2019) là không chính xác, Đoàn đã tiến hành nghiên cứu các minh chứng (3.3.01 - Danh sách trích ngang giáo viên cơ hữu của Trường năm 2017,2018, 2019; 3.5.02 - Danh sách trích ngang giáo viên mời thỉnh giảng của Trường năm học 2019-2020; 3.5.03 - Hồ sơ quản lý nhà giáo đến tháng 12 năm 2020 của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng; 3.5.04 - Danh sách HSSV từng lớp, từng khóa 2017, 2018, 2019), cho kết quả cụ thể như sau:

Số nhà giáo chuyên trách, cán bộ kiêm giảng và giáo viên thỉnh và quy đổi trong ba năm qua như sau:

Năm học	Nhà giáo chuyên trách	Cán bộ kiêm giảng		Nhà giáo thỉnh giảng		Giáo viên quy đổi
		Số lượng	Số giờ giảng	Số lượng	Số giờ giảng	
Năm 2017-2018	60	8	650	0		61.3
Năm 2018-2019	57	7	580	0		58.1
Năm 2019-2020	46	7	580	2	200	47.5

Như vậy, tổng số HSSV quy đổi, giáo viên quy đổi trong 03 năm qua như sau:

Năm học	Số HSSV quy đổi	Số nhà giáo quy đổi	Tỷ lệ HSSV/nhà giáo
2017-2018	750	61.3	12.23
2018-2019	724	58.1	12.46
2019-2020	603	47.5	12.69

Vậy tỷ lệ HSSV quy đổi/nhà giáo quy đổi hàng năm đảm bảo theo quy định.

Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận được gần hoàn toàn khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo tại Trường, chỉ có 02 giáo viên thỉnh giảng cho nghề Công nghệ ô tô vào năm học 2019-2020 (2.6.01 - Kế hoạch giáo viên học kỳ I, II năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Tính đến thời điểm đánh giá (tháng 12/2020), tổng số nhà giáo chuyên trách, cán bộ kiêm giảng, nhà giáo thỉnh giảng là 51 nhà giáo chuyên trách và cán bộ kiêm giảng (so với cuối năm học 2019-2020 giảm 02 người do chuyển công tác), trong đó có 28 nhà giáo có trình độ thạc sỹ, chiếm 54,9%, đảm bảo tất cả các nghề đào tạo trình độ Cao đẳng đều có nhà giáo có trình độ sau đại học (3.3.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo; 3.2.03 - Báo cáo về kết

quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Báo cáo của trường mô tả, phân tích: “Hàng năm, Nhà trường đã lập kế hoạch đào tạo khóa học, tiến độ giảng dạy theo từng năm học (2.4.02 - Kế hoạch đào tạo các nghề từng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 ; 2.5.03 - Tiến độ giảng dạy các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020), trên cơ sở đó Khoa đã xây dựng tiến độ giảng dạy cho từng khóa học, kế hoạch nhà giáo giảng dạy các môn học/ mô-đun từng học kỳ, xây dựng thời khoá biểu cho các khoá đảm bảo khoa học và phù hợp. Các nhà giáo được phân công đã thực hiện giảng dạy theo đúng kế hoạch, thời khoá biểu, có đầy đủ hồ sơ bài giảng được phê duyệt trước khi lên lớp (3.6.03 - Tiến độ giảng dạy các khóa, ngành, nghề từng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.6.01 - Kế hoạch giáo viên các khoa từng học kỳ, năm học các năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.6.01 - Giáo án giảng dạy các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.6.01 - Sổ tay nhà giáo các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.6.01 - Sổ lên lớp các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.6.08 - Thời khoá biểu các lớp, khóa từng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Đoàn đã nghiên cứu minh chứng và thực hiện chọn mẫu hồ sơ giảng dạy của 05 nhà giáo thuộc 5 nghề trọng điểm khu vực và Quốc tế đào tạo học sinh trình độ Cao đẳng:

+ Nhà giáo Phạm Văn Tùng (nghề Công nghệ ô tô), Năm học 2019-2020 được phân công giảng dạy mô-đun Sửa chữa, Bảo dưỡng hệ thống di chuyển;

+ Nhà giáo Phạm Thị Thanh (nghề Điện công nghiệp), Năm học 2019-2020 được phân công giảng dạy mô-đun Cung cấp điện;

+ Nhà giáo Định Thị Thùy Linh (nghề Cắt gọt kim loại), Năm học 2019-2020 được phân công giảng dạy mô-đun: Lăn nhám lăn ép;

+ Nhà giáo Lê Thị Thuận (nghề Điện tử công nghiệp), Năm học 2019-2020 được phân công giảng dạy mô-đun: Mạch điện tử cơ bản.

+ Nhà giáo Phạm Văn Bắc (nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí), Năm học 2019-2020 được phân công giảng dạy mô-đun: Điều hòa không khí cục bộ.

Qua nghiên cứu hồ sơ giảng dạy của các nhà giáo trên và đối chiếu với các mô-đun các nhà giáo được phân công giảng dạy trong chương trình đào tạo cho thấy các nhà giáo đã tuân thủ đúng quy định: Thiết kế bài giảng trong giáo án có xác định mục tiêu rõ ràng;

nội dung bài giảng tuân thủ các đề mục và nội dung trong chương trình đào tạo của mô-đun.

Về nội dung: Nhà giáo thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo, Đoàn đã phỏng vấn các Trưởng khoa, nhà giáo tại buổi phỏng vấn đại diện nhà giáo của trường ngày 21/12/2020. Các nhà giáo có mặt tại buổi phỏng vấn đều thống nhất một số yêu cầu cơ bản mà nhà giáo phải thực hiện trong chương trình đào tạo: Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho bài học (phòng học, thiết bị, nguyên vật liệu...); Chuẩn bị hồ sơ giảng dạy; tổ chức thực hiện giảng dạy theo quy định; đánh giá kết quả học tập; hướng dẫn tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh. Nhà giáo Trần Văn Quỳnh - Trưởng khoa Điện được Đoàn phỏng vấn nội dung này đã phát biểu: Các nhà giáo của khoa Điện được yêu cầu chuẩn bị vật tư, nguyên vật liệu trước khi giảng dạy mô-đun để chủ động kế hoạch giảng dạy; khoa kiểm tra hồ sơ giảng dạy của nhà giáo khi phê duyệt giáo án giảng dạy, coi đây là biện pháp phòng ngừa để các nhà giáo trong khoa chấp hành đúng quy định.

Đoàn đã nghiên cứu minh chứng (BS 2.6.03 - Báo cáo kiểm tra các hoạt động đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020). Nội dung các báo cáo có đánh giá việc thực hiện các biểu mẫu sổ sách của chương trình đào tạo đối với các nhà giáo tại các khoa, nghề. Hồ sơ xếp loại lao động hàng năm của các nhà giáo không có nhà giáo vi phạm các quy định của trường liên quan đến nội hàm tiêu chuẩn.

Đoàn đánh giá các Nhà giáo của trường chấp hành nghiêm túc việc chuẩn bị và thực giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Báo cáo của trường mô tả: “Nhà trường đã luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc học tập, nâng cao trình độ nhà giáo. Nhà trường có chính sách hỗ trợ học phí, giảm giờ dạy, tạo điều kiện về mặt thời gian cho các cho nhà giáo đi học nâng cao. Những chính sách này được thể hiện rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường” (1.3.05 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019. (Đoàn thay đổi lại mã minh chứng 3.5.16 vì tại tiêu chí 1 có mã minh chứng “quy chế chi tiêu nội bộ” là 1.3.05). Về mức hỗ trợ tài chính cho các đối tượng đi học tập, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, trong quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 tại các trang 16, 17, 18 mục 12 có quy định cụ thể mức hỗ trợ kinh phí đối với các trường hợp cụ thể.

Về việc thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy:

Để có căn cứ đánh giá, Đoàn đã đề nghị trường bổ sung các minh chứng liên quan đến việc thanh toán chế độ cho cán bộ viên chức học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ. Trong báo cáo tài chính các năm 2017, 2018, 2019 (BS 3.7.01 - Báo cáo tài chính năm 2017, 2018, 2019) thể hiện kinh phí trường đã hỗ trợ cho cán bộ viên chức đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ như sau:

- + Năm 2017: 2.050.000 đồng;
- + Năm 2018: 21.000.000 đồng;
- + Năm 2019: 111.510.000 đồng.

Số liệu tài chính cho thấy mức hỗ trợ tài chính của trường cho nhà giáo năm 2019 đã tăng nhiều so với năm 2017.

Tại buổi phỏng vấn của Đoàn ngày 21/12/2020 với 25 nhà giáo. Nhà giáo Nguyễn Thị Thúy Hiền - Ủy viên BCH Công đoàn trường đã cho biết: Ngoài hỗ trợ bằng tiền cho cán bộ viên chức đi học tập nâng cao trình độ, Công đoàn đã phối hợp với chính quyền thực hiện các biện pháp để đoàn viên công đoàn có thể tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn như: Bố trí nhiệm vụ chuyên môn hợp lý để đoàn viên công đoàn có thời gian đi học; giảm thời gian làm việc theo chế độ; phát động các phong trào như Hội giảng giáo viên, tự làm thiết bị đào tạo, thông qua đó nhà giáo được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm; nhà trường có quy định khen thưởng cho các nhà giáo có thành tích hàng năm.

Minh chứng (3.7.02 - Kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ của giáo viên năm 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 2018,2019) trường dẫn trong báo cáo không phù hợp với nội hàm tiêu chuẩn.

Báo cáo của trường cũng mô tả: “Ngoài ra Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên để có căn cứ điều chỉnh bổ sung cơ chế chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy” (3.7.04 - Kế hoạch, Phiếu khảo sát, Bảng tổng hợp số liệu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát về thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy của nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2017, 2018, 2019). Đoàn đã kiểm tra minh chứng trên và xác nhận các thông tin phù hợp với nội dung các nhà giáo cung cấp cho Đoàn tại buổi phỏng vấn.

Đoàn đánh giá Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đoàn đã nghiên cứu minh chứng: (3.8.01 - Kế hoạch cho nhà giáo đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2017, 2018, 2019).

Đoàn xác nhận 3 năm 2017, 2018, 2019 trường đều có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo. Qua xem xét các minh chứng trường cung cấp, Đoàn thấy trường đã thực hiện xây dựng kế hoạch theo các bước:

- + Các cá nhân xây dựng kế hoạch đề nghị nội dung bồi dưỡng đào tạo gửi đơn vị quản lý trực tiếp;
- + Phòng Tổ chức - Hành chính tập hợp nhu cầu từ các đơn vị, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm;
- + Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và triển khai đến các đơn vị để thực hiện.

Minh chứng trường cung cấp là Kế hoạch cho nhà giáo đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2017, 2018, 2019; các kế hoạch cá nhân đề nghị được đào tạo bồi dưỡng; tổng hợp danh sách dự kiến đào tạo bồi dưỡng hàng năm của trường. Đoàn đề nghị trường bổ sung các minh chứng này sử dụng trong báo cáo đánh giá của Đoàn (BS 3.8.01 - Các kế hoạch cá nhân đề nghị được đào tạo bồi dưỡng; Tổng hợp danh sách dự kiến đào tạo bồi dưỡng hàng năm của trường ghép trong minh chứng 3.8.01).

Nội dung kế hoạch chi tiết, kèm theo phụ lục dự kiến danh sách và nội dung bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các nhà giáo cơ hữu của trường Đoàn đã tổng hợp cụ thể:

- + Năm 2017: danh sách dự kiến có 40/52 người;
- + Năm 2018: danh sách dự kiến có 30/48 người;
- + Năm 2019: danh sách dự kiến có 30/41 người.

Các nội dung dự kiến đào tạo, bồi dưỡng: Đào tạo thạc sỹ; tham gia khoá đào tạo theo dự án Tăng cường kỹ năng nghề; tập huấn kỹ năng đánh giá bài giảng; xây dựng và phát triển chương trình, giáo trình; bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề cho nhà giáo để được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; bồi dưỡng công nghệ mới; nghiệp vụ quản lý các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp; nghiệp vụ quản lý cấp phòng và tương đương; Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ.

Về nội dung triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo. Báo cáo của trường dẫn số liệu cụ thể như sau:

- Năm 2017: Số nhà giáo được cử đi học 13 người;
- Năm 2018: Số nhà giáo được cử đi học 32 người;
- Năm 2019: Số nhà giáo được cử đi học 35 người.

Trường cung cấp các minh chứng: (3.8.02 - Các quyết định cử cán bộ, nhà giáo tham gia các khóa đào tạo năm 2017, 2018, 2019; 3.8.03 - Các văn bằng chứng chỉ của nhà giáo được cử đi tham gia các khóa đào tạo năm 2017, 2018, 2019; 3.8.04 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học cho cán bộ, giảng viên, năm học 2017-2018; 3.8.05 - Quyết định cử CB-NG-CNV tham gia khóa bồi dưỡng tiếng Anh năm 2018).

Qua xem xét các minh chứng, Đoàn xác nhận các số liệu trường cung cấp trong 3 năm 2017, 2018, 2019 là chính xác, phù hợp với các số liệu thống kê trong minh chứng. Trường cung cấp bổ sung minh chứng (BS 3.8.02 - Các báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng).

Đoàn đánh giá: Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo được nhà trường triển khai theo kế hoạch đã dự kiến và các nhà giáo có danh sách đi học tập, bồi dưỡng hàng năm đều được tạo điều kiện tham gia.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Báo cáo của trường mô tả: “Căn cứ chế độ làm việc của nhà giáo, hàng năm Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt kế hoạch thực tập, bồi dưỡng tại các doanh nghiệp do phòng Tổ chức hành chính tổng hợp theo đề nghị của các khoa chuyên môn. Kế hoạch thâm nhập thực tế của nhà giáo tại các doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành, đây chính là môi trường thuận lợi để giáo viên tham gia vào hoạt động, lao động tại cơ sở sản xuất từ đó nhà giáo sẽ xây dựng kế hoạch giảng dạy của cá nhân, đơn vị sát với thực tế, giúp người học khi tốt nghiệp đáp ứng với môi trường lao động mới. Hàng năm, nhà Trường có cử nhà giáo tham gia giảng dạy ở tất cả các nghề đào tạo của trường đi thực tập tại các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài thành phố”.

Trường cung cấp các số liệu:

Năm 2017: có 43 nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp;

Năm 2018: có 42 nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp;

Năm 2019: có 35 nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp.

Các minh chứng trường dẫn trong báo cáo bao gồm: (3.9.02 - Quyết định số 57/QĐ-CĐCN, ngày 03/03/2017 về việc ban hành Quy định cử giáo viên đi trải nghiệm thực tế tại

Doanh nghiệp; 3.9.03 - Kế hoạch giáo viên đi trải nghiệm tại các doanh nghiệp năm 2017, 2018, 2019; 3.9.04 - Danh sách nhà giáo viên cơ hữu tham gia trải nghiệm tại doanh nghiệp và quản lý sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp năm 2017, 2018, 2019 kèm theo quyết định của Hiệu trưởng; Kết quả thực tập có xác nhận của doanh nghiệp; 3.9.05 - Báo cáo kết quả trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp của giáo viên năm 2017, 2018, 2019; 3.9.06 - Hình ảnh nhà giáo đi trải nghiệm tại các đơn vị sử dụng lao động năm 2017, 2018, 2019).

Các minh chứng: (3.9.07 - Nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức năm 2017, 2018, 2019; 3.9.08 - Biên bản họp giao ban lãnh đạo hàng tháng; 3.9.09 - Báo cáo kết quả khảo sát về tổng kết, đánh giá hiệu quả công việc đi bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất của nhà giáo năm 2017, 2018, 2019) không phù hợp nội hàm tiêu chuẩn.

Căn cứ các minh chứng trường cung cấp, căn cứ kế hoạch đào tạo, kế hoạch giáo viên tại các khoa chuyên môn (2.5.03 - Tiến độ đào tạo các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.6.01 - Các kế hoạch giáo viên; Thời khóa biểu), Đoàn tổng hợp số liệu nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp từ các khoa chuyên môn và đối chiếu với số liệu nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp trường dẫn trong báo cáo. Đoàn thấy số liệu nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp trường dẫn trong báo cáo bao gồm một số nhà giáo kết hợp đưa học sinh đi thực tập, trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp. Tuy nhiên căn cứ kế hoạch đào tạo, của các khoa, kế hoạch giáo viên cho thấy thời gian thực tập doanh nghiệp của các nhà giáo này chưa đảm bảo 4 tuần theo quy định. Các nhà giáo tại các khoa chuyên môn đảm bảo thời gian thực tập 4 tuần theo kết quả mà Đoàn tổng hợp như sau:

Năm 2017: có 26/43 nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp;

Năm 2018: có 28/42 nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp;

Năm 2019: có 28/35 nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp.

Đoàn đánh giá: số lượng nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp trong 3 năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 Trường chưa đạt 100% theo hướng dẫn tại Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019, vì vậy Trường không đạt yêu cầu tiêu chuẩn này.

Đoàn khuyến nghị: Trường cần sắp xếp kế hoạch đào tạo linh hoạt để hàng năm tạo điều kiện cho 100% nhà giáo giảng dạy các môn học, mô-đun chuyên môn nghề được thực tập 4 tuần tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.9:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>

Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Báo cáo tự đánh giá của trường nêu: “Sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhà Trường có đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế từ đó rà soát, lập danh sách các nhà giáo chưa đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ tạo điều kiện thời gian để các nhà giáo tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành. Nội dung đánh giá được nhà trường chỉ đạo cho các khoa chuyên môn trực tiếp xây dựng báo cáo và tổ chức đánh giá tại các cuộc họp của từng đơn vị. Nhà trường tổng hợp nội dung, kết quả tại báo cáo trong hội nghị cán bộ viên chức hàng năm” (3.10.3 - Báo cáo tổng kết hội nghị viên chức 2017, 2018, 2019).

Về nội dung đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo bồi dưỡng, Đoàn trích dẫn nội dung trong báo cáo tại hội nghị cán bộ viên chức năm 2019 của trường như sau: “... Thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ nhà giáo của trường đã được chuẩn hóa theo các quy định hiện hành; chất lượng nhà giáo được nâng lên, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của trường ...”.

Báo cáo của trường cũng mô tả: “Hàng năm, nhà Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi về công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo nhằm thu thập ý kiến khách quan làm căn cứ trong việc điều chỉnh nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trong toàn Trường (3.10.5 - Báo cáo kết quả khảo sát về tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo năm 2017, 2018, 2019). Trong minh chứng 3.10.05, Trường thực hiện khảo sát về hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo năm 2019:

Số người tham gia khảo sát: 53 người;

Nội dung khảo sát: Khảo sát hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo;

Trường thực hiện khảo sát 6 nội dung (trong các phiếu khảo sát) với các mức độ: rất hiệu quả, hiệu quả, ít hiệu quả, không hiệu quả.

Kết quả khảo sát ở 6 nội dung cho thấy tỷ lệ đánh giá hiệu quả và rất hiệu quả đều đạt trên 90% trở lên (trường có số liệu tổng hợp ở từng nội dung trong báo cáo).

Tại buổi phỏng vấn của Đoàn với các nhà giáo ngày 21/12/2020, một số nhà giáo cũng phát biểu: các khóa đào tạo, bồi dưỡng mà họ tham gia, nhất là các khóa bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghề, lĩnh vực tiếp cận công nghệ mới về kỹ thuật của một số ngành nghề: Công nghệ ô tô, Điện, Điện tử, Cắt gọt kim loại rất có hiệu quả. Các nhà giáo bày tỏ mong muốn được tham gia nhiều khóa đào tạo về chuyên môn hơn nữa để được thường xuyên cập nhật các công nghệ mới, nâng cao kiến thức và kỹ năng, đáp ứng được yêu cầu đào tạo ngày càng đòi hỏi cao hơn.

Đoàn đánh giá: Hằng năm, trường có thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo. Tuy nhiên Đoàn khuyến nghị, hàng năm trường cần đầu tư xây dựng báo cáo tổng kết trong đó đánh giá hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ viên chức, đội ngũ nhà giáo với nội dung cụ thể, sâu sát, toàn

diện hơn. Báo cáo cần chỉ ra được những tồn tại hạn chế trong công tác đào tạo bồi dưỡng để rút kinh nghiệm cho những năm tiếp theo. Đồng thời cũng cần có đánh giá thực tế từ kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo và các đối tượng có liên quan để rút kinh nghiệm, cải tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ viên chức, nhà giáo hàng năm.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.10:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại thời điểm 12/2020, Ban Giám hiệu nhà trường chỉ có 01 người: ông Cao Anh Tuấn - Phó Hiệu trưởng phụ trách trường. Đoàn đã nghiên cứu hồ sơ của ông Cao Anh Tuấn do phòng Tổ chức Hành chính cung cấp: Ông Cao Anh Tuấn được Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng giao phụ trách Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng tại Quyết định số 3660/QĐ-CT, ngày 29/12/2017 (3.11.01 - Quyết định số 3660/QĐ-CT, ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng giao phụ trách Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng).

Hồ sơ của ông Cao Anh Tuấn thể hiện: Ông Cao Anh Tuấn sinh năm 1968.

Có bằng thạc sỹ kỹ thuật, chuyên ngành tự động hóa phù hợp với chuyên ngành giảng dạy tại nhà trường (Số bằng 364 ngày 20/03/2008 do trường Đại học Hàng Hải cấp);

Giấy chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Quyết định số: 940/QĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp ngày 10/9/2019);

Các chứng chỉ ngoại ngữ (C tiếng Anh); Tin học (ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản); Chứng chỉ kỹ năng nghề Quốc gia bậc 3; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ Cao đẳng;

Có thâm niên giảng dạy và tham gia làm công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp 13 năm.

Đối chiếu với các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện tại Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ Trường Cao đẳng có quy định áp dụng khoản 2 điều 14 luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 quy định tiêu chuẩn Hiệu trưởng trường trung cấp, trường Cao đẳng. Đoàn đánh giá phó Hiệu trưởng phụ trách trường đảm bảo các điều kiện quy định.

Qua tìm hiểu Đoàn được biết, do chủ trương quy hoạch sáp nhập các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp của thành phố Hải phòng nên ông Cao Anh Tuấn chưa được làm quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng, đồng thời Trường cũng chưa được thành phố cho phép bổ sung thêm cán bộ lãnh đạo. Như vậy, từ tháng 12/2017 sau khi được giao phụ trách trường, ông Tuấn

chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ các hoạt động của trường với cương vị Bí thư Đảng ủy, phó Hiệu trưởng phụ trách trường. Trong 3 năm qua, ông Tuấn đã cùng với tập thể BCH Đảng ủy, cán bộ viên chức nhà trường khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đoàn đã nghiên cứu các minh chứng trường cung cấp (3.11.04 - Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo quản lý Đ/C Phó Hiệu trưởng phụ trách các năm 2017, 2018, 2019 của UBND thành phố; 1.11.05 - Báo cáo tổng kết công tác năm học 2016 -2017, 2017 -2018, 2018-2019 của Nhà trường; 3.11.06 - Các quyết định thi đua, khen thưởng đối với các đồng chí Đ/C Phó Hiệu trưởng) cho thấy: các năm 2017, 2018, 2019:

+ Cá nhân ông Tuấn đều được Hội đồng thi đua thành phố Hải phòng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;

+ Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải phòng được thành phố xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đoàn đánh giá: Đồng chí phó Hiệu trưởng phụ trách trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.11:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ minh chứng (3.12.02 - Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường), Đoàn tổng hợp số liệu cán bộ quản lý tính đến tháng 1/12/2020 như sau:

Tổng cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, trung tâm: 13 người. Trong đó:

Cán bộ cấp trưởng: 06 người;

Cán bộ cấp phó được giao phụ trách đơn vị: 05 người;

Cán bộ cấp phó: 02 người.

Báo cáo của trường mô tả: “Trường đã bổ nhiệm mới 01 cán bộ quản lý và bổ nhiệm lại 05 cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, Trung tâm. Nhà trường đã thực hiện việc giao phụ trách kế toán theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tại các Nghị định, Thông tư Thông tư số 04/2018/TT -BNV ngày 27/03/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc kế toán trưởng, phụ cấp kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán trong nhà nước. Người phụ trách kế toán đảm bảo đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (3.12.03 - Quyết định số 23/QĐ-CDN ngày 03/10/2017 của Trường CD Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường CD hải Phòng; 3.12.04 - Các quyết định về việc bổ

nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý hàng năm 2017, 2018, 2019; 3.12.05 - Quyết định số 620/QĐ-CĐCN ngày 28/12/2018 về việc giao phụ trách kế toán trưởng).

Đoàn đề nghị trường bổ sung minh chứng (BS 3.12.01 - Hồ sơ quy hoạch cán bộ quản lý) để đánh giá việc tuân thủ quy định: cán bộ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phải trong diện quy hoạch hàng năm của trường. Căn cứ minh chứng cho thấy các cán bộ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều trong danh sách quy hoạch.

Về tiêu chuẩn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại: Đối chiếu với quy định tại Quyết định số 2090/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2011 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (Chương 2 - điều 6): các cán bộ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

Về thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại: Đoàn căn cứ văn bản tham chiếu là Quyết định số Quyết định số 2090/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2011 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; Quyết định số 23/QĐ-CĐN ngày 03/10/2017 của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường CĐ Hải Phòng: Quy trình bổ nhiệm nguồn cán bộ tại chỗ của nhà trường được thực hiện theo các bước sau: Đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm trình văn bản xin chủ trương bổ nhiệm; Trên cơ sở quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý tại đơn vị, tập thể lãnh đạo đơn vị thảo luận, nhận xét, đánh giá, lựa chọn nhân sự đảm bảo tiêu chuẩn chức danh theo quy định để giới thiệu thực hiện quy trình; Tổ chức hội nghị lấy ý kiến về nhân sự được giới thiệu tại đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm; Lấy ý kiến nhận xét của các cấp ủy đảng, chi ủy nơi cư trú; Thực hiện bổ nhiệm đối với nhân sự đáp ứng được các yêu cầu về điều kiện tiêu chuẩn và các bước của quy trình.

Đoàn nhận định trường đã thực hiện đúng quy trình hướng dẫn của Thành phố Hải Phòng trong công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ của trường.

Đoàn đã nghiên cứu minh chứng (3.12.02 - Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường) cho thấy:

Năm 2017: Số cán bộ được bổ nhiệm 0 người; Bổ nhiệm lại là 01 người;

Năm 2018: Số cán bộ được bổ nhiệm là 0 người; Bổ nhiệm lại là 01 người;

Năm 2019: Số cán bộ được bổ nhiệm là 01 người; Bổ nhiệm lại là 02 người.

Trong 3 năm 2017, 2018, 2019 trường không có trường hợp cán bộ được miễn nhiệm.

Đoàn đánh giá: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.12:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý tại minh chứng 3.12.01, đoàn đã nghiên cứu hồ sơ cán bộ quản lý. Các số liệu cụ thể tổng hợp của đoàn cho thấy:

Tổng số cán bộ quản lý cấp trường, phó phòng, khoa, trung tâm: 13 người (thời điểm 1/12/2020), 100% cán bộ quản lý của trường đều được phân công kiêm nhiệm giảng dạy.

Trình độ chuyên môn: Đại học 05 người; Thạc sỹ 08 người;

Trình độ ngoại ngữ: 13/13 người (chứng chỉ ngoại ngữ B hoặc tương đương trở lên);

Trình độ tin học: 13/13 người (chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản hoặc tương đương trở lên);

Nghiệp vụ sư phạm: 13/13 (02 cán bộ quản lý không phải giảng viên kiêm nhiệm).

Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh - Phụ trách kế toán: Đại học Quản trị Tài chính kế toán, chứng chỉ Kế toán trưởng

(3.13.01 - Hồ sơ đội ngũ cán bộ Nhà trường; 3.13.02 - Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường kèm theo chứng chỉ, bằng cấp).

Căn cứ Quyết định số 2090/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2011 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH; Đối chiếu với hồ sơ cán bộ, Đoàn đánh giá 100% cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Để có cơ sở đánh giá nội dung: *cán bộ quản lý thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao.* Đoàn đã xem xét các quyết định bổ nhiệm cán bộ (3.12.04 - Các quyết định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý hàng năm 2017, 2018, 2019); chức năng nhiệm vụ và hoạt động của các đơn vị; các báo cáo thực hiện nhiệm vụ hàng năm của các đơn vị. Nội dung các văn bản này cho thấy 100% cán bộ quản lý được phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn được đào tạo, hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

Tổng hợp kết quả xếp loại lao động, xếp loại thi đua trong 3 năm 2017, 2018, 2019 của đội ngũ cán bộ quản lý của trường như sau:

Năm 2017: 13/13 người xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Năm 2018: 15/15 người xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Năm 2019: 13/13 người xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Căn cứ kết quả xếp loại lao động, và các văn bản về công tác tổ chức có liên quan. Đoàn nhận định 100% cán bộ quản lý của trường thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.13:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đoàn đã nghiên cứu các minh chứng: (3.14.01 - Kế hoạch số 33/KH-CDCN ngày 31 tháng 02 năm 2018 về việc bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý của nhà Trường giai đoạn 2018-2020; 3.14.02 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ viên chức 2017, 2018, 2019).

Đoàn xác nhận 3 năm 2017, 2018, 2019 trường đều có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ cán bộ viên chức, trong đó có đội ngũ nòng cốt là cán bộ quản lý. Cụ thể:

+ Năm 2017: danh sách dự kiến theo kế hoạch 8/14 người; các nội dung đào tạo, bồi dưỡng: Thạc sỹ chuyên ngành, Quân sự an ninh Quốc phòng, Lý luận chính trị, nghiệp vụ sư phạm;

+ Năm 2018: danh sách dự kiến theo kế hoạch 13/15 người; các nội dung đào tạo, bồi dưỡng: Bảo đảm chất lượng, kỹ năng quản lý cấp phòng và tương đương, Quản lý tài sản công, nghiệp vụ đấu thầu, Luật lao động, tài chính, nghiệp vụ quản lý dự án;

+ Năm 2019: danh sách dự kiến theo kế hoạch 12/13 các nội dung đào tạo, bồi dưỡng: Quản lý thiết bị, đấu thầu qua mạng, cao cấp lý luận chính trị, chuyên viên chính, tập huấn cải cách tiền lương và luật Bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ quản lý cơ sở Giáo dục nghề nghiệp, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp phòng.

Về nội dung triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, Đoàn đã tập hợp số liệu từ các minh chứng: (3.14.01 - Báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng của cán bộ các năm từ 2017 - 2020 kèm theo danh sách cán bộ tham gia học tập đào tạo, bồi dưỡng các năm 2017, 2018, 2019) cho thấy số cán bộ quản lý được cử đi học tập, bồi dưỡng trong 3 năm như sau:

Năm 2017: 02/14 người; Năm 2018: 10/15 người; Năm 2019: 10/13 người.

Đoàn đã xem xét các chứng chỉ, xác nhận của cơ sở đào tạo lưu tại phòng Hành chính - Tổ chức và xác nhận các số liệu trường cung cấp là chính xác. Đoàn đề nghị trường bổ sung minh chứng BS 3.14.01- Danh sách cán bộ quản lý được cử đi đào tạo bồi dưỡng năm 2017, 2018, 2019 kèm theo văn bằng chứng chỉ. Trường đã bổ sung minh chứng này.

Đoàn đánh giá Trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý trong 3 năm 2017, 2018, 2019.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.14:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ danh sách trích ngang đội ngũ viên chức, người lao động của trường tính đến thời điểm tháng 12/2020 có 06 người đang làm việc tại các vị trí sau:

Nhân viên Y tế, Văn thư làm việc tại phòng Tổ chức - Hành chính: 01 người (Bằng Đại học Luật; Trung cấp Y tế điều dưỡng);

Nhân viên quản lý Điện, Nước làm việc tại phòng Quản trị đời sống: 01 người (Kỹ sư Điện);

Nhân viên lái xe làm việc tại phòng Quản trị đời sống: 01 người;

Thủ quỹ: 01 người làm việc tại phòng Tài vụ (Kỹ sư chế tạo máy);

Kế toán viên: 01 người làm việc tại phòng Tài vụ (Đại học Tài chính kế toán);

Nhân viên nghiệp vụ làm việc tại phòng Công tác học sinh sinh viên: 01 người (Đại học ngoại ngữ)

(3.15.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ viên chức và người lao động năm 2017; 2018, 2019; Đề án vị trí việc làm).

Căn cứ quyết định phân công nhiệm vụ của trường đối với bà Trần Thị Tĩnh - Thủ quỹ làm việc tại phòng Tài vụ, Đoàn thấy bà Tĩnh có bằng Đại học chuyên ngành chế tạo máy do trường Đại học Hải phòng cấp; bà Tĩnh không có bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ đang được phân công đảm nhận.

Đoàn khuyến nghị: Vị trí bà Tĩnh đang được phân công làm việc là vị trí có ảnh hưởng nhiều đến các đơn vị của trường nếu có xảy ra sai sót của nhân viên trong khi thực hiện nhiệm vụ, vì vậy Trường cần bố trí người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp để đảm nhận công việc này.

Về năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao: Tại các báo cáo của các đơn vị, của trường và kết quả bình xét lao động, thi đua hàng năm, viên chức, người lao động nhà trường đều hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao:

Năm 2017: 08/08 người xếp loại lao động từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

Năm 2018: 07/07 người xếp loại lao động từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

Năm 2019: 06/06 người xếp loại lao động từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên

(3.15.02 - Báo cáo tổng kết năm 2017,2018,2019 của các đơn vị; 3.15.03 - Báo cáo tổng kết năm 2017, 2018,2019 của Nhà trường).

Trong 3 năm 2017, 2018, 2019, có 6/6 viên chức, người lao động được luân phiên cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ tại các khóa học khác nhau *(3.15.04 - Quyết định cử viên chức, người lao động được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2017, 2018,*

2019; chứng chỉ bằng cấp; 3.15.05 - Danh sách đội ngũ viên chức, lao động được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2017, 2018, 2019).

Đoàn đề nghị trường bổ sung minh chứng (BS 3.15.01 - Báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng của đội ngũ viên chức, người lao động Nhà trường; chứng nhận). Trường đã bổ sung minh chứng này.

Các nội dung đào tạo, bồi dưỡng: chuyên môn nghiệp vụ theo lĩnh vực công tác: Quản lý thiết bị, An ninh Quốc phòng, bồi dưỡng tin học, phòng cháy chữa cháy.

Đối chiếu với hướng dẫn tại công văn 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 Đoàn đánh giá trường đảm bảo tỷ lệ số viên chức được bồi dưỡng nâng cao trình độ trong 3 năm 2017, 2018, 2019 trên 80% theo quy định.

Do trường có nhân viên làm việc tại phòng Tài vụ có chuyên môn chưa phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhận do đó trường không đạt tiêu chuẩn.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.15:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>

TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 4	14 (Mười bốn) điểm	13 (Mười ba) điểm
<i>Tiêu chuẩn 4.1</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.2</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.3</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.4</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.5</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.6</i>	<i>0 (Không) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.7</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.8</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.9</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.10</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.11</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.12</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.13</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.14</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.15</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	93,3%	86,7%

2. Các điểm mạnh:

Trường có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo. Các giáo trình được xây dựng, lựa chọn và thẩm định đúng theo quy định.

3. Các điểm cần cải thiện:

Năm 2020, Trường đã có thỏa thuận với Đại học Hải Phòng về việc xác nhận chương trình đào tạo Cao đẳng nghề Điện công nghiệp để liên thông với trình độ đại học. Tuy nhiên theo quy định, minh chứng không đảm bảo có đủ 3 năm tính đến thời điểm kiểm định.

Chương trình đào tạo của một số nghề (đặc biệt là các nghề không có người học trong những năm gần đây) chưa thể hiện được nội dung cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Năm học 2020 - 2021 và những năm học tiếp theo, Trường cần hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học có từ 1 đến 2 chương trình đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên đại học để tạo điều kiện cho sinh viên của trường được học lên trình độ cao hơn.

Trường cần đẩy mạnh công tác tuyển sinh những nghề không có học sinh theo học, tăng cường hơn nữa các mối quan hệ với doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, làm cơ sở để rà soát, chỉnh sửa, cập nhật các chương trình đào tạo theo hướng tiên tiến.

Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng hiện được phép đào tạo 08 nghề trình độ Cao đẳng, 06 nghề trình độ trung cấp, 09 nghề trình độ sơ cấp.

Từ năm 2017 đến nay, Trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp 01 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017. Nhà trường đã xây dựng và ban hành các chương trình đào tạo cho các nghề được cấp phép của Trường phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017; 2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; 4.7.01 - Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo kèm theo; 4.7.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề được thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết).

Qua kiểm tra minh chứng, Đoàn xác nhận trong mã MC 2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết bao gồm Quyết định số 334/QĐ-CĐCNHP ngày 05/9/2017 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành 08 nghề trình độ Cao đẳng, 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp; Quyết định số 501/QĐ- CĐCNHP ngày 29/12/2017 và Quyết định số 292/QĐ- CĐCNHP ngày 19/3/2020 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành cho 09 nghề trình độ sơ cấp; Quyết định số 502/QĐ- CĐCNHP ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành phê duyệt ban hành 05 chương trình đào tạo trình độ liên thông; mã MC 4.7.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề được thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết là Quyết định số 334/QĐ-CĐCNHP ngày 15/8/2019 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành 08 nghề trình độ Cao đẳng, 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019.

Đoàn đã xem xét các quyết định phê duyệt ban hành các chương trình đào tạo của Nhà trường thực hiện trong 3 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá, đối chiếu với giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, nhận thấy trường có đầy đủ toàn bộ chương trình đào tạo theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2017 đến nay, Trường xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa chương trình đào tạo như sau:

- Năm 2017, Nhà trường thực hiện xây dựng chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp: việc xây dựng và thẩm định các chương trình đào tạo được thực hiện theo Thông tư 03/2017/BLĐTBXH;

- Năm 2019, thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh các chương trình đào tạo ban hành từ năm 2017.

Đoàn đã thực hiện phân tích minh chứng là hồ sơ xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, thẩm định các chương trình đào tạo của Nhà trường và nhận thấy:

- Đối với các chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp và liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng: Nhà trường thực hiện xây dựng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017. Cụ thể:

+ *Lập kế hoạch xây dựng/rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo*: Kế hoạch số 216/KH- CĐCNHP ngày 26/06/2017 về việc xây dựng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ trung cấp; Kế hoạch số 314/KH - CĐCNHP ngày 26/09/2017 về việc xây dựng chương trình đào tạo liên thông; Kế hoạch số 105/KH - CĐCNHP ngày 27/03/2019 về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2019 (BS 4.2.01 - Các kế hoạch xây dựng/ rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các năm).

+ *Thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo*: Quyết định số 317/QĐ - CĐCNHP ngày 26/06/2017 về việc thành lập các Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ trung cấp; Quyết định số 513/QĐ - CĐCNHP ngày 02/10/2017 về việc thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng chương trình liên thông; Quyết định số 118/QĐ - CĐCNHP ngày 03/4/2019 về việc thành lập các ban chủ nhiệm rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo năm 2019 (4.2.01 - *Quyết định về việc thành lập các Ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp*).

+ Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo đúng theo hướng dẫn như: Xây dựng chương trình đào tạo; Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, các chuyên gia đến từ các trường bạn và các đơn vị sử dụng lao động; Hoàn chỉnh dự thảo chương trình đào tạo. Hồ sơ gồm có: Biên bản hội thảo; Phiếu xin ý kiến chuyên gia là giáo viên, giảng viên thuộc các cơ sở GDNN khác có cùng ngành nghề đào tạo;

Biên bản Hội thảo của chuyên gia lần 2 (*thêm đại diện của doanh nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước về GDNN và đại diện của giáo viên của cơ sở GDNN khác*).

+ Thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và tổ chức thẩm định theo quy định: Quyết định số 318/QĐ - CĐCNHP ngày 26/06/2017 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017; Quyết định số 609/QĐ-CĐCNHP ngày 02/10/2017 về việc lập Hội đồng thẩm định chương trình liên thông; Quyết định số 119/QĐ - CĐCNHP ngày 03/4/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo năm 2019.

+ Ban hành các chương trình đào tạo Cao đẳng, trung cấp và liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng, sơ cấp: Quyết định số 334/QĐ - CĐCNHP ngày 05/9/2017 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành 08 nghề trình độ Cao đẳng, 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp; Quyết định số 501/QĐ - CĐCNHP ngày 29/12/2017 và Quyết định số 292/QĐ - CĐGTVTTHWII ngày 19/3/2020 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành cho 09 nghề trình độ sơ cấp; Quyết định số 502/QĐ - CĐCNHP ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành phê duyệt ban hành 05 chương trình đào tạo trình độ liên thông; Quyết định số 334/QĐ - CĐCNHP ngày 15/8/2019 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành 08 nghề trình độ Cao đẳng, 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019.

- Đối với các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: Nhà trường thực hiện xây dựng theo Thông tư 42/2015/TT-BLĐT BXH ngày 20/10/2015 và Thông tư 34/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/12/2018. Gồm:

- + Khảo sát, xác định nhu cầu đào tạo nhân lực trình độ sơ cấp;
- + Thiết kế chương trình đào tạo;
- + Biên soạn chương trình đào tạo theo nội dung và cấu trúc đã được xác định, trong đó cụ thể hóa từng mô - đun; điều kiện thực hiện mô - đun; phương pháp và nội dung đánh giá;
- + Hoàn chỉnh dự thảo chương trình đào tạo;
- + Thẩm định và ban hành các chương trình đào tạo sơ cấp.

- Ban hành chương trình sơ cấp theo Quyết định số 501/QĐ - CĐCNHP ngày 29/12/2017 và Quyết định số 292/QĐ - CĐCNHP ngày 19/3/2020 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành cho 09 nghề trình độ sơ cấp

(4.2.02 - Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp; 2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; 4.2.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.05 - Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp; BS 4.2.02 - Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ liên thông).

Đoàn đã tiến hành kiểm tra danh sách các thành viên tham gia ban chủ nhiệm và các thành viên Hội đồng thẩm định, đối chiếu với trích ngang và hồ sơ giáo viên trong tiêu chí 3 và xác nhận các thành viên tổ biên soạn đều là những giáo viên được đào tạo đúng chuyên ngành, có thâm niên công tác, có kinh nghiệm trong biên soạn chương trình, giáo trình. Các

thành viên Hội đồng thẩm định đều là các cán bộ quản lý, giáo viên có kinh nghiệm, đại diện các Trường bên ngoài, đại diện các doanh nghiệp, đại diện cơ quan quản lý GDNN. Tất cả các đối tượng trên đều có thâm niên tối thiểu 5 năm hoạt động trong lĩnh vực của mình. Xem xét toàn bộ hồ sơ các chương trình thì thấy mỗi chương trình đều có ít nhất 03 thành viên ngoài trường gồm đại diện cơ quan quản lý nhà nước về GDNN (Tổng cục giáo dục nghề nghiệp và 02 là nhà giáo ngoài trường và đại diện doanh nghiệp tham gia trong Hội đồng thẩm định). Có 100% số chương trình có đại diện doanh nghiệp tham gia ban chủ nhiệm.

Phòng vấn các giáo viên cho kết quả 100% giáo viên tham gia phỏng vấn xác nhận họ nếu không tham gia Ban chủ nhiệm thì cũng được lấy ý kiến trong hội thảo (*Biên bản phỏng vấn giáo viên*).

Phòng vấn doanh nghiệp thì có 10/10 doanh nghiệp xác nhận họ được tham khảo ý kiến và có tham gia thẩm định chương trình đào tạo (*Biên bản phỏng vấn doanh nghiệp*).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua nghiên cứu hồ sơ xây dựng, thẩm định các chương trình đào tạo các trình độ của Nhà trường, Đoàn nhận thấy: Trong hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo năm 2017 và 2019 đều đảm bảo có đủ các biên bản hội thảo (2 lần); Phiếu xin ý kiến chuyên gia là giáo viên, giảng viên thuộc các cơ sở GDNN khác có cùng ngành nghề đào tạo. Nội dung các biên bản hội thảo và phiếu xin ý kiến đã đề cập đến việc chương trình đào tạo thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, môn học (4.2.02 - Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp; 4.2.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.05 - Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp; 2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; BS 4.2.02 - Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ liên thông).

Trong hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo có phiếu thẩm định của từng chuyên gia trong hội đồng thẩm định, có các biên bản họp của Hội đồng thẩm định. Nội dung của các phiếu thẩm định và biên bản thẩm định có nội dung nhận xét về chương trình đào tạo

thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, môn học.

Để kiểm chứng thực tế, Đoàn đã chọn mẫu gồm 05 chương trình đào tạo để khảo sát chi tiết gồm: 05/05 nghề trình độ Cao đẳng có sinh viên đang theo học (Điện công nghiệp, Công nghệ ô tô, Cắt gọt kim loại, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí). Theo giấy đăng ký hoạt động GDNN, Nhà trường được cấp phép đào tạo 8 nghề đào tạo trình độ Cao đẳng, 06 nghề trung cấp trùng nghề với nghề đào tạo trình độ Cao đẳng. Máy năm nay, 4 nghề Hàn, Quản trị mạng máy tính, Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính, Nguội sửa chữa máy công cụ không có học sinh học. Vì vậy Đoàn chọn mẫu kiểm chứng 05 chương trình đào tạo có học sinh học để khảo sát chi tiết.

Sau khi xem xét nội dung chi tiết các chương trình đào tạo được chọn mẫu, Đoàn nhận thấy:

- 100% chương trình đào tạo của trường đều thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng. Cụ thể:

+ Các chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Cao đẳng liên thông và trung cấp: Mục tiêu đào tạo của trình độ được thể hiện ở Mục 1. Mục tiêu đào tạo (1.1. Mục tiêu chung và 1.2. Mục tiêu cụ thể). Trong chương trình chi tiết các môn học/mô-đun: Mục II. Mục tiêu môn học/mô-đun.

+ Các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: Mục tiêu đào tạo của trình độ được thể hiện ở I. Mục tiêu đào tạo; II. Mục tiêu môn học/mô-đun.

- 100% chương trình đào tạo thể hiện các quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp: Các chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Cao đẳng liên thông và trung cấp: Tại mục 1.2.2. Trình độ kiến thức, kỹ năng; Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: tại mục II. Mục tiêu môn học/mô-đun/Mục tiêu của bài.

- 100% chương trình đào tạo thể hiện được phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo: Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Cao đẳng liên thông và trung cấp: thể hiện ở Mục 3. Nội dung chương trình; Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: thể hiện ở Mục III. Danh mục mô-đun/môn học đào tạo.

- 100% chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp và hình thức đào tạo: Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Cao đẳng liên thông, trung cấp và sơ cấp, thể hiện ở: VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun/môn học/2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô-đun/môn học.

- Cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, môn học: Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Cao đẳng liên thông, trung cấp và sơ cấp, thể hiện ở: V. Nội dung và phương pháp đánh giá/2. Phương pháp đánh giá.

Từ những phân tích như trên, Đoàn nhận định: Các chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình

thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; Điều 10. Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo và Điều 11. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.

Theo quy định xây dựng chương trình hằng năm, Nhà trường đã mời đại diện các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình ngay từ khâu biên soạn. Trong thành phần Hội đồng thẩm định chương trình cũng có ít nhất một đại diện cơ quan quản lý nhà nước và giáo viên có chuyên môn cao, có kinh nghiệm ngoài trường cùng một đại diện doanh nghiệp. Đoàn đã kiểm tra thành viên biên soạn và thẩm định 100% chương trình đào tạo của Trường theo danh sách và xác nhận mỗi chương trình đào tạo có ít nhất 02 đại diện doanh nghiệp tham gia vào quá trình biên soạn, thẩm định chương trình. 100% nhà giáo các nghề có thâm niên từ 03 năm trở lên tính đến thời điểm xây dựng chương trình đào tạo tham gia vào ít nhất một quá trình xây dựng hoặc góp ý hoặc thẩm định chương trình đào tạo (4.4.01 - Phiếu đánh giá về chương trình đào tạo của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, đại diện doanh nghiệp và HSSV tốt nghiệp; 4.2.02 - Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp; 4.2.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.05 - Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp; 2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; BS 4.2.02 - Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ liên thông).

Đoàn đã phỏng vấn lãnh đạo các khoa, đại diện đội ngũ nhà giáo và đại diện doanh nghiệp sử dụng lao động trong các cuộc họp ngày 20/12/2020. 100% cán bộ lãnh đạo khẳng định có tham gia vào quá trình xây dựng hoặc thẩm định 01 nghề của trường. 100% nhà giáo khẳng định ít nhất tham gia vào 1 trong các hoạt động xây dựng/lựa chọn/đóng góp ý kiến/thẩm định chương trình đào tạo. Có 10/10 đại diện doanh nghiệp khẳng định có tham gia hoặc cử cán bộ kỹ thuật tham gia vào ít nhất 01 hội đồng xây dựng hoặc thẩm định các chương trình đào tạo của Trường (Các biên bản phỏng vấn).

Như vậy, Đoàn nhận định: Các chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm đảm bảo tính thực tiễn của chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, Nhà trường đã có các quy định về việc xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa bổ sung chương trình đào tạo. Trong các quy định đã nêu rõ việc xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trong đó nêu rõ “Nội dung chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ” (4.4.01 - Phiếu đánh giá về chương trình đào tạo của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, đại diện doanh nghiệp và HSSV tốt nghiệp; 4.2.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo; 2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết).

Qua xem xét hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa các chương trình đào tạo của Trường các năm 2017, 2019, Đoàn nhận thấy trong tất cả các biên bản hội nghị, hội thảo, phiếu xin ý kiến chuyên gia, phiếu thẩm định, biên bản thẩm định... đều có đánh giá về nội dung chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động với 4 mức Tốt, Khá, Trung bình, Kém; 100% ý kiến đánh giá ở mức Tốt và Khá.

Qua nội dung phỏng vấn các đại diện doanh nghiệp tại buổi họp ngày 21/12/2020, các doanh nghiệp đều cho biết: Chương trình đào tạo của trường cơ bản đáp ứng được yêu cầu hiện nay của doanh nghiệp. Ngoài ra, các doanh nghiệp đều có đại diện tham gia vào các Hội đồng xây dựng, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đào tạo của Trường nêu các nội dung cập nhật để đảm bảo tính thực tiễn đã được doanh nghiệp góp ý ngay trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa và thẩm định chương trình đào tạo.

Phỏng vấn cựu HSSV đã tốt nghiệp tại buổi phỏng vấn ngày 21/12/2020, đa số các em trả lời đã tìm được đúng việc làm của mình, công việc hiện tại có sử dụng những nội dung đã được học trong trường.

Như vậy, Đoàn nhận định: Tất cả các chương trình đào tạo của Nhà trường đều được xây dựng, rà soát, cập nhật, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các chương trình đào trình độ Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Nhà trường đều được xây dựng theo quy trình quy định của Bộ LĐTB&XH ban hành nên bảo đảm tính khoa học, hệ thống, phân chia các khối kiến thức, kỹ năng nghề theo trình tự hợp lý, đảm bảo tính liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo nghề và các trình độ đào tạo khác (2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; BS 4.6.01 - Văn bản số 3603/ĐHHP - ĐH ngày 25/12/2020 với Đại học Hải Phòng về việc xác nhận chương trình đào tạo Cao đẳng nghề Điện công nghiệp để liên thông với trình độ đại học).

Qua kiểm tra minh chứng, Đoàn nhận thấy Nhà trường đã có thỏa thuận số 3603/ĐHHP - ĐH ngày 25/12/2020 với Đại học Hải Phòng về việc xác nhận chương trình đào tạo Cao đẳng nghề Điện công nghiệp để liên thông với trình độ đại học. Tuy nhiên theo quy định, minh chứng không đảm bảo có đủ 3 năm tính đến thời điểm kiểm định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
0 (Không) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với chương trình đào tạo đã ban hành.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đoàn đánh giá đã xem xét các minh chứng do trường cung cấp về việc thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo. Đoàn nhận thấy:

Từ năm 2017 đến nay, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các chương trình đào tạo cho các nghề được cấp phép của Trường phù hợp với các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp, cụ thể như sau:

+ Năm 2017, thực hiện xây dựng toàn bộ 08 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, 09 nghề trình độ sơ cấp;

+ Năm 2019, bắt đầu tổ chức thực hiện rà soát, chỉnh sửa, các chương trình đào tạo và ban hành lại toàn bộ 08 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, 09 nghề trình độ sơ cấp.

(4.7.01 - Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo kèm theo; 4.7.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề được thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; 4.7.03 - Báo cáo kết quả rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo; BS 4.2.01 - Các kế hoạch xây dựng/rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các năm; 4.2.01 - Quyết định về việc thành lập các Ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp; 4.2.02 - Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp; 4.2.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo; BS 4.2.02 - Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ liên thông).

Như vậy, Đoàn nhận định: từ năm 2017 đến năm 2020, Trường đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa, xây dựng mới toàn bộ 08 chương trình Cao đẳng và 06 chương trình trung cấp, 05 chương trình Cao đẳng liên thông và 09 chương trình sơ cấp của tất cả các ngành nghề có trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN của Trường.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua kiểm tra hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy tất cả các chương trình đào tạo của Trường ban hành năm 2017 đều được rà soát, điều chỉnh, cập nhật năm 2019.

Nghiên cứu nội dung tất cả các chương trình đào tạo của trường hiện có, kết hợp với phỏng vấn đội ngũ cán bộ, nhà giáo và doanh nghiệp, Đoàn nhận thấy đối với các nghề được đầu tư trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực Asean và quốc gia, khi bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, Trường đều tham khảo các chương trình tương ứng của nước ngoài, cụ thể như: Nghề Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Cắt gọt kim loại; Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tham khảo chương trình chuyển giao từ Úc; Nghề Công nghệ Ô tô tham khảo chương trình chuyển giao từ Đức. Các nghề còn lại, khi xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo của các nước phát triển như Nhật Bản, Đức, Pháp, Phần Lan.

Tuy nhiên, một số nghề của Nhà trường thời gian mấy năm gần đây không có người học theo học khi rà soát, điều chỉnh chưa thể hiện được nội dung cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Qua nghiên cứu hồ sơ, Đoàn nhận thấy chưa có đủ 100% chương trình đào tạo thể hiện việc tham khảo tài liệu nước ngoài hay cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến. Chương trình đào tạo nghề Hàn và Nguội sửa chữa máy công cụ được ban hành năm 2019 chưa thể hiện việc tham khảo tài liệu nước ngoài hay cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến (4.7.01 - Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo kèm theo; 4.7.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề được thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; 4.7.03 - Báo cáo kết quả rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo; 4.8.01 - Các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài đã được tham khảo; 4.8.02 - Báo cáo tóm tắt thông tin chính về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật trong chương trình đào tạo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô-đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô-đun, tín chỉ, môn học mà HSSV không phải học để đảm bảo quyền lợi của HSSV.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng công nghiệp Hải Phòng đã ban hành Quy định về đào tạo liên thông theo Quyết định số 526/QĐ - CĐCNHP ngày 29/10/2017 (BS 4.9.01 - Quyết định số 526/QĐ - CĐCNHP về việc phê duyệt và ban hành quy định đào tạo liên thông). Nội dung của quy định đã nêu rõ 03 chương: I. Các quy định chung về đào tạo liên thông; II. Công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo liên thông; III. Tổ chức thực hiện. Trong đó tại Điều 7 - Chương II quy định về Chương trình đào tạo liên thông và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập có nêu:

(1) Chương trình đào tạo liên thông được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo khác;

(2) Chương trình đào tạo liên thông phải phản ánh đúng mục tiêu, nội dung, thời gian đào tạo; phương pháp dạy, học và đánh giá;

(3) Chương trình đào tạo liên thông phải đảm bảo cung cấp đầy đủ kiến thức, kỹ năng mà người học còn thiếu và cập nhật kiến thức, kỹ năng mới của ngành, nghề tương ứng với trình độ đào tạo;

(4) Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình đào tạo quyết định mô-đun, môn học hoặc nội dung mà người học không phải học lại.

Thực hiện các quy định đề ra, Nhà trường đã xây dựng và ban hành 05 chương trình đào tạo liên thông cho các nghề theo Quyết định số 502/QĐ- CĐCNHP ngày 29/12/2017 về việc ban hành phê duyệt ban hành 05 chương trình đào tạo trình độ liên thông (2.5.01 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết*; 2.16.02 - *Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp kèm theo*; 4.9.01 - *Quyết định miễn học đối với các mô-đun, tín chỉ, môn học chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp*; BS 4.9.02 - *Danh mục các môn học/mô-đun không phải học khi học liên thông các chương trình đào tạo*). Qua xem xét nội dung các chương trình liên thông, đối chiếu với các chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ trung cấp tương ứng, Đoàn nhận thấy Trường đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo hệ Cao đẳng liên thông (từ trung cấp lên Cao đẳng) trên cơ sở so sánh, đối chiếu những mô-đun/môn học của hệ trung cấp với chuẩn đầu ra của hệ Cao đẳng. Qua đó, những mô-đun, môn học ở trình độ trung cấp nếu đã được học sẽ được miễn học ở cấp trình độ Cao đẳng.

Căn cứ vào Mục 4, Điều 7 tại Quy định đào tạo liên thông của Trường. Phòng Đào tạo của Nhà trường tham mưu đã lập danh mục các mô-đun/môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông trình Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt. Hằng năm, Nhà trường đã có thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông cho 5 ngành nghề nói trên cùng với các thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông (2.3.02 - *Thông báo tuyển sinh hằng năm*).

Trường đã tổ chức tuyển sinh đào tạo liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng về việc quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, năm 2019 tuyển 02 sinh viên (BS 2.16.01 - *Quyết định số 413/QĐ-CĐCN ngày 22/10/2019 về việc học liên thông trình độ trung cấp lên trình độ Cao đẳng*).

Trường đã tổ chức đào tạo liên thông cho 02 sinh viên ghép cùng lớp Cao đẳng điện 11B từ ngày 22/10/2019 (BS 2.16.02 - *Kế hoạch đào tạo lớp Cao đẳng Điện công nghiệp 11B*).

Trước khi thực hiện đào tạo trường có Quyết định công nhận bảo lưu kết quả các môn học mô-đun đã học của chương trình trung cấp cho 02 sinh viên (BS 2.16.03 - *Quyết định công nhận bảo lưu kết quả các môn học mô-đun đã học của chương trình trung cấp cho 02 sinh viên*).

Năm 2020, 02 sinh viên học liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng hoàn thành nội dung chương trình đào tạo được xét công nhận tốt nghiệp (BS 2.16.04 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp Cao đẳng, Cao đẳng liên thông khóa 2017-2020*). Trường đã báo cáo kết quả tốt nghiệp khóa 2017-2020 về Sở Lao động thương binhvà xã hội thành phố Hải Phòng

(phòng GDNN) (BS 2.3.04 - Báo cáo kết quả tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, báo cáo kết quả tốt nghiệp và giải quyết việc làm, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, báo cáo số lượng các khóa học trình độ Cao đẳng, báo cáo đào tạo liên thông Cao đẳng năm 2018, 2019, 2020; BS 2.11.01 - Các báo cáo tổng kết năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; Báo cáo hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; Các kết luận cuộc họp giao ban lãnh đạo hàng tháng, các năm từ 2017 đến 2020).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.9:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại tiêu chuẩn 4.1, Đoàn đã đánh giá Nhà trường có đủ chương trình đào tạo cho các nghề được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Như vậy, tính đến thời điểm đánh giá, Nhà trường hiện có 08 CTĐT trình độ Cao đẳng, 06 CTĐT trình độ trung cấp, 09 CTĐT trình độ sơ cấp, 08 CTĐT trình độ liên thông.

Đoàn đã xem xét nội dung chi tiết các chương trình đào tạo của Nhà trường và nhận thấy: do tính chất liên thông giữa các cấp trình độ của chương trình đào tạo, đối với những nghề đào tạo có nhiều cấp trình độ thì chương trình đào tạo có trình độ cao đã bao gồm các chương trình đào tạo có trình độ thấp hơn. Do vậy, để có thể tính được số giáo trình nhà trường hiện có đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn thì chỉ cần xem xét trình độ đào tạo nghề cao nhất mà nhà trường có trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Đoàn đã đối chiếu toàn bộ số giáo trình mà nhà trường hiện có với số lượng MĐ/MH ở cấp trình độ cao nhất (không tính các môn học chung và các môn đôn thực tập, trải nghiệm) của các nghề. Chi tiết như sau:

TT	Chương trình đào tạo	Số MĐ/MH	Số giáo trình xây dựng
1.	Điện công nghiệp	38	38
2.	Điện tử công nghiệp	37	37
3.	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	38	38
4.	Cắt gọt kim loại	52	52
5.	Hàn	38	38
6.	Công nghệ ô tô	45	45
7.	Nguội sửa chữa máy công cụ	36	36

8.	Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính	41	41
9.	Quản trị mạng máy tính	41	41
Tổng cộng		366	366

Đoàn đã kiểm tra minh chứng là các quyết định ban hành giáo trình đào tạo tương ứng với thời gian được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và nhận thấy:

- Năm 2017: Hiệu trưởng đã phê duyệt Quyết định số 89/QĐ-CĐCNHP ngày 30/1/2018 về việc ban hành 366 giáo trình đào tạo; Quyết định số 490/QĐ- CĐCNHP ngày 28/8/2019 về việc ban hành 366 giáo trình đào tạo của tất cả các nghề nhà trường đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (Khi rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo, số MĐ/MH vẫn giữ nguyên, chỉ thay đổi số giờ) (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017; 2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; 4.10.01 - Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) cho từng mô-đun, môn học - kèm theo bản in các giáo trình).

Như vậy, Đoàn xác nhận đối với mỗi thời điểm đào tạo tương ứng, Nhà trường có đủ giáo trình cho tất cả các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp mà Trường đã được cấp.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.10:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại tiêu chuẩn 4.10, Đoàn đã đánh giá Nhà trường có đủ giáo trình cho tất cả các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp mà Trường đã được cấp.

Việc xây dựng, lựa chọn giáo trình đào tạo của Nhà trường được thực hiện như sau:

Trên cơ sở các chương trình đào tạo đã ban hành, Nhà trường tiến hành tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo cho các nghề và tập hợp thành một bộ hồ sơ xây dựng, thẩm định (Đoàn đã tiến hành tách các nội dung trong hồ sơ xây dựng và thẩm định thành các minh chứng bổ sung) với trình tự thực hiện như sau:

+ Xây dựng kế hoạch biên soạn và thẩm định giáo trình đào tạo số 215/KH-CĐCNHP ngày 03/10/2017; Kế hoạch đã nêu rõ mục đích yêu cầu; nội dung, thời gian

và nguồn lực thực hiện cho từng giai đoạn (*BS 4.11.01 - Các kế hoạch biên soạn và thẩm định giáo trình đào tạo năm 2018, 2019*);

+ Thành lập các ban biên soạn giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng theo Quyết định số 435 ngày 05/10/2018. Thành phần mỗi tiểu ban xây dựng giáo trình đào tạo đều có từ 5 - 7 thành viên gồm cán bộ, nhà giáo của Trường và ít nhất 01 đại diện doanh nghiệp có liên quan đến ngành, nghề xây dựng giáo trình. Các quyết định đã nêu rõ trách nhiệm của các tiểu ban là lập kế hoạch và tổ chức thực hiện biên soạn, lựa chọn giáo trình đảm bảo đúng tiến độ và các quy định hiện hành (*BS 4.11.02 - Quyết định thành lập các Ban biên soạn giáo trình đào tạo*).

Các Ban biên soạn thực hiện biên soạn giáo trình theo kế hoạch đã đề ra, cụ thể như sau:

+ Đối với việc biên soạn giáo trình đào tạo gồm các bước sau: (1) Thiết kế cấu trúc giáo trình đào tạo; (2) Biên soạn giáo trình đào tạo; (3) Hội thảo xin ý kiến chuyên gia về nội dung giáo trình đào tạo; (4) Sửa chữa, biên tập, hoàn thiện dự thảo giáo trình đào tạo;

Thành lập các Hội đồng thẩm định giáo trình theo Quyết định số 436 ngày 05/10/2018. Thành phần các Hội đồng thẩm định có tối thiểu 07 người gồm: Chủ tịch hội đồng là Hiệu trưởng, Phó chủ tịch Hội đồng là các phó hiệu trưởng, Thư ký các hội đồng là đại diện của Phòng Đào tạo, các uỷ viên gồm những nhà giáo tham gia giảng dạy tại Trường, 01 cán bộ/nhà giáo của một trường Cao đẳng khác, 01 cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước về GDNN và 01 cán bộ thuộc doanh nghiệp có liên kết với Trường. Qua nghiên cứu hồ sơ của các thành viên hội đồng thẩm định, Đoàn nhận thấy tất cả các thành viên trong hội đồng đều là những người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên của ngành, nghề có liên quan; có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và biên soạn giáo trình; có uy tín trong sản xuất, kinh doanh, quản lý trong lĩnh vực của ngành, nghề đào tạo (*4.11.01 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình*).

- Tổ chức thẩm định giáo trình theo quy định gồm các nội dung sau:

+ Các thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí: (1) Sự tương ứng với chương trình đào tạo, (2) Tính logic, (3) Mức đầy đủ/bao quát đối với mục tiêu, (4) Tính chuẩn xác, (5) Phong cách biên soạn, (6) Cấu trúc và các chuyên mục (*4.12.01 - Phiếu đánh giá, phản biện giáo trình*).

+ Các thành viên Hội đồng thẩm định giáo trình theo các nội dung sau: (1) Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của giáo trình, (2) Cấu trúc chương mục của giáo trình, (3) Nội dung, lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ được thể hiện trong giáo trình, (4) Khả năng ứng dụng trong giảng dạy, (5) Cập nhật các thành tựu khoa học tiên tiến/tham khảo tài liệu nước ngoài, (6) Đánh giá chung (*4.12.01 - Biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định, lựa chọn giáo trình*).

+ Tổ chức họp thẩm định giáo trình theo từng nghề (*BS 4.11.03 - Các biên bản họp thẩm định giáo trình*);

+ Căn cứ kết quả thẩm định, Hội đồng thẩm định có tờ trình đề nghị Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt, ban hành giáo trình làm tài liệu giảng dạy và học tập trong nhà

trường (BS 4.11.04 - Các tờ trình đề nghị nghiệm thu, ban hành giáo trình của Hội đồng thẩm định).

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ tờ trình của Hội đồng thẩm định phê duyệt Quyết định số 89/QĐ-CĐCNHP ngày 30/1/2018 về việc ban hành 366 giáo trình đào tạo (4.11.01 - Quyết định ban hành, lựa chọn giáo trình).

Đoàn đã xem xét nội dung các minh chứng Trường cung cấp và nhận định: 100% giáo trình đào tạo của Nhà trường đã được xây dựng hoặc lựa chọn theo đúng quy định tại các Điều 14, 15, 16 - Thông tư 03/2017/TT - BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.11:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo mô tả, phân tích, nhận định ở tiêu chuẩn 4.11, Đoàn đánh giá Nhà trường đã thực hiện đúng các yêu cầu về xây dựng, lựa chọn và thẩm định cho 100% giáo trình theo đúng quy định tại Thông tư 03/2017/TT - BLĐTBXH ngày 01/3/2017.

Qua xem xét hồ sơ thẩm định của các Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo của Nhà trường được ban hành theo các Quyết định số 89/QĐ-CĐCNHP ngày 30/1/2018 về việc ban hành 366 giáo trình đào tạo; Quyết định số 490/QĐ- CĐCNHP ngày 28/8/2019 về việc ban hành 366 giáo trình đào tạo của tất cả các nghề nhà trường đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Đoàn nhận thấy thành viên trong các hội đồng thẩm định thực hiện đánh giá theo 02 phiếu là “Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí” và “Phiếu thẩm định giáo trình” (4.11.01 - Quyết định ban hành, lựa chọn giáo trình; 4.11.01 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình ; 4.12.01 - Phiếu đánh giá, phản biện giáo trình; 4.12.01 - Biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định, lựa chọn giáo trình; BS 4.11.03 - Các biên bản họp thẩm định giáo trình). Trong phiếu thẩm định giáo trình có **Mục 3 – Đánh giá về nội dung, lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ được thể hiện trong giáo trình**. 100% ý kiến đánh giá của thành viên hội đồng thẩm định nhận xét các giáo trình đã cung cấp đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ theo mục tiêu chương trình đào tạo.

Đoàn đánh giá đã tiến hành chọn mẫu của mô-đun/giáo trình để tìm hiểu về nội dung của giáo trình với nguyên tắc sau: Chọn 05 chương trình Cao đẳng, mỗi chương trình chọn tối thiểu 6 môn học, mô-đun đào tạo đảm bảo:

- Số lượng môn học kỹ thuật cơ sở: tối thiểu 01 môn học (chọn MH 07). Nếu trùng với môn học đã chọn thì chọn MĐ/MH tiếp theo.

- Số lượng môn học, mô-đun chuyên môn nghề tối thiểu: 05 MĐ/MH ở vị trí số 1, 4, 7, 10, 13 tính từ mô-đun/môn học chuyên ngành đầu tiên. Nếu trùng mô-đun/môn học thì chọn số thứ tự tiếp theo gần kề để đảm bảo giữa các nghề không có môn học, mô-đun trùng nhau. (*Biên bản chọn mẫu mô-đun/môn học*).

Kiểm tra chọn mẫu giáo trình của 30 mô-đun thuộc 5 chương trình đào tạo, đối chiếu với chương trình chi tiết của mô-đun, môn học đoàn nhận thấy: Cấu trúc giáo trình thể hiện rõ thông tin chung của giáo trình đào tạo, mã môn học, mô-đun; vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò; mục tiêu của giáo trình môn học, mô-đun. Nội dung của giáo trình môn học, mô-đun bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các bản vẽ, hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ và các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập khi kết thúc chương, bài và kết thúc môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu tại Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng (4.10.01 - *Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) cho từng mô-đun, môn học - kèm theo bản in các giáo trình*).

Ví dụ:

CT đào tạo	Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng	Cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng
Công nghệ ô tô	MĐ13: BD-SC hệ thống phanh Bài 4: Bảo dưỡng hệ thống phanh ABS 4.4. Kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống phanh ABS - Trình bày được cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của hệ thống cũng như của các bộ phận trong hệ thống phanh ABS - Trình bày được các phương pháp kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống phanh ABS. - Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng được hệ thống phanh ABS đúng yêu cầu kỹ thuật MĐ30: BD-SC hệ thống điều hòa không khí trên ô tô.	Được học cấu tạo nguyên tắc hoạt động của hệ thống cũng như của các bộ phận trong hệ thống phanh ABS; được kiểm tra, bảo dưỡng trực tiếp trên mô hình Hệ thống phanh ABE nhập khẩu từ Hàn Quốc và trên các xe đời mới như Toyota Altis 2.0V đời 2018, Toyota Vios E đời 2019

	<p>Bài 4: Kỹ thuật bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được trình tự và yêu cầu kỹ thuật quy trình bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí trên ô tô - Bảo dưỡng được hệ thống điều hòa không khí trên ô tô đúng yêu cầu kỹ thuật. <p>MĐ10: Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô</p> <p>Bài 6: Chẩn đoán hệ thống lái điều khiển điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được nguyên lý hoạt động, hiện tượng nguyên nhân hư hỏng hệ thống lái điều khiển điện tử; - Trình bày được phương pháp chẩn đoán hệ thống lái điều khiển điện tử bằng máy quét lỗi; - Áp dụng phương pháp chẩn đoán phù hợp trong tình trạng sai hỏng của xe; - Thực hiện được việc chẩn đoán hệ thống lái điều khiển điện tử bằng máy quét lỗi đúng yêu cầu kỹ thuật 	<p>Được học cấu tạo nguyên tắc hoạt động của hệ thống cũng như của các bộ phận trong hệ thống điều hòa không khí; được kiểm tra, bảo dưỡng, nạp ga và sửa chữa trực tiếp trên mô hình Hệ thống điều hòa không khí, trên các xe ô tô đời cũ và trên các xe đời mới như Toyota Altis 2.0V đời 2018, Toyota Vios E đời 2019</p> <p>Được học kiểm tra, chẩn đoán tìm PAN của hệ thống lái điều khiển điện tử bằng các thiết bị chẩn đoán hiện đại (máy quét lỗi) như Gscan1, Gscan2 trên mô hình hệ thống lái điện và trên các xe đời mới như Toyota Altis 2.0V đời 2018, Toyota Vios E đời 2019.</p>
Điện Công nghiệp	Bài 5: Điều khiển máy trộn.	<p>Viết chương trình điều khiển trạm trộn xi măng</p> <p>Lắp đặt và nối dây cho PLC S7-300</p> <p>Nạp chương trình và vận hành thử trên mô hình</p>
	Bài 8: Điều khiển động cơ bằng biến tần.	Kết nối biến tần với động cơ điều khiển thang máy
	Bộ điều khiển lập trình ZEN của hãng Omron	<p>Viết chương trình điều khiển trạm bơm.</p> <p>Nạp chương trình và vận hành thử trên mô hình.</p>
CT đào tạo	Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng	Cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng

<p>Công nghệ ô tô</p>	<p>MĐ13: BD-SC hệ thống phanh</p> <p>Bài 4: Bảo dưỡng hệ thống phanh ABS</p> <p>4.4. Kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống phanh ABS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của hệ thống cũng như của các bộ phận trong hệ thống phanh ABS - Trình bày được các phương pháp kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống phanh ABS - Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng được hệ thống phanh ABS đúng yêu cầu kỹ thuật <p>MĐ 10: BD-SC hệ thống điều hòa không khí trên ô tô</p> <p>Bài 4: Kỹ thuật bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được trình tự và yêu cầu kỹ thuật quy trình bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí trên ô tô - Bảo dưỡng được hệ thống điều hòa không khí trên ô tô đúng yêu cầu kỹ thuật. <p>MĐ07: Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô</p> <p>Bài 6: Chẩn đoán hệ thống lái điều khiển điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được nguyên lý hoạt động, hiện tượng nguyên nhân hư hỏng hệ thống lái điều khiển điện tử; - Trình bày được phương pháp chẩn đoán hệ thống lái điều khiển điện tử bằng máy quét lỗi; - Áp dụng phương pháp chẩn đoán phù hợp trong tình trạng sai hỏng của xe; 	<p>Được học cấu tạo nguyên tắc hoạt động của hệ thống cũng như của các bộ phận trong hệ thống phanh ABS; được kiểm tra, bảo dưỡng trực tiếp trên mô hình Hệ thống phanh ABE nhập khẩu từ Hàn Quốc và trên các xe đời mới như Toyota Altis 2.0V đời 2018, Toyota Vios E đời 2019</p> <p>Được học cấu tạo nguyên tắc hoạt động của hệ thống cũng như của các bộ phận trong hệ thống điều hòa không khí; được kiểm tra, bảo dưỡng, nạp ga và sửa chữa trực tiếp trên mô hình Hệ thống điều hòa không khí, trên các xe ô tô đời cũ và trên các xe đời mới như Toyota Altis 2.0V đời 2018, Toyota Vios E đời 2019</p> <p>Được học kiểm tra, chẩn đoán tìm PAN của hệ thống lái điều khiển điện tử bằng các thiết bị chẩn đoán hiện đại (máy quét lỗi) như Gscan1, Gscan2 trên mô hình hệ thống lái điện và trên các xe đời mới như Toyota Altis 2.0V đời 2018, Toyota Vios E đời 2019.</p>
-----------------------	---	---

	- Thực hiện được việc chẩn đoán hệ thống lái điều khiển điện tử bằng máy quét lỗi đúng yêu cầu kỹ thuật	
Điện Công nghiệp	Bài 5: Điều khiển máy trộn.	Viết chương trình điều khiển trạm trộn xi măng Lắp đặt và nối dây cho PLC S7-300 Nạp chương trình và vận hành thử trên mô hình

Đoàn đã phỏng vấn lãnh đạo các khoa và đội ngũ nhà giáo trong các cuộc họp ngày 08/12/2020. 100% cán bộ lãnh đạo khẳng định ít nhất có tham gia vào quá trình xây dựng hoặc thẩm định 01 nghề của trường. 100% nhà giáo khẳng định ít nhất tham gia vào 1 trong các hoạt động xây dựng/lựa chọn/đóng góp ý kiến/thẩm định giáo trình đào tạo.

Ngoài ra, hằng năm Nhà trường đều thực hiện thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan về chất lượng giáo trình đào tạo (BS 4.12.01 - Kế hoạch khảo sát; BS 4.12.02 - Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến; Các phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến 2018, 2019, 2020). Các phiếu khảo sát có nhiều nội dung đánh giá khác nhau, trong đó có nội dung "Giáo trình cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo" với 04 mức đánh giá Tốt, Khá, Trung bình, Kém. Kết quả đánh giá của nhà giáo trong 3 năm gần đây như sau:

Năm học	Đối tượng khảo sát (số lượng)	Tỷ lệ đánh giá (%)			
		Tốt	Khá	TB	Kém
2017 - 2018	Cán bộ quản lý (15)	-	100	-	-
	Nhà giáo (55)	6.7	93.3	-	-
	Đơn vị sử dụng lao động (05)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành mô-đun, môn học (85)	-	100	-	-
2018 - 2019	Cán bộ quản lý (15)	-	100	-	-
	Nhà giáo (45)	5.6	94.4	-	-
	Đơn vị sử dụng lao động (05)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành mô-đun, môn học (65)	-	100	-	-
2019 - 2020	Cán bộ quản lý (12)	-	100	-	-
	Nhà giáo (50)	5.5	94.5	-	-

	Đơn vị sử dụng lao động (05)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành mô-đun, môn học (40)	-	100	-	-

Từ những phân tích trên, Đoàn nhận định các giáo trình đào tạo của Nhà trường đã cụ thể hóa được yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.12:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo mô tả, phân tích, nhận định ở tiêu chuẩn 4.11, Đoàn đánh giá Nhà trường đã thực hiện đúng các yêu cầu về xây dựng, lựa chọn và thẩm định cho 100% giáo trình theo đúng quy định tại Thông tư 03/2017/TT - BLĐT BXH ngày 01/3/2017.

Qua xem xét hồ sơ thẩm định của các Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo của Nhà trường được ban hành theo các Quyết định số 89/QĐ-CĐCNHP ngày 30/1/2018; Quyết định số 490/QĐ- CĐCNHP ngày 28/8/2019, Đoàn nhận thấy thành viên trong các hội đồng thẩm định thực hiện đánh giá theo 02 phiếu là “Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí” và “Phiếu thẩm định giáo trình”. Trong Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí có **Mục số 24 - Giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực** với 03 mức độ đánh giá Đạt yêu cầu, Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa, Chưa đạt yêu cầu. 100% ý kiến đánh giá của thành viên hội đồng thẩm định nhận xét các giáo trình đã tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực (Mức độ Đạt yêu cầu và Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa).

Đoàn đánh giá đã tiến hành chọn mẫu của mô-đun/giáo trình để tìm hiểu về nội dung của giáo trình với nguyên tắc sau: Chọn 05 chương trình Cao đẳng, mỗi chương trình chọn tối thiểu 6 môn học, mô-đun đào tạo đảm bảo:

- Số lượng môn học kỹ thuật cơ sở: tối thiểu 01 môn học (chọn MH 07). Nếu trùng với môn học đã chọn thì chọn MĐ/MH tiếp theo.

- Số lượng môn học, mô-đun chuyên môn nghề tối thiểu: 05 MĐ/MH ở vị trí số 1, 4, 7, 10, 13 tính từ mô-đun/môn học chuyên ngành đầu tiên. Nếu trùng mô-đun/môn học thì chọn số thứ tự tiếp theo gần kề để đảm bảo giữa các nghề không có môn học, mô-đun trùng nhau

(Biên bản chọn mẫu mô-đun/môn học).

Kiểm tra chọn mẫu giáo trình của 30 mô-đun thuộc 5 chương trình đào tạo, đối chiếu với giáo án lên lớp của các nhà giáo tương ứng. Đoàn nhận thấy các giáo trình của trường biên soạn và lựa chọn đã thể hiện được việc tạo điều kiện để nhà giáo thực hiện các phương pháp dạy học tích cực, cụ thể:

- Giáo án của thầy Phạm Văn Tùng, giảng bài: 2.1,2.2 Bảo dưỡng cơ cấu phanh đĩa, mô-đun 28: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ô tô nghề Công nghệ ô tô, trình độ: Cao đẳng. Thầy đã sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như: Trình chiếu và giải thích hình ảnh cấu tạo của cơ cấu phanh guốc, làm mẫu có giải thích, giảng giải.

- Giáo án của Cô Định Thị Thùy Linh - nghề Cắt gọt kim loại, mô-đun Lắp đặt chi tiết kê cả từ vật liệu khác nhau, lớp CĐ CGKL 1 K50Đ3, giáo án số 3 bài 3: tháo lắp hộp giảm tốc, thực hiện phương pháp trình chiếu, phát vấn, nhận xét giảng giải, thao tác mẫu.

(4.11.01 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình; 4.11.01 - Quyết định ban hành/lựa chọn giáo trình; 4.10.01 - Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) cho từng mô-đun, môn học - kèm theo bản in các giáo trình; 4.12.01 - Phiếu đánh giá, phản biện giáo trình; 4.12.01 - Biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình; BS 4.13.01 - Giáo án thể hiện phương pháp dạy học tích cực).

Ngoài ra, hằng năm Nhà trường đều thực hiện thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan về chất lượng giáo trình đào tạo (BS 4.12.01 - Kế hoạch khảo sát; BS 4.12.02 - Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến; Các phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến 2018, 2019, 2020). Các phiếu khảo sát có nhiều nội dung đánh giá khác nhau, trong đó có nội dung "Giáo trình tạo điều kiện phương pháp dạy học tích cực" với 04 mức đánh giá Tốt, Khá, Trung bình, Kém. Kết quả đánh giá của nhà giáo trong 3 năm gần đây như sau:

Năm học	Đối tượng khảo sát (số lượng)	Tỷ lệ đánh giá (%)			
		Tốt	Khá	TB	Kém
2017 - 2018	Cán bộ quản lý (15)	-	100	-	-
	Nhà giáo (55)	6.7	93.3	-	-
	Đơn vị sử dụng lao động (05)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành mô-đun, môn học (85)	-	100	-	-
2018 - 2019	Cán bộ quản lý (15)	-	100	-	-
	Nhà giáo (45)	5.5	94.5	-	-
	Đơn vị sử dụng lao động (05)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành mô-đun, môn học (65)	-	100	-	-

2019 - 2020	Cán bộ quản lý (12)	-	100	-	-
	Nhà giáo (50)	7.5	92.5	-	-
	Đơn vị sử dụng lao động (05)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành mô-đun, môn học (40)	-	100	-	-

Từ những phân tích trên, Đoàn nhận định các giáo trình đào tạo của Nhà trường đã đáp ứng được yêu cầu tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.13:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc thực hiện thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan đánh giá về chất lượng giáo trình đào tạo nhà trường thực hiện định kỳ vào cuối mỗi năm học thông qua các cuộc khảo sát. Quy trình thực hiện như sau:

- Trước khi kết thúc năm học, Phòng Đào tạo lập kế hoạch khảo sát, thu thập ý kiến về mức độ phù hợp của giáo trình của Nhà trường trình Ban giám hiệu phê duyệt (4.14.01 - Kế hoạch khảo sát). Các kế hoạch đã nêu rõ từng nội dung công việc, thời gian thực hiện, các đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp thực hiện. Đối tượng khảo sát gồm: (1) Cán bộ quản lý và nhà giáo giảng dạy các nghề trong toàn trường, (2) Các chuyên gia làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có hợp tác với Trường có tiếp nhận HSSV tốt nghiệp, (3) Cựu HSSV đã tốt nghiệp;

Nội dung phiếu khảo sát bao gồm các nội dung như sau: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; Tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Mức độ phù hợp của giáo trình với ngành nghề đào tạo; Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Đảm bảo phù hợp với các trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học khác; Mức độ phù hợp của khối lượng kiến thức trong các mô-đun/môn học với thời lượng của chương trình đào tạo.* Với các mức đánh giá Tốt, Khá, Trung bình, Kém.

Căn cứ vào kế hoạch đề ra, các đơn vị được giao triển khai thực hiện những nội dung như: Thiết kế phiếu khảo sát; Cập nhật, lập danh sách liên lạc sinh viên đã tốt nghiệp, lập

danh sách các chuyên gia làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có hoạt động hợp tác/có các cựu HSSV của Trường đang làm việc; Thực hiện khảo sát; Tổng hợp và xử lý số liệu; Viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát (BS 4.14.01 - Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến; 4.14.02 - Phiếu khảo sát).

Số lượng khảo sát về chất lượng giáo trình của Nhà trường trong 03 năm học gần đây như sau:

Nghề	Đối tượng khảo sát	Năm học		
		2017-2018	2018-2019	2019-2020
Điện công nghiệp	Cán bộ quản lý	15	14	18
	Nhà giáo	20	22	25
	Doanh nghiệp	10	10	10
	Cựu HSSV	110	100	100
Công nghệ ô tô	Cán bộ quản lý	15	14	15
	Nhà giáo	21	21	24
	Doanh nghiệp	10	10	10
	Cựu HSSV	100	100	100
Điện tử công nghiệp	Cán bộ quản lý	15	14	15
	Nhà giáo	20	22	25
	Doanh nghiệp	10	10	10
	Cựu HSSV	90	85	85
Cắt gọt kim loại	Cán bộ quản lý	15	14	15
	Nhà giáo	20	22	25
	Doanh nghiệp	10	10	10
	Cựu HSSV	90	85	95
Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cán bộ quản lý	15	14	15
	Nhà giáo	20	22	25
	Doanh nghiệp	10	10	10
	Cựu HSSV	90	85	95

Tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy trên 90% các đối tượng được khảo sát hàng năm đều đánh giá ở mức Tốt và Khá với các tiêu chí đánh giá trong phiếu khảo sát của Trường đưa ra.

Riêng các nghề Hàn, Nguội sửa chữa máy công cụ, Quản trị mạng máy tính, Lắp ráp và sửa chữa máy tính do mấy năm gần đây không có học sinh theo học nên nhà trường không thực hiện khảo sát đánh giá chất lượng giáo trình. Trường không có nghề nào có quy định đặc thù theo ngành.

Như vậy, Đoàn nhận định: Hằng năm, Trường đã thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.14:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2017 đến nay, Trường Cao đẳng công nghiệp Hải phòng có các đợt xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo như sau:

- Năm 2017, Nhà trường thực hiện xây dựng các chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và ban hành các chương trình đào tạo theo các quyết định: Quyết định số 334/QĐ - CĐCNHP ngày 05/9/2017 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành 08 nghề trình độ Cao đẳng, 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp; Quyết định số 501/QĐ-CĐCNHP ngày 29/12/2017 và Quyết định số 292/QĐ - CĐCNHP ngày 19/3/2020 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành cho 09 nghề trình độ sơ cấp + Quyết định số 502/QĐ - CĐCNHP ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành phê duyệt ban hành 08 chương trình đào tạo trình độ liên thông của tất cả các nghề Nhà trường đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

- Năm 2019: Ban hành Quyết định số 334/QĐ-CĐCNHP ngày 15/8/2019 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành 08 nghề trình độ Cao đẳng, 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2019.

(2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDKHKHĐ-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017; 2.5.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; 4.2.02 - Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp; 4.2.05 - Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp; 4.7.01 - Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo kèm theo; 4.7.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo các

ngành được thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; 4.10.01 - Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) cho từng mô-đun, môn học - kèm theo bản in các giáo trình; 4.15.01 - Danh mục giáo trình biên soạn lần đầu kèm theo giáo trình; 4.15.02 - Danh mục giáo trình biên soạn lại kèm theo giáo trình; 4.11.01 - Quyết định ban hành, lựa chọn giáo trình).

Qua nghiên cứu, đối chiếu nội dung chi tiết các chương trình đào tạo đã được ban hành các năm 2017, 2018, 2020 của Trường, Đoàn nhận thấy các chương trình đào tạo có sự thay đổi cập nhật là: Các ngành không có sự thay đổi về mô-đun môn học, chỉ thay đổi số giờ cho nên không có sự thay đổi về giáo trình. Căn cứ vào nội dung đó, Nhà trường đã chỉnh sửa giáo trình cho đảm bảo phù hợp với chương trình đào tạo. Hiệu trưởng đã ký Quyết định số 426/QĐ-CĐCNHP ngày 30 tháng 11 năm 2019 ban hành giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2019 (BS 4.15.01 - Bộ hồ sơ chỉnh sửa giáo trình năm 2019).

Như vậy, Đoàn nhận định: Khi có sự thay đổi, bổ sung chương trình đào tạo, Nhà trường đã kịp thời biên soạn, lựa chọn giáo trình phù hợp đảm bảo sẵn sàng tổ chức đào tạo theo quy định. Khi thực hiện rà soát, cập nhật có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường đã thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.15:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THU VIỆN

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 5	13 (Mười ba) điểm	13 (Mười ba) điểm
<i>Tiêu chuẩn 5.1</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.2</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.3</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.4</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.5</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.6</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.7</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.8</i>	<i>0 (Không) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.9</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.10</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.11</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.12</i>	<i>0 (Không) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.13</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.14</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5.15</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	86,7%	86,7%

2. Các điểm mạnh:

Địa điểm của Trường phù hợp với quy hoạch chung của mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong cả nước và của thành phố Hải Phòng. Trường được kết nối hệ thống giao thông thuận tiện, môi trường đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập, cách xa các xí nghiệp công nghiệp nên không bị ảnh hưởng các chất độc hại đến môi trường dạy và học;

Mặt bằng tổng thể của Trường được quy hoạch chi tiết, có đủ các khối công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo quy chuẩn xây dựng, đáp ứng môi trường sư phạm;

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường;

Trường có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

3. Các điểm cần cải thiện:

Thiết bị đào tạo một số nghề còn chưa đủ về số lượng thiết bị theo chủng loại trong danh mục thiết bị tối thiểu và so với số lượng HSSV đang đào tạo;

Trường chưa xây dựng hoàn chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật của các nghề đang đào tạo.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Trong năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, Nhà trường cần sớm có kế hoạch để tiếp tục đầu tư về thiết bị đào tạo còn thiếu đối với một số nghề để đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo qui định của Bộ LĐTBXH;

Nhà trường cần tiếp tục hoàn chỉnh kế hoạch xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho các nghề đang đào tạo.

Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành (nếu có).

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế kết hợp nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng được thành lập năm 2007 theo Quyết định số 615/QĐ-BLĐTBXH ngày 11/5/2007 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học Công nghiệp Hải Phòng, tiền thân là Trường Công nghiệp Hải Phòng được thành lập từ 1961 (*1.1.01 - Quyết định số 615/QĐ-BLĐTB&XH ngày 11/5/2007 về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng*). Trong Quyết định thành lập số 615/QĐ-BLĐTBXH, Bộ LĐ-TB&XH cũng đã căn cứ vào Quyết định số 07/2006/QĐ-BLĐTBXH ngày 02/10/2006 của Bộ LĐ-TB&XH về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển mạng lưới trường Cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề đến 2010”, vì vậy có thể khẳng định địa điểm xây dựng Trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Địa điểm Trường nằm trên Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quốc lộ số 5, cách trung tâm thành phố 2km, được thành phố quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng khá tốt, hệ thống giao thông thuận tiện tới các quận, huyện của thành phố Hải Phòng, ngay trước cổng Trường có điểm dừng đỗ xe buýt, xe khách tới các huyện An Dương, An Lão, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên và các tỉnh lân cận như Hải Dương, Thái Bình, Quảng Ninh, TP. Hà Nội,...

Nhà trường được cách ly với đại lộ Tôn Đức Thắng và khu dân cư bởi hệ thống tường rào cao trên 2,2m, các công trình khu nhà học, khu hiệu bộ cách mặt đường tối thiểu 40m, đảm bảo an toàn, yên tĩnh cho việc dạy và học và đã được Trung tâm quan trắc - phân tích môi trường biển thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân đo kiểm về không khí và nước thải kết luận

các chỉ số trong ngưỡng an toàn, đảm bảo tiêu chuẩn (BS 5.1.01 - *Phiếu kết quả thử nghiệm không khí, nước thải*).

Địa điểm Trường ở ngay trung tâm TP. Hải Phòng, nên thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước. Nguồn nước sinh hoạt được cung cấp bởi nhà máy nước sạch của Công ty TNHH MTV cấp nước Hải Phòng (5.1.13 - *Hợp đồng mua bán nước với Công ty cấp nước*; 5.1.16 - *Hóa đơn thu tiền nước hàng tháng*). Nguồn điện phục vụ học tập và sinh hoạt của Trường được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - chi nhánh Điện lực An Vương (5.1.08 - *Hợp đồng mua bán điện với Chi nhánh điện An Dương*; 5.1.09 - *Hóa đơn thu tiền điện*). Trường có 02 trạm biến áp 320kVA - 22/0,4KV đảm bảo cấp điện cho sinh hoạt, học tập thực hành và mọi hoạt động khác (5.1.10 - *Hồ sơ thiết kế kỹ thuật 02 trạm biến áp 320KVA-22/0,4KV*; BS 5.1.02 - *Hồ sơ thiết kế thi công trạm biến áp*; BS 5.1.03 - *Hợp đồng số 127/2019/HĐ quản lý vận hành trạm biến áp (TBA) giữa Trường và Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực An Dương*).

Địa điểm của Trường cách khu công nghiệp Nomura, Tràng Duệ, An Dương khoảng từ 8 đến 10 km nên không bị ảnh hưởng tiếng ồn, bụi bặm, chất thải độc, ô nhiễm không khí, nguồn nước; bảo đảm an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy và học tập (5.1.01 - *Thuyết minh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng*; 5.1.02 - *Bản đồ quy hoạch Huyện An Dương*).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế và nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, với diện tích tổng thể mặt bằng 40.649,78m² (BS 5.2.01 - *Các Quyết định giao đất của UBND thành phố Hải Phòng và Quy hoạch kiến trúc tổng thể mặt bằng Trường tỷ lệ 1:500 của Sở Công nghiệp Hải Phòng*), Trường được quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc môi trường sư phạm, cụ thể: khuôn viên trường được bao bọc bởi tường rào bao quanh, khu hiệu bộ, khu học lý thuyết và các khu phân xưởng thực hành bố trí liên thông bởi hệ thống giao thông nội bộ, khu nhà học lý thuyết và 02 khu nhà xưởng thực hành được bố trí hình chữ U, giữa có hồ nước rộng bao phủ bởi cây xanh, tạo không khí thoáng mát, trong lành cho các khu học tập; khu thể thao (sân bóng chuyền, cầu lông, bóng đá, cầu lạc bộ bóng bàn) được bố trí cách xa khu học tập, đảm bảo kiến trúc môi trường sư phạm. Ký túc xá ở trong khuôn viên trường nhưng được bố trí khá độc lập so với các khu nhà học được ngăn cách bởi hàng rào cây xanh, cách khu

học tập khoảng 100m (5.1.01 - *Thuyết minh quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng*; 5.2.01 - *Bản vẽ thực trạng mặt bằng trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng*; 5.2.02 - *Bộ tranh vẽ cảnh quan nhà trường*).

Qua nghiên cứu tổng hợp số liệu từ các hồ sơ minh chứng: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Trường Công nghiệp Hải Phòng do Viện Quy hoạch Hải Phòng tư vấn thiết kế quy hoạch (đã được UBND huyện An Dương phê duyệt), trong đó, có bảng cân bằng đất, đã chi tiết diện tích và tỷ lệ các khối công trình xây dựng như: khu phòng học lý thuyết, khu học thực hành, khu hiệu bộ, đất cây xanh sân vườn, đất cây xanh cách ly, đất giao thông nội bộ, khu ký túc xá,... và Hồ sơ xây dựng, hoàn công các khối công trình gồm: Hợp đồng giao nhận khảo sát thiết kế, Hợp đồng giao nhận thầu xây dựng; Hồ sơ thiết kế; Hồ sơ dự toán, Văn bản duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán; Các biên bản nghiệm thu công trình xây dựng, Hồ sơ hoàn công, Hồ sơ quyết toán xây dựng các khối công trình cho thấy: Diện tích đất xây dựng các khối công trình là 10.940m² và diện tích sử dụng là 18.850m², trong đó, diện tích sử dụng cho phòng học lý thuyết là 1.762m² và diện tích sử dụng các khu thực hành là 9.168m² (số liệu kiểm tra thực tế hồ sơ so với số liệu trong báo cáo tự đánh giá của Trường có một số hạng mục không khớp, Đoàn quyết định lấy số liệu kiểm tra thực tế theo hồ sơ minh chứng), cụ thể:

Khối công trình	Diện tích đất xây dựng (m²)	Số phòng/xưởng	Diện tích sử dụng (m²)
Khu nhà hiệu bộ	489	21	978
Khu nhà học lý thuyết 3 tầng	480	18 phòng LT + 3 kho	1.440
Khu nhà học lý thuyết 03 tầng	388	5 phòng LT + 5 phòng thư viện + 1 LAB, 1 Hội thảo	1.164
Khu nhà thực hành 03 tầng	414	8	1.242
Khu nhà thực hành 03 tầng	415	9	1.247
Khu nhà thực hành 05 tầng	778	30	3.980
Khu nhà xưởng 01 tầng	1.949	9	1.949
Khu nhà xưởng 01 tầng lửng	450	3	750
Khu ký túc xá	778	25	1.062
Khu nhà để xe	698	3	698
Khu căng tin	240	2	240
Khu nhà chữ U (khu Trung tâm giới thiệu việc làm)	239	2	478

Đường giao thông nội bộ, sân thể thao, nhà bảo vệ và các công trình phụ trợ khác	3.622		3.622
Tổng cộng	10.940		18.850

(5.1.01 - Hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng; 5.2.03 - Bảng thống kê số lượng xây dựng toàn trường; 5.2.05 - Hồ sơ thiết kế/xây dựng các khối công trình).

Vậy diện tích đất xây dựng là 10.940m², chiếm tỷ lệ 26,91%, đảm bảo mật độ xây dựng công trình từ 20-40% theo tiêu chuẩn.

Về diện tích cây xanh, qua khảo sát hồ sơ minh chứng: Mặt bằng bố trí cây xanh tại các khu vực và Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, hồ sơ Quyết toán kinh phí trồng cây xanh thăm cỏ, trang trí bồn cây tại Trường, cho thấy, tổng diện tích cây xanh (đất trồng cây xanh sân trường, đất cây xanh cách ly) là 12.987,48m², chiếm 31,95%, đảm bảo tỷ lệ 30%-40% diện tích cây xanh theo quy định (5.1.01 - Hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng; BS 5.2.02 - Mặt bằng bố trí cây xanh, thăm cỏ và Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và quyết toán kinh phí trồng cây xanh thăm cỏ, trang trí bồn cây).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn với số liệu về số phòng, số xưởng, diện tích như đã phân tích ở Tiêu chuẩn 5.2. Qua khảo sát hồ sơ thiết kế các khu nhà học cho thấy, diện tích phòng học lý thuyết bình quân 76m²/phòng, diện tích nhỏ nhất của phòng lý thuyết là 60m², phòng giảng đường có diện tích 110m²; diện tích xưởng thực hành bình quân mỗi xưởng là 125m², xưởng thực hành có diện tích nhỏ nhất là 72m², xưởng có diện tích lớn nhất là 210m² (xưởng Cơ khí) đảm bảo quy chuẩn xây dựng TCVN 9210-2012 và Thông tư 38/2018/TT - BLĐTBXH (5.2.03 - Bảng thống kê số lượng xây dựng toàn trường; 5.2.05 - Hồ sơ thiết kế/xây dựng các khối công trình).

Hội trường được bố trí tại tầng 02 khu hiệu bộ với diện tích 110m² phục vụ cho các hoạt động giao lưu HSSV, văn hóa văn nghệ vào các ngày lễ; 01 phòng hội thảo với diện

tích 110m² được bố trí ở tầng 1 khu nhà lý thuyết 03 tầng có đầy đủ thiết bị âm thanh, máy chiếu phục vụ hội nghị, hội thảo.

Bên cạnh đó, Trường còn có khu phụ trợ khác như khu hiệu bộ, khu ký túc xá, căn tin, nhà xe, sân thể thao ngoài trời,... như đã liệt kê chi tiết ở Tiêu chuẩn 5.2.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế và nghiên cứu các minh chứng, cho thấy, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường như đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải đáp ứng theo quy định để phục vụ tốt cho hoạt động chung toàn Trường, cụ thể như sau:

Nhà trường có hệ thống đường giao thông nội bộ kết hợp với sân trường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mặt đường đổ bê tông rộng 6m, được kết nối liên hoàn từ cổng Trường đến các khu chức năng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, vận chuyển, lắp đặt thiết bị; trục đường giao thông nội bộ từ khu hiệu bộ, xuống các khu phòng học có mái che tránh mưa nắng (5.2.05 - Hồ sơ thiết kế/xây dựng các khối công trình).

Hệ thống điện: Trường sử dụng hệ thống điện từ 02 trạm biến áp 320kVA - 22/0,4KV. Tại các khu nhà học, dây dẫn điện được thiết kế đi ngầm trong tường, một số xưởng thực hành, dây đi nổi trên tường và được cho vào ống gen cách điện có cầu dao, aptomat bảo vệ riêng biệt từng phòng/xưởng, đảm bảo cấp điện cho sinh hoạt, học tập thực hành, thực tập và mọi hoạt động khác của Nhà trường (5.1.10 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật 02 trạm biến áp 320KVA-22/0,4KV; BS 5.1.02 - Hợp đồng số 127/2019/HĐ quản lý vận hành trạm biến áp (TBA) giữa Trường và chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực An Dương). Nguồn điện phục vụ học tập và sinh hoạt của Trường được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - chi nhánh Điện lực An Dương (5.1.08 - Hợp đồng mua bán điện với Chi nhánh điện An Dương; 5.1.09 - Hóa đơn thu tiền điện).

Hệ thống cấp, thoát nước: Qua nghiên cứu Hợp đồng giao nhận khảo sát thiết kế; Hợp đồng giao nhận thầu xây dựng; Hồ sơ thiết kế; Hồ sơ dự toán, Văn bản duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán; Các biên bản nghiệm thu công trình xây dựng, Hồ sơ hoàn công, Hồ sơ quyết toán xây dựng hệ thống cấp, thoát nước của Trường, cho thấy, hệ thống cấp thoát nước được thiết kế xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật. Hệ thống thoát nước được xây

dựng thành hệ thống công từ các khu nhà chạy dọc theo đường giao thông nội bộ dẫn ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố. Hệ thống cấp nước được dẫn từ hệ thống cấp nước sạch nhà máy nước An Dương bằng đường ống dẫn ngầm dẫn tới các khu nhà trong toàn Trường (5.2.05 - *Hồ sơ thiết kế/xây dựng các khối công trình*; 5.1.04 - *Bản vẽ hệ thống cấp, thoát nước toàn trường*; 5.1.11 - *Hợp đồng mua bán nước với nhà máy nước*; 5.1.13 - *Hóa đơn thu tiền nước*).

Trường đã hợp đồng với công ty Môi trường đô thị Hải Phòng để thực hiện thu gom, xử lý rác thải hàng ngày, đảm bảo vệ sinh môi trường học tập (5.1.14 - *Hợp đồng thu gom, xử lý rác thải*; 5.1.15 - *Sơ đồ thu gom rác thải, phế liệu, chất rắn khu vực Trường*; BS 5.4.01 - *Hóa đơn thu tiền rác hàng tháng*).

Hệ thống PCCC đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về hệ thống điện, nguồn nước phục vụ chữa cháy (nguồn nước từ 01 bể nước khối tích khoảng 20m² và 01 ao khối tích lớn). Tại mỗi xưởng thực hành, Trường đều niêm yết nội quy PCCC, tiêu lệnh chữa cháy, biển cấm lửa, cấm hút thuốc tại các khu vực có nguy hiểm về cháy nổ trong Trường. Trang bị 90 bình chữa cháy xách tay và dụng cụ, phương tiện PCCC thô sơ; lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy tại các khu nhà, trang bị 01 máy bơm điện ba pha hiệu Pentax công suất 11KW/15HP và 01 máy bơm động cơ Diezel 11W/15KW hiệu Pentax sử dụng cho hệ thống cấp nước vách tường tại các khu nhà (5.4.05 - *Hợp đồng kinh tế cung cấp lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy*; BS 5.4.02 - *Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng lắp đặt thiết bị PCCC*). Bên cạnh đó, Trường còn được Công ty TNHH thiết bị PCCC Duyên Hải thực hiện đo điện trở tiếp đất cho 06 khu nhà, kết quả đánh giá, hệ thống thu lôi chống sét của Trường đảm bảo theo quy định (BS 5.4.03 - *Kết quả đo điện trở tiếp đất các khu nhà tại trường Cao đẳng Công nghiệp Hải phòng số 05.03/KQTD-PCCC*); mua Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc của công ty của Công ty Bảo hiểm hàng không Hải Phòng (VNI) với 11 danh mục tài sản (BS 5.4.04 - *Hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc giữa Trường và Công ty VNI*). Hiện tại, Trường có 27 CBNV được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH (5.4.08 - *Danh sách giáo viên, nhân viên tham gia tập huấn năm 2017, 2018, 2019*; BS 5.4.05 - *Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH*). Trường cũng đã xây dựng phương án PCCC (đã được công an PCCC An Dương phê duyệt) và thành lập Tổ PCCC; Công tác PCCC của Trường được công an PCCC huyện An Dương kiểm tra xác nhận đạt yêu cầu (5.4.04 - *Biên bản kiểm tra PCCC và cứu nạn cứu hộ*; 5.4.06 - *Các Quyết định thành lập tổ PCCC*; 5.4.07 - *Quyết định về ban hành quy định về PCCC*; 5.4.09 - *Phương án PCCC năm 2017, 2018, 2019, 2020*). Hệ thống PCCC của Trường được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và còn được Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ PCCC Tuấn Phương hướng dẫn sử dụng và kiểm tra định kỳ hệ thống báo cháy và chữa cháy trong toàn trường (BS 5.4.06 - *Hướng dẫn sử dụng và kiểm tra định kỳ hệ thống báo cháy và chữa cháy*).

Trường cũng đã ban hành quy định quản lý tài sản công tại Quyết định số 06/QĐ-CĐCN ngày 11/01/2018 (5.4.11 - *Quyết định số 06/QĐ-CĐCN ngày 11/01/2018 về việc*

ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công), trong đó, quy định rõ về quản lý, sử dụng CSVC, hạ tầng kỹ thuật (Điều 10), bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa CSVC, hạ tầng kỹ thuật (Điều 11), quy định về quản lý, sử dụng phòng học chuyên môn (Điều 15),... Trên cơ sở đó, hàng năm, Trường đều tổ chức rà soát, tiến hành bảo trì bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, luôn đảm bảo hệ thống hoạt động trong tình trạng tốt (5.4.12 - Biên bản kiểm tra việc quản lý, sử dụng cơ sở hạ tầng; 5.4.13 - Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật năm 2017, 2018, 2019; 5.4.14 - Báo cáo công tác quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020). Qua kiểm tra hồ sơ minh chứng 5.4.14 và các chứng từ thanh toán sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật cho thấy, trong 03 năm qua, Trường đã tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật như: thay thế, sửa chữa các thiết bị điện; thay thế hệ thống cửa cho một số khu phòng học; sửa chữa đường ống dẫn nước; thay thế, lắp đặt một số thiết bị PCCC; sửa chữa công thoát nước;... Qua tổng hợp chứng từ thanh toán về sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong các năm gần đây với kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng cụ thể như sau:

Năm	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng kinh phí (VNĐ)	2.174.882.600	160.972.800	1.284.946.200

Qua phỏng vấn GV, HSSV đang học tại Trường cũng cho biết: hệ thống điện luôn đảm bảo yêu cầu học tập; nước phục vụ sinh hoạt, hệ thống vệ sinh luôn đảm bảo yêu cầu; khuôn viên Trường xanh sạch, đẹp; có hồ nước tạo không khí học tập mát mẻ vào mùa hè (có Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua nghiên cứu và tổng hợp dữ liệu các minh chứng: Kế hoạch, Tiến độ đào tạo năm học 2017-2018 đến năm 2019-2020 (2.4.02 - Kế hoạch đào tạo các nghề từng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.6.03 - Tiến độ giảng dạy các khóa, ngành, nghề từng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020) làm cơ sở phân tích nhu cầu phòng học lý thuyết, xưởng thực hành (các số liệu trong Báo cáo tự đánh giá chưa chính xác vì vậy Đoàn dựa trên cơ sở các minh chứng để tính toán lại), cụ thể như sau:

Về nhu cầu phòng học lý thuyết, xưởng thực hành theo quy mô HSSV và quy mô biên chế lớp học:

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020
HSSV quy đổi	750	724	603
Biên chế lớp học	31	31	40
Nhu cầu phòng học lý thuyết tính trên quy mô (tính 01 ngày 1 ca học)	6.43	6.21	5.17
Nhu cầu phòng học lý thuyết tính trên biên chế lớp học (tính 1 ngày một ca học)	9.3	9.3	12
Nhu cầu xưởng thực hành tính theo quy mô HSSV (tính một ngày học 1 ca)	29.2	28.2	23.5
Nhu cầu xưởng thực hành tính theo biên chế lớp học (tính một 1 ngày học 01 ca)	21.7	21.7	28

So với số phòng học lý thuyết hiện có tại Trường là 23 phòng, xưởng thực hành hiện có của Trường là 59 xưởng thực hành thì Trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo tại thời điểm có quy mô HSSV lớn nhất trong 03 năm qua.

Về tiêu chuẩn xây dựng các phòng học lý thuyết, thực hành đảm bảo quy chuẩn xây dựng (như đã phân tích ở Tiêu chuẩn 5.1 và 5.2).

Bên cạnh đó, tùy theo đặc điểm yêu cầu công nghệ thiết bị, Trường đã bố trí các khu nhà xưởng thực hành phù hợp, chẳng hạn, đối với nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp được bố trí ở khu nhà xưởng 05 tầng; các phòng thực hành Công nghệ thông tin được bố trí ở tầng 2 khu nhà thực hành 03 tầng, thoáng mát, chống ẩm thiết bị; đối với xưởng thực hành nghề Cắt gọt kim loại, Hàn, Công nghệ ô tô được bố trí ở khu nhà xưởng thực hành 01 tầng, với diện tích rộng trên 250m² (5.5.02 - *Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng/xưởng thực hành*; 5.5.04 - *Các hợp đồng kinh tế về mua sắm trang thiết bị thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2017, 2018, 2019*; 5.5.06 - *Báo cáo đánh giá về điều kiện phòng học lý thuyết, thực hành phòng học chuyên môn và cơ sở vật chất của nhà trường*).

Qua phỏng vấn ý kiến cán bộ, giáo viên và người học, cũng cho biết, cơ sở vật chất tại Trường phục vụ tốt cho quá trình học tập và giảng dạy, với cơ sở vật chất hiện tại có thể đáp ứng được quy mô 2000 HSSV, tuy nhiên, những năm gần đây, công tác tuyển sinh khó khăn vì vậy cơ sở vật chất không được khai thác triệt để. Qua phỏng vấn cán bộ quản lý ở các khoa cũng cho biết, các xưởng thực hành có diện tích rộng, rất thuận lợi cho việc bố trí thiết bị, hệ thống điện được bố trí cầu giao chống giật từng xưởng, đảm bảo an toàn cho việc vận hành thiết bị (có Biên bản phỏng vấn các đối tượng kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát minh chứng cho thấy, Trường đã ban hành Quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại Quyết định số 06/QĐ-CĐCN ngày 11/01/2018, trong quy định này, quy định rõ về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.4.11 - *Quyết định số 06/QĐ-CĐCN ngày 11/01/2018 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công*).

Bên cạnh đó, Trường cũng đã ban hành quy trình quản lý, sử dụng, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cơ sở vật chất của Trường tại Quyết định số 22/QĐ-CĐCN ngày 19/01/2018, trong Quy trình này quy định rõ quy trình sửa chữa thiết bị gồm 09 bước, bao gồm các biểu mẫu cụ thể như Giấy đề nghị sửa chữa, Dự toán kinh phí sửa chữa,... (5.6.01 - *Quyết định số 22/QĐ-CĐCN ngày 19/01/2018 về việc ban hành Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị*).

Tại mỗi xưởng thực hành, đều có nội quy phân xưởng, mỗi thiết bị đều có hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất, tùy theo tính chất đặc điểm của thiết bị, một số thiết bị tại các phân xưởng còn được gắn với Bảng hướng dẫn quy trình sử dụng, nguyên tắc an toàn khi sử dụng thiết bị theo khuyến cáo của nhà sản xuất (5.6.02 - *Bảng hướng dẫn quy trình sử dụng, nguyên tắc an toàn khi sử dụng trang thiết bị dạy nghề*; 5.6.03 - *Nội quy xưởng thực hành*).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở Quy định về quản lý, sử dụng tài sản công được ban hành tại Quyết định số 06/QĐ-CĐCN ngày 11/01/2018, Trường đã sử dụng phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa theo quy định (5.4.11 - *Quyết định số 06/QĐ-CĐCN ngày 11/01/2018 về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công*). Phòng học lý thuyết dùng chung cho tất cả các khoa, các nghề được quản lý chung, phân công phòng Quản trị - Đời sống quản lý theo dõi, riêng phòng Lab dùng để dạy ngoại ngữ giao cho khoa Cơ bản quản lý. Các khu nhà xưởng thực hành giao cho các khoa quản lý, đồng thời phân công giáo viên trong khoa phụ trách phù hợp với chuyên môn ngành nghề giảng dạy (5.5.06 - *Bảng phân công giáo viên quản lý phòng học, xưởng thực hành các đơn vị năm 2017, 2018, 2019*).

Việc sử dụng phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được thực hiện theo thời khóa biểu (5.7.03 - *Thời khóa biểu năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*). Trong quá trình sử dụng giáo viên được phân công giảng dạy và giáo

viên được phân công quản lý thực hiện công tác bàn giao, ghi chép nhật ký xưởng đầy đủ theo quy định (5.7.04 - *Sổ nhật ký phân xưởng/ phòng thực hành*). Bên cạnh đó, Trường cũng quy định rõ nội quy trường học, nội quy xưởng thực hành để cán bộ, giáo viên, HSSV thực hiện (5.7.01 - *Quyết định số 16/QĐ-CĐCN ngày 16/01/2018 về việc ban hành nội quy trường học*; 5.6.03 - *Nội quy xưởng thực hành*).

Qua phỏng vấn giáo viên cho biết, các phòng thực hành được Trường sử dụng, quản lý chặt chẽ, gắn liền với trách nhiệm của giáo viên quản lý phân xưởng/phòng thực hành nên việc sử dụng các phòng học đúng theo quy định của trường, sau mỗi buổi dạy, giáo viên phải cập nhật Sổ nhật ký phân xưởng, trong đó ghi rõ ngày tháng sử dụng, lớp học, tình trạng thiết bị sử dụng của phân xưởng,... (có Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế tại các phân xưởng thực hành, cho thấy, thiết bị đào tạo nghề tại trường đầu tư khá đồng bộ, một số thiết bị hiện đại tương đương với công nghệ sản xuất từ các dự án: Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động của thành phố Hải Phòng,... Qua khảo sát hồ sơ minh chứng về danh mục thiết bị theo từng khoa/ nghề và biên bản kiểm kê thiết bị dạy nghề hàng năm của các khoa, so sánh với danh mục thiết bị tối thiểu Bộ LĐ-TB&XH đã ban hành, thì Trường vẫn còn một số thiết bị của một số nghề chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định, chẳng hạn, nghề Công nghệ ô tô còn thiếu một số thiết bị như: Mô hình hệ thống truyền lực; Bộ ly hợp; Hệ thống lái cơ khí tổng hợp; Máy mài bán ép ly hợp; Xe ô tô số tự động; nghề Cắt gọt kim loại thiếu một số thiết bị như Máy Sọc vụn năng, máy mài phẳng vụn năng, máy mài CNC,... (5.5.03 - *Danh mục thiết bị dạy nghề theo nghề trong trường*; 5.4.15 - *Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị vật tư năm 2017, 2018, 2019*; 5.4.16 - *Hồ sơ thanh lý tài sản, thiết bị vật tư năm 2017, 2018, 2019*; 5.8.06 - *Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu và danh mục thiết bị đào tạo hiện có tại trường*).

Qua phỏng vấn nhà giáo về mức độ đáp ứng thiết bị so với nhu cầu giảng dạy cũng cho biết: Thiết bị giảng dạy cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu, có nhiều thiết bị hiện đại được đầu

tư ngoài danh mục thiết bị tối thiểu để đào tạo các nghề trọng điểm quốc tế và khu vực, tuy nhiên, cũng còn một số thiết bị vẫn còn thiếu so với danh mục thiết bị tối thiểu quy định và khoa đã bố trí cho HSSV tiếp cận khi thực tập doanh nghiệp (Có Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
0 (Không điểm)	0 (Không điểm)

Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế tại các phòng/xưởng thực hành, cho thấy: Các thiết bị được bố trí, sắp xếp tại các phòng, xưởng thực hành hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành (5.5.05 - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn nhà trường).

Các thiết bị thuộc nhóm nghề cơ khí, ô tô được bố trí ở khu xưởng 01 tầng với diện tích rộng, bố trí thiết bị dàn trải, có lối đi giữa các dây máy (tiện, phay, cắt) rộng 1.5m đến 5m đảm bảo an toàn khi di chuyển, thuận tiện trong việc vệ sinh, bảo dưỡng; hệ thống điện được thiết kế ngầm dưới mặt nền tới tủ điện riêng từng xưởng, có Aptomat chống giật. Hệ thống tháo lắp động cơ, thiết bị ô tô có giá đỡ chắc chắn bằng sắt, gắn bánh xe, dễ di chuyển, vệ sinh, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp.

Các thiết bị thuộc nhóm nghề điện, điện tử, điện lạnh được bố trí tại khu nhà 05 tầng. Thiết bị có thể tích nhỏ được sắp xếp khoa học trên các kệ, tủ nhiều tầng, các thiết bị có thể tích lớn được sắp xếp ngăn nắp theo hình chữ U, ở giữa phòng thực hành bố trí bàn ghế đủ cho 18 HSSV, trong phòng có trang bị ghế xếp, được sắp xếp gọn vào một góc, tiện cho việc sử dụng học thực hành trên thiết bị; Hệ thống điện được bố trí treo, được cho vào ống gen, máng treo gọn gàng, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp.

Tất cả các phòng/xưởng thực hành đều có hệ thống kho lưu trữ vật tư phiêu, tủ lưu trữ thiết bị đo kiểm, chống thất thoát, đảm bảo công tác bảo quản thiết bị, vật tư; có nội quy phân xưởng/phòng thực hành; hệ thống biển chỉ dẫn PCCC, quy trình 5S; có chỗ để mũ, nón, áo mưa và dụng cụ vệ sinh;... (5.6.03 - Nội quy xưởng thực hành; BS 5.9.01 - Hình ảnh các xưởng/phòng thực hành).

Đối với các thiết bị, dụng cụ đặc biệt thuộc danh mục thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được kiểm định an toàn và chứng nhận an toàn theo quy định trước khi đưa vào sử dụng, đồng thời, tại vị trí lắp đặt thiết bị, Trường còn in quy trình vận hành thiết bị để giáo viên, HSSV vận hành đảm bảo an toàn (5.9.02 - Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, hồ sơ

quản lý các thiết bị, dụng cụ; BS 5.9.02 - Quy trình vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.9:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua nghiên cứu minh chứng, cho thấy Trường đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo tại Quyết định số 35/QĐ-CĐCN ngày 05/01/2018, trong đó, có nội dung quy định trách nhiệm quản lý, sử dụng của cá nhân được phân công quản lý và trưởng đơn vị quản lý sử dụng tại Điều 7, 8,9, 26, 27 của quy định; Hồ sơ sổ sách quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng được quy định tại điều 11, 12, 13, 14, 15 và điều 23. Việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị được quy định tại điều 24 và điều 25 (5.10.01 - Quyết định số 35/QĐ-CĐCN ngày 05/01/2018).

Trên cơ sở quy định, các khoa lập các Sổ theo dõi tình trạng thiết bị vật tư, trong đó ghi rõ tên thiết bị, số lượng năm đưa vào sử dụng, nguồn gốc thiết bị, nơi để, tình trạng thiết bị (5.5.08 - Sổ lý lịch thiết bị) và Nhật ký phòng thực hành, trong đó, theo dõi những nội dung như ngày tháng sử dụng phòng thực hành, nội dung bài học và tình trạng thiết bị sử dụng trong bài giảng (5.7.04 - Sổ nhật ký phân xưởng/ phòng thực hành). Hàng năm, các khoa đều lập Báo cáo tình hình sử dụng thiết bị, trong đó có nêu rõ tình trạng thiết bị và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị (5.6.05 - Báo cáo tình hình sử dụng thiết bị đào tạo hàng năm của các khoa). Phòng Quản trị đời sống tổng hợp Báo cáo việc bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, cơ sở vật chất và đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị, vật tư trong toàn trường (5.10.04 - Báo cáo việc bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và những biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư, thiết bị năm 2017, 2018, 2019). Đồng thời, việc đánh giá kiểm tra tình trạng vận hành quản lý thiết bị tại các xưởng thực hành cũng được Trường thực hiện thường xuyên (5.8.02 - Biên bản kiểm tra, đánh giá trang thiết bị tại các xưởng thực hành).

Bên cạnh đó, Trường còn ban hành Quy trình Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị gồm 09 bước và có các biểu mẫu kèm theo (5.6.01 - Quyết định số 25/QĐ-CĐCN ngày 22/01/2018 về việc ban hành quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.10:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào hồ sơ minh chứng kết hợp với khảo sát thực tế cho thấy: 100% các thiết bị đào tạo nghề của Trường có hồ sơ xuất xứ, năm, nước sản xuất, chủng loại, thông số kỹ thuật rõ ràng, các thiết bị đều được gắn thẻ thiết bị (5.5.03 - *Danh mục thiết bị dạy nghề đối với các nghề trong trường*; 5.5.08 - *Sổ lý lịch thiết bị*; BS 5.11.01 - *Quyết định giao quản lý sử dụng tài sản thuộc chương trình mục tiêu giáo dục việc làm hàng năm*).

Trên cơ sở Quyết định giao quản lý sử dụng tài sản thuộc chương trình mục tiêu giáo dục việc làm hàng năm, các khoa tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng đúng công năng. Khoa còn phân công giao viên phụ trách quản lý từng phòng thực hành. Phân xưởng (5.5.07 - *Bảng phân công giáo viên quản lý phòng học, xưởng thực hành các đơn vị năm 2017, 2018, 2019*).

Các thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất và theo quy định của Trường, hàng năm các khoa lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, trong đó có lập tiến độ thời gian bảo trì, bảo dưỡng theo khuyến cáo của nhà sản xuất và quy định bảo trì bảo dưỡng của Trường (5.6.04 - *Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị năm 2017, 2018, 2019*; 5.6.01 - *Quyết định số 25/QĐ-CĐCN ngày 22/01/2018 về việc ban hành quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị*). Trên cơ sở kế hoạch này, các khoa tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa đảm bảo các thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt, qua thống kê kinh phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị hàng năm cho thấy kinh phí chi cho hoạt động này trong 03 năm qua, cụ thể như sau:

Thời gian thực hiện	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Kinh phí (VNĐ)	423.727.000	341.014.000	516.591.802

Thông qua việc theo dõi tình trạng thiết bị thường xuyên, các khoa cũng đánh giá được hiệu quả sử dụng thiết bị đồng thời có những biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị. Hàng năm, Trường cũng tổ chức kiểm kê, đánh giá hiệu quả và tình trạng thiết bị và có giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị, đối với những thiết bị cũ, hỏng hoặc công nghệ lạc hậu sẽ được thanh lý để mua sắm mới các thiết bị phù hợp, hiện đại phục vụ công tác giảng dạy (BS 5.11.02 - *Biên bản xác định tình trạng kỹ thuật của tài sản*; BS 5.11.03 - *Hồ sơ kiểm kê tài sản và hồ sơ thanh lý tài sản hàng năm*).

Như vậy hệ thống thiết bị đào tạo của nhà trường có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của Trường và nhà sản xuất; hàng năm, đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.11:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra hồ sơ minh chứng cho thấy, việc cấp phát vật tư, phôi liệu được Trường quy định rõ tại Quyết định số 36/QĐ-CĐCN về ban hành Quy định quản lý, cấp phát và sử dụng thiết bị vật tư (5.7.02 - *Quyết định số 36/QĐ-CĐCN ngày 06/02/2018 về việc ban hành Quy định quản lý, cấp phát và sử dụng thiết bị, vật tư*) và Quy trình quản lý, cấp phát vật tư (BS 5.12.01 - *Quyết định số 06/QĐ-CĐCN ngày 11/01/2018 ban hành quy trình mua sắm, cấp phát vật tư phôi liệu*). Trong các quy định này đã quy định quy trình mua sắm, cấp phát và định mức mua sắm vật tư, phôi liệu. Trên cơ sở số lượng HSSV, nội dung chương trình đào tạo mô-đun, môn học, các khoa đề xuất vật tư phôi liệu phục vụ giảng dạy mô-đun, môn học và Trường phê duyệt, tiến hành mua sắm và cấp phát theo quy định (5.12.03 - *Bảng dự trù vật tư năm 2017, 2018, 2019*; 5.6.08 - *Sổ cấp phát vật tư*; 5.10.03 - *Phiếu xuất, nhập kho*; 5.4.14 - *Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị vật tư cuối năm 2017, 2018, 2019*).

Qua khảo sát thực tế cho thấy, vật tư phôi liệu được sắp xếp gọn gàng trong các khu vực kho, có kệ, tủ chống ẩm mốc, thuận tiện cho việc cấp phát, quản lý.

Qua phỏng vấn giáo viên và HSSV đang học cũng cho biết, vật tư phôi liệu được cấp phát kịp thời, đáp ứng đầy đủ cho giảng dạy (có Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Về định mức kinh tế kỹ thuật: qua khảo sát hồ sơ minh chứng, cho thấy, Trường đang làm thủ tục để xây dựng định mức KTKT cho các nghề đang đào tạo nhưng chưa hoàn chỉnh mà đang trong quá trình xây dựng. Về định mức tiêu hao vật tư chủ yếu dựa vào đề xuất mua sắm vật tư theo chương trình đào tạo và định mức phần trăm chi phí dành cho vật tư phôi liệu được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ (5.12.03 - *Bảng dự trù vật tư năm 2017, 2018, 2019*; 5.6.08 - *Sổ cấp phát vật tư*; 5.10.03 - *Phiếu xuất, nhập kho*; 1.12.08 - *QĐ ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ*; 1.12.09 - *Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ*). Vậy Trường chưa xây dựng hoàn chỉnh định mức tiêu hao vật tư, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ đào tạo các nghề tại Trường.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.12:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>0 (Không) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>

Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế và hồ sơ minh chứng cho thấy, thư viện của Trường gồm có 02 kho sách kết hợp phòng đọc, 02 phòng đọc, 01 phòng thư viện điện tử (do LG tài trợ) bố trí tại khu nhà học lý thuyết 03 tầng (khu B), diện tích cụ thể: 02 kho sách kết hợp phòng đọc có diện tích 140m² (trong đó, khu vực kệ sách chiếm 30m²) và 02 phòng đọc có diện tích là 120m², tổng diện tích phòng đọc truyền thống là 230m² (đã trừ diện tích kho chứa sách) tương đương 128 chỗ đọc (mỗi chỗ đọc 1,8m²). Phòng đọc điện tử có diện tích 68m² tương đương 19 chỗ đọc (mỗi chỗ đọc 3,5m²). Vậy sức chứa của thư viện Trường là 147 chỗ đọc vừa thư viện điện tử, vừa thư viện truyền thống.

Với quy mô đào tạo trung cấp và Cao đẳng cao nhất trong 03 năm qua là 750 HSSV (năm học 2017-2018), để đáp ứng được 15% quy mô HSSV cần 112,5 chỗ đọc.

Với số lượng cán bộ giáo viên lớn nhất trong 03 năm qua là 86 người (năm 2017), để thư viện đáp ứng được 25% cán bộ, giáo viên cần 21,5 chỗ đọc.

Vậy để thư viện đáp ứng yêu cầu theo quy định cần 134 chỗ đọc. So sánh với sức chứa của thư viện hiện có của Trường (147 chỗ) thì diện tích thư viện đáp ứng yêu cầu.

Qua khảo sát thực tế và hồ sơ sổ sách theo dõi thư viện cho thấy, tại thư viện có 09 bộ chương trình đào tạo Cao đẳng, 06 bộ chương trình đào tạo trung cấp và 09 bộ chương trình đào tạo sơ cấp, 250 đầu giáo trình mô-đun, môn học tự biên soạn với 1250 cuốn, 663 đầu giáo trình mô-đun, môn học tham khảo với 2336 cuốn. Qua đối chiếu với Giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 28/12/2017 cho thấy, tất cả các chương trình đào tạo của các nghề đều được lưu trữ tại thư viện và đảm bảo có ít nhất 05 bản in giáo trình mô-đun, môn học đã được phê duyệt được lưu trữ tại thư viện (5.13.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 414/2017/GCNDKHHĐ-TCDN ngày 28/12/2017; 5.13.06 - Các quyết định, công nhận giáo trình và tài liệu giảng dạy cho từng mô-đun môn học; 5.13.07 - Danh mục đầu sách giáo trình môn học, mô-đun và tài liệu tham khảo; 5.14.06 - Biên bản kiểm kê thư viện năm 2017, 2018, 2019).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.13:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và HSSV.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện trường được phân công 01 cán bộ quản lý là cô Nguyễn Thị Hà. Thời gian phục vụ của thư viện từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (5.13.03 - Nội quy của thư viện, lịch làm

việc của thư viện, nội quy phòng đọc; 5.14.01 - Sổ nhật ký mượn trả tài liệu của CBGV, HSSV; BS 5.14.01 - Phân công nhiệm vụ nhân viên phụ trách thư viện).

Qua khảo sát thực tế cho thấy, phòng thư viện điện tử được tập đoàn LG tài trợ được bố trí khoa học, gồm 19 máy tính để bàn, không gian yên tĩnh thoáng mát, trên tường được trang trí hòa hòa, có tủ lạnh, bình nước nóng lạnh, ghế sofa đọc sách phục vụ bạn đọc (BS 5.14.02 - Biên bản giao nhận danh mục thiết bị thư viện LG tài trợ; BS 5.14.03 - Biên bản kiểm tra thiết bị thư viện hàng năm). Thư viện cũng tổ chức hướng dẫn sử dụng phần mềm tra cứu tài liệu thư viện điện tử, giới thiệu tài liệu, sách mới để thu hút bạn đọc (5.14.02 - Kế hoạch tổ chức hướng dẫn sử dụng thư viện và giới thiệu tài liệu cho học sinh sinh viên mới nhập học; 5.14.03 - Kế hoạch tổ chức hướng dẫn sử dụng thư viện và giới thiệu sách mới năm học 2017, 2018, 2019; 5.14.04 - Thông báo danh mục tài liệu, sách mới gửi qua mail, bảng thông báo).

Phần mềm quản lý thư viện được cung cấp bởi công ty Cổ phần dịch vụ và Công nghệ TIT, hỗ trợ quản lý thư viện và thuận tiện cho việc tra cứu tài liệu của bạn đọc, đáp ứng nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và HSSV (BS 5.14.04 - Hợp đồng cung ứng phần mềm quản lý thư viện; 5.14.05 - Báo cáo hoạt động hàng năm của thư viện). Bên cạnh đó, tài liệu, giáo trình được số hóa tích hợp trên trang web của Trường cũng thuận tiện cho CBGV và HSSV tra cứu, tham khảo (5.15.04 - Địa chỉ website <http://www.hpvc.edu.vn>).

Qua phỏng vấn HSSV tại Trường cho biết, thư viện Trường đáp ứng tốt nhu cầu học tập của các em (có Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.14:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và HSSV; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế tại thư viện Trường, cho thấy, thư viện điện tử của Trường gồm có 19 máy tính và 01 máy chủ được kết nối mạng internet, với không gian yên tĩnh, thoáng mát, được trang trí một số hình ảnh biểu mẫu ý nghĩa; có đầy đủ các thiết bị phục vụ như tủ lạnh, điều hòa, máy lọc nước,...; Phần mềm quản lý thư viện được cung cấp bởi công ty Cổ phần dịch vụ và Công nghệ TIT, hỗ trợ quản lý thư viện và thuận tiện cho việc tra cứu tài liệu cho bạn đọc, đáp ứng nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và HSSV (BS 5.14.04 - Hợp đồng cung ứng phần mềm quản lý thư viện; 5.14.05 - Báo cáo hoạt động hàng năm của thư viện). Bên cạnh đó, tài liệu, giáo trình được số hóa tích hợp trên trang web của Trường

cũng tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV và HSSV tra cứu, tham khảo (5.15.04 - Địa chỉ website <http://www.hpvc.edu.vn>).

Qua khảo sát tài liệu điện tử được tích hợp trên Website của Trường địa chỉ <http://thuvien.hpvc.edu.vn/> có 10.930 tài liệu giáo trình được số hóa, trong đó có 558 giáo trình và 10.372 tài liệu tham khảo phục vụ bạn đọc.

Vậy, Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và HSSV; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.15:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn ĐGN đánh giá
Tiêu chí 6	5 (Năm) điểm	3 (Ba) điểm
<i>Tiêu chuẩn 6.1</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.2</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.3</i>	<i>0 (Không) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.4</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.5</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	80%	60%

2. Các điểm mạnh:

Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo;

Có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được ứng dụng thực tiễn;

Hoạt động liên kết, hợp tác với các Trường, tổ chức nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

3. Các điểm cần cải thiện:

Trường chưa có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước và quốc tế; Công tác nghiên cứu khoa học chưa được duy trì hàng năm.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Nhà trường cần tiếp tục nâng cao hơn nữa các hoạt động hợp tác với các cơ sở đào tạo, tổ chức quốc tế để tranh thủ được sự hỗ trợ về thiết bị phục vụ đào tạo của nhà trường.

Công tác nghiên cứu khoa học cần phải được triển khai, duy trì hàng năm; khuyến khích đội ngũ cán bộ, nhà giáo tham gia viết các bài báo đăng lên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát hồ sơ minh chứng cho thấy, chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm (1.12.08 - QĐ ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; 1.12.09 - Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ). Tại mục 7, phần III Chi phí chuyên môn nghiệp vụ của Quy chế này, quy định, các đề tài nghiên cứu khoa học, tự làm thiết bị dạy nghề được Trường chi tiền vật tư thiết bị, hỗ trợ tiền công (tính 03 giờ/ngày công) và tính giờ nghiên cứu khoa học, khen thưởng nếu được giải khi tham gia các hội thi thiết bị tự làm các cấp, hỗ trợ kinh phí đi học sau đại học,... Bên cạnh đó, Trường cũng đã ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng nghiên cứu khoa học và Đào tạo tại Trường, một trong những chức năng của Hội đồng được quy định là: định hướng phát triển khoa học công nghệ, xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm của Trường. Bên cạnh đó Trường cùng ban hành Bảng tiêu chí đánh giá, nghiệm thu, xếp loại đề tài NCKH và mô hình thiết bị dạy học tự làm số 438/QĐ-CĐCNHP ngày 28/9/2018 gồm các loại A, B,C và không đạt (6.1.03 - Quyết định số 29/QĐ-CĐCNHP ngày 20/02/2017 về việc ban hành Hướng dẫn quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp trường; 6.1.04 - Quyết định số 367/QĐ-CĐCNHP ngày 28/08/2018 về việc Hội đồng Khoa học và Đào tạo; 6.1.05 - Quyết định số 385/QĐ-CĐCNHP ngày 07/09/2018 về việc Quy định Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo; BS 6.1.01 - Quyết định số 438/QĐ-CĐCNHP về ban hành tiêu chí đánh giá, nghiệm thu, xếp loại đề tài NCKH và mô hình, thiết bị dạy học tự làm).

Qua khảo sát các minh chứng cho thấy, Trong thời gian qua, Trường đã cấp kinh phí khá lớn cho hoạt động nghiên cứu khoa học, cụ thể:

Năm thực hiện	Chủ nhiệm đề tài	Tên đề tài	Kinh phí thực hiện trường đã thanh toán
2018	Bùi Văn Hậu	Mô hình dàn trải hệ thống điều hòa trên ô tô	25.710.000
2018	Nguyễn Tiến Thành	Mô hình điều khiển động cơ bằng PLC S7-300 Siemens	37.870.800
2018	Phạm Văn Bắc	Mô hình dàn trải điều hòa không khí 2 cụm 2 chiều	70.040.000
2018	Trần Trung Tấn	Mô hình dàn trải máy vi tính đa năng	33.620.000
2018	Nguyễn Văn Tiến	Xây dựng hệ thống chống lụt cục bộ công suất 90m ³ /giờ	93.588.000
2018	Nguyễn Văn Năm	Máy tạo phôi cho mô-đun hàn ống	85.355.000
2018	Đỗ Đức Tuấn	Xây dựng hệ thống mạng không dây AP AC MESH	99.945.000

(6.2.01 - Hồ sơ thuyết minh các đề tài NCKH; 6.2.02 - Giấy chứng nhận, giải thưởng các đề tài; 6.2.03 - Báo cáo kết quả thực hiện các đề tài NCKH hàng năm; 6.1.04 - Quyết định công nhận đề tài NCKH).

Bên cạnh đó, Trường còn khen thưởng cho các CB, nhà giáo có thiết bị dạy nghề tự làm đạt giải các cấp và hỗ trợ học phí học trình độ thạc sĩ (6.1.13 - Danh sách cán bộ, nhà giáo, nhân viên được hỗ trợ kinh phí đi học Thạc sĩ; 6.1.14 - Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân hàng năm từ 2017, 2018, 2019).

Phòng văn giáo viên về công tác NCKH của trường, cho biết: Nhà trường có các chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến như cấp tiền vật tư phôi liệu để thực hiện đề tài, hỗ trợ tiền công và khen thưởng, cấp học phí học sau đại học (Biên bản phỏng vấn kèm theo).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường Cao đẳng).

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có 07 đề tài nhưng chỉ tập trung năm 2018; 02 năm 2019 và 2020, Trường không thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học nào (chi tiết các đề tài liệt kê ở Tiêu chuẩn 6.1). Vậy Trường chưa đảm bảo yêu cầu nội hàm của tiêu chuẩn.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát, 03 năm qua Trường không có bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động nào đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
0 (Không) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế và kiểm tra hồ sơ minh chứng về Bảng thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học/ thiết bị dạy nghề tự làm; Phiếu đánh giá, nghiệm thu, xếp loại và Biên bản đánh giá kết quả đề tài, Đoàn nhận thấy: tất cả các đề tài NCKH của Trường đã được ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy và quản lý tại Trường, cụ thể:

Tên đề tài	Ứng dụng thực tiễn	Ngành/ nghề ứng dụng
Mô hình dàn trải hệ thống điều hòa trên ô tô	Ứng dụng giảng dạy mô-đun: Sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí ô tô	Nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp, Cao đẳng

Mô hình điều khiển động cơ bằng PLC S7-300 Siemens	Ứng dụng giảng dạy mô-đun: Lập trình điều khiển PLC	Nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp, Cao đẳng
Mô hình dàn trải điều hòa không khí 2 cụm 2 chiều	Ứng dụng giảng dạy mô-đun: Hệ thống điều hòa không khí cục bộ	Nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ trung cấp, Cao đẳng
Mô hình dàn trải máy vi tính đa năng	Ứng dụng giảng dạy mô-đun: Sửa chữa, lắp ráp máy tính	Nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ trung cấp, Cao đẳng
Xây dựng hệ thống chống lụt cục bộ công suất 90m ³ /giờ	Ứng dụng vào việc chống lụt cục bộ trong khuôn viên trường trong mùa mưa	
Máy tạo phôi cho mô-đun hàn ống	Ứng dụng chế tạo ống thép bằng dập ép; chế tạo phôi cho hàn ống một cách nhanh chóng tiết kiệm	Nghề Hàn trình độ trung cấp, Cao đẳng
Xây dựng hệ thống mạng không dây AP AC MESH	Ứng dụng hệ thống mạng không dây phục vụ hoạt động đào tạo cho toàn trường	

(6.2.01 - Hồ sơ thuyết minh các đề tài NCKH; 6.2.03 - Báo cáo kết quả thực hiện các đề tài NCKH hàng năm; 6.1.12 - Quyết định công nhận đề tài NCKH và mô hình thiết bị dạy học tự làm; BS 6.4.01 - Phiếu đánh giá, nghiệm thu và xếp loại đề tài NCKH).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát hồ sơ minh chứng cho thấy, Trường đang hợp tác với Trường Cao đẳng kinh doanh Anabuki tỉnh Kagawa, Nhật Bản và hợp tác với tập đoàn LG Hàn Quốc thông qua Tổ chức tầm nhìn thế giới Việt, Hàn.

Nội dung hợp tác giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng với Trường Cao đẳng kinh doanh Anabuki tỉnh Kagawa, Nhật Bản gồm: (1) Thực hiện xúc tiến các hoạt

động giao lưu giữa sinh viên, cán bộ, công nhân viên nhà trường; (2) Trao đổi phương pháp, tài liệu giảng dạy, giáo trình, cải thiện chất lượng giáo dục; (3) Thực hiện các hoạt động khác mà hai bên cùng quan tâm để có thể mang lại lợi ích cho hai bên (6.5.01 - *Bảng thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và Trường Cao đẳng kinh doanh Anabuki, tỉnh KAGAWA - Nhật Bản*; 6.5.02 - *Công văn số 208/UBND-KTĐN về việc kí kết hợp tác giữa Hiệp hội liên hiệp các trường chuyên môn tỉnh Kagawa (Nhật bản) với các trường Đại học, Cao đẳng Hải Phòng ngày 10/01/2019*). Trên cơ sở này, Trường đã phối hợp với đối tác phía Nhật Bản tổ chức Hội thảo quốc tế về du học tại học viện Anabuki dành cho sinh viên của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng, nhằm mục đích giới thiệu chương trình học bổng của Tập đoàn Anabuki dành cho sinh viên trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng theo học tiếng Nhật và học ngành Bảo trì ô tô tại các trường thuộc Học viện Anabuki; Bên cạnh đó, thường xuyên thực hiện trao đổi các đoàn giáo viên, sinh viên giữa 02 Trường (BS 6.5.01 - *Thư mời trao đổi giáo viên, sinh viên giữa 02 trường, Kế hoạch, Quyết định tham quan, học tập tại Trường Cao đẳng kinh doanh Anabuki tỉnh Kagawa, Nhật Bản* ; BS 6.5.02 - *Các văn bản đồng ý về tổ chức hội thảo quốc tế của Sở Ngoại vụ Hải Phòng, Chương trình, Báo cáo kết quả Hội thảo quốc tế*).

Hợp tác giữa Trường và Tập đoàn LG Hàn Quốc thông qua Dự án “Phát triển nghề cho thanh thiếu niên có hoàn cảnh khó khăn tại Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng” thông qua Tổ chức Tầm nhìn Thế giới Hàn Quốc và Tổ chức Tầm nhìn Thế giới Việt Nam với kinh phí dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài 16.575 USD (BS 6.5.03 - *Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND TP. Hải Phòng về phê duyệt Dự án*; BS 6.5.04 - *Bản thỏa thuận giữa Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng và Văn phòng đại diện tổ chức World Vision International tại Việt Nam*). Theo đó, Trường đã được thụ hưởng từ Dự án này các máy móc thiết bị thư viện (máy tính, tivi, điều hòa, tủ lạnh, giá sách,...) và 143 đầu sách và hỗ trợ học bổng cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập (BS 6.5.05 - *Biên bản bàn giao thiết bị, sách giữa Tổ chức Tầm nhìn Thế giới và Trường*; BS 6.5.06 - *Các quyết định cấp học bổng theo Dự án LG Hàn Quốc tài trợ*).

Vậy qua các hoạt động hợp tác đào tạo và triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế đã góp phần tăng cường nguồn lực phục vụ đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, định hướng nghề nghiệp tốt cho HSSV tại Trường.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

TIÊU CHÍ 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 7	6 (Sáu) điểm	6 (Sáu) điểm
<i>Tiêu chuẩn 7.1</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.2</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.3</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.4</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.5</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.6</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	100%	100%

2. Các điểm mạnh:

Trường có các nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí cho các hoạt động của trường và có các quy định để quản lý, sử dụng các nguồn tài chính.

3. Các điểm cần cải thiện: Không có.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Để thực hiện lộ trình tự chủ tài chính trong giai đoạn 2021 - 2025, trường cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm động viên, khuyến khích cán bộ viên chức nâng cao chất lượng giảng dạy và các hoạt động dịch vụ tạo nguồn thu sự nghiệp cho Nhà trường, đồng thời thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Báo cáo tự đánh giá của trường đã mô tả tương đối chi tiết từng nội hàm trong nội dung tiêu chuẩn 7.1. cụ thể:

Về quy định quản lý, sử dụng tài chính:

Báo cáo của trường mô tả: “Nhà trường thực hiện quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. Thực hiện quy định về quản lý tài chính, Nhà trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ ...” (1.12.09 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019).

Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019 được trường xây dựng dựa trên các văn bản quy định của nhà nước: Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày

10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Nghị định 86/2015/NĐ - CP ngày 12/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn giảm học phí đối với HSSV từ năm 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 Bộ Lao động Thương binh Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 81/2006/TT-BTC ngày 06/9/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính và một số văn bản khác.

Đoàn đã nghiên cứu Quy chế chi tiêu nội bộ của trường, trong quy chế chỉ quy định các nội dung chi bao gồm: Chi cho con người (4 nội dung chi); Chi phí quản lý hành chính (10 nội dung chi); chi phí chuyên môn nghiệp vụ (14 nội dung chi).

Quy chế không đề cập đến các quy định các nội dung thu và quản lý các nguồn thu. Đoàn đã phỏng vấn bà Nguyễn Thị Hoàng Anh - Phụ trách kế toán, bà Anh cung cấp cho đoàn thông tin: về các nội dung thu, nhà trường có văn bản quy định cụ thể đối với các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp. Đối với nguồn thu từ ngân sách nhà nước, trường thực hiện quản lý theo hướng dẫn tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Đoàn đề nghị trường bổ sung minh chứng là các quy định đối với các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, Trường đã bổ sung hai văn bản:

(1). Các Quyết định về việc ban hành Quy định các khoản thu, mức thu đối với học sinh sinh viên (các Quyết định số 356/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2017 năm học 2017-2018; Quyết định số 285/QĐ-CĐCN ngày 27/6/2018 năm học 2018-2019; Quyết định số 258/QĐ-CĐCN ngày 20/6/2019 năm học 2019-2020).

(2). Quy định về các nguồn thu sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 344/QĐ-CĐCN ngày 18/8/2017

(BS 7.1.01 - Quy định về các nguồn thu sự nghiệp).

Về quy định thanh quyết toán tài chính:

Công tác thanh, quyết toán tài chính nội bộ: Trường thực hiện theo các quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ; hướng dẫn tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

Công tác quyết toán tài chính hàng năm của trường đối với cơ quan chủ quản:

Năm 2017, Nhà trường áp dụng Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Từ năm 2018 áp dụng Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để lập báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động hàng năm. Nhà trường gửi báo cáo tài chính cho đơn vị chủ quản là Sở Tài chính khi kết thúc năm Tài chính. Kết thúc năm Tài chính, căn cứ vào số dự toán được Thành phố giao và số đã sử dụng, nhà trường lập bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại Kho bạc có xác nhận của nhà trường và Kho bạc Nhà nước thành phố Hải Phòng.

Nội dung thanh quyết toán tài chính, trường không dẫn trong báo cáo, Đoàn đề nghị trường bổ sung minh chứng (7.3.01 - Báo cáo quyết toán tài chính năm 2017, 2018, 2019 lưu tại phòng Tài vụ) vào hệ thống minh chứng của tiêu chuẩn 7.1, Đoàn giữ nguyên mã minh chứng trường đưa vào báo cáo tại tiêu chuẩn 7.3.

Về nội dung công khai tài chính, báo cáo của trường mô tả: “Công tác công khai tài chính được Nhà trường áp dụng theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách. Nhà trường công khai dự toán, dự toán bổ sung, phân bổ dự toán hàng năm và công khai quyết toán tài chính. Nhà trường công bố công khai dự toán, quyết toán bằng hình thức gửi văn bản cho các đơn vị trong Trường. Ngoài ra, các khoản thu, chi tài chính được công khai tại Hội nghị CBVC hàng năm (7.1.01 - Báo cáo công khai tài chính năm 2017, 2018, 2019 lưu tại phòng Tài vụ), cán bộ, giáo viên có ý kiến tham vấn về công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán tài chính của theo nguyên tắc dân chủ công khai.

Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá của trường, Đoàn phỏng vấn một số nhà giáo tại buổi phỏng vấn với đại diện nhà giáo ngày 21/12/2020. Các nhà giáo tham gia buổi phỏng vấn cung cấp cho đoàn thông tin: Cán bộ viên chức được thông báo về tất cả các nội dung thu, chi hàng năm theo quy chế chi tiêu nội bộ tại hội nghị cán bộ viên chức hàng năm; ngoài ra trường lấy ý kiến đóng góp của cán bộ viên chức có liên quan đến công tác thu chi tài chính và giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ viên chức. Báo cáo công khai tài chính hàng năm được gửi bằng văn bản về các đơn vị.

Đoàn nhận định: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính căn cứ vào các văn bản của nhà nước, của Bộ tài chính và được công bố công khai tại các hội nghị cán bộ viên chức hàng năm.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Báo cáo của trường mô tả tương đối đầy đủ chi tiết nội hàm tiêu chuẩn: “Nguồn thu chính của Trường gồm có: Nguồn từ NSNN cấp, nguồn thu sự nghiệp trong đó có các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ. Cả 2 nguồn thu này đều được Kho bạc nhà nước Hải Phòng kiểm soát. Các khoản thu từ ngân sách, từ hoạt động sản xuất kinh doanh được Nhà trường quản lý, theo dõi chặt chẽ và theo đúng quy định của Thông tư 107/2017/TT- BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính với nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhà trường được quyền tự chủ để xây dựng, đầu tư trang thiết bị dạy nghề và nâng cao đời sống CBVC. Công tác quản lý thu, chi được cập nhập chính xác số liệu tài

chính và quản lý dễ dàng, Nhà trường sử dụng phần mềm kế toán của Công ty Misa. Cuối mỗi năm, kế toán tổng hợp các khoản thu, chi Báo cáo Sở tài chính. Các khoản thu học phí, lệ phí được nộp vào kho bạc Nhà nước Hải Phòng. Khi cần sử dụng nguồn kinh phí này, Nhà trường sẽ lập giấy xin thanh toán, bảng tổng hợp thanh toán, giấy lĩnh tiền mặt để rút tiền tại Kho bạc cuối năm kế toán tổng hợp, báo cáo các khoản thu, chi đối chiếu Kho bạc. Hệ thống quản lý tài chính của nhà trường được kiểm soát rất chặt chẽ và đảm bảo tính chính xác. Phòng Tài vụ lập báo cáo tài chính theo năm và ghi chép đầy đủ vào sổ sách kế toán, đảm bảo tính chính xác và kịp thời nhằm đáp ứng tốt cho công tác quản lý tài chính của đơn vị. Đồng thời quyết toán kinh phí hoạt động với Sở Tài chính”.

Để xác nhận nội dung các thông tin mô tả, phân tích trên, Đoàn đã nghiên cứu các minh chứng trường dẫn trong báo cáo: (7.2.01 - Các hợp đồng dịch vụ, đào tạo năm 2017, 2018, 2019; 7.2.02 - Hồ sơ, Sổ sách tài chính chi tiết các khoản thu, chi từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất kinh doanh, dịch vụ năm 2017, 2018, 2019; 7.2.03 - Kết luận thanh tra của Sở Tài chính năm 2017) và đề nghị trường bổ sung các minh chứng là các văn bản kết luận của cơ quan tài chính cấp trên về việc quyết toán tài chính hàng năm của trường; các báo cáo kết quả tự kiểm tra tài chính hàng năm của trường (7.3.03 - Biên bản thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính năm 2017, 2018, 2019; 7.4.02 - Biên bản kiểm toán 2017, 2018; 7.5.05 - Báo cáo về kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính năm 2017, 2018, 2019).

Nội dung các minh chứng cho thấy trường không có vi phạm trong việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh; thực hiện đúng theo các quy định hiện hành: Nghị định số 151/2017/NĐ-CP về một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Quy chế chi tiêu nội bộ.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.2

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Báo cáo của trường mô tả: “Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng được UBND thành phố giao kinh phí giáo dục đào tạo hàng năm theo dự toán được phê duyệt; Nhà trường được thu và sử dụng nguồn thu học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021. Ngoài ra trường còn có các nguồn thu từ các hoạt

động dịch vụ đào tạo và các hoạt động dịch vụ khác được đầu tư từ nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia đầu tư cho các nghề trọng điểm, vì vậy Nhà trường có nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ cho các hoạt động của trường”.

Trường cung cấp các minh chứng: (7.3.01 - Báo cáo quyết toán tài chính năm 2017, 2018, 2019; 7.3.02 - Quyết định giao dự toán NS năm 2017, 2018, 2019; 7.2.01 - Các hợp đồng dịch vụ đào tạo; 7.2.02 - Hồ sơ sổ sách tài chính chi tiết các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ đào tạo, sản xuất kinh doanh, dịch vụ năm 2017, 2018, 2019; 7.2.03 - Kết luận của thanh tra Sở Tài chính năm 2017; 7.3.03 - Biên bản thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính năm 2017).

Báo cáo của trường đã dẫn các số liệu thu, chi tài chính trong 3 năm. Căn cứ các số liệu trường cung cấp, Đoàn đã đối chiếu với báo cáo quyết toán tài chính các năm 2017, 2018, 2019 (7.3.01) Đoàn xác nhận số liệu trường cung cấp đúng số liệu trong báo cáo quyết toán hàng năm. Đoàn tổng hợp tình hình thu chi thực tế của trường để có cơ sở đánh giá nội hàm:

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Nội dung	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
1	Kinh phí NSNN cấp	10.708	65	13.921	80	9.003	61
2	Tổng thu sự nghiệp	3.679	22	121	1	3.268	22
3	Thu dịch vụ					416	3
4	Thu khác	380	2	881	5	61	0.4
5	Thu năm trước chuyển sang	1.766	11	2.432	14	1.894	13
I	Tổng nguồn thu	16.533		17.355		14.642	
1	Chi hoạt động thường xuyên	10.780	76	11.740	76	9.488	79
2	Chi hoạt động dịch vụ, hoạt động khác	3.321	24	3.721	24	2.551	21
II	Tổng chi thường xuyên	14.101		15.461		12.039	
III	Chênh lệch thu chi	2.432		1.894		2.603	

Thông qua bảng tổng hợp tình hình thu, chi của nhà trường cho thấy các nguồn thu tương đối ổn định. Số liệu chênh lệch thu chi chứng tỏ trường đảm bảo nguồn lực tài chính để phục vụ các hoạt động của trường.

Ngoài ra trường còn được thụ hưởng chương trình mục tiêu Quốc gia được giao năm 2017: 3 tỷ đồng, năm 2018: 3 tỷ đồng, năm 2019: 4 tỷ đồng.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ nội dung đoàn đã nghiên cứu và đánh giá tại tiêu chuẩn 7.1, đối chiếu với các quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định thu từ các nguồn hoạt động dịch vụ, nguồn thu học phí của trường; Đoàn đánh giá việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính của trường như sau:

Báo cáo tự đánh giá của trường đã mô tả, phân tích cụ thể quá trình thực hiện công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán và dẫn nhiều minh chứng liên quan đến hoạt động tài chính kế toán của trường (1.12.09 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019; 7.2.02 - Hồ sơ, sổ sách tài chính chi tiết các khoản thu, chi từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất kinh doanh, dịch vụ năm 2017, 2018, 2019; 7.4.01 - Hồ sơ sổ sách quản lý tài chính năm 2017, 2018, 2019; 7.2.01 - Báo cáo quyết toán tài chính năm 2017, 2018, 2019; 7.3.03 - Biên bản thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính năm 2017, 2018, 2019; 7.4.02 - Biên bản kiểm toán 2017, 2018; 7.2.04 - Kết luận thanh tra của Sở Tài chính năm 2017). Nội dung các minh chứng phù hợp với nội hàm tiêu chuẩn và phù hợp với những nội dung trường đã mô tả, phân tích trong báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 7.4, Đoàn đồng thuận với những nội dung trong báo cáo tự đánh giá của trường và tổng hợp tóm tắt như sau:

Thực hiện việc quản lý tài chính: Căn cứ vào dự toán NSNN hàng năm được giao, nhà trường đã phân bổ hợp lý dự toán cho các nội dung chi và được Sở Tài chính thẩm định trước khi sử dụng, cuối năm Nhà trường có sự rà soát và điều chỉnh hợp lý. Thông qua quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường đã ban hành để kiểm soát các khoản chi phục vụ cho công tác quản lý các nguồn tài chính. Phân bổ các nguồn tài chính cho các hoạt động thường xuyên theo đúng các định mức thu - chi đã ban hành trong quy chế chi tiêu nội bộ; đối với hoạt động không thường xuyên thực hiện chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện sử dụng tài chính: Theo quy định, trường được tự chủ sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên nhà nước cấp và các nguồn thu khác của trường. Các nguồn kinh phí của nhà trường thực hiện chi tiêu tiết kiệm, đúng mục đích, đúng quy định theo chế độ chính sách của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Nhà trường thực hiện theo đúng dự toán đã được phân bổ, thực hiện chi đúng nội dung, đối tượng và nhiệm vụ chi. Căn cứ vào các Quyết định giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội, nhiệm vụ được giao nhà trường phân bổ dự toán theo từng nhiệm vụ chi: Chi lương và các khoản đóng góp; các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên; chi thanh toán dịch vụ công cộng; mua sắm tài sản trang thiết bị,

vật tư phục vụ công tác chuyên môn. Trong quá trình thực hiện có sự kiểm soát chi của kho bạc Nhà nước Hải Phòng.

Đối với nguồn kinh phí đầu tư các dự án, CTMT Quốc gia đầu tư cho các nghề trọng điểm:

Hằng năm căn cứ vào Quyết định của UBND Thành phố Hải Phòng về việc phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động, Sở Tài chính ký dự toán thu, chi Ngân sách. Nhà trường sẽ thông báo đấu thầu công khai trên báo chí về việc mua sắm trang thiết bị của chương trình mục tiêu phục vụ đào tạo. Đơn vị trúng thầu sẽ cùng nhà trường làm hợp đồng và các thủ tục liên quan đến việc mua sắm và thanh toán gói thầu.

Thực hiện việc thanh quyết toán tài chính:

Về công tác thanh quyết toán nội bộ: Trường thực hiện theo các quy trình đã xây dựng: Quy trình thanh toán tiền lương và phụ cấp hàng tháng; quy trình mua sắm vật tư, dụng cụ phục vụ công tác đào tạo; quy trình thanh toán văn phòng phẩm; Quy trình thanh quyết toán sửa chữa nhỏ; quy trình thanh toán học bổng khuyến khích cho học sinh, sinh viên... Căn cứ vào các định mức thu - chi đã thực hiện kế toán lập các chứng từ kế toán trình lãnh đạo phê duyệt, thực hiện quy trình thanh quyết toán theo quy định.

Thực hiện báo cáo quyết toán tài chính hàng năm: Kết thúc năm tài chính, kế toán tổng hợp, lập báo cáo quyết toán các khoản thu, chi và báo cáo tình hình thực hiện kinh phí của Nhà trường. Thời gian hoàn thành báo cáo quyết toán trình cơ quan quản lý cấp trên hoàn thành trước ngày 31/3 năm kế tiếp. Đồng thời nộp báo cáo tài chính đến các cơ quan quản lý Sở Tài chính, Tổng kế toán, Cục thuế thành phố Hải Phòng.

Biên bản xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách các năm 2017, 2018, 2019 của trường đều có kết luận của sở Tài chính thành phố Hải phòng, Đoàn trích dẫn như sau: **“Đơn vị đã chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước như: lập, phân bổ và giao dự toán; về mua sắm, sửa chữa tài sản; quản lý và sử dụng tài sản; chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước; chế độ chi tiêu; hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước”**.

Đoàn đánh giá: Trường đã thực hiện đúng các quy định của nhà nước, quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ về công tác thực hiện, sử dụng, thanh quyết toán tài chính.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán:

Đoàn tóm tắt nội dung mô tả, phân tích trong báo cáo tự đánh giá của trường như sau: “Nhà trường đã xây dựng quy định về tự kiểm tra công tác tài chính, lập kế hoạch công tác kiểm tra tài chính hàng năm. Thành phần tham gia công tác tự kiểm tra công tác tài chính là cán bộ, nhân viên của các ban như: Ban thanh tra nhân dân, đại diện các tổ chức đoàn thể trong trường, có kinh nghiệm trong quản lý công tác tài chính. Hằng năm Nhà trường đều thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính. Về hình thức kiểm tra, áp dụng hình thức tự kiểm tra thường xuyên bao gồm: Tự kiểm tra thường xuyên mọi hoạt động kinh tế tài chính (Các cá nhân tự kiểm tra công việc mình được giao liên quan đến nghiệp vụ kinh tế tài chính đã thực hiện để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh hay những vướng mắc, tồn tại trong lĩnh vực được phân công); Tự kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch: các năm 2018, 2019 thực hiện sự chỉ đạo của đồng chí phó Hiệu trưởng phụ trách, trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra; thành lập tổ kiểm tra với thành phần theo quy định tại quy chế do Bộ Tài chính ban hành; thống nhất xác định nội dung kiểm tra: Kiểm tra các khoản thu - chi của đơn vị vì đây là hoạt động tài chính cơ bản nhất đối với một đơn vị”.

Đoàn đã nghiên cứu các minh chứng do trường cung cấp (7.5.01 - Quy định về tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2017, 2018, 2019; 7.5.02 - Kế hoạch tự kiểm tra tài chính năm 2017, 2018, 2019; 7.5.03 - Quyết định thành lập Ban tự kiểm tra tài chính năm 2017, 2018, 2019; 7.5.04 - Biên bản tự kiểm tra công tác thu, chi tài chính năm 2017, 2018, 2019; 7.5.05 - Báo cáo về kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính năm 2017, 2018, 2019; 7.5.06 - Bảng kiểm kê quỹ hàng tháng năm 2017, 2018, 2019). Qua nghiên cứu các minh chứng và những nội dung trường mô tả trong báo cáo tự đánh giá; trao đổi với bà Nguyễn Thị Hoàng Anh - Phụ trách kế toán, Đoàn nhận xét và khuyến nghị một số nội dung sau:

(1). Các Quyết định thành lập Ban kiểm tra tài chính: Thành phần Ban kiểm tra 5 người trong danh sách gồm có đại diện Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân, đại diện phòng Tài vụ là phù hợp. Tuy nhiên, trường cần lựa chọn, bổ sung thành phần ban kiểm tra những năm sau người có chuyên môn, nghiệp vụ kế toán để công tác tự kiểm tra đạt hiệu quả cao hơn.

(2). Các biên bản tự kiểm tra tài chính của trường ngoài các nội dung kiểm tra, cần có ý kiến đánh giá cụ thể việc thực hiện công tác quản lý tài chính, nghiệp vụ chuyên môn để kịp thời khắc phục nếu có sai sót.

(3). Báo cáo kết quả tự kiểm tra cần tập trung phân tích các tồn tại phát hiện trong quá trình kiểm tra; đánh giá việc chấp hành các quy định trong công tác quản lý tài chính của trường và khuyến nghị những biện pháp khắc phục cụ thể. Đồng thời đánh giá việc khắc phục các tồn tại sau kiểm tra tại kỳ kiểm tra trước.

(4). Ngoài việc kiểm tra thu, chi tài chính hàng năm, trường cần xây dựng kế hoạch tự kiểm tra các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác tài chính để công tác kiểm tra được đầy đủ, toàn diện hơn và thực hiện theo quy định về công tác tự kiểm tra tài chính tại minh chứng 7.5.01.

Thực hiện kiểm toán theo quy định:

Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và trao đổi với bà Nguyễn Thị Hoàng Anh. Đoàn thống nhất nhận định: Do kiểm toán Nhà nước chưa có kế hoạch kiểm toán tại đơn vị nên năm 2017 và 2018, nhà trường đã chủ động phối hợp với công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C để thực hiện công tác kiểm toán về báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động tại đơn vị. Đoàn trích dẫn ý kiến của kiểm toán viên tại minh chứng (7.4.02 - *Biên bản kiểm toán năm 2017, 2018*) như sau: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Đoàn nhận định: Trường đã chủ động thực hiện kiểm toán để phát hiện, phòng ngừa các sai sót trong công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính.

Xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính: Về nội dung này, như báo cáo của Đoàn đã phân tích ở các nội dung trên, do trường không vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng tài chính; các văn bản kết luận của các đơn vị kiểm tra tài chính không đề cập đến nội dung này.

Thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Báo cáo của trường mô tả: “Công tác công khai tài chính được tiến hành sau khi có thông báo duyệt quyết toán của Sở Tài chính hoặc thông báo cấp dự toán ngân sách nhà nước, dự toán bổ sung. Nhà trường sẽ tiến hành công khai tài chính theo quy định dưới hình thức gửi văn bản đến các Phòng, khoa, trung tâm hoặc báo cáo tại Hội nghị CBVC, Hội nghị giao ban. Công tác công khai tài chính sẽ công khai những vấn đề cơ bản trong báo cáo quyết toán năm được duyệt, dự toán cấp ngân sách, dự toán bổ sung. Sau công khai, Phòng Tài vụ sẽ tiến hành báo cáo Hiệu trưởng kết quả công khai tài chính”.

Đoàn nghiên cứu các minh chứng (1.4.09 - *Biên bản Hội nghị CBVC năm 2017, 2018, 2019*; 1.12.05 - *Báo cáo công khai tài chính năm 2017, 2018, 2019*). Trong báo cáo công khai tài chính các năm 2017, 2018, 2019 đều có các nội dung nhà trường báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ viên chức bao gồm các nội dung thu, chi, quỹ:

Thu: Kinh phí nhà nước cấp; Kinh phí năm trước chuyển sang; thu sự nghiệp; thu dịch vụ.

Chi: Bao gồm tất cả các khoản chi trong báo cáo tài chính.

Trích lập các quỹ.

Đối chiếu với quy định tại thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Đoàn

nhận định trường đã thực hiện việc công khai tài chính đúng quy định như trường đã mô tả trong báo cáo tự đánh giá.

Đoàn đánh giá: trường đã thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường:

Trong báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 7.6, nhà trường mô tả có văn bản quy định các tiêu chí đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính kể cả các nguồn thường xuyên và nguồn từ chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên trong báo cáo trường không dẫn minh chứng cụ thể là văn bản này. Đoàn đã phỏng vấn bà Nguyễn Thị Hoàng Anh - Phụ trách kế toán, bà Anh cho Đoàn biết: việc đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính được đưa vào nội dung báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ viên chức hàng năm. Căn cứ vào thông tin bà Anh trao đổi, Đoàn đã xem xét minh chứng 1.12.05 - Báo cáo công khai tài chính năm 2017, 2018, 2019. Báo cáo có nội dung đánh giá hiệu quả sử dụng tài chính. Đoàn trích dẫn các số liệu cụ thể trong báo cáo về kết quả trường đã thực hiện có hiệu quả việc quản lý và sử dụng các nguồn tài chính:

Năm 2017: tiết kiệm chi 2.432.000.000 đồng;

Năm 2018: tiết kiệm chi 1.894.000.000 đồng;

Năm 2019: tiết kiệm chi 2.603.000.000 đồng.

Bà Anh cũng trao đổi, từ hiệu quả của việc quản lý, sử dụng nguồn tài chính, sau nhiều năm trường gặp khó khăn về tài chính; từ năm 2017, quyết toán cuối năm trường đã có số dư về tài chính và từ năm 2019 trường đã có nguồn để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ viên chức, người lao động bình quân 800.000đ/người/tháng. Tại buổi phỏng vấn 25 nhà giáo của trường ngày 21/12/2020, các nhà giáo cũng đã chia sẻ nội dung này với Đoàn.

Biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường:

Báo cáo tự đánh giá của trường nêu rất cụ thể, Đoàn trích dẫn nội dung trong báo cáo công khai tài chính năm 2019 tại minh chứng 1.12.05:

“- Tiếp tục rà soát các văn bản quy định về công tác quản lý tài chính. Bổ sung các quy định liên quan đến các chế tài trong công tác quản lý tài chính để xác định trách nhiệm

của người đứng đầu các đơn vị, động viên khuyến khích các đơn vị thực hiện tốt và chấn chỉnh những mặt chưa tốt để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý tài chính.

- Chú trọng thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với cán bộ viên chức, nhất là đối với cán bộ viên chức làm công tác quản lý tài chính cũng như liên quan đến công tác quản lý tài chính của đơn vị.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ viên chức làm công tác quản lý tài chính.

- Xây dựng các định mức khoán cho các đơn vị và xây dựng lộ trình đưa vào thực hiện để tăng cường khả năng tự chủ, ý thức tiết kiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn tài chính được giao.

- Triệt để thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao ý thức trách nhiệm của từng cá nhân về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm các quy định của luật phòng chống tham nhũng.

- Phân bổ, sử dụng nguồn tài chính phù hợp với khối lượng công việc và khả năng tài chính của trường.

- Tăng cường cơ chế giám sát, tự giám sát trong việc sử dụng nguồn tài chính được phân bổ cho các đơn vị”.

Đoàn khuyến nghị: Để thực hiện lộ trình tự chủ tài chính trong giai đoạn 2021 - 2025, trường cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm động viên, khuyến khích cán bộ viên chức nâng cao chất lượng giảng dạy và các hoạt động dịch vụ tạo nguồn thu sự nghiệp cho Nhà trường, đồng thời thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Đoàn đánh giá: Trong báo cáo công khai tài chính hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

TIÊU CHÍ 8: DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 8	9 (Chín) điểm	8 (Tám) điểm
<i>Tiêu chuẩn 8.1</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8.2</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8.3</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8.4</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8.5</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8.6</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8.7</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8.8</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8.9</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	100%	88,8%

2. Các điểm mạnh:

Các chế độ chính sách dành cho người học được thực hiện đầy đủ.

Các dịch vụ ăn uống, chăm sóc sức khỏe và công tác bảo đảm an ninh trật tự trong Nhà trường được thực hiện tốt.

Có đầy đủ khu Thể dục thể thao tạo điều kiện thuận lợi để HSSV sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, rèn luyện thân thể.

Trường thực hiện có hiệu quả công tác và giới thiệu việc cho HSSV.

3. Các điểm cần cải thiện: Không có.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với cơ sở GDNN: Không có.

Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua xem xét các minh chứng cho thấy, người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của Trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện

đảm bảo chất lượng dạy và học.... ngay từ buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, qua sổ tay sinh viên và qua sinh hoạt của giáo viên chủ nhiệm (BS 8.1.01 - Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa các năm 2017,2018,2019; 8.1.02 - Sổ tay HSSV (bao gồm đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, nội quy, quy chế, các chế độ chính sách, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học); 2.12.01 - Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập kèm theo quy chế sửa đổi theo Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTĐ; 2.12.02 - Quy chế học sinh sinh viên; 8.1.03 - Bản cam kết của HSSV; BS 8.1.02 - Quyết định 325/QĐ-CĐCN ngày 15/7/2016 “Thực hiện thông tư liên tịch Hướng dẫn việc thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm 2020-2021 đối với học sinh sinh viên; BS 8.1.03 - Báo cáo số 350/BC-CĐCN ngày 25/8/2017 “Kết quả học quy chế năm học 2017-2018”; Báo cáo số 353/BC-CĐCN ngày 21/8/2018 “Kết quả học quy chế năm học 2018-2019”; Báo cáo số 351/BC-CĐCN ngày 28/8/2019 “Kết quả học quy chế năm học 2019-2020”; 8.1.04 - Phiếu thăm dò ý kiến của HSSV và GV về việc cung cấp thông tin cho người học hàng năm).

Người học

Năm học	Phiếu Phát	Hài lòng		Rất hài lòng		Không hài lòng	
		Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
2017 - 2018	450	410	91	40	8,9	0	0
2018 - 2019	470	420	89	50	11	0	
2019 - 2020	420	410	98	10	2	0	0

Nhà giáo

Năm học	Phiếu Phát	Hài lòng		Rất hài lòng		Không hài lòng	
		Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
2017-2018	80	70	87,5	12,5	10	0	0
2018-2019	75	70	93	5	7	0	0
2019-2020	50	40	80	10	20	0	0

Qua kết quả học quy chế , phỏng vấn, nhà giáo, người học khẳng định: “HSSV đã có đầy đủ thông tin cần thiết về quá trình học tập của mình”.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 8.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát minh chứng và phỏng vấn HSSV, cựu HSSV cho thấy:

Các chế độ chính sách cho HSSV được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế HSSV của Trường như: Chi khen thưởng kết quả học tập và rèn luyện, chi học bổng, chi khen thưởng đạt thành tích trong Hội thi tay nghề các cấp, Hội diễn văn nghệ và trong các hoạt động thể dục thể thao, chi khen thưởng đột xuất.

HSSV được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách như miễn, giảm học phí, cấp học bổng khuyến khích học tập, chính sách HSSV nội trú theo quy định.

Qua thống kê cho thấy, năm học 2017-2018 có 144 HSSV được miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP; năm học 2018-2019 có 100 HSSV được miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP; năm học 2019-2020 có 130 được miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP (1.12.09 - Quy chế chi tiêu nội bộ; 2.12.02 - Quy chế học sinh sinh viên; 1.12.10 - QĐ miễn giảm học phí năm 2017-2020).

HSSV được miễn giảm học phí từ năm 2017 đến 2019 theo nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015

Năm	Chế độ chính sách		Hệ tốt nghiệp THCS		Cộng
	Số SV	Thành tiền	Số SV	Thành tiền	
2017	17	78.411.000	127	557.173.000	635.584.000
2018	15	89.115.000	85	343.460.000	432.575.000
2019	11	68.710.000	119	530.320.000	599.303.000
Cộng	43	236.236.000	331	1.430.953.3000	1.667.189.000

Bên cạnh đó, Trường cũng quan tâm chia sẻ cho những HSSV có điều kiện khó khăn được xác nhận vay vốn học tập theo quy định (8.2.04 - Danh sách HSSV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn ngân hàng)

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 8.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát các minh chứng cho thấy, ngoài các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước, Trường còn có các chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với

người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện,... được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm (1.12.09 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017 - 2020).

Tại Quy chế đào tạo, Quy chế Học sinh sinh viên cũng quy định rõ các quyền lợi, chính sách mà người học được nhà trường hỗ trợ như: Được cộng điểm và ưu tiên xét điểm rèn luyện, xét học bổng khi HSSV có kết quả học tập và rèn luyện tốt (2.12.02 - Quy chế Học sinh sinh viên kèm quyết định ban hành từ năm 2017 - 2020; 2.4.01 - Quy chế đào tạo của trường về đào tạo theo niên chế, tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ).

Qua minh chứng cho thấy:

- Năm học 2017-2018: Khen thưởng kết quả học tập 23 HSSV và cấp học bổng 13 HSSV từ nhà tài trợ Tập đoàn LG; Từ nguồn của Trường: 66 HSSV;

- Năm học 2018-2019: Khen thưởng kết quả học tập 21 HSSV và cấp học bổng 15 HSSV;

- Năm học 2019-2020: Khen thưởng kết quả học tập 23 HSSV và cấp học bổng cho 17 HSSV

(8.2.01 - Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập, kèm theo danh sách HSSV; 8.2.02 - Quyết định và danh sách HSSV nhận học bổng của đơn vị tài trợ).

Ngoài các chế độ chính sách đối với HSSV theo quy định của Nhà nước, Trường khen thưởng đột xuất cho HSSV đạt giải trong các cuộc thi tay nghề. Trong 03 năm học 2018, 2019 và năm 2020, đã khen thưởng cho 25 tập thể lớp có thành tích xuất sắc nhất trong năm học; được Tập đoàn LG thông qua Tổ chức tâm nhìn thế giới, hỗ trợ học bổng với số tiền là 270.000.000 đồng; khen thưởng 08 sinh viên đã đạt giải cao trong Hội thi tay nghề trẻ Hải Phòng (8.3.01 - Quyết định, danh sách tập thể lớp và HSSV được khen thưởng trong 3 năm từ 2017 - 2019; 8.3.02 - Quyết định, danh sách sinh viên được khen thưởng Hội thi tay nghề trẻ thành phố Hải Phòng).

Qua phỏng vấn, người học, người học tốt nghiệp đã đi làm cho rằng “HSSV hài lòng với việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện”.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 8.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát các minh chứng và phỏng vấn cán bộ, giáo viên, HSSV cho thấy: Khi tuyển sinh vào nhập học tại trường, HSSV ở các thành phần khác nhau được học chính trị đầu khóa, được tôn trọng đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân; được tư vấn lựa

chọn nghề phù hợp với khả năng, sở thích; tham gia các hoạt động phong trào theo năng lực sở trường; được vào ở ký túc xá theo yêu cầu (BS 8.1.01 - Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa các năm 2017,2018,2019; 8.1.02 - Sổ tay HSSV (bao gồm đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, nội quy, quy chế, các chế độ chính sách, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học; 8.2.03 - Danh sách HSSV đối tượng chính sách được miễn phí ở KTX; 8.2.04 - Danh sách HSSV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn ngân hàng).

HSSV được vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; được lắng nghe những ý kiến thắc mắc, nguyện vọng chính đáng thông qua các buổi gặp gỡ giữa Ban giám hiệu và HSSV hàng năm, trong các buổi đối thoại này, HSSV được giải đáp những thắc mắc và nói lên mong muốn của mình để nhà trường kịp thời điều chỉnh (BS 8.4.01 - Thông báo về việc Họp Ban cán sự lớp các năm 2018;2019;2020; 1.10.06 - Các kế hoạch tổ chức hoạt động của Đoàn thanh niên năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 1.10.07 - Báo cáo tổng kết hoạt động năm của Đoàn thanh niên năm học 2017-2018, 2018 -2019 và 2019-2020; 1.6.03 - Báo cáo tổng kết năm học, phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học tiếp theo của Trường năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020).

Bên cạnh đó, HSSV được khảo sát ý kiến về chế độ chính sách; chất lượng giảng dạy, dịch vụ người học; được tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm (8.7.08 - Phiếu thăm dò ý kiến của HSSV, cựu HSSV).

Qua phỏng vấn, người học, khẳng định “ HSSV được đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân”.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 8.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Ký túc xá nằm trong khuôn viên trường đảm bảo các điều kiện tối thiểu cho sinh hoạt và học tập của HSSV. Tổng diện tích ký túc xá: 1.062 m², gồm một dãy nhà 3 tầng trong đó có 25 phòng, mỗi phòng trung bình rộng 40m², thiết kế tối đa 8 HSSV/ phòng, có sức chứa 400 HSSV tỷ lệ là 5m²/HSSV (Lưu lượng ở KTX thực tế từ 5 đến 6 HSSV/phòng). Khu vệ sinh được bố trí khép kín trong phòng với diện tích 8m²/phòng. nằm ngay trong khuôn viên trường. Mỗi phòng có diện tích 52 m², bố trí 08 giường tầng, bình quân mỗi chỗ ở 6,5 m², đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Tại mỗi phòng ở của HSSV đều được trang bị đầy đủ tiện nghi như đèn, quạt, giường ngủ, tủ,..., trong phòng có hệ thống vệ sinh khép kín và được trang bị chiếu sáng, điện, nước sạch sinh hoạt hồ chứa nước .

Qua thực tế tại ký túc xá Đoàn nhận thấy: Do số người ở thấp, khâu duy tu bảo dưỡng chưa kịp thời nên: Tường bị bong tróc, rêu mốc, số đoạn lan can bị gãy vỡ (5.3.01 - Hồ sơ

thiết kế các công trình (trong đó có KTX); 8.5.01 - Danh sách HSSV ở ký túc xá; 8.5.02- Đánh giá, báo cáo hoạt động ký túc xá).

Khảo sát nhanh ý kiến người học cho biết, vì nhu cầu ở KTX không cao vì hầu hết các em nhà ở gần Trường.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 8.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	0 (Không) điểm

Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có 01 bộ phận y tế thuộc phòng Tổ chức hành chính với diện tích 35 m² với 5 giường bệnh phục vụ cho sơ cấp cứu ban đầu tại chỗ cho cán bộ, giáo viên và HSSV của Trường, đồng thời có 01cán bộ y tế trình độ trung cấp y, đào tạo đúng chuyên môn để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe đáp ứng nhu cầu cần thiết cho HSSV để phục vụ việc sơ cứu khi có tình huống xảy ra. Nhân viên y tế có bằng Trung cấp điều dưỡng. (5.3.01 - Hồ sơ thiết kế các công trình (trong đó có Phòng y tế); 8.6.01 - Văn bằng cán bộ y tế; 8.6.03 - Quy định về tổ chức hoạt động của phòng y tế; 8.6.04 - Báo cáo, đánh giá dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe HSSV).

Qua khảo sát thực tế : Phòng y tế có các thiết bị : Tủ thuốc nhôm kính 01; Máy đo huyết áp 02; cặp nhiệt độ 02; khay y tế Inox 04; Panh, kéo 05; Máy bấm nhiệt độ 03; Băng treo tay 02; túi dụng cụ sơ cứu di động 01; giường inox 05 (8.6.02 - Danh mục thiết bị y tế).

Nhà trường có khu phục vụ ăn uống, giải khát cho HSSV; khu ăn uống với diện tích 190 m², sức chứa 100 chỗ và khu phục vụ giải khát, hành chính, nhà kho, gia công chế biến với diện tích 170 m², căn tin, nhà ăn có hệ thống điện, nước sạch, đảm bảo điều kiện chế biến thức ăn, nước uống, có hệ thống nước thải thông thoáng hợp vệ sinh, các trang thiết bị và dụng cụ chế biến và phục vụ ăn uống luôn được đảm bảo sạch sẽ, khô ráo. Nhà ăn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của ngành y tế, quản lý môi trường về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhà ăn hoạt động theo cơ chế đấu thầu đảm bảo nguyên tắc an toàn vệ sinh thực phẩm, phục vụ 3 bữa/ngày (8.6.05 - Hợp đồng nhà ăn; 8.6.06 - Nội quy nhà ăn; 5.3.01 - Hồ sơ thiết kế xây dựng các công trình (trong đó có nhà ăn)).

Trong 3 năm gần đây, Nhà trường chưa để xảy ra bất cứ một trường hợp mất an toàn vệ sinh thực phẩm nào. Nhà ăn, căn tin được Ủy ban nhân huyện An Dương cấp giấy “Bản Cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở dịch vụ ăn uống” (8.6.07 - Giấy cam kết bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; 8.6.08 - Báo cáo, đánh giá dịch vụ nhà ăn).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 8.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khuôn viên của Trường rộng, với diện tích 40.640,78m²; khuôn cảnh xanh, sạch, đẹp tạo điều kiện cho HSSV được vui chơi, thư giãn sau giờ học. Trường có sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, sân cầu lông, nhà thi đấu bóng bàn.

Qua khảo sát minh chứng và phỏng vấn HSSV cho biết:

Trong 3 năm gần đây, HSSV được tham gia các hoạt động tiêu biểu như:

- Tham gia Hội thi tay nghề các cấp;
- Tham gia Hội diễn các tiết mục văn nghệ, ảo thuật biểu diễn chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCS HCM 26/3, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập trường 25/6 hàng năm;

- Tham gia các giải thi đấu bóng đá HSSV, cờ vua, kéo co do Nhà trường tổ chức. Tham gia giải bóng đá HSSV Khối thi đua các trường ĐH&CD Hải Phòng; Hội thể thao ĐH&CN Việt Nam đạt nhiều thành tích cao (8.7.01 - *Kế hoạch tham gia Hội thi tay nghề, kèm theo Danh sách HSSV dự thi*; 8.7.02 - *Kế hoạch tổ chức hội diễn văn nghệ hàng năm kèm theo Hình ảnh hội diễn văn nghệ*; 8.7.03 - *Kế hoạch tổ chức thi đấu thể dục thể thao kèm theo cờ, cúp lưu niệm, giấy khen các loại*).

Khuôn viên Trường có tường rào, cổng ngõ. Nhà trường thực hiện công tác an ninh trật tự có đội ngũ bảo vệ được Nhà trường hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Hoàng Phát trực 24/24 (8.7.05 - *Phương án bảo vệ*; BS 8.7.01 - *Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ*).

Nhà trường có quy chế quản lý ký túc xá, quy định rõ về chế độ sinh hoạt học tập của HSSV do Phòng công tác HSSV là đơn vị trực tiếp quản lý phụ trách (8.7.06 - *Quy chế quản lý ký túc xá*). Qua báo cáo hàng năm và tổng hợp ý kiến của HSSV và cựu HSSV trong 3 năm gần đây, Trường chưa để xảy ra trường hợp nào mất an toàn đối với HSSV trong khuôn viên trường (8.7.07 - *Báo cáo đánh giá về tình hình an toàn trong khuôn viên trường hàng năm*; 8.7.08 - *Phiếu thăm dò ý kiến của HSSV, cựu HSSV*).

Bên cạnh đó trong quá trình học tập tại xưởng, HSSV được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ; có nhân viên y tế chịu trách nhiệm hỗ trợ và chăm sóc y tế khẩn cấp và giải quyết các vấn đề đơn giản; Cơ sở vật chất của Trường được duy trì bảo dưỡng thường xuyên, hệ thống phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn (5.6.03 - *Nội quy xưởng thực hành*; 5.6.04 - *Kế hoạch bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị từ năm học 2017-2018 đến 2019-2020*; 5.4.07 - *Quyết định về ban hành Quy định về PCCC*).

Qua phỏng vấn, người học đánh giá “Hài lòng với các hoạt động tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động xã hội và các hoạt động đảm bảo an toàn trong Nhà trường”.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 8.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát Đoàn nhận thấy: Việc thực hiện công tác tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp được Nhà trường kết hợp trong việc đưa HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp, qua các năm: Từ năm 2018 đến 2020 theo các hợp đồng đã đưa 81 HSSV đi thực tập doanh nghiệp, các đợt thực tập có 03 nhà giáo tham gia quản lý, các nhà giáo quản lý đoàn thực tập có báo cáo kết quả (BS 2.8.03 - Báo cáo của nhà giáo quản lý đoàn thực tập về việc quản lý sinh viên đi thực tập/trải nghiệm năm 2018, năm 2020). Tại đây các HSSV được tiếp cận trực tiếp với doanh nghiệp và thấu hiểu về việc làm của nghề mình đang chọn.

Bên cạnh Trường thực hiện nhiệm vụ tư vấn định hướng việc làm cho HSSV bằng nhiều hình thức như:

- Đăng các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp, có nhu cầu tuyển dụng lao động kỹ thuật trên website của nhà trường (địa chỉ: hpic.edu.vn);

- Công khai thông tin tuyển dụng trên các bảng tin, tại góc việc làm của Phòng Công tác sinh viên và các vị trí HSSV có thể tiếp cận dễ nhất;

- Lập danh sách đăng ký tìm việc làm của HSSV các lớp, với đầy đủ các thông tin cá nhân, ngành nghề, SĐT liên lạc... gửi các doanh nghiệp, tổ chức, các nhân có nhu cầu tuyển dụng lao động kỹ thuật theo nghề lựa chọn, giúp các đơn vị có thể trực tiếp trao đổi với HSSV khi có nhu cầu;

- Phối kết hợp với một số công ty, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, tổ chức các buổi Hội thảo việc làm (Công ty LG Display, Công ty TNHH Công nghệ máy văn phòng Kyocera Việt Nam, Công ty lốp xe Bridgestone, Công ty TNHH Rorzerobotech ...); Hội thảo với Tập đoàn Trường Cao đẳng Anabuki cấp học bổng cho sinh viên trường;

- Tổ chức cho doanh nghiệp phỏng vấn tuyển dụng HSSV sau tốt nghiệp tại Trường (8.9.01 - Kế hoạch tham gia Hội chợ việc làm tại Công ty Kyocera năm 2018; 8.9.02 - Kế hoạch tham gia Hội chợ việc làm với Trường ĐH Hàng Hải, thành phố Hải Phòng năm 2019; 8.9.03 - Kế hoạch tham gia hội chợ việc làm tại Sàn giao dịch việc làm Hải Phòng năm 2020; 8.8.01 - Kế hoạch tổ chức lễ tốt nghiệp hàng năm (trong đó có nội dung tư vấn việc làm sau đào tạo); 8.8.02 - Kế hoạch Tổ chức Hội thảo việc làm kèm theo hình ảnh).

Kết quả trong 3 năm trở lại đây, Nhà trường đã tư vấn việc làm cho 483 HSSV sau

tốt nghiệp, cụ thể:

- Năm 2017: 163 HSSV;
- Năm 2018: 154 HSSV;
- Năm 2019: 166 HSSV.

(8.8.04 - Danh sách HSSV tốt nghiệp được Nhà trường tư vấn việc làm gửi các Doanh nghiệp; 1.1.03 - Thông báo tuyển dụng của các Doanh nghiệp).

Qua phỏng vấn đại diện doanh nghiệp, người đang học, người học tốt nghiệp đã đi làm đều trả lời là “HSSV hài lòng với các hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm của Nhà trường”.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 8.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 8.9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch phối hợp tham gia Hội chợ việc làm cho HSSV, cụ thể:

Năm 2017-2018: Tham gia Hội chợ việc làm với Công ty Kyocera tại khu công nghiệp Vsip Thủy Nguyên, Hải Phòng. Có 17 doanh nghiệp tham gia với 287 HSSV tham dự có 55 HSSV được tuyển dụng tại ngày Hội;

Năm 2018-2019: Tham gia Hội chợ việc làm tại Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam, thành phố Hải Phòng. Có 15 doanh nghiệp tham gia với 265 HSSV tham dự có 45 HSSV được tuyển dụng;

Năm 2019-2020 : Tham gia Hội chợ việc làm tại Sàn giao dịch việc làm thành phố Hải Phòng. 13 doanh nghiệp tham gia với 227 HSSV tham gia có 45 HSSV được tuyển dụng

Thông qua Hội chợ việc làm, HSSV được tiếp xúc với các nhà tuyển dụng lao động qua các hình thức giao lưu giữa doanh nghiệp và HSSV, doanh nghiệp trao đổi về chương trình đào tạo và nhu cầu tuyển dụng lao động, phỏng vấn và trực tiếp tuyển dụng HSSV tạo điều kiện cho HSSV tìm kiếm được việc làm sau đào tạo (8.9.01 - Kế hoạch tham gia Hội chợ việc làm tại Công ty Kyocera năm 2018; BS 8.9.01- Báo cáo kết quả Hội chợ việc làm tại Công ty Kyocera; 8.9.02 - Kế hoạch tham gia Hội chợ việc làm với Trường ĐH Hàng Hải, thành phố Hải Phòng năm 2019; BS 8.9.02 - Báo cáo kết quả Tham gia Hội chợ việc làm tại trường Đại học Hàng Hải năm 2018-2019; 8.9.03 - Kế hoạch tham gia hội chợ việc làm tại Sàn giao dịch việc làm Hải Phòng năm 2020; BS 8.9.03 - Báo cáo kết quả

tham gia gia Hội chợ việc làm tại Sàn giao dịch việc làm thành phố Hải Phòng năm 2019-2020).

Qua phỏng vấn, nhà giáo, đại diện doanh nghiệp, người học, người học tốt nghiệp đã đi làm đều trả lời “Hài lòng với việc tổ chức hội chợ việc làm của Nhà trường”.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 8.9:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

TIÊU CHÍ 9: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 9	6 (Sáu) điểm	6 (Sáu) điểm
<i>Tiêu chuẩn 9.1</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 9.2</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 9.3</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 9.4</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 9.5</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 9.6</i>	<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>
Tỷ lệ % Điểm đánh giá/Điểm chuẩn	100%	100%

2. Các điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ rộng rãi, có liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp là điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin về thị trường lao động làm cơ sở cho việc đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu đào tạo và người sử dụng lao động từ đó phục vụ tốt cho công tác giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp tại Nhà trường.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng của trường được thực hiện hàng năm theo đúng quy định.

3. Các điểm cần cải thiện: Không có.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Tiếp tục lấy ý kiến đánh giá từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và HSSV. Thường xuyên thay đổi nội dung khảo sát nhằm đi sâu vào thực tế.

Tiếp tục thực hiện thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá các kết quả của công tác lần vết làm cơ sở cho việc cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Tiếp tục duy trì, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng đáp ứng các tiêu chí của trường Cao đẳng chất lượng cao.

Tiêu chuẩn 9.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Để xác định mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp, định kỳ hàng năm Trường thực hiện thu thập ý kiến của các doanh nghiệp mà Trường cung cấp HSSV sau đào tạo về làm việc. Nhà trường đã xin ý kiến các doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của các cựu HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp về những nội dung sau: kiến thức chuyên ngành; khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn công việc; kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề; Khả năng làm việc nhóm; Kỹ năng giao tiếp; Khả năng sử dụng ngoại ngữ; Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Ý thức tự học và tự rèn luyện; Ý thức tổ chức kỷ luật...

Kết quả khảo sát như sau:

Năm 2018: Trường thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động đối với 10 doanh nghiệp.

ST T	TÊN DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ	SỐ HSSV ĐANG LÀM VIỆC
1	Công ty TNHH KY và dịch vụ DK	Số 2/30 Trang Quan, An Đông, An Dương, Hải Phòng	6
2	Công ty đầu tư phát triển nguồn nhân lực IRE	464 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng	5
3	Công Ty Cổ Phần Lilama 69-2	Số 26 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam	5
4	Công ty TNHH LG INNOTEK Việt Nam Hải Phòng	Lô I-4, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	6

5	Công ty TNHH quốc tế B2B	206 Bùi Thị Từ Nhiên, phường Động Hải 1, Quận Hải An, TP Hải Phòng	4
6	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	Công ty cổ phần thép Hòa Phát Hải Dương, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, TP Hải Dương	7
7	Công ty TNHH USI Việt Nam	Mỹ Gia 4-8, 9, Khu đô thị Vinhomes Dragon Bay, Bến Đuan, Hạ Long, Quảng Ninh.	2
8	Công ty TNHH Thép JFE SHOJI Hải Phòng	Số 2 đường số 5, Khu công nghiệp VSIP, Thủy Nguyên, Hải Phòng	6
9	CTY TNHH VSIP Hải Phòng	An Lư, Thủy nguyên, HP	3
10	Công ty Cổ phần Lilama 69-2	Số 26 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam	8
TC	10		52

Năm 2019: Trường tiến hành thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động đối với 10 doanh nghiệp.

ST T	TÊN DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ	SỐ HSSV ĐANG LÀM VIỆC
1	Công ty TNHH KY và dịch vụ DK	Số 2/30 Trang Quan, An Đông, An Dương, Hải Phòng	4
2	Công ty đầu tư phát triển nguồn nhân lực IRE	464 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng	7
3	Công ty Cổ phần Lilama 69-2	Số 26 Tân viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam	4
4	Công ty TNHH LG INNOTEK Việt Nam Hải Phòng	Lô I-4, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	5
5	Công ty TNHH Quốc tế B2B	206 Bùi Thị Từ Nhiên, Phường Động Hải 1, Quận Hải An, Tp Hải Phòng	5

6	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	Công ty cổ phần thép Hòa Phát Hải Dương, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, TP Hải Dương	6
7	Công ty TNHH USI Việt Nam	Mỹ Gia 4-8, 9, Khu đô thị Vinhomes Dragon Bay, Bến Đoan, Hạ Long, Quảng Ninh.	3
8	Công ty TNHH Thép JFE SHOJI Hải Phòng	Số 2 đường số 5, khu công nghiệp VSIP, Thủy Nguyên, Hải Phòng	6
9	CTY TNHH VSIP Hải Phòng	An Lư, Thủy nguyên, HP	3
10	Công ty Cổ phần Lilama 69-2	Số 26 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam	7
TC	10		50

Năm 2020: Trường tiến hành thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động đối với 10 doanh nghiệp.

ST T	TÊN DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ	SỐ HSSV ĐANG LÀM VIỆC
1	Công ty TNHH KY và dịch vụ DK	Số 2/30 Trang Quan, An Đồng, An Dương, Hải Phòng	6
2	Công ty đầu tư phát triển nguồn nhân lực IRE	464 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng	6
3	Công Ty Cổ Phần Lilama 69-2	Số 26 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam	5
4	Công ty TNHH LG INNOTEK Việt Nam Hải Phòng	Lô I-4, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	6
5	Công ty TNHH Quốc tế B2B	206 Bùi Thị Từ Nhiên, Phường Động Hải 1, Quận Hải An, Tp Hải Phòng	8
6	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	Công ty cổ phần thép Hòa Phát Hải Dương, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, TP Hải Dương	7

7	Công ty TNHH USI Việt Nam	Mỹ Gia 4-8, 9, Khu đô thị Vinhomes Dragon Bay, Bến Đoan, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam.	2
8	Công ty TNHH Thép JFE SHOJI Hải Phòng	Số 2 đường số 5, khu công nghiệp VSIP, Thủy Nguyên, Hải Phòng	7
9	CTY TNHH VSIP Hải Phòng	An Lư, Thủy nguyên, Hải Phòng	4
10	Công ty Cổ phần Lilama 69-2	Số 26 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam	8
TC	10		59

Tổng hợp kết quả báo cáo thực hiện thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hằng năm cụ thể như sau:

Năm học 2017-2018: $7/10 = 80\%$ doanh nghiệp được khảo sát đánh giá ở mức 3 (*mức hài lòng*) về chất lượng HSSV tốt nghiệp của trường làm việc tại doanh nghiệp. Đơn vị sử dụng lao động đánh giá về HSSV có kiến thức, kỹ năng chuyên môn tương đối tốt. Phần đánh giá về mức độ năng lực cần chú trọng đối với HSSV tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp là một số kỹ năng về ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp.

Năm học 2018-2019: $7/10 = 80\%$ doanh nghiệp được khảo sát đánh giá ở mức 3 (*mức hài lòng*) về chất lượng HSSV tốt nghiệp của trường làm việc tại doanh nghiệp. Đơn vị sử dụng lao động đánh giá về HSSV có kiến thức, kỹ năng chuyên môn tương đối tốt. Phần đánh giá về mức độ năng lực cần chú trọng đối với HSSV tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp là một số kỹ năng về ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp.

Năm học 2019-2020: $7/10 = 80\%$ doanh nghiệp được khảo sát đánh giá ở mức 3 (*mức hài lòng*) về chất lượng HSSV tốt nghiệp của trường làm việc tại doanh nghiệp (8.7.08 - Kế hoạch khảo sát mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp (kèm theo Phiếu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát năm 2017, 2018, 2019).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 9.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 9.2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Qua nghiên cứu minh chứng, Nhà trường đã khảo sát thu thập ý kiến của cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động số lượng như sau:

Năm 2017: $50/86 = 58,1\%$;

Năm 2018: $40/72 = 55,6\%$;

Năm 2019: $40/62 = 64,5\%$.

Nội dung thu thập ý kiến về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động bao gồm các nội dung như sau:

+ Thầy/Cô tiếp cận các văn bản quy định chính sách liên quan đến tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng; đánh giá và phân loại; bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động bằng cách nào?

+ Trước khi ban hành các văn bản quy định chính sách liên quan đến tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng; đánh giá và phân loại; bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người, Nhà trường có tổ chức xin ý kiến của Thầy/Cô về các nội dung trên không?

+ Thầy/Cô đã bao giờ có ý kiến về nội dung các văn bản quy định chính sách liên quan đến tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng; đánh giá và phân loại; bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động chưa?

+ Thầy/Cô đã đồng ý về nội dung các văn bản quy định chính sách liên quan đến tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng; đánh giá và phân loại; bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động chưa?

+ Thầy/Cô hãy nêu những ý kiến về nội dung các quy định chính sách liên quan đến tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng; đánh giá và phân loại; bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (nếu có).

+ Qua ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động, Nhà trường đã tổng hợp kết quả để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cho đảm bảo quy định và quyền lợi cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động

(9.2.01 - Kế hoạch khảo sát cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (kèm theo Phiếu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát năm 2017, 2018, 2019)).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 9.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 9.3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường đều tổ chức thu thập ý kiến của HSSV đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường, cụ thể:

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và lấy ý kiến HSSV đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học. Cụ thể:

Năm học 2017-2018: Trường tổ chức thu thập ý kiến cho 86/254 HSSV= 33,85% HSSV năm thứ 3, trong đó:

Nghề Công nghệ ô tô: 25 HSSV;

Nghề Điện công nghiệp: 23 HSSV;

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí: 18 HSSV;

Nghề Cắt gọt kim loại: 8 HSSV;

Nghề Điện tử công nghiệp: 10 HSSV.

Năm học 2018-2019: Trường tổ chức thu thập ý kiến cho 73/221 = 35.7% HSSV năm thứ 3, trong đó:

Nghề Công nghệ ô tô: 24 HSSV;

Nghề Điện công nghiệp: 25 HSSV;

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí: 15 HSSV;

Nghề Cắt gọt kim loại: 7 HSSV;

Nghề Điện tử công nghiệp: 8 HSSV.

Năm học 2019-2020: Trường tổ chức thu thập ý kiến cho 81/217=37.3% HSSV năm thứ nhất, trong đó:

Nghề Công nghệ ô tô: 26 HSSV;

Nghề Điện công nghiệp: 25 HSSV;

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí: 16 HSSV;

Nghề Cắt gọt kim loại: 6 HSSV;

Nghề Điện tử công nghiệp: 8 HSSV.

Nhà trường thực hiện khảo sát trực tiếp thông qua giáo viên chủ nhiệm.

Sau khi khảo sát xong, Phòng Đào tạo tổng hợp lập báo cáo kết quả khảo sát thu thập ý kiến HSSV (2.4.03 - *Kế hoạch khảo sát đại diện HSSV các ngành nghề về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường (kèm theo Phiếu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát năm 2017, 2018, 2019); BS 9.3.01 - Quyết định tốt nghiệp và danh sách HSSV tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020*).

Tất cả HSSV được khảo sát cơ bản đều hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 9.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08/6/2017 và Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐ-TB&XH, hàng năm (2018, 2019, 2020), Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng bao gồm tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo đúng quy định.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

Kết quả đánh giá hàng năm cho thấy Trường đều tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Qua kiểm tra minh chứng, Đoàn xác nhận Nhà trường đảm bảo đủ hồ sơ Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và đánh giá chất lượng theo thông tư số 28/2017/TT - BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN (9.4.01 - *Kế hoạch kiểm định chất lượng 2017, 2018, 2019; 9.4.02 - Báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng năm 2017, 2018, 2019; BS 9.4.01 - Báo cáo thực hiện tự đánh giá chất lượng năm 2018, 2019; BS 9.4.02 - Thông*

báo công khai kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN Nhà trường năm 2018, 2019, 2020; BS 4.9.03 - Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng năm 2018, 2019, 2020; BS 9.4.04 - Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng các đơn vị năm 2018, 2019, 2020).

Kết quả tự đánh giá chất lượng của Trường hằng năm:

	Kết quả		
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I. Tự đánh giá chất lượng CSGDNN			
	Đạt (94 điểm)	Đạt (94 điểm)	Đạt (94 điểm)
II. Tự đánh giá chất lượng CTĐT (các nghề trọng điểm)			
1. Công nghệ ô tô	Đạt (96 điểm)	Đạt (96 điểm)	Đạt 96 điểm)
2. Điện công nghiệp	Đạt (94 điểm)	Đạt (94 điểm)	Đạt (94 điểm)
3. Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Đạt (94 điểm)	Đạt (94 điểm)	Đạt (94 điểm)
4. Cắt gọt kim loại	Đạt (96 điểm)	Đạt (96 điểm)	Đạt (96 điểm)
5. Điện tử công nghiệp	Đạt (92 điểm)	Đạt (92 điểm)	Đạt (92điểm)
6. Hàn	Đạt (86 điểm)	Đạt (86 điểm)	Đạt (86 điểm)
7. Quản trị mạng máy tính	Đạt (86 điểm)	Đạt (86 điểm)	Đạt (86 điểm)

Trường thực hiện công khai tất cả báo cáo tự đánh giá đã phê duyệt hằng năm, trên website của Trường và gửi báo cáo tự đánh giá về Cục Kiểm định chất lượng GDNN vào tháng 12 hằng năm và đăng trên website qua địa chỉ:

- Báo cáo tự đánh giá năm 2018:

<http://hpic.edu.vn/?Page=duandetail&idNews=1686>

- Báo cáo tự đánh giá năm 2019:

<http://hpic.edu.vn/?Page=duandetail&idNews=1687>

- Báo cáo tự đánh giá năm 2020:

<http://hpic.edu.vn/?Page=duandetail&idNews=1688>

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 9.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 9.5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Trường xây dựng kế hoạch cụ thể và các biện pháp triển khai công tác cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở những tồn tại mà báo cáo tự đánh giá hàng năm nêu ra. Từ đó, Nhà trường tăng cường các nguồn lực để đầu tư, xây dựng, hoạch định chiến lược phát triển Nhà trường trong từng giai đoạn

Qua khảo sát và kiểm tra minh chứng:

Kết quả tự đánh giá chất lượng của Trường và kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo các nghề trọng điểm năm 2017, 2018, 2019 đã chỉ ra được những điểm mạnh, những điểm tồn tại để từ đó Đảng ủy, Giám hiệu, các đơn vị trong Trường có kế hoạch duy trì, phát huy điểm mạnh và khắc phục những điểm còn tồn tại thông qua triển khai nhiệm vụ hàng năm, cụ thể:

Những điểm tồn tại đối với nhà trường:

+ Vẫn còn giáo viên dạy thực hành chưa đạt chuẩn về kỹ năng thực hành nghề theo quy định năm 2016 -2017.

+ Thiết bị đào tạo ở một số nghề chưa đáp ứng đủ 100% danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định của Bộ LĐ - TB & XH.

+ Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Tỉnh và cấp Nhà nước còn hạn chế.

+ Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, chuyên ngành chưa nhiều

Kế hoạch và biện pháp cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo:

+ Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo nhằm luôn đáp ứng chuẩn về năng lực nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu giảng dạy của Trường.

+ Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí CTMT giai đoạn 2021-2025 để mua sắm, bổ sung thiết bị còn thiếu, thay thế thiết bị cũ, hỏng, lạc hậu và phần mềm quản lý đào tạo, các phần mềm số hóa, mô phỏng hóa, thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo; thay thế, nâng cấp các trang thiết bị văn phòng để đáp ứng các hoạt động của nhà trường.

+ Tổ chức hoạt động khoa học công nghệ gắn liền với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trong toàn trường; lựa chọn cán bộ giảng viên có năng lực và tâm huyết để đào tạo bồi dưỡng thành chuyên gia trong việc nghiên cứu, khai thác, ứng dụng công nghệ và các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Những điểm tồn tại đối với các chương trình đào tạo nghề trọng điểm:

+ Một số nghề còn gặp nhiều khó khăn trong công tác tuyển sinh do nhu cầu sử dụng nguồn lao động chưa cao dẫn đến số lượng học sinh, sinh viên tuyển còn thiếu.

+ Một số giáo viên chưa được đào tạo và được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề theo quy định (2016-2017).

Kế hoạch và biện pháp cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo:

+ Cải tiến phương pháp tuyển sinh các ngành nghề còn chưa đạt chỉ tiêu tuyển sinh.

+ Đến năm 2020 thực hiện được kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo nhằm đáp ứng chuẩn về năng lực nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu của vị trí giảng dạy

(1.11.03 - Kế hoạch nâng cao chất lượng năm 2017, 2018, 2019; 1.11.04 - Báo cáo kết quả nâng cao chất lượng từ năm 2017, 2018, 2019).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 9.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
1 (Một) điểm	1 (Một) điểm

Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua kiểm tra thông tin, minh chứng và phỏng vấn cựu HSSV, Đoàn xác nhận:

Theo phân công nhiệm vụ, Giám hiệu giao cho Phòng Đào tạo chủ trì thực hiện công tác điều tra lần vết HSSV sau khi tốt nghiệp.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát đối với HSSV tốt nghiệp (9.6.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp + Danh sách HSSV tốt nghiệp năm 2017, 2018, 2019; 9.6.02 - Kế hoạch khảo sát lần vết (kèm theo Phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát lần vết từ năm 2017, 2018, 2019)).

Khi HSSV chuẩn bị tốt nghiệp, Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa và giáo viên chủ nhiệm thực hiện khảo sát cơ bản 100% HSSV để lấy thông tin liên hệ của HSSV để chuẩn bị dữ liệu thực hiện khảo sát tốt nghiệp năm sau (Sau 6 tháng tốt nghiệp). Nhà trường gửi phiếu hỏi qua đường bưu điện, qua email, facebook, zalo và mời tham gia khảo sát online, thống kê kết quả phản hồi cụ thể:

+ Năm 2018: Tổng tỷ lệ phản hồi điều tra lần vết năm 2018 là 135/156 HSSV đạt 86.5%;

+ Năm 2019: Tổng tỷ lệ phản hồi điều tra lần vết năm 2019 là 123/144 HSSV đạt 85.4%;

+ Năm 2020: Tổng tỷ lệ phản hồi điều tra lần vết năm 2020 là 121/136 HSSV đạt 88.9 %;

Theo kết quả báo cáo kết quả điều tra lần vết hằng năm, Đoàn thống kê:

+ Năm 2018: có 136/156 HSSV có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo, chiếm tỷ lệ 96.5%;

+ Năm 2019: có 123/144 HSSV có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo, chiếm tỷ lệ 85.4%;

+ Năm 2020: có 121/136 HSSV có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo, chiếm tỷ lệ 88.9%.

(BS 9.6.02 - Báo cáo kết quả học sinh, sinh viên tốt nghiệp sau 6 tháng năm 2018, 2019, 2020).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 9.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>1 (Một) điểm</i>	<i>1 (Một) điểm</i>

PHẦN III. TỔNG KẾT NHỮNG ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Điểm mạnh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Trường xác định được mục tiêu, sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu nhân lực địa phương và được công bố công khai.

Cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với nhiệm vụ chức năng, được phân công, phân cấp quản lý rõ ràng, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo hoàn thành mục tiêu sứ mạng Nhà trường trong ngắn hạn và dài hạn.

Hệ thống văn bản làm công cụ quản lý đầy đủ, cập nhật, tạo môi trường, hành lang pháp lý cho toàn bộ hoạt động giáo dục, đào tạo trong Nhà trường.

Tổ chức Đảng, đoàn thể trong Nhà trường hoạt động hiệu quả góp phần tích cực trong thực hiện mục tiêu sứ mạng của Nhà Trường.

Các chế độ chính sách dành cho người học được thực hiện đầy đủ. Các dịch vụ ăn uống, chăm sóc sức khoẻ và công tác bảo đảm an ninh trật tự trong Nhà trường được thực hiện tốt.

Nhà trường đã đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và xây dựng chuẩn đầu ra cho tất cả các nghề trường đào tạo và công bố công khai theo quy định; Trường đã ban hành quy chế tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định phù hợp với điều kiện thực tế tuyển sinh của trường đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan; Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo; Đội ngũ nhà giáo của trường đều thực hiện tốt phương pháp đào tạo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm; Trường thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Trường có 100% nhà giáo, cán bộ quản lý kiêm nhiệm giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH. Đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo đạt tỷ lệ trên 60%; tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học đạt trên 50%.

Trường có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo. Các giáo trình được xây dựng, lựa chọn và thẩm định đúng theo quy định.

Địa điểm của Trường phù hợp với quy hoạch chung của mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong cả nước và của thành phố Hải Phòng. Trường được kết nối hệ thống giao thông thuận tiện, môi trường đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập, cách xa các xí nghiệp công nghiệp nên không bị ảnh hưởng các chất độc hại đến môi trường dạy và học.

Mặt bằng tổng thể của Trường được quy hoạch chi tiết, có đủ các khối công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo quy chuẩn xây dựng, đáp ứng môi trường sư phạm.

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Trường có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Trường có thư viện điện tử được tập đoàn LG Hàn Quốc tài trợ có đầy đủ thiết bị hỗ trợ phục vụ ban đọc.

Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Trường có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được ứng dụng thực tiễn.

Hoạt động liên kết, hợp tác với các Trường, tổ chức nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Trường có các nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí cho các hoạt động của trường và có các quy định để quản lý, sử dụng các nguồn tài chính.

Các chế độ chính sách dành cho người học được thực hiện đầy đủ; Các dịch vụ ăn uống, chăm sóc sức khỏe và công tác bảo đảm an ninh trật tự trong Nhà trường được thực hiện tốt; Có đầy đủ khu Thể dục thể thao tạo điều kiện thuận lợi để HSSV sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, rèn luyện thân thể; Trường thực hiện có hiệu quả công tác và giới thiệu việc cho HSSV khi ra trường.

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ rộng rãi, có liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp là điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin về thị trường lao động làm cơ sở cho việc đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu đào tạo và người sử dụng lao động từ đó phục vụ tốt cho công tác giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp tại Nhà trường; Hoạt động tự đánh giá chất lượng của trường được thực hiện hàng năm theo đúng quy định.

2. Điểm cần cải thiện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Trường chưa có Hội đồng Trường theo quy định.

Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng chưa hoàn chỉnh theo quy định của thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Công cụ kiểm tra giám sát các hoạt động của trường còn hạn chế về, chưa đa dạng phương pháp kiểm tra giám sát.

Chưa có chương trình đào tạo được cơ sở giáo dục đại học công nhận liên thông.

Còn có chương trình đào tạo khi rà soát, điều chỉnh chưa tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Tổ chức cho HSSV thực hành, thực tập tại doanh nghiệp còn hạn chế về số lượng, số lượt.

Đại diện doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả đào tạo của HSSV còn hạn chế, chưa đảm bảo 100% các nghề đào tạo có ít nhất 1 đại diện doanh nghiệp tham gia.

Tổ chức thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp chưa đảm bảo theo đúng quy định của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017.

Nhà giáo được thực tập tại đơn vị sử dụng lao động trong 3 năm 2017, 2018, 2019 chưa đảm bảo theo quy định.

Thiết bị đào tạo một số nghề còn chưa đủ về số lượng thiết bị theo chủng loại trong danh mục thiết bị tối thiểu và so với số lượng HSSV đang đào tạo.

Trường chưa xây dựng hoàn chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật của các nghề đang đào tạo.

Trường chưa có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước và quốc tế; Công tác nghiên cứu khoa học chưa được duy trì hàng năm.

3. Đề xuất, kiến nghị:

- Đề xuất, kiến nghị với cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Trường cần hoàn thiện Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng theo quy định.

Trường cần cải tiến công tác kiểm tra, giám sát và phương pháp tiến hành kiểm tra giám sát các hoạt động.

Trường cần có giải pháp sử dụng các kết quả kiểm tra, giám sát để thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học và kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo quy định.

Trường cần có giải pháp mời đại diện doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả đào tạo của HSSV.

Trường cần tổ chức thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp theo đúng quy định của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017.

Trường cập nhật và áp dụng các văn bản liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp: ban hành Quy định về hồ sơ biểu mẫu sổ sách theo Quy định của Thông tư 23 thay thế việc áp dụng biểu mẫu Quyết định 62; Bổ sung vào quy chế nội dung quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo theo Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2017 về việc quy định tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp.

Trường cần sắp xếp kế hoạch đào tạo linh hoạt để hàng năm tạo điều kiện cho 100% nhà giáo giảng dạy các môn học, mô-đun chuyên môn nghề được thực tập 4 tuần tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Trường cần tham khảo tài liệu nước ngoài để rà soát, bổ sung chương trình đào.

Trường cần xây dựng lộ trình tự chủ tài chính trong giai đoạn 2021 - 2025, có nhiều giải pháp nhằm động viên, khuyến khích cán bộ viên chức nâng cao chất lượng giảng dạy và các hoạt

động dịch vụ tạo nguồn thu sự nghiệp cho Nhà trường, đồng thời thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Trong năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, Nhà trường cần sớm có kế hoạch để tiếp tục đầu tư về thiết bị đào tạo còn thiếu đối với một số nghề để đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo qui định của Bộ LĐTBXH.

Nhà trường cần tiếp tục hoàn chỉnh kế hoạch xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho các nghề đang đào tạo.

Nhà trường cần tiếp tục nâng cao hơn nữa các hoạt động hợp tác với các cơ sở đào tạo, tổ chức quốc tế để tranh thủ được sự hỗ trợ về thiết bị phục vụ đào tạo của nhà trường.

Công tác nghiên cứu khoa học cần phải được triển khai, duy trì hàng năm; khuyến khích đội ngũ cán bộ, nhà giáo tham gia viết các bài báo đăng lên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

- Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan khác:

UBND thành phố Hải Phòng sớm phê duyệt Hội đồng Trường cho trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng.

UBND thành phố Hải Phòng sớm có lộ trình bổ sung cán bộ lãnh đạo trường, bổ nhiệm Hiệu trưởng.

UBND thành phố Hải Phòng bổ sung biên chế cho khối phục vụ đáp ứng nhiệm vụ của Nhà trường./.

**Phụ lục 1. KẾT QUẢ KIỂM TRA MINH CHỨNG SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
VÀ MINH CHỨNG BỔ SUNG**

1. Kiểm tra minh chứng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp sử dụng trong Báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá không hợp lệ)
						Hợp lệ	Không hợp lệ	
1.	1	1	1.1.01		Đề án thành lập trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hải Phòng	x		
2.			1.1.02		Quyết định số 99/QĐ-TCĐNCN, ngày 03/4/2018 về việc Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động tạm thời của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	x		
3.			1.1.03		Thông báo tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và dịch vụ năm 2017, 2018, 2019	x		
4.			1.1.04		Địa chỉ website hpic.edu.vn	x		
5.			1.1.05		Kế hoạch khảo sát, mẫu phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mục tiêu và sứ mạng của Trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2017, 2018, 2019	x		
6.		2	1.2.01		Báo cáo thị trường lao động hàng năm và Dự báo nhu cầu nhân lực của thành phố Hải Phòng năm 2017, 2018, 2019	x		Vì nhiều nội dung, tách dự báo BS-2011-2020 Phát triển nhân lực Tp Hải Phòng

7.			1.1.04	Thông báo tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và dịch vụ năm 2017, 2018, 2019		x	Đánh mã minh chứng nhằm 1.1.03
8.			1.2.03	Kế hoạch, Phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu lao động qua đào tạo ở các công ty, doanh nghiệp năm 2017, 2018, 2019	x		
9.			1.2.04	Công văn đăng ký của trường về chỉ tiêu tuyển sinh năm 2017, 2018, 2019		x	Chưa có số công văn
10.			1.2.05	Thông báo về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ đối với Phòng, Khoa, Trung tâm trực thuộc Trường năm 2017, 2018, 2019	x		
11.			1.2.06	Kế hoạch tuyển sinh năm 2017, 2018, 2019	x		
12.			1.2.07	Báo cáo tổng kết năm học, phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học tiếp theo của Trường năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020	x		
13.			1.2.08	Nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức năm 2018, 2019, 2020	x		
14.		3	1.3.01	Quyết định số 615/QĐ-BLĐTBXH ngày 11/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh về việc thành Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng; Quyết định 1149/ QĐ-BLĐTBXH ngày 11/07/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng thành Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
15.			1.3.02	Các quyết định thành lập phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	x		
16.			1.1.02	Quyết định số 99/QĐ-CĐCN ngày 03/04/2018 về việc ban hành Quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		

17.			1.3.04		Quyết định số 30/QĐ-CĐCN ngày 30/01/2019 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng cơ sở và thực hiện quy chế dân chủ	x		
18.			1.3.05		Các Quyết định Ban hành quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019, Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019	x		
19.				1.1.05	Kế hoạch, mẫu phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2017, 2018, 2019	x		
20.		4	1.4.01		Quyết định số 132/QĐ-CĐNCN ngày 10/9/2009 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐN Công nghiệp Hải Phòng	x		
21.			1.4.02		Quyết định số 144/QĐ-CĐCN ngày 23/04/2019 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	x		
22.			1.4.03		Kế hoạch số 31/KH-CĐCN ngày 31/01/2018 về việc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	x		
23.			1.4.04		Quyết định số 34/QĐ-CĐCN ngày 02/02/2018 về việc ban hành Quy định Hợp đồng lao động làm việc tại trường	x		
24.			1.4.05		Các Quyết định về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ 2017, 2019	x		
25.			1.4.06		Kế hoạch rà soát Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019	x		
26.			1.4.07		Kế hoạch thực hiện rà soát quy chế dân chủ năm 2017, 2018, 2019	x		
27.			1.4.08		Tổng hợp các ý kiến tham luận tại Hội nghị Cán bộ viên chức năm học 2018, 2019 2020	x		
28.			1.4.09		Biên bản hội nghị CBVC năm học 2018; 2019; 2020	x		
29.			1.4.10		Biên bản kiểm điểm tập thể và các kiểm điểm cá nhân thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC và người lao động năm 2017, 2018, 2019 được lưu tại Văn phòng Đảng bộ	x		
30.			1.2.11		Nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức năm 2017, 2018, 2019	x		

31.			1.4.12		Báo cáo kết quả rà soát, điều chỉnh về công tác tổ chức và quản lý năm 2017, 2018, 2019	x		
32.		5		1.3.02	Các quyết định thành lập phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	x		
33.				1.1.02	Quyết định số 99/QĐ -CĐCN ngày 03/04/2018 về việc ban hành Quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
34.			1.1.03		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 414/2017/GCNDKHH-TCDN ngày 28/12/2017	x		
35.			1.5.04		Thông báo số 390/TB-CĐNCN ngày 14/09/2016 về việc Phân công công tác trong Ban giám hiệu Trường CĐN Công nghiệp Hải Phòng	x		
36.			1.5.05		Quyết định số 375/QĐ-CĐCN ngày 05/06/2018 về việc Ban hành Quy định về trách nhiệm, quyền hạn, quan hệ công tác của Phó hiệu trưởng với các phòng, khoa, trung tâm trong trường	x		
37.			1.5.06		Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo của các đơn vị trong Trường năm 2017, 2018, 2019	x		
38.			1.5.07		Báo cáo tổng kết phong trào thi đua và phương hướng nhiệm vụ của các đơn vị năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020	x		
39.				1.1.02	Quyết định số 99/QĐ-CĐCNHP ngày 03/04/2018 về việc ban hành Quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
40.		6		1.3.02	Các quyết định thành lập phòng, khoa, trung tâm đơn vị trực thuộc Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	x		
41.				1.1.02	Quyết định số 99/QĐ-CĐCNHP ngày 03/4/2018 về việc ban hành Quy chế, tổ chức, hoạt động tạm thời Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
42.			1.6.03		Báo cáo tổng kết năm học, phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học tiếp theo của Trường năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020	x		

43.			1.5.07	Báo cáo tổng kết phong trào thi đua và phương hướng nhiệm vụ của các đơn vị năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020	x		
44.		1.6.05		Các quyết định thành lập Hội đồng khoa học, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi tốt nghiệp	x		
45.		1.6.06		Quyết định tặng giấy khen cho cá nhân và tập thể năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020	x		
46.		1.6.07		Quyết định về việc công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020	x		
47.		1.6.08		Quyết định về việc công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến cho cá nhân và tập thể năm 2017 -2018, 2018-2019	x		
48.			1.5.06	Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo của các đơn vị trong Trường năm 2017, 2018 và 2019	x		
49.	7	1.7.01		Quyết định số 403/QĐ-CĐCNHP ngày 08/10/2018 về việc ban hành Quy định về Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
50.		1.7.02		Kế hoạch 405/KH-CĐCN ngày 11/10/2018 về việc xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng giai đoạn 2018 -2020	x		
51.		1.7.03		Quyết định số 32/QĐ-CĐCN ngày 30/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Hệ thống bảo đảm chất lượng	x		
52.		1.7.04		Quyết định số 31/QĐ - CĐCN ngày 30/01/2018 về việc thành lập Ban thư ký xây dựng Hệ thống bảo đảm chất lượng	x		
53.		1.7.05		Thông báo về việc công khai kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2017;2018;2019 đến các Trường đơn vị trực thuộc Trường	x		
54.		1.7.06		Quyết định số 357/QĐ- CĐCN ngày 06/01/2018 về việc thành lập tổ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chất lượng tại các đơn vị thuộc trường	x		

55.			1.7.07		Quyết định số 59/QĐ- CĐCN ngày 20/6/2019 về việc ban hành Danh mục tài liệu nội bộ hệ thống Bảo đảm chất lượng		x	Thiếu các quy trình, sổ tay chất lượng
56.			1.7.08		Quyết định số 05/QĐ- CĐCN ngày 01/01/2019 về việc phê duyệt, ban hành mục tiêu chất lượng của Trường, kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của các đơn vị tại trường	x		
57.			1.7.09		Quyết định số 30/QĐ- CĐCN ngày 30/01/2018 về việc phê duyệt, ban hành Hệ thống bảo đảm chất lượng	x		
58.				1.1.04	http://hpic.edu.vn	x		
59.			1.7.11		Báo cáo kết quả hoạt động hàng năm về công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng của Phòng, Khoa, Trung tâm đơn vị trực thuộc trường năm 2017, 2018, 2019	x		
60.				1.5.07	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ của các đơn vị năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
61.				1.6.03	Báo cáo tổng kết năm học, phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học tiếp theo của Trường năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
62.			1.7.14		Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm học 2018-2019		x	
63.			1.7.15		Biên bản kiểm tra năm công tác tự đánh giá và xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng 2019	x		
64.			1.7.15		Báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra năm 2017, 2018, 2019	x		
65.				1.2.11	Nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức năm 2017, 2018, 2019	x		
66.			1.7.17		Hồ sơ về hệ thống bảo đảm chất lượng của nhà trường	x		
67.		8		1.1.02	Quyết định số 99/QĐ-CĐCN ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành Quy chế Tổ chức, hoạt động tạm thời của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	x		
68.			1.8.02		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở Giáo dục nghề nghiệp năm 2017, 2018, 2019	x		

69.			1.8.03		Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN năm 2017,2018,2019	x		
70.			1.8.04		Quyết định số 412/QĐ- CĐNCN- KT&QLCL ngày 15/10/2018 về việc thành lập tổ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chất lượng tại các đơn vị thuộc trường	x		
71.			1.8.05		Báo cáo Kết quả tự đánh giá chất lượng trường năm 2017, 2018, 2019	x		
72.			1.8.06		Hồ sơ về công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2017, 2018, 2019		x	Chưa đầy đủ
73.			1.8.07		Các thông báo công khai kết quả tự kiểm định chất lượng năm 2017, 2018, 2019	x		
74.			1.8.08		Báo cáo tổng kết năm học của phòng Đào tạo và Phương hướng nhiệm vụ của năm tiếp theo. Năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020	x		
75.				1.6.03	Báo cáo tổng kết năm học, phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học tiếp theo của Trường năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020	x		
76.		9	1.9.01		Quyết định chuẩn y kết quả bầu cử Ban chấp hành Đảng bộ, các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng	x		
77.			1.9.02		Quyết định về việc chuẩn y kết quả bầu cử của các Chi bộ theo nhiệm kỳ 2017-2020, nhiệm kỳ 2020-2022	x		
78.			1.9.03		Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ năm 2017, 2018, 2019	x		
79.			1.9.04		Chương trình làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ năm 2017, 2018, 2019	x		
80.			1.9.05		Báo cáo công tác xây dựng Đảng năm 2017, 2018, 2019	x		
81.			1.9.06		Báo cáo tổng kết công tác xây dựng của các Chi bộ trực thuộc năm 2017, 2018, 2019	x		

82.			1.9.07		Biên bản Hội nghị Ban chấp hành Đảng ủy mở rộng năm 2017, 2018, 2019	x		
83.			1.9.08		Báo cáo đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng năm 2017,2018,2019, Phương hướng nhiệm vụ năm 2018, 2019, 2020	x		
84.			1.9.09 -		Báo cáo của Đảng bộ về công tác kiểm tra giám sát	x		
85.			1.9.10		Hồ sơ đảng viên - lưu VP Đảng ủy trường	x		
86.			1.9.11		Quyết định xếp loại tổ chức cơ sở đảng 2017, 2018, 2019 của Huyện ủy An Dương	x		
87.			1.9.12		Quyết định đánh giá chất lượng chi bộ và đảng viên năm 2017, 2018, 2019	x		
88.		10	1.10.01		Quyết định số 21/QĐ-CĐN ngày 03/05/2017 về việc công nhận ban chấp hành công đoàn cơ sở	x		
89.			1.10.02		Quyết định số 08/QĐ-CĐN ngày 03/05/2017 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	x		
90.			1.10.03		Danh sách đoàn viên thanh niên nhà trường - Lưu văn phòng Đoàn trường	x		
91.			1.10.04		Kế hoạch hoạt động của Công đoàn năm 2017, 2018, 2019	x		
92.			1.10.05		Báo cáo tổng kết công tác công đoàn năm 2017-2018, 2018-2019; 2019-2020	x		
93.			1.10.06		Các kế hoạch tổ chức hoạt động của Đoàn thanh niên năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
94.			1.10.07		Báo cáo tổng kết hoạt động năm của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên năm học 2017-2018, 2018 -2019 và 2019-2020	x		
95.			1.10.08		Báo cáo tổng kết hoạt động công tác nữ công năm 2017, 2018 và 2019	x		
96.			1.10.09		Báo cáo tổng kết phong trào Thi đua - Khen thưởng năm học, Phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020 của nhà trường	x		
97.			1.10.10		Các Quyết định khen thưởng Công đoàn, Đoàn thanh niên	x		
98.			1.10.11		Nghị quyết đại hội công đoàn	x		

99.			1.10.12		Biên bản họp giao ban hàng tháng	x		
100.	11		1.11.01		Quyết định số 24/QĐ-CĐCN ngày 30/01/2018 kèm theo quy chế hoạt động Ban hành quy định về tổ chức, nội dung và hoạt động kiểm tra, giám sát trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
101.			1.11.02		Quyết định số 09-QĐ/ĐU ngày 08/6/2015 Của Đảng ủy Trường CĐN Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng khóa XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020	x		
102.			1.11.03		Danh sách UBKT Đảng ủy	x		
103.			1.11.04		Quy chế hoạt động của UBKT Đảng ủy	x		
104.			1.11.05		Quyết định số 309/QĐ-CĐCN ngày 14/07/2017 về việc ban hành Quy định về hoạt động thanh tra đào tạo trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
105.			1.11.06		Quyết định số 334/QĐ-CĐCN ngày 14/08/2018 việc thành lập Tổ thanh tra hoạt động đào tạo	x		
106.			1.11.07		Các Quyết định chuẩn y Ban thanh tra nhân dân	x		
107.			1.11.08		Kế hoạch thanh tra hoạt động đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
108.			1.11.09		Chương trình Kế hoạch cụ thể của Ban thanh tra nhân dân năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
109.			1.11.10		Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2017, 2018, 2019	x		
110.			1.11.11		Biên bản họp thanh tra nhân dân năm học 2017, 2018, 2019	x		
111.			1.11.12		Biên bản kiểm tra tiến độ đào tạo các đơn vị năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
112.			1.11.13		Báo cáo thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
113.			1.11.14		Báo cáo kết quả hoạt động của ban thanh tra nhân dân và phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		

114.			1.11.15		Kế hoạch kiểm tra, dự giờ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
115.			1.11.16		Báo cáo tổng kết công tác dự giờ năm học 2017-2018, 2018 -2019, 2019-2020	x		
116.			1.11.17		Kết quả rà soát phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát năm 2017, 2018 và 2019		x	Không đúng nội hàm
117.			1.11.18		Biên bản họp giao ban lãnh đạo hàng tháng			
118.			1.11.19		Nội dung cải tiến phương pháp, công cụ dụng cụ kiểm tra giám sát năm 2017, 2018 và 2019		x	Không đúng nội hàm
119.			1.11.20		Kế hoạch, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác kiểm tra, giám sát năm 2017, 2018, 2019	x		
120.		12	1.12.01		Quyết định số 22/QĐ-CĐCN ngày 22/01/2018 về việc thành lập Hội đồng thẩm định nội dung lồng ghép bình đẳng giới	x		
121.			1.12.02		Báo cáo công tác triển khai lồng ghép bình đẳng giới năm 2017, 2018, 2019	x		
122.			1.12.03		Các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách, ưu đãi đối với đối tượng thụ hưởng năm 2017, 2018, 2019 và 2020	x		
123.			1.12.04		Báo cáo tổng kết công tác Thi đua năm học, Phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
124.			1.12.05		Báo cáo công khai tài chính năm 2017, 2018, 2019	x		
125.			1.12.06		Báo cáo thực hiện chế độ chính sách, ưu đãi đối với nhà giáo trong các năm 2017, 2018, 2019	x		
126.			1.12.07		Quyết định số 144/QĐ-CĐCNHP, ngày 22/4/2019 về việc Ban hành Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo GDNN Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	x		
127.			1.12.08		Các Quyết định Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019	x		
128.			1.12.09		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019	x		

129.			1.12.10		Các quyết định về việc miễn giảm học phí cho HSSV năm học 2017-2018 , 2018-2019, 2019 -2020	x		
130.			1.12.12		Kế hoạch khám sức khỏe cho CBGV,NV,NLĐ năm 2017, 2018, 2019, 2020	x		
131.			1.12.13		Báo cáo tổng kết công tác bình đẳng giới năm 2017, 2018, 2019	x		
132.			1.12.14		Đề án xác định vị trí, việc làm Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
133.			1.12.15		Phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác thực hiện chính sách chế độ ưu đãi của CBVC&HSSV năm 2017,2018,2019	x		
134.	2	1	2.1.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDKHD-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017	x		
135.		1	2.1.02		Danh sách chương trình đào tạo kèm theo chuẩn đầu ra	x		
136.		1	2.1.03		Các biên bản họp xây dựng chuẩn đầu ra	x		
137.		1	2.1.04		Quyết định ban hành chuẩn đầu ra	x		
138.		1	2.1.05		Phiếu, KH, báo cáo khảo sát CĐR (người học, CBQL, GV)	x		
139.		2	2.2.01		Quy chế tuyển sinh của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng 2017	x		
140.			2.2.02		Quy chế tuyển sinh sửa đổi của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng 2019	x		
141.		3	2.3.01		Văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh năm học 2017- 2018; 2018-2019; 2019-2020	x		
142.			2.3.02		Thông báo tuyển sinh	x		
143.			2.3.03		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh	x		
144.			2.3.04		Hồ sơ đăng ký học nghề của người học	x		
145.			2.3.05		Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển	x		
146.			2.3.06		Danh sách học sinh nhập học và quyết định phân lớp các năm từ 2017-2020	x		

147.			2.3.07		Báo cáo công tác tuyển sinh		x	Tên không đúng với văn bản MC
148.			2.3.08		Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh các năm từ 2017-2020	x		
149.		4	2.4.01		Quy chế đào tạo của trường về đào tạo theo niên chế, tích lũy môn-đơn hoặc tín chỉ	x		
150.			2.4.02	2.5.02	Kế hoạch đào tạo các nghề trung cấp và Cao đẳng hàng năm		x	Đánh 2 mã MC
151.			2.4.03	2.8.03	Hồ sơ khảo sát ý kiến HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý từ năm 2017 đến năm 2019		x	Đánh 2 mã MC
152.		5	2.5.01	4.7.01 và 4.7.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết		x	Đánh 2 mã MC
153.			2.5.02	2.4.02	Kế hoạch đào tạo các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020		x	Đánh 2 mã MC
154.			2.5.03		Tiến độ đào tạo các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020	x		
155.		6	2.6.01		Kế hoạch nhà giáo; Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo	x		
156.			2.6.02	2.10.02	Biên bản thanh thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020		x	Đánh 2 mã MC
157.		7	2.7.01		Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo (Sổ lên lớp, sổ tay nhà giáo, giáo án, bài giảng)	x		
158.			2.7.02	2.6.02	Biên bản thanh kiểm tra công tác đào tạo hàng năm		x	Đánh 2 mã MC
159.			2.7.03		Hợp đồng/Biên bản thỏa thuận về việc cho HSSV thực tập tại doanh nghiệp	x		
160.			2.7.04		Kế hoạch tổ chức cho HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp (Kèm theo hình ảnh)	x		

161.			2.7.05		Quyết định cử đội ngũ nhà giáo đưa HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp kèm theo danh sách HSSV	x		
162.			2.7.06		Báo cáo kết quả thực tập của HSSV/nhà giáo của Doanh nghiệp	x		Không có MC
163.		8	2.8.01		Hồ sơ bài giảng của nhà giáo tham gia hội giảng hàng năm	x		
164.			2.8.02		Phiếu đánh giá bài giảng của nhà giáo	x		
165.			2.8.03		Phiếu thăm dò ý kiến của HSSV về phương pháp đào tạo kèm theo báo cáo kết quả thăm dò ý kiến hàng năm		x	Không đúng tên minh chứng
166.		9	2.9.01		Hợp đồng mua phần mềm EDUMAN kèm theo biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng	x		
167.			2.9.02		Hợp đồng cung cấp thiết bị mô phỏng, phần mềm các nghề kèm theo biên bản nghiệm thu, bàn giao	x		
168.		10	2.10.01		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm		x	Tên MC khác với tên trong bảng mã
169.			2.10.02	2.7.02	Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm		x	Đánh 2 mã MC, Tên MC khác với tên trong bảng mã
170.			2.10.03		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm		x	Tên MC khác với tên trong bảng mã

171.		11	2.11.01		Các đề xuất nâng cao chất lượng dạy và học từ năm học 2017-2018 đến 2019-2020 của nhà giáo, cán bộ quản lý	x		
172.		12	2.12.01	2.4.01	Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập kèm theo quy chế sửa đổi theo Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH		x	Đánh 2 mã MC
173.			2.12.02		Quy chế công tác HSSV của trường	x		
174.			2.12.03		Quy định quản lý văn bằng chứng chỉ của trường kèm theo quy định sửa đổi, cập nhật theo Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH	x		
175.		13	2.13.01		Quyết định thành lập Hội đồng thi, Ban giám khảo		x	Trường không có
176.			2.13.02		Danh sách đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả học tập của người học	x		Không có cơ sở tổng hợp ra MC này
177.		14	2.14.01		Biên bản kết luận thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm	x		
178.		15	2.15.01		Kế hoạch hàng năm về việc rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, CC	x		
179.			2.15.02		Báo cáo kết quả công tác rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ	x		
180.			2.15.03		Biên bản họp đóng góp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý	x		
181.		16	2.16.01		Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ tay nghề của Trường	x		
182.			2.16.02		Chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp	x		
183.			2.16.03		Quyết định thành lập lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng kèm theo danh sách HSSV		x	Không có

184.			2.16.04		Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo liên thông của trường		x	Không có
185.			2.16.05		Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác đào tạo liên thông	x		
186.		17	2.17.01		Quy định về quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo	x		
187.			2.17.02		Hồ sơ quản lý đào tạo	x		
188.	3	1	3.1.01		Quyết định số 01/QĐ-CĐCN ngày 01/01/2018 của Trường CĐ Hải Phòng về việc ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường CĐ Hải Phòng	x		
189.			3.1.02		Các Quyết định của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức 2017;2018;2019	x		
190.			3.1.03		Các văn bản thực hiện công tác quy hoạch cán bộ năm 2017, 2018, 2019	x		
191.			3.1.04		Hướng dẫn đánh giá phân loại viên chức, người lao động năm 2017, 2018, 2019	x		
192.			3.1.05		Kế hoạch số 33/KH-CĐCN, ngày 20/01/2018 về việc đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng, giai đoạn 2018-2020	x		
193.			3.1.06		Quyết định số 27/QĐ-CĐCN, ngày 30/01/2018 về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBVC	x		
194.		2	3.2.01		Các văn bản thực hiện công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2018 - 2023	x		
195.			3.2.02		Văn bản công nhận kết quả quy hoạch, các số liệu quy hoạch cán bộ 3 năm 2017, 2018, 2019	x		
196.			3.2.03		Báo cáo về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
197.			3.2.04		Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại viên chức năm 2017, 2018, 2019	x		
198.			3.2.05		Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 của tập thể và cá nhân	x		

199.			3.2.06		Báo cáo thực hiện chế độ chính sách, ưu đãi đối với nhà giáo trong các năm 2017, 2018, 2019	x		
200.			3.2.07		Biên bản thanh kiểm tra có nội dung thể hiện việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm 2017, 2018, 2019	x		
201.			3.2.08		Báo cáo kết quả hoạt động của ban thanh tra nhân dân và phương hướng nhiệm vụ năm 2017, 2018, 2019	x		
202.			3.2.09		Báo cáo việc thực hiện chính sách, ưu đãi đối với nhà giáo năm 2017, 2018, 2019	x		
203.			3.2.10		Báo cáo kết quả khảo sát quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động năm 2017, 2018, 2019	x		
204.		3	3.3.01		Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo năm 2017, 2018, 2019	x		
205.			3.3.02		Hồ sơ quản lý nhà giáo	x		
206.				3.2.03	Báo cáo về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
207.			3.3.04		Danh sách các môn học mô-đun được phân công giảng dạy cho giáo viên, giảng viên	x		
208.			3.3.05		Hồ sơ về việc kiểm tra công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đào tạo của các khoa và thực hiện nhiệm vụ của giảng viên năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020	x		
209.			3.3.06		Kết luận về việc kiểm tra công tác thực hiện nhiệm vụ của các khoa chuyên môn và giảng viên	x		
210.			3.3.07		Kế hoạch, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm 2017, 2018, 2019	x		
211.		4		1.1.02	Quyết định số 99/QĐ-CĐCNHP ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		

212.			3.4.02		Báo cáo kết quả đánh giá phân loại cán bộ công chức, viên chức người lao động năm 2017, 2018,2019	x		
213.			3.4.03		Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động năm 2017, 2018, 2019	x		
214.			3.4.04		Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động năm 2017, 2018, 2019	x		
215.			3.4.05		Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại viên chức năm 2017, 2018, 2019	x		
216.			3.4.06		Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 của tập thể và cá nhân	x		
217.			3.4.07		Báo cáo về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
218.			3.4.08		Quyết định xếp loại chất lượng chi bộ, chất lượng đảng viên năm 2017,2018,2019	x		
219.				1.12.04	Báo cáo tổng kết công tác các năm 2017, 2018,2019 của Nhà trường	x		
220.		5		3.3.01	Danh sách trích ngang giáo viên cơ hữu của Trường năm 2017, 2018, 2019	x		
221.			3.5.02		Danh sách trích ngang giáo viên mời thỉnh giảng của Trường năm 2017, 2018, 2019	x		
222.			3.5.03		Danh sách trích ngang CBQL tham gia giảng dạy của Trường năm 2017, 2018, 2019	x		
223.			3.5.04		Hồ sơ quản lý nhà giáo đến tháng 12 năm 2020 của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	x		
224.			3.5.05		Danh sách các lớp HSSV 2017, 2018, 2019	x		
225.			3.5.06		Thống kê số lượng giáo viên quy đổi năm 2017, 2018, 2019	x		
226.			3.5.07		Thống kê số lượng HSSV quy đổi năm 2017, 2018, 2019	x		
227.			3.5.08		Quyết định số 144/QĐ- CĐCN, ngày 22/04/2019 về việc Ban hành Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	x		

228.			2.5.01	Các Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo hệ chính quy trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp và Liên thông năm 2017, 2018, 2019	x		
229.			2.4.02	Kế hoạch đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp các khóa học - Lưu phòng Đào tạo	x		
230.			2.5.03	Tiến độ đào tạo các năm học 2017- 2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
231.			3.3.01	Danh sách trích ngang giáo viên cơ hữu của Trường năm 2017,2018, 2019	x		
232.			2.6.01	Kế hoạch giáo viên học kỳ I, II năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
233.		3.5.14		Thông báo về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo viên năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
234.		3.5.15		Thời khóa biểu năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
235.		3.5.16		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019	x		
236.		3.5.17		Bảng thống kê giờ giảng dạy của giáo viên năm học 2017 -2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
237.		3.5.18		Bảng thanh toán lương, thanh toán làm thêm giờ, thừa giờ của giáo viên năm học 2017 -2018, 2018-2019, 2019-2020 - lưu phòng Tài vụ	x		
238.		3.5.19		Các Quyết định về việc thành lập các lớp TC, CĐ, Liên thông và phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
239.	6		2.4.02	Kế hoạch đào tạo các nghề từng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
240.		3.6.02	2.5.03	Tiến độ giảng dạy các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
241.		3.6.03		Tiến độ giảng dạy các khóa, ngành, nghề từng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
242.			2.6.01	Kế hoạch giáo viên các khoa từng học kỳ, năm học các năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		

243.			2.6.01	Giáo án giảng dạy các năm học: 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
244.		3.6.06		Sổ tay nhà giáo các năm học: 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
245.		3.6.07		Sổ lên lớp các năm học: 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
246.		3.6.08 -		Thời khóa biểu các lớp, khóa từng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
247.		3.6.09		Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác đào tạo các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 (thêm số QĐ)	x		
248.			2.10.01	Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
249.			2.10.03	Báo cáo kiểm tra công tác đào tạo các khoa và tổ môn các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
250.			2.6.02	Biên bản kiểm tra công tác đào tạo các khoa và tổ môn các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
251.			2.11.01	Báo cáo khắc phục sau kiểm tra công tác đào tạo các khoa và tổ bộ môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
252.		7	3.5.16	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019	x		
253.		3.7.02		Kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ của giáo viên năm 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 2018,2019	x		
254.		3.7.03		Báo cáo tổng kết năm 2017, 2018, 2019 của nhà trường	x		
255.			3.5.04	Kế hoạch, Phiếu khảo sát, Bảng tổng hợp số liệu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát về thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy của nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2017, 2018, 2019	x		
256.		8	3.8.01	Kế hoạch cho nhà giáo đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2017, 2018, 2019	x		
257.		3.8.02		Các quyết định cử cán bộ, nhà giáo tham gia các khóa đào tạo năm 2017,2018, 2019	x		

258.			3.8.03		Các văn bằng chứng chỉ của nhà giáo được cử đi tham gia các khóa đào tạo năm 2017,2018, 2019	x		
259.			3.8.04		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuẩn tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho nhà giáo	x		
260.			3.8.05		Quyết định cử CB-NG-CNV tham gia khóa bồi dưỡng tiếng Anh năm 2018	x		
261.				1.12.04	Báo cáo tổng kết năm học 2017, 2018, 2019 của Nhà trường	x		
262.		9	3.9.01		Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học, mô-đun chuyên môn tại các khoa của Trường năm 2017, 2018, 2019	x		
263.			3.9.02		Quyết định số 57/QĐ-CĐCN, ngày 03/03/2017 về việc Ban hành Quy định cử giáo viên đi trải nghiệm thực tế tại Doanh nghiệp	x		
264.			3.9.03		Kế hoạch giáo viên đi trải nghiệm tại các doanh nghiệp năm 2017, 2018, 2019	x		
265.			3.9.04		Danh sách nhà giáo viên cơ hữu tham gia trải nghiệm tại doanh nghiệp và quản lý sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp năm 2017, 2018, 2019 kèm theo quyết định của Hiệu trưởng; Kết quả thực tập có xác nhận của doanh nghiệp	x		
266.			3.9.05		Báo cáo kết quả trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp của giáo viên năm 2017, 2018, 2019	x		
267.			3.9.06		Hình ảnh nhà giáo đi trải nghiệm tại các đơn vị sử dụng lao động năm 2017, 2018, 2019	x		
268.			3.9.07		Nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức năm 2017, 2018, 2019	x		
269.			3.9.08		Biên bản họp giao ban lãnh đạo hàng tháng	x		
270.			3.9.09		Báo cáo kết quả khảo sát về tổng kết, đánh giá hiệu quả công việc đi bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất của nhà giáo năm 2017, 2018, 2019	x		

271.		10	3.10.01	Báo cáo kết quả trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp của giáo viên năm 2017, 2018, 2019	x		
272.			3.10.02	Hình ảnh nhà giáo đi trải nghiệm tại các đơn vị sử dụng lao động năm 2017, 2018, 2019	x		
273.			3.10.3	Báo cáo tổng kết hội nghị viên chức 2017, 2018, 2019	x		
274.			3.10.4	Bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận của các lớp tập huấn năm 2017, 2018, 2019	x		
275.			3.10.5	Báo cáo kết quả khảo sát về tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo năm 2017, 2018, 2019	x		
276.		11	3.11.01	Quyết định số 3660/QĐ-CT, ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng giao phụ trách Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
277.			3.11.02-	Danh sách trích ngang Phó Hiệu trưởng Nhà trường	x		
278.			3.11.03-	Hồ sơ cán bộ của Phó Hiệu trưởng	x		
279.			3.11.04	Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo quản lý Đ/C Phó Hiệu trưởng phụ trách các năm 2017, 2018, 2019 của UBND thành phố	x		
280.			1.11.05	Báo cáo tổng kết công tác năm học 2016 -2017, 2017 -2018, 2018-2019 của Nhà trường	x		
281.			3.11.06	Các quyết định thi đua, khen thưởng đối với các đồng chí Đ/c Phó Hiệu trưởng	x		
282.		12	1.12.01	Quyết định số 99/QĐ-CĐCN, ngày 03/04/2018 về việc ban hành Quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của các đơn vị, cá nhân trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
283.			3.12.02	Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường	x		
284.			3.12.03	Quyết định số 23/QĐ-CĐN ngày 03/10/2017 của Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng về việc ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường CĐ Hải Phòng	x		

285.			3.12.04		Các quyết định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý hàng năm 2017, 2018, 2019	x		
286.			3.12.05		Quyết định số 620/QĐ-CĐCN ngày 28/12/2018 về việc giao phụ trách kế toán trưởng	x		
287.		13	3.13.01		Hồ sơ đội ngũ cán bộ Nhà trường tại thời điểm hiện tại kiểm định	x		
288.			3.13.02		Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường kèm theo chứng chỉ, bằng cấp; các hồ sơ xác nhận về thành tích chuyên môn các cấp nếu có	x		
289.			3.13.03		Quyết định đánh giá chất lượng đảng viên năm 2017,2018,2019	x		
290.			3.13.04		Các Quyết định khen thưởng cho tập thể và cá nhân năm 2017,2018,2019	x		
291.			3.13.05		Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường năm 2017, 2018,2019	x		
292.			3.13.06		Báo cáo tổng kết năm học 2017, 2018,2019 của các đơn vị	x		
293.		14	3.14.01		Kế hoạch số 33/KH-CĐCN ngày 31 tháng 02 năm 2018 về việc bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý của nhà Trường giai đoạn 2018-2020	x		
294.			3.14.02		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ viên chức 2017, 2018, 2019	x		
295.			3.14.03		Các quyết định và danh sách về việc cử đội ngũ cán bộ quản lý tham gia học tập, bồi dưỡng năm 2017, 2018, 2019	x		
296.			3.14.04		Các văn bằng chứng chỉ các khoá học tập, bồi dưỡng của cán bộ, quản lý	x		
297.			3.14.05		Các Quyết định Ban hành quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019, Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019	x		
298.			3.14.06		Nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức năm 2017, 2018, 2019	x		
299.			3.14.07		Biên bản, kết luận họp giao ban lãnh đạo hàng tháng	x		
300.		15	3.15.01		Danh sách trích ngang đội ngũ viên chức và người lao động năm 2017, 2018, 2019	x		
301.			3.15.02		Báo cáo tổng kết năm 2017, 2018,2019 của các đơn vị	x		

302.			3.15.03		Báo cáo tổng kết năm 2017, 2018,2019 của Nhà trường; Đề án vị trí việc làm	x		
303.			3.15.04		Quyết định cử viên chức, người lao động được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2017, 2018, 2019; chứng chỉ bằng cấp	x		
304.			3.15.05		Danh sách đội ngũ viên chức, lao động được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2017, 2018,2019	x		
305.			3.15.06		Báo cáo tổng kết năm học và Phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học tiếp theo của Trường năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
306.	4	1	4.1.01	2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017	x		
307.			4.1.02	2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
308.		2	4.2.01		Quyết định về việc thành lập các Ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp	x		
309.			4.2.02		Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp - Các văn bản mô tả nội dung rà soát - Báo cáo kết quả rà soát, biên soạn đề cương chi tiết - Biên bản họp các tiểu ban - Kế hoạch phân công giáo viên biên soạn và hoàn thiện chương trình chi tiết các MH/MĐ - Báo cáo kết quả công tác biên soạn, chỉnh sửa CT ĐT	x		
310.			4.2.03		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	x		
311.			4.2.04		Biên bản thẩm định chương trình đào tạo	x		
312.				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
313.			4.2.05		Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp	x		

314.		3		4.2.02	Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp - Các văn bản mô tả nội dung rà soát - Báo cáo kết quả rà soát, biên soạn đề cương chi tiết - Biên bản họp các tiểu ban - Kế hoạch phân công giáo viên biên soạn và hoàn thiện chương trình chi tiết các MH/MĐ - Báo cáo kết quả công tác biên soạn, chỉnh sửa CTĐT	x		
315.				4.2.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	x		
316.				4.2.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo	x		
317.				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
318.				4.2.05	Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp	x		
319.		4	4.4.01		Phiếu đánh giá về chương trình đào tạo của nhà giáo; cán bộ quản lý GDNN; đại diện doanh nghiệp và HSSV tốt nghiệp	x		
320.				4.2.02	Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp - Các văn bản mô tả nội dung rà soát - Báo cáo kết quả rà soát, biên soạn đề cương chi tiết - Biên bản họp các tiểu ban - Kế hoạch phân công giáo viên biên soạn và hoàn thiện chương trình chi tiết các MH/MĐ - Báo cáo kết quả công tác biên soạn, chỉnh sửa CTĐT	x		
321.				4.2.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	x		
322.				4.2.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo	x		
323.				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		

324.			4.2.05	Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp	x		
325.	5		4.4.01	Phiếu đánh giá về chương trình đào tạo của nhà giáo; cán bộ quản lý GDNN; đại diện doanh nghiệp và HSSV tốt nghiệp	x		
326.			4.2.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo	x		
327.			4.2.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo	x		
328.			2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
329.	6		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
330.	7	4.7.01		Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo kèm theo	x		
331.		4.7.02		Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề được thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
332.		4.7.03		Báo cáo kết quả rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo	x		
333.	8		4.7.01	Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo kèm theo	x		
334.			4.7.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề được thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
335.			4.7.03	Báo cáo kết quả rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo	x		
336.		4.8.01		Các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài đã được tham khảo	x		
337.		4.8.02		Báo cáo tóm tắt thông tin chính về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật trong chương trình đào tạo	x		
338.	9		2.16.02	Chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp	x		
339.		4.9.01		Quyết định miễn học đối với các mô-đun, tín chỉ, môn học chương trình đào tạo liên thông nghề Điện công nghiệp	x		

340.		10		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 414/2017/GCNDKHD-TCGDNN ngày 28 tháng 12 năm 2017	x		
341.				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các nghề kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết	x		
342.			4.10.01		Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) cho từng mô-đun, môn học - kèm theo bản in các giáo trình	x		
343.		11	4.11.01		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình	x		
344.			4.11.02		Quyết định ban hành/lựa chọn giáo trình	x		
345.			4.10.01		Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) cho từng mô-đun, môn học - kèm theo bản in các giáo trình	x		
346.		12	4.11.01		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình	x		
347.			4.11.02		Quyết định ban hành/lựa chọn giáo trình	x		
348.			4.10.01		Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) cho từng mô-đun, môn học - kèm theo bản in các giáo trình	x		
349.			4.12.01		Phiếu đánh giá, phản biện giáo trình	x		
350.			4.12.02		Biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình	x		
351.		13	4.11.01		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình	x		
352.			4.11.02		Quyết định ban hành/lựa chọn giáo trình	x		
353.			4.10.01		Danh sách thống kê giáo trình (tự biên soạn và lựa chọn) cho từng mô-đun, môn học - kèm theo bản in các giáo trình	x		
354.			4.12.01		Phiếu đánh giá, phản biện giáo trình	x		
355.			4.12.02		Biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình	x		
356.		14	4.14.01		Kế hoạch khảo sát	x		
357.			4.14.02		Phiếu khảo sát	x		
358.			4.14.03		Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo	x		
359.		15		4.7.01	Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo kèm theo	x		

360.	5	1	5.1.01	Quyết định số 07/2006/QĐ-BLĐTBXH ngày 02/10/2006 của Bộ LĐTBXH về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển mạng lưới trường Cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề đến 2020”	x		
361.			5.1.02	Quyết định số 615/QĐ-BLĐTB&XH ngày 11/5/2007 về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng	x		
362.			5.1.03	Bản đồ quy hoạch huyện An Dương	x		
363.			5.1.04	Thuyết minh quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng), số liệu này cho thấy khuôn viên của Trường đảm bảo về mật độ xây dựng các công trình theo tiêu chuẩn cho phép từ 20 - 40% và diện tích cây xanh	x		
364.			5.1.05	Bản vẽ hệ thống điện cho các hạng mục của toàn trường	x		
365.			5.1.06	Hồ sơ hoàn công các công trình của trường	x		
366.			5.1.07	Hợp đồng mua bán điện với chi nhánh điện An Dương	x		
367.			5.1.08	Hóa đơn thu tiền điện - Lưu phòng Tài vụ	x		
368.			5.1.09	Hồ sơ thiết kế kỹ thuật 02 trạm biến áp 22KV/0,4KV-320KVA	x		
369.			5.1.10	Hồ sơ xây dựng đường giao thông nội bộ	x		
370.			5.1.11	Hợp đồng mua bán nước với Công ty cấp nước.			
371.			5.1.12	Báo cáo tình hình sử dụng điện nước năm 2017; 2018; 2019.	x		
372.			5.1.13	Hóa đơn thu tiền nước - Lưu phòng Tài vụ.	x		
373.			5.1.14	Hợp đồng thu gom rác thải			
374.			5.1.15	Sơ đồ thu gom rác thải, phế liệu, chất rắn khu vực Trường	x		
375.			5.1.16	Kế hoạch vận động không xả rác ra đường, trường học và bảo vệ môi trường		x	Không dùng
376.			5.1.17	Danh sách nhân viên phục vụ dọn vệ sinh	x		
377.			5.1.18	Bộ ảnh chụp cảnh quan nhà trường.	x		
378.			5.1.19	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả về cơ sở vật chất, môi trường năm 2017, 2018, 2019		x	

379.	5	2	5.1.01	Thuyết minh quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng, số liệu này cho thấy khuôn viên của Trường đảm bảo về mật độ xây dựng các công trình theo tiêu chuẩn cho phép từ 20 - 40% và diện tích cây xanh	x		
380.			5.2.01	Bản vẽ thực trạng mặt bằng trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng	x		
381.			5.1.18	Bộ ảnh chụp cảnh quan nhà trường	x		
382.			5.1.19	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả về cơ sở vật chất, môi trường năm 2017, 2018, 2019		x	
383.	5	3	5.3.01	Bảng thống kê số lượng xây dựng toàn trường	x		
384.			5.3.02	Biên bản xác định chỉ giới mặt bằng thực tế trường Cao đẳng nghề Công Nghiệp Hải Phòng	x		
385.			5.3.03	Hồ sơ thiết kế/xây dựng các khối công trình	x		
386.			5.3.04	Bảng thống kê diện tích cây xanh, diện tích đường giao thông nội bộ	x		
387.			5.3.05	Báo cáo về tình hình quản lý và sử dụng đất, cơ sở vật chất, tài sản của Nhà trường	x		
388.			5.3.06	Bản vẽ đường giao thông nội bộ của trường	x		
389.	5	4	5.3.03	Hồ sơ thiết kế/xây dựng các khối công trình	x		
390.			5.1.04	Bản vẽ hệ thống cấp, thoát nước toàn trường	x		
391.			5.1.07	Bản vẽ hệ thống điện cho các hạng mục của toàn trường	x		
392.			5.1.12	Hồ sơ xây dựng đường giao thông nội bộ	x		
393.			5.4.01	Hồ sơ hệ thống phòng cháy chữa cháy	x		
394.			5.1.07	Hợp đồng mua bán điện với chi nhánh Điện lực An Dương	x		
395.			5.1.08	Hóa đơn thu tiền điện Lưu phòng Tài vụ	x		
396.			5.1.09	Hồ sơ thiết kế kỹ thuật 02 trạm biến áp 22KV/0,4KV	x		
397.			5.1.11	Hợp đồng mua bán nước với Công ty cấp nước	x		
398.			5.1.12	Báo cáo tình hình sử dụng điện nước năm 2017, 2018, 2019	x		

399.			5.1.13	Hóa đơn thu tiền nước – Lưu phòng Tài vụ	x		
400.		5.4.02		Sơ đồ hệ thống thoát nước	x		
401.			5.1.14	Hợp đồng thu gom rác thải	x		
402.		5.4.03		Hồ sơ công tác PCCC của nhà trường	x		
403.		5.4.04		Biên bản kiểm tra PCCC và cứu nạn cứu hộ	x		
404.		5.4.05		Hợp đồng kinh tế cung cấp lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy	x		
405.		5.4.06		Các Quyết định thành lập tổ PCCC	x		
406.		5.4.07		Quyết định về ban hành Quy định về PCCC	x		
407.		5.4.08		Danh sách giáo viên, nhân viên tham gia tập huấn năm 2017, 2018, 2019	x		
408.		5.4.09		Kế hoạch PCCC năm 2017, 2018, 2019	x		
409.		5.4.10		Hồ sơ thiết kế hệ thống internet; Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông với Công ty Viễn thông quân đội Viettel, Công ty VNPT	x		
410.		5.4.11		Quyết định số 06/QĐCĐCN ngày 11/01/2018 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	x		
411.		5.4.12		Biên bản kiểm tra việc quản lý, sử dụng cơ sở hạ tầng	x		
412.		5.4.13		Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật năm 2017, 2018, 2019	x		
413.		5.4.14		Báo cáo công tác quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất năm học 2017,2018, 2019	x		
414.		5.4.15		Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị vật tư năm 2017, 2018, 2019	x		
415.		5.4.16		Hồ sơ thanh lý tài sản, thiết bị vật tư năm 2017, 2018, 2019	x		
416.		5.4.17		Sổ kiểm kê tài sản, thiết bị vật tư 2017, 2018, 2019	x		
417.			5.1.19	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả về cơ sở vật chất, môi trường năm 2017, 2018, 2019		x	
418.	5	5	5.5.01	Bảng thống kê số lượng phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, mô phỏng toàn trường	x		
419.			5.5.02	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng yêu cầu công nghệ	x		

420.			5.5.03		Danh mục thiết bị dạy nghề đối với các nghề trong trường	x		
421.			5.5.04		Các hợp đồng kinh tế về mua sắm trang thiết bị thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2017, 2018, 2019	x		
422.			5.5.05		Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn nhà trường	x		
423.			5.5.06		Báo cáo đánh giá về điều kiện phòng học lý thuyết, thực hành phòng học chuyên môn và cơ sở vật chất của nhà trường	x		
424.				5.3.05	Báo cáo về tình hình quản lý và sử dụng đất, cơ sở vật chất, tài sản của Nhà trường	x		
425.				5.4.14	Báo cáo công tác quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất năm học 2017, 2018, 2019	x		
426.				5.4.15	Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị vật tư năm 2017, 2018, 2019	x		
427.				5.4.16	Hồ sơ thanh lý tài sản, thiết bị vật tư năm 2017, 2018, 2019	x		
428.				5.4.17	Sổ kiểm kê tài sản, thiết bị vật tư 2017, 2018, 2019	x		
429.			5.5.07		Bảng phân công giáo viên quản lý phòng học, xưởng thực hành, các đơn vị năm 2017, 2018, 2019	x		
430.			5.5.08		Sổ lý lịch thiết bị	x		
431.				5.1.19	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả về cơ sở vật chất, môi trường năm 2017, 2018, 2019		x	
432.	5	6	5.6.01		Quyết định số 22/QĐ-CĐCN ngày 19/01/2018 về việc ban hành Quy trì bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.	x		
433.			5.6.02		Bảng hướng dẫn quy trình sử dụng, nguyên tắc an toàn khi sử dụng trang thiết bị dạy nghề	x		
434.			5.6.03		Nội quy xưởng thực hành	x		
435.			5.6.04		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị	x		
436.			5.6.05		Biên bản kiểm tra sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị	x		
437.			5.6.06		Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị	x		
438.			5.6.07		Biên bản bàn giao trang thiết bị, vật tư năm 2017, 2018, 2019 và sổ cấp phát vật tư	x		

439.			5.6.08		Sổ cấp phát vật tư	x		
440.				5.5.08	Sổ lý lịch thiết bị	x		
441.				5.4.15	Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị vật tư năm 2017, 2018, 2019	x		
442.				5.4.16	Hồ sơ thanh lý tài sản, thiết bị vật tư năm 2017, 2018, 2019.	x		
443.	5	7		5.4.17	Sổ kiểm kê tài sản, thiết bị vật tư 2017, 2018, 2019	x		
444.				5.5.07	Bảng phân công giáo viên quản lý phòng học, xưởng thực hành các đơn vị năm 2017, 2018, 2019	x		
445.			5.7.01		Quyết định số 16/QĐCĐCN ngày 16/01/2018 về việc ban hành nội quy trường học	x		
446.				5.6.02	Bảng hướng dẫn quy trình sử dụng, nguyên tắc an toàn khi sử dụng trang thiết bị dạy nghề	x		
447.				5.6.03	Nội quy xưởng thực hành	x		
448.			5.7.02		Quyết định số 35/QĐCĐCN ngày 06/02/2018 về việc ban hành Quy định quản lý, cấp phát và sử dụng thiết bị, vật tư	x		
449.			5.7.03		Thời khóa biểu năm học 2017, 2018, 2019, 2020	x		
450.			5.7.04		Sổ bàn giao ca, sổ nhật ký xưởng	x		
451.				5.5.08	Sổ lý lịch thiết bị	x		
452.			5.7.05		Kế hoạch, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về cơ sở vật chất, môi trường học tập dành cho học sinh sinh viên của các khoa nghề	x		
453.				5.1.19	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả về cơ sở vật chất, môi trường năm 2017, 2018, 2019	x		
454.	5	8	5.8.01		Thông tư số 06 /2015/TT- BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	x		
455.			5.8.02		Thông tư số 26/2019/TT- BLĐTBXH ngày 25 tháng 12 năm 2019 do Bộ LĐTBXH ban hành	x		

456.			5.8.03		Thông tư số 08/2018/TT-BLĐTBXH ngày 14/8/2018	x		
457.			5.8.04		Thông tư số 24/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	x		
458.			5.8.05		Thông tư số 25/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	x		
459.				5.5.02	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng yêu cầu công nghệ	x		
460.				5.5.03	Danh mục thiết bị dạy nghề đối với các nghề trong trường	x		
461.				5.5.08	Sổ lý lịch thiết bị	x		
462.			5.8.06		Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu và danh mục thiết bị đào tạo hiện có tại trường	x		
463.				5.4.15	Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị vật tư năm 2017, 2018, 2019	x		
464.				5.4.16	Hồ sơ thanh lý tài sản, thiết bị vật tư năm 2017, 2018, 2019	x		
465.			5.8.07		Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp năm học 2017,2018, 2019, 2020	x		
466.			5.8.08		Danh sách các chương trình đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp và Liên thông năm 2017	x		
467.			5.8.09		Kế hoạch đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp các khóa học lưu phòng Đào tạo	x		
468.			5.8.10		Thời khóa biểu năm học 2017,2018,2019	x		
469.			5.8.11		Biên bản kiểm tra, đánh giá trang thiết bị tại các xưởng thực hành	x		
470.				5.1.19	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả về cơ sở vật chất, môi trường năm 2017, 2018, 2019		x	
471.	5	9		5.5.05	Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn nhà trường	x		

472.			5.9.01		Sơ đồ bố trí các xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn	x		
473.			5.9.02		Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ	x		
474.				5.5.03	Danh mục thiết bị dạy nghề đối với các nghề trong trường	x		
475.				5.6.04	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị	x		
476.				5.6.05	Biên bản kiểm tra sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị	x		
477.				5.6.06	Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị	x		
478.			5.9.03		Quy trình vận hành các thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định	x		
479.			5.9.04		Danh mục thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	x		
480.			5.9.05		Bộ ảnh chụp các thiết bị đào tạo nghề có dán tem, chứng nhận an toàn của nhà trường	x		
481.			5.9.06		Biên bản kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp năm 2017, 2018, 2019	x		
482.				5.1.19	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả về cơ sở vật chất, môi trường năm 2017, 2018, 2019		x	
483.	5	10	5.10.01		Quyết định số 35/QĐCĐCN ngày 05/01/2018	x		
484.				5.6.01	Quyết định số 22/QĐCĐCN ngày 19/01/2018 về việc ban hành Quy trì bảo trì, bảo dưỡng thiết bị	x		
485.			5.10.02		Quyết định số 21/QĐCĐCN ngày 19/01/2018 về việc ban hành nội quy trường học	x		
486.				5.6.02	Bảng hướng dẫn quy trình sử dụng, nguyên tắc an toàn khi sử dụng trang thiết bị dạy nghề	x		
487.				5.6.03	Nội quy xưởng thực hành	x		
488.				5.7.02	Quyết định số 36/QĐCĐCN ngày 06/02/2018 về việc ban hành Quy định quản lý, cấp phát và sử dụng thiết bị, vật tư	x		
489.				5.5.08	Sổ lý lịch thiết bị	x		
490.				5.5.03	Danh mục thiết bị dạy nghề đối với các nghề đào tạo trong trường	x		

491.			5.5.07	Bảng phân công giáo viên quản lý phòng học, xưởng thực hành, phòng mô phỏng các đơn vị năm 2017, 2018, 2019	x		
492.			5.6.07	Biên bản bàn giao trang thiết bị, vật tư năm 2017, 2018, 2019	x		
493.			5.6.08	Sổ cấp phát vật tư	x		
494.		5.10.03		Phiếu xuất, nhập kho	x		
495.			5.6.04	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị năm 2017, 2018, 2019	x		
496.		5.10.04		Những biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư, thiết bị năm 2017, 2018, 2019	x		
497.	5	11	5.5.03	Danh mục thiết bị dạy nghề đối với các nghề trong trường	x		
498.			5.5.07	Bảng phân công giáo viên quản lý phòng học, xưởng thực hành các đơn vị năm 2017, 2018, 2019	x		
499.			5.7.04	Sổ bàn giao ca, sổ nhật ký xưởng	x		
500.			5.6.01	Quyết định số 25/QĐCĐCN ngày 22/01/2018 về việc ban hành Quy trì bảo trì, bảo dưỡng thiết bị	x		
501.			5.6.04	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị năm 2017, 2018, 2019	x		
502.			5.6.05	Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị	x		
503.			5.10.04	Những biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư, thiết bị năm 2017, 2018, 2019	x		
504.			5.8.02	Biên bản kiểm tra, đánh giá trang thiết bị tại các xưởng thực hành	x		
505.	5	12	5.12.01	Hồ sơ Định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo nghề năm 2017, 2018, 2019	x		
506.			5.7.02	Quyết định số 36/QĐCĐCN ngày 06/02/2018 về việc ban hành Quy định quản lý, cấp phát và sử dụng thiết bị, vật tư	x		
507.		5.12.02		Quyết định về việc phân công giáo viên, nhân viên phụ trách kho tại các đơn vị kèm Danh sách phân công phụ trách kho	x		
508.		5.12.03		Bảng dự trữ vật tư năm 2017, 2018, 2019	x		
509.			5.6.08	Sổ cấp phát vật tư	x		
510.			5.10.03	Phiếu xuất, nhập kho	x		

511.				5.6.07	Biên bản bàn giao trang thiết bị năm 2017, 2018, 2019	x		
512.				5.4.14	Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị vật tư cuối năm 2017, 2018, 2019	x		
513.				5.4.16	Sổ kiểm kê tài sản, thiết bị vật tư 2017, 2018, 2019	x		
514.			5.12.04		Báo cáo về việc cấp phát sử dụng vật tư theo quý	x		
515.				5.1.19	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả về cơ sở vật chất, môi trường năm 2017, 2018, 2019		x	
516.	5	13	5.13.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 414/2017/GCNDKHH-TCDN ngày 28/12/2017	x		
517.			5.13.02		Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động thư viện Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
518.			5.13.03		Nội quy của thư viện, lịch làm việc của thư viện, nội quy phòng đọc	x		
519.			5.13.04		Thống kê danh mục thiết bị, máy tính	x		
520.			5.13.05		Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử	x		
521.			5.13.6		Các quyết định, công nhận giáo trình và tài liệu giảng dạy cho từng mô-đun môn học	x		
522.			5.13.07		Danh mục đầu sách giáo trình môn học, mô-đun và tài liệu tham khảo - Lưu thư viện	x		
523.			5.13.08		Bản in các Giáo trình mô-đun/ môn học các nghề - Lưu các khoa, thư viện	x		
524.	5	14		5.13.03	Nội quy của thư viện, lịch làm việc của thư viện, nội quy phòng đọc	x		
525.			5.14.01		Sổ nhật ký mượn trả tài liệu của CBGV, HSSV	x		
526.			5.14.02		Kế hoạch tổ chức hướng dẫn sử dụng thư viện và giới thiệu tài liệu cho học sinh sinh viên mới nhập học	x		
527.			5.14.03		Kế hoạch tổ chức hướng dẫn sử dụng thư viện và giới thiệu sách mới năm học 2017, 2018, 2019	x		
528.			5.14.04		Thông báo danh mục tài liệu, sách mới gửi qua mail, bảng thông báo	x		
529.			5.14.05		Báo cáo hoạt động hàng năm của thư viện	x		

530.			5.14.06		Biên bản kiểm kê thư viện năm 2017, 2018, 2019	x		
531.			5.14.07		Phiếu khảo sát; Báo cáo tổng hợp phiếu khảo về các hoạt động của thư viện	x		
532.			5.15.01		Phần mềm quản lý thư viện TIT	x		
533.			5.15.02		Hình ảnh cơ sở dữ liệu điện tử	x		
534.			5.15.03		Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng và Công ty Viễn thông quân đội Viettel	x		
535.			5.15.04		Địa chỉ website http://www.hpvc.edu.vn	x		
536.			5.15.05		Báo cáo hoạt động hàng năm của thư viện	x		
537.	6	1		1.12.08	QĐ ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	x		
538.				1.12.09	Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ	x		
539.			6.1.03		Quyết định số 29/QĐ-CĐNCNHP ngày 20/02/2017 về việc ban hành Hướng dẫn quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp trường	x		
540.			6.1.04		Quyết định số 367/QĐ-CĐNCNHP ngày 28/08/2018 về việc Hội đồng Khoa học và Đào tạo.	x		
541.			6.1.05		Quyết định số 385/QĐ-CĐNCNHP ngày 07/09/2018 về việc Quy định Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.	x		
542.			6.1.06		Biên bản số 57/BB-CĐNCNHP ngày 07/09/2018 Hội nghị lần thứ nhất về Tổ chức, hoạt động của Hội đồng khoa học Nhà trường	x		
543.			6.1.07		Biên bản số 58/BB-CĐNCNHP ngày 28/09/2018 Hội nghị lần thứ hai về ban hành tiêu chí đánh giá, nghiệm thu xếp loại của đề tài NCKH, thiết bị dạy học tự làm	x		
544.			6.1.08		Thông báo số 454/TB-CĐNCNHP ngày 08/10/2018 bổ sung, chỉnh sửa bản thuyết minh đề tài để căn cứ ra QĐ giao nhiệm vụ thực hiện làm đề tài NCKH	x		
545.			6.1.09		Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện đề tài NCKH	x		
546.			6.1.10		Dự toán kinh phí và quyết toán các đề tài, sáng kiến cải tiến kỹ thuật	x		
547.			6.1.11		QĐ thành lập HĐ nghiệm thu đánh giá đề tài NCKH và mô hình TBDH tự làm	x		

548.			6.1.12		Quyết định công nhận đề tài NCKH và mô hình thiết bị dạy học tự làm	x		
549.			6.1.13		Danh sách cán bộ, nhà giáo, nhân viên được hỗ trợ kinh phí đi học Thạc sĩ	x		
550.			6.1.14		Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân hàng năm	x		
551.	6	2	6.2.01		Hồ sơ thuyết minh các đề tài NCKH	x		
552.			6.2.02		Giấy chứng nhận, giải thưởng các đề tài	x		
553.			6.2.03		Báo cáo kết quả thực hiện các đề tài NCKH hàng năm	x		
554.			6.2.04		Quyết định công nhận đề tài NCKH	x		
555.	6	4		6.1.05	Quyết định công nhận đề tài NCKH và mô hình thiết bị dạy học tự làm	x		
556.				6.2.03	Báo cáo kết quả thực hiện các đề tài NCKH hàng năm	x		
557.	6	5	6.5.01		Bản thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và Trường Cao đẳng kinh doanh Anabuki, tỉnh KAGAWA - Nhật Bản	x		
558.			6.5.02		Công văn số 208/UBND-KTĐN về việc kí kết hợp tác giữa Hiệp hội liên hiệp các trường chuyên môn tỉnh Kagawa (Nhật bản) với các trường Đại học, Cao đẳng Hải Phòng ngày 10/01/2019	x		
559.	7	1		1.12.09	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2019	x		
560.			7.1.01		Báo cáo công khai tài chính năm 2017, 2018, 2019 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
561.				1.4.09	Biên bản Hội nghị CBVC năm 2017, 2018, 2019	x		
562.		2	7.2.01		Các hợp đồng dịch vụ đào tạo năm 2017, 2018, 2019	x		
563.			7.2.02		Hồ sơ, Sổ sách tài chính chi tiết các khoản thu, chi từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất kinh doanh, dịch vụ năm 2017, 2018, 2019 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
564.			7.2.03		Kết luận thanh tra tài chính của Sở Tài chính năm 2017 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
565.		3	7.3.01		Báo cáo quyết toán tài chính năm 2017, 2018, 2019 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		

566.			7.3.02		Quyết định giao dự toán NS năm 2017, 2018, 2019 (Lưu tại phòng Tài vụ)	x		
567.				7.2.01	Các hợp đồng dịch vụ đào tạo - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
568.				7.2.02	Hồ sơ, Sổ sách tài chính chi tiết các khoản thu, chi từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất kinh doanh, dịch vụ năm 2017, 2018, 2019 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
569.				7.2.03	Kết luận thanh tra tài chính của Sở Tài chính năm 2017 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
570.			7.3.03		Biên bản thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính năm 2017, 2018, 2019 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
571.		4		1.12.09	Quy chế chi tiêu nội bộ 2017, 2019	x		
572.				7.2.02	Hồ sơ, Sổ sách tài chính chi tiết các khoản thu, chi từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất kinh doanh, dịch vụ năm 2017, 2018, 2019 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
573.			7.4.01		Hồ sơ sổ sách quản lý tài chính - Lưu tại phòng Tài	x		
574.				7.3.01	Báo cáo quyết toán tài chính năm 2017, 2018, 2019 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
575.				7.3.03	Biên bản thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính năm 2017, 2018, 2019 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
576.			7.4.02		Biên bản kiểm toán 2017, 2018 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
577.				7.2.03	Kết luận thanh tra của Sở Tài chính năm 2017 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
578.		5	7.5.01		Quy định về tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2017, 2018, 2019	x		
579.			7.5.02		Kế hoạch tự kiểm tra tài chính năm 2017, 2018, 2019	x		
580.			7.5.03		Quyết định thành lập Ban tự kiểm tra tài chính năm 2017, 2018, 2019	x		
581.			7.5.04		Biên bản tự kiểm tra công tác thu, chi tài chính năm 2017, 2018, 2019	x		

582.			7.5.05		Báo cáo kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính năm 2017, 2018, 2019	x		
583.			7.5.06		Bảng kiểm kê quỹ hàng tháng năm 2017, 2018, 2019 (Lưu tại phòng Tài vụ)	x		
584.				7.2.03	Kết luận thanh tra của Sở Tài chính năm 2017 (Lưu tại phòng Tài vụ)	x		
585.				7.4.02	Biên bản kiểm toán năm 2017, 2018 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
586.				1.4.09	Biên bản Hội nghị CBVC năm 2017, 2018, 2019	x		
587.				1.12.05	Báo cáo công khai tài chính năm 2017, 2018, 2019	x		
588.		6		1.2.07	Báo cáo tổng kết năm học, phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm học tiếp theo của trường NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
589.				1.11.11	Biên bản họp thanh tra nhân dân năm 2017, 2018, 2019	x		
590.				7.3.02	Biên bản thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính năm 2017, 2018, 2019 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
591.				1.2.08	Nghị quyết Hội nghị CBVC năm 2017, 2018, 2019	x		
592.				7.2.01	Báo cáo quyết toán tài chính năm 2017, 2018, 2019 - Lưu tại phòng Tài vụ	x		
593.	8	1	8.1.01		KH/ Quy chế đầu năm		x	
594.			8.1.02		Sổ tay sinh viên	x		
595.			8.1.03		Bản cam kết của HSSV	x		
596.			8.1.04		Phiếu thăm dò ý kiến của HSSV và GV về việc CC thông tin cho người học hàng năm	x		
597.		2		1.12. 10	QĐ miễn giảm học phí năm 2017-2020	x		
598.			8.2.01		QĐ cấp học bổng theo DS	x		
599.			8.2.02		Danh sách HSSV nhận học bổng của các đơn vị tài trợ	x		
600.			8.2.03		Danh sách HSSV đối tượng chính sách được miễn phí ở KTX	x		
601.			8.2.04		Danh sách HSSV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn ngân hàng	x		
602.		3		1.12.09	Quy chế chi tiêu nội bộ			

603.			2.12.02	Quy chế học sinh sinh viên			
604.		8.3.01		Quyết định về việc khen thưởng cho HSSV từ năm 2017 - 2019.	x		
605.		8.3.02		Quyết định, danh sách sinh viên được khen thưởng, Hội thi tay nghề trẻ thành phố Hải Phòng	x		
606.	4		1.10.04 1.10.05 1.10.06 1.10.07 1.10.08 1.10.10	Các kế hoạch và báo cáo hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ	x		
607.			3.4.09	Báo cáo tổng kết hàng năm của trường	x		
608.	5		5.3.01	Hồ sơ thiết kế các công trình (trong đó có KTX)	x		
609.		8.5.01		Danh sách HSSV ở ký túc xá	x		
610.		8.5.02		Đánh giá, báo cáo hoạt động ký túc xá	x		
611.			5.3.01	Hồ sơ thiết kế các công trình (trong đó có phòng y tế)	x		
612.	6	8.6.01		Văn bằng cán bộ y tế	x		
613.		8.6.02		Danh mục thiết bị y tế	x		
614.		8.6.03		Qui định tổ chức hoạt động của phòng y tế	x		
615.		8.6.04		Báo cáo, đánh giá dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe HSSV	x		
616.		8.6.05		Hợp đồng nhà ăn	x		
617.		8.6.06		Nội quy nhà ăn	x		
618.			5.3.01	Hồ sơ thiết kế xây dựng các công trình (trong đó có nhà ăn)	x		
619.		8.6.07		Giấy cam kết bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm	x		
620.		8.6.08		Báo cáo, đánh giá dịch vụ nhà ăn	x		
621.	7	8.7.01		Kế hoạch tham gia Hội thi tay nghề các cấp kèm theo Danh sách HSSV dự thi	x		
622.		8.7.02		Kế hoạch tổ chức hội diễn văn nghệ hàng năm	x		

623.			8.7.03		Kế hoạch tổ chức thi đấu thể dục thể thao kèm theo cờ, cúp lưu niệm, giấy khen các loại	x		
624.			8.7.04		Kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự trong nhà trường	x		
625.			8.7.05		Phương án bảo vệ	x		
626.			8.7.06		Quy chế quản lý ký túc xá	x		
627.			8.7.07		Báo cáo đánh giá về tình hình an toàn trong khuôn viên trường hàng năm	x		
628.			8.7.08		Phiếu thăm dò ý kiến của HSSV, cựu HSSV2	x		
629.		8	8.8.01		Kế hoạch tổ chức lễ tốt nghiệp hàng năm (trong đó có nội dung tư vấn việc làm sau đào tạo)	x		
630.				1.1.03	Thông báo tuyển dụng của các Doanh nghiệp	x		
631.			8.8.02		Kế hoạch Tổ chức Hội thảo việc làm kèm theo hình ảnh	x		
632.			8.8.03		Chương trình phỏng vấn tuyển dụng HSSV của các Doanh nghiệp	x		
633.			8.8.04		Danh sách HSSV tốt nghiệp được Nhà trường tư vấn việc làm gửi các Doanh nghiệp	x		
634.		9	8.9.01		Kế hoạch tham gia Hội chợ việc làm tại Công ty Kyocera năm 2018	x		
635.			8.9.02		Kế hoạch tham gia Hội chợ việc làm tại trường ĐH Hàng Hải năm 2019	x		
636.			8.9.03		Kế hoạch tham gia Sàn giao dịch việc làm thành phố Hải Phòng năm 2020	x		
637.	9	1		8.7.08	Kế hoạch khảo sát mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại Doanh nghiệp (kèm theo Phiếu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát năm 2017, 2018, 2019)	x		
638.		2	9.2.01		- Kế hoạch khảo sát cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động	x		

					- Phiếu khảo sát - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2017, 2018, 2019			
639.		3	9.3.01		Kế hoạch khảo sát đại diện HSSV các ngành nghề về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. - Phiếu khảo sát - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2017, 2018, 2019	x		
640.		4	9.4.01		Kế hoạch kiểm định chất lượng 2017, 2018, 2019	x		
641.			9.4.02		Báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng năm 2017, 2018, 2019	x		
642.		5	9.5.01		Kế hoạch nâng cao chất lượng năm 2017, 2018, 2019	x		
643.			9.5.02		Báo cáo kết quả nâng cao chất lượng từ năm 2017, 2018, 2019	x		
644.		6	9.6.01		- Quyết định công nhận tốt nghiệp - Danh sách HSSV tốt nghiệp năm 2017, 2018, 2019;	x		
645.			9.6.01		- Kế hoạch khảo sát lần vết. - Phiếu khảo sát - Báo cáo kết quả khảo sát lần vết từ năm 2017, 2018, 2019	x		

2. Kiểm tra minh chứng do Đoàn đánh giá ngoài yêu cầu Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bổ sung

ST T	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Tên minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá hợp lệ hoặc không hợp lệ...)
					Hợp lệ	Không hợp lệ	
1.	1	1	BS 1.1.01	Quyết định thành lập Trường số 615/QĐ-BLĐ TBXH ngày 11/5//2007	x		
2.			BS 1.1.02	Quyết định số 132/QĐ-SCT về việc ban hành “Điều lệ Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hải Phòng”	x		
3.			BS 1.1.03	Quyết định số 1149/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 về việc “Đổi tên Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hải Phòng”	x		
4.		2	BS 1.2.01	Quy hoạch Phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011-2020	x		
5.			BS 1.2.02	Báo cáo dự báo nguồn nhân lực thành phố Hải Phòng năm 2017, 2018, 2019	x		
6.		4	BS 1.4.01	Kế hoạch rà soát văn bản quy định về tổ chức và quản lý Trường; Quyết định số 15/KH-CĐCN ngày 06/02/2017; Quyết định số 24/KH-CĐCN ngày 30/02/2018; Quyết định số 18/KH-CĐCN ngày 15/4/2019	x		
7.		5	BS 1.5.01	Quyết định số 297/QĐ-CĐCN ngày 6/7/2018; Quyết định số 298/QĐ-CĐCN ngày 19/7/2019; Quyết định số 298/QĐ-CĐCN ngày 02/10/2020; V/v Công nhận danh hiệu thi đua năm học: 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020	x		
8.		6	BS 1.6.01	Các quyết định thành lập Hội đồng Khoa: Quyết định số 332QĐ-CĐCN ngày 5/8/2017 thành lập Hội đồng khoa Điện tử; Quyết định số 333QĐ-CĐCN ngày 5/8/2017 Thành lập Hội đồng khoa Cơ bản;	x		

				Quyết định số 335QĐ-CĐCN ngày 5/8/2017 thành lập Hội đồng khoa Điện; Quyết định số 336 QĐ-CĐCN ngày 5/8/2017 thành lập Hội đồng khoa Điện tử; Quyết định số 337 QĐ-CĐCN ngày 5/8/2017 thành lập Hội đồng khoa Cơ khí			
9.	2	1	BS 2.1.01	Danh sách thống kê các ngành nghề đào tạo hàng năm	x		
10.		1	BS 2.1.02	Danh sách chương trình đào tạo kèm theo chuẩn đầu ra năm năm 2017, năm 2019.	x		
11.		1	BS 2.1.03	Các biên bản họp xây dựng chuẩn đầu ra	x		
12.		1	BS 2.1.04	Quyết định ban hành chuẩn đầu ra năm 2017, năm 2019.	x		
13.		1	BS 2.1.05	Phiếu khảo sát ý kiến của HSSV; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020	x		
14.		3	BS 2.3.01	Kế hoạch tuyển sinh các năm 2018, 2019, 2020	x		
15.		3	BS 2.3.02	Biên bản họp hội đồng tuyển sinh về xét tuyển HSSV các năm 2018, 2019, 2020	x		
16.		3	BS 2.3.03	Mẫu giấy báo trúng tuyển và nhập học	x		
17.		3	BS 2.3.04	Báo cáo kết quả tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, báo cáo kết quả tốt nghiệp và giải quyết việc làm, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, báo cáo số lượng các khóa học trình độ Cao đẳng, báo cáo đào tạo liên thông Cao đẳng năm 2018, 2019,2020	x		
18.		3	BS 2.3.05	Quyết định thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh các năm 2018, 2019, 2020	x		
19.		3	BS 2.3.06	Báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh các năm 2018, 2019, 2020	x		
20.		3	BS 2.3.07	Các báo cáo khảo sát các bên liên quan các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	x		
21.		5	BS 2.5.01	Thông báo điều chỉnh kế hoạch, tiến độ đào tạo năm học 2019-2020 do Covid-19	x		

22.		5	BS 2.5.02	Báo cáo thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020	x		
23.		6	BS 2.6.01	Quy định về hoạt động thanh tra đào tạo trong trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
24.		6	BS 2.6.02	Quy định về hoạt động thanh tra đào tạo trong trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng	x		
25.		6	BS 2.6.03	Báo cáo thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020	x		
26.		7	BS 2.7.01	Biên bản kiểm tra hồ sơ giáo viên các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020	x		
27.		7	BS 2.7.02	Phiếu nhận xét sinh viên của đơn vị thực tập tại công ty TNHH chế tạo máy EBA	x		
28.		7	BS 2.7.03	Báo cáo của nhà giáo quản lý đoàn thực tập về việc quản lý sinh viên đi thực tập/ trải nghiệm năm 2018, năm 2020	x		
29.		8		Biên bản kiểm tra hồ sơ giáo viên các năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020	x		
30.		8	BS 2.8.01	Kế hoạch dự giờ giáo viên các năm học	x		
31.		8	BS 2.8.02	Biên bản và phiếu dự giờ đánh giá tiết giảng	x		
32.			BS 2.8.03	Kế hoạch hội giảng cấp trường	x		
33.		8	BS 2.8.04	Quyết định hội đồng giám khảo và ban thư ký hội giảng cấp trường	x		
34.			BS 2.8.05	Biên bản họp hội đồng giám khảo và ban thư ký hội giảng cấp trường	x		
35.		8	BS 2.8.06	Quyết định công nhận giáo viên giỏi cấp trường	x		
36.		8	BS 2.8.07	Báo cáo tổng kết Hội giảng các năm học	x		
37.		8	BS 2.8.08	Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về phương pháp, phương thức đào tạo	x		
38.		8	BS 2.8.09	Báo cáo kết quả khảo sát học sinh, sinh viên về phương pháp, phương thức đào tạo	x		

39.		8		Các báo cáo khảo sát các bên liên quan các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020			
40.		9	BS 2.9.01	Hướng dẫn sử dụng phần mềm EDUMAN	x		
41.		9	BS 2.9.02	Bảng tổng số môn học mô-đun chuyên ngành các nghề/ số môn học, mô-đun ứng dụng phần mềm mô phỏng + Hình ảnh giao diện các phần mềm mô phỏng	x		
42.		9	BS 2.9.03	Công văn chỉ đạo các khoa về việc sử dụng các phần mềm mô phỏng trong dạy và học	x		
43.		10	BS 2.10.01	Quyết định thành lập tổ thanh tra hoạt động đào tạo.	x		
44.		10	BS 2.10.02	Kế hoạch thanh tra hoạt động đào tạo các năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020.	x		
45.		10	BS 2.10.03	Biên bản kiểm tra thực hiện hoạt động dạy và học các năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020.	x		
46.		10	BS 2.10.04	Báo cáo kết quả của tổ thanh tra hoạt động đào tạo của năm học 2017-2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2018-2019; Báo cáo kết quả của tổ thanh tra hoạt động đào tạo của năm học 2018-2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2019-2020	x		
47.		11		Báo cáo kết quả của tổ thanh tra hoạt động đào tạo của năm học 2017-2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2018-2019; Báo cáo kết quả của tổ thanh tra hoạt động đào tạo của năm học 2018-2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2019-2020			
48.		11	BS 2.11.01	Các báo cáo tổng kết năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; báo cáo hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; Các kết luận cuộc họp giao ban lãnh đạo hàng tháng, các năm từ 2017 đến 2020			
49.		11		Các báo cáo khảo sát các bên liên quan các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020			

50.		12	BS 2.12.01	Quy trình quản lý cấp văn bằng, chứng chỉ của trường			
51.		13		Danh sách thống kê các ngành nghề đào tạo hàng năm			
52.		13		Phiếu nhận xét sinh viên của đơn vị thực tập tại công ty TNHH chế tạo máy EBA			
53.		13		Báo cáo của nhà giáo quản lý đoàn thực tập về việc quản lý sinh viên đi thực tập/ trải nghiệm năm 2018, năm 2020			
54.		14	BS 2.14.01	Các Quyết định thành lập hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho HSSV năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020			
55.		14	BS 2.14.02	Các biên bản họp xét rèn luyện cho HSSV hàng năm + danh sách năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020			
56.		14	BS 2.14.03	Các biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp kèm theo danh sách xét công nhận tốt nghiệp năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020			
57.		14	BS 2.14.04	Các Quyết định công nhận tốt nghiệp kèm theo danh sách HSSV tốt nghiệp năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020			
58.		14	BS 2.14.05	Quy trình quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ			
59.		14	BS 2.14.06	Sổ quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ 2017 đến 2020			
60.		14	BS 2.14.07	Báo cáo về quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ			
61.		15	BS 2.15.01	Các thông báo về việc rà soát các văn bản quy định về tổ chức, quản lý và điều hành			
62.		15	BS 2.15.02	Các kết luận họp giao ban tháng			
63.		15		Quy trình quản lý cấp văn bằng, chứng chỉ của trường			

64.		15		Các báo cáo tổng kết năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; báo cáo hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; Các kết luận cuộc họp giao ban lãnh đạo hàng tháng, các năm từ 2017 đến 2020			
65.		16	BS 2.16.01	Quyết định số 413/QĐ-CĐCN ngày 22/10/2019 về việc học liên thông trình độ trung cấp lên trình độ Cao đẳng			
66.		116	BS 2.16.02	Kế hoạch đào tạo lớp Cao đẳng điện công nghiệp 11B			
67.		16	BS 2.16.03	Quyết định công nhận bảo lưu kết quả các môn học mô-đun đã học của chương trình trung cấp cho 02 sinh viên			
68.		16		Báo cáo kết quả tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, báo cáo kết quả tốt nghiệp và giải quyết việc làm, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, báo cáo số lượng các khóa học trình độ Cao đẳng, báo cáo đào tạo liên thông Cao đẳng năm 2018, 2019, 2020			
69.		16		Các báo cáo tổng kết năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; báo cáo hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020; Các kết luận cuộc họp giao ban lãnh đạo hàng tháng, các năm từ 2017 đến 2020			
70.				Các báo cáo khảo sát các bên liên quan các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020			
71.		17		Hướng dẫn sử dụng phần mềm EDUMAN			
72.		17	BS 2.17.01	Thông tin mô tả các hệ thống cơ sở dữ liệu của Trường theo từng nội dung			
73.		17		Các báo cáo khảo sát các bên liên quan các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020			
74.	3	1	BS 3.1.01	Đề án vị trí việc làm			
75.		8	BS 3.8.01	các kế hoạch cá nhân đề nghị được đào tạo bồi dưỡng; Tổng hợp danh sách dự kiến đào tạo bồi dưỡng hàng năm của trường ghép trong minh chứng 3.8.01			

76.			BS 3.8.02	Các báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng			
77.		15	BS 3.15.01	Báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng của đội ngũ viên chức, người lao động Nhà trường; chứng nhân			
78.	4	2	BS 4.2.01	Các kế hoạch xây dựng/ rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các năm			
79.			BS 4.2.02	Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ liên thông			
80.	4	6	BS 4.6.01	Văn bản số số 3603/ĐHHP - ĐH ngày 25/12/2020 với Đại học Hải Phòng về việc xác nhận chương trình đào tạo Cao đẳng nghề Điện công nghiệp để liên thông với trình độ đại học			
81.		9	BS 4.9.01	Quyết định số 526/QĐ- CĐCNHP về việc phê duyệt và ban hành quy định đào tạo liên thông			
82.			BS 4.9.02	Danh mục các môn học/mô-đun không phải học khi học liên thông các chương trình đào tạo			
83.		11	BS 4.11.01	Các kế hoạch biên soạn/ và thẩm định giáo trình đào tạo năm 2018, 2019			
84.			BS 4.11.02	Quyết định thành lập các Ban biên soạn giáo trình đào tạo			
85.			BS 4.11.03	Các biên bản họp thẩm định giáo trình			
86.			BS 4.11.04	Các tờ trình đề nghị nghiệm thu, ban hành giáo trình của Hội đồng thẩm định			
87.		12	BS 4.12.01	Kế hoạch khảo sát			
88.			BS 4.12.02	Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến; Các phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến 2018, 2019, 2020			

89.		14	BS 4.14.01	Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến			
90.		15	BS 4.15.01	Bộ hồ sơ chỉnh sửa giáo trình năm 2019			
91.	5	1	BS 5.1.01	Phiếu kết quả thử nghiệm không khí, nước thải			
92.			BS 5.1.02	Hồ sơ thiết kế thi công trạm biến áp			
93.			BS 5.1.03	Hợp đồng số 127/2019/HĐ quản lý vận hành trạm biến áp (TBA) giữa Trường và Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực An Dương			
94.		2	BS 5.2.01	Các Quyết định giao đất của UBND thành phố Hải Phòng và Quy hoạch kiến trúc tổng mặt bằng Trường tỷ lệ 1:500 của Sở Công nghiệp Hải Phòng			
95.			BS 5.2.02	Mặt bằng bố trí cây xanh, thảm cỏ và Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và quyết toán kinh phí trồng cây xanh thảm cỏ, trang trí bồn cây			
96.		4	BS 5.4.01	Hóa đơn thu tiền rác hàng tháng			
97.			BS 5.4.02	Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng lắp đặt thiết bị PCCC			
98.			BS 5.4.03	Kết quả đo điện trở tiếp đất các khu nhà tại trường Cao đẳng Công nghiệp Hải phòng số 05.03/KQTĐ-PCCC			
99.			BS 5.4.04	Hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc giữa Trường và Công ty VNI			
100.			BS 5.4.05	Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH			
101.			BS 5.4.06	Hướng dẫn sử dụng và kiểm tra định kỳ hệ thống báo cháy và chữa cháy			
102.		9	BS 5.9.01	Hình ảnh các xưởng/phòng thực hành			
103.			BS 5.9.02	Quy trình vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định			

104.		11	BS 5.11.01	Quyết định giao quản lý sử dụng tài sản thuộc chương trình mục tiêu giáo dục việc làm hàng năm			
105.			BS 5.11.02	Biên bản xác định tình trạng kỹ thuật của tài sản			
106.			BS 5.11.03	Hồ sơ kiểm kê tài sản và hồ sơ thanh lý tài sản hàng năm			
107.		12	BS 5.12.01	Quyết định số 06/QĐ-CĐCN ngày 11/01/2018 ban hành Quy trình mua sắm, cấp phát vật tư phối liệu			
108.			BS 5.14.01	Phân công nhiệm vụ nhân viên phụ trách thư viện			
109.			BS 5.14.02	Biên bản giao nhận danh mục thiết bị thư viện LG tài trợ			
110.		13	BS 5.14.03	Biên bản kiểm tra thiết bị thư viện hàng năm			
111.			BS 5.14.04	Hợp đồng cung ứng phần mềm quản lý thư viện			
112.		15	BS 5.14.04	Hợp đồng cung ứng phần mềm quản lý thư viện			
113.	6	1	BS 6.1.01	Quyết định số 438/QĐ-CĐCNHP về ban hành tiêu chí đánh giá, nghiệm thu, xếp loại đề tài NCKH và mô hình, thiết bị dạy học tự làm			
114.		4	BS 6.4.01	Phiếu đánh giá, nghiệm thu và xếp loại đề tài NCKH			
115.		5	BS 6.5.02	Thư mời trao đổi giáo viên, sinh viên giữa 02 trường, Kế hoạch, Quyết định tham quan, học tập tại Trường Cao đẳng kinh doanh Anabuki tỉnh Kagawa, Nhật Bản			
116.			BS 6.5.03	Các văn bản đồng ý về tổ chức hội thảo quốc tế của Sở Ngoại vụ Hải Phòng, Chương trình, Báo cáo kết quả Hội thảo quốc tế			
117.			BS 6.5.04	Thư mời trao đổi giáo viên, sinh viên giữa 02 trường, Kế hoạch, Quyết định tham quan, học tập tại Trường Cao đẳng kinh doanh Anabuki tỉnh Kagawa, Nhật Bản			

118.			BS 6.5.05	Các văn bản đồng ý về tổ chức hội thảo quốc tế của Sở Ngoại vụ Hải Phòng, Chương trình, Báo cáo kết quả Hội thảo quốc tế			
119.			BS 6.5.06	Bản thỏa thuận giữa Trường CĐCN Hải Phòng và Văn phòng đại diện tổ chức World Vision International tại Việt Nam			
120.	8	1	BS 8.1.01	Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa các năm 2017, 2018, 2019			
121.			BS 8.1.02	quyết định 325/QĐ-CĐCN ngày 15/7/2016 “Thực hiện thông tư liên tịch Hướng dẫn việc thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm 2020-2021 đối với học sinh sinh viên”			
122.			BS 8.1.03	Báo cáo số: 350/BC-CĐCN ngày 25/8/2017 “Kết quả học quy chế năm học 2017-2018”; Báo cáo số: 353/BC-CĐCN ngày 21/8/2018 “Kết quả học quy chế năm học 2018-2019”; Báo cáo số: 351/BC-CĐCN ngày 28/8/2019 “Kết quả học quy chế năm học 2019-2020”			
123.			BS 8.1.01	Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa các năm 2017, 2018, 2019			
124.		4	BS 8.4.01	Thông báo về việc Hợp Ban cán sự lớp các năm 2018; 2019; 2020			
125.		7	BS 8.7.01	Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ			
126.		8	BS 28.03	Báo cáo của nhà giáo quản lý đoàn thực tập về việc quản lý sinh viên đi thực tập/ trải nghiệm năm 2018, năm 2020			
127.		9	BS 8.9.01	Báo cáo kết quả Hội chợ việc làm tại Công ty Kyocera			
128.			BS 8.9.02	Báo cáo kết quả Tham gia Hội chợ việc làm tại trường Đại học Hàng Hải năm 2018-2019			
129.	9	4	BS 9.4.01	Báo cáo thực hiện tự đánh giá chất lượng năm 2018, 2019			
130.			BS 9.4.02	Thông báo công khai kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN Nhà trường năm 2018, 2019, 2020			
131.			BS 4.9.03	Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng năm 2018, 2019, 2020			
132.			BS 9.4.04	Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng các đơn vị năm 2018, 2019, 2020			

Phụ lục 2. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ NGOÀI

1.	Tên Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Trường cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng
2.	Cơ quan chủ quản	UBND Thành phố Hải Phòng
3.	Loại hình (công lập/tư thực)	Công lập
4.	Địa chỉ trụ sở chính	Số 187, Đại lộ Tôn Đức Thắng, Xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
5.	Các phân hiệu/cơ sở đào tạo	
6.	Năm thành lập	1961
7.	Năm được nâng cấp thành trường cao đẳng	2007
8.	Số lượng người học theo trình độ đào tạo tại thời điểm được đánh giá ngoài	
	Sơ cấp	09
	Trung cấp	219
	Cao đẳng	387
9.	Số cán bộ, nhà giáo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại thời điểm được đánh giá ngoài	- Cơ hữu: - Thỉnh giảng:

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ
TƯ VẤN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Số: 99/QĐ-KĐGDVN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn đánh giá ngoài chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp
tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ Quy định về kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty cổ phần kiểm định và tư vấn giáo dục Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần ngày 19/08/2019 của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh. Mã số doanh nghiệp: 0315856517;

Căn cứ Giấy chứng nhận số 01/GCN-LĐTBXH ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chứng nhận có đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kiểm định;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn đánh giá ngoài chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là Đoàn đánh giá ngoài) tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng năm 2020. (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Đoàn đánh giá ngoài có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ.


Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Đoàn đánh giá ngoài do Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam chi trả.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đoàn đánh giá ngoài tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 5. Đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*TK*

Nơi nhận:

- Tổng cục GDNN (báo cáo);
- Sở LĐ TBXH Hải Phòng (báo cáo);
- Giám đốc
- Như Điều 5;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trần Nghĩa

Danh sách

Thành viên Đoàn đánh giá ngoài chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số: 99/QĐ-KĐGDVN ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam)

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đánh giá ngoài: Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng;
2. Địa chỉ: 187 Tôn Đức Thắng, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Hải Phòng;
3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng
4. Thời gian khảo sát thực tế: 07 ngày, từ ngày 20 đến ngày 26 tháng 12 năm 2020;
5. Danh sách thành viên Đoàn đánh giá ngoài:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Trách nhiệm trong Đoàn
1.	ThS. Trần Việt Hùng	Nguyên HT	Trường CĐN Yên Bái	ThS. Tự động hóa	Trưởng đoàn
2.	TS. Chu Bá Chín	Phó HT	Trường CĐ Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh	CN. Tin học, CN. Sinh – Hóa + TS. Quản lý giáo dục	Thư ký
3.	ThS. Phan Thị Hoài Thu	Phó TP KĐ và Đối ngoại	Trường CĐ GTVT TW II	ThS. Quản trị kinh doanh	Thành viên
4.	ThS. Trần Thị Thạch	GĐ TTĐTLX CĐCN Quảng Nam.	Trường CĐ CN Quảng Nam	ThS. Công nghệ thông tin	Thành viên
5.	KS. Nguyễn Văn Trung	TP KT & ĐBCL	Trường CĐN Đà Nẵng	KS. Cơ khí chế tạo máy	Thành viên

Danh sách bao gồm: 05 Thành viên